

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHÚ GIẢI  
KINH THỂ ĐẠO  
THIÊN VÂN  
HIỀN TÀI | QUÁCH VĂN HÒA

THÁNG 5 NĂM 2012

---

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIÊN TÀI QUÁCH VĂN HÒA, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 10/05/2012

Tâm Nguyên

---

CHÚ GIẢI  
**KINH THỂ ĐẠO**

Soạn Giả: HIÊN TÀI QUÁCH VĂN HÒA

---

---

## Mục Lục

KINH THẾ ĐẠO.....	11
CHƯƠNG THỨ NHỨT .....	15
KINH THUYẾT PHÁP (1) .....	15
I.-KINH VĂN:.....	15
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA: .....	15
III.-CHÚ GIẢI: .....	17
CHƯƠNG THỨ NHÌ.....	33
KINH NHẬP HỘI.....	33
I.-KINH VĂN:.....	33
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA: .....	34
III.-CHÚ GIẢI: .....	34
CHƯƠNG THỨ BA .....	53
KINH XUẤT HỘI .....	53
I.-KINH VĂN:.....	53
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA: .....	53
III.-CHÚ GIẢI: .....	54
CHƯƠNG THỨ TƯ.....	63
KINH RA ĐI ĐƯỜNG .....	63
I.-KINH VĂN:.....	63
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA: .....	63
III.-CHÚ GIẢI:.....	66
CHƯƠNG THỨ NĂM.....	75
KINH KHIVỀ.....	75

---

I.-KINH VĂN:.....	75
II.-CHÚ GIẢI:.....	75
<b>CHƯƠNG THỨ SÁU.....</b>	<b>85</b>
<b>KINH KHI ĐINGŨ.....</b>	<b>85</b>
I.-KINH VĂN:.....	85
II.-CHÚ GIẢI:.....	85
<b>CHƯƠNG THỨ BẢY.....</b>	<b>91</b>
<b>KINH KHI THỨC DẬY.....</b>	<b>91</b>
I.-KINH VĂN:.....	91
II.-CHÚ GIẢI:.....	91
<b>CHƯƠNG THỨ TÁM.....</b>	<b>99</b>
<b>KINH VÀO HỌC.....</b>	<b>99</b>
I.-KINH VĂN:.....	99
II.-CHÚ GIẢI:.....	99
<b>CHƯƠNG THỨ CHÍN.....</b>	<b>111</b>
<b>KINH VÀO ĂN CƠM.....</b>	<b>111</b>
I.-KINH VĂN:.....	111
II.-CHÚ GIẢI:.....	111
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI.....</b>	<b>117</b>
<b>KINH KHI ĂN CƠM RỒI.....</b>	<b>117</b>
I.-KINH VĂN:.....	117
II.-CHÚ GIẢI:.....	117
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT.....</b>	<b>121</b>
<b>KINH HÔN PHỐI.....</b>	<b>121</b>
I.-KINH VĂN:.....	121
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	121
III.-CHÚ GIẢI:.....	123
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI.....</b>	<b>137</b>

---

---

<b>KINH TỤNG KHI VUA THĂNG HÀ.....</b>	<b>137</b>
I.-KINH VĂN:.....	137
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	138
III.-CHÚ GIẢI:.....	140
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA.....</b>	<b>153</b>
<b>KINH TỤNG CHO THẦY QUI VỊ.....</b>	<b>153</b>
I.-KINH VĂN:.....	153
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	153
III.-CHÚ GIẢI:.....	155
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN.....</b>	<b>163</b>
<b>KINH CẦU TỔ PHỤ ĐÃ QUI LIỄU.....</b>	<b>163</b>
I.-KINH VĂN:.....	163
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	164
III.-CHÚ GIẢI:.....	166
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM.....</b>	<b>179</b>
<b>KINH TỤNG CHA MẸ ĐÃ QUI LIỄU.....</b>	<b>179</b>
I.-KINH VĂN:.....	179
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	180
III.-CHÚ GIẢI:.....	182
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU.....</b>	<b>201</b>
<b>KINH CẦU BÀ CON THÂN BẰNG CỔ HỮU ĐÃ QUI LIỄU.....</b>	<b>201</b>
I.-KINH VĂN:.....	201
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	202
III.-CHÚ GIẢI:.....	204
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY.....</b>	<b>219</b>
<b>KINH TỤNG HUYNH ĐỆ MÃN PHẦN.....</b>	<b>219</b>
I.-KINH VĂN:.....	219
II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	220

---

---

III.–CHÚ GIẢI:.....	221
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM.....</b>	<b>231</b>
<b>KINH TỤNG KHI CHỒNG QUI VỊ.....</b>	<b>231</b>
I.–KINH VĂN:.....	231
II.–NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	232
III.–CHÚ GIẢI:.....	233
<b>CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN.....</b>	<b>245</b>
<b>KINH TỤNG KHI VỢ QUI LIỄU.....</b>	<b>245</b>
I.–KINH VĂN:.....	245
II.–NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:.....	246
III.–CHÚ GIẢI:.....	248





**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**

---

---

## KINH THẾ ĐẠO

Trải qua hai thời kỳ Phổ độ, Tam Giáo đã truyền lại biết bao nhiêu là Kinh sách quý báu để giác ngộ người đời. Như ta đã biết, Kinh là nền tảng của một triết thuyết hay một Tôn giáo, nên từ ngàn xưa, các vị Giáo chủ của Tam giáo đã đặc lệnh của Đức Chí Tôn, giáng cơ mở Đạo để tùy thời, tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh mà truyền những kinh sách quý báu, hầu khai hóa đạo tâm cho con người, đưa con người đến sự giác ngộ.

Về Nho giáo, Đức Không Thánh đã để lại một kho kinh sách quý giá như Tứ Thư, Ngũ Kinh, sau này các hàng Đệ tử và hậu Nho tiếp tục xiển dương hệ thống triết lý đó làm nền tảng về nhân sinh, đạo đức và phong tục cho xã hội con người Á Đông, mà hơn hai nghìn năm nay con người vẫn còn sùng thượng.

Về Lão giáo, từ hai quyển “*Đạo Đức Kinh*” của Lão Tử và “*Nam Hoa Kinh*” của Trang Tử làm cơ sở cho triết lý “*Vô vi*”, đến thời nhà Tống các nhà Nho đem lý thuyết Vô vi của Lão Trang phối hợp với Dịch Lý của Nho mà tạo thành một phong trào “*Huyền học*” hay “*Lý học*”. Phong trào này có công lớn trong việc phát triển học thuyết Lão Trang đến chỗ phổ biến nhất vào đời Ngụy, Tấn, Lục Triều...Lão giáo được thành hình sau đó để hướng con người về với Đạo là thuận lẽ thiên nhiên vô vi tự tại. Vì vậy, thuyết Vô vi của phái Đạo Gia đã ảnh hưởng không nhỏ về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan qua con người

Việt Nam ta từ ngày xưa cho đến bây giờ.

Về Phật giáo, sau khi Đức Phật thành Đạo, Ngài đã đem điều chứng đắc để giác ngộ chúng sinh tìm về bản thể chơn như, hầu đưa chúng sanh theo con đường giải thoát. Đến khi Phật nhập diệt, các vị đệ tử mới đem những lời dạy của Ngài kết tập lại thành Tam Tạng Kinh. Từ đó, Kinh sách của Phật được phổ truyền theo muôn đường vạn nẻo để đem cái Giáo Pháp cao siêu của Đức Phật mà giác ngộ chúng sinh trong tam đồ, lục đạo.

Đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, Nhơn loại càng ngày càng đánh mất điểm thiên lương, nên tập nhiễm lợi danh, vật chất, tranh đấu giành giựt lẫn nhau, tương tàn tương sát vì chén cơm manh áo, vì quyền tước lợi danh, khiến phải chịu nhiều nỗi điều linh, thống khổ.

Đã hai lần phổ độ mà sanh chúng vẫn bị mê mờ, mãi chìm sâu trong luân hồi biến khổ, nên lần này, Đức Chí Tôn không giáng Chơn linh, mà dùng huyền diệu cơ bút khai sáng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập nên Chánh pháp Cao Đài, có tôn chỉ qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, tức là nhìn nhận các Tôn giáo từ một nguồn gốc mà sinh ra: Đó là **Thượng Đế**. Vì vậy, sau ngày khai Đại Đạo, Hội thánh được lệnh Ôn Trên dạy thỉnh Kinh nơi Phật Giáo hay các chi Minh Sư, Minh Lý...về tụng niệm.

Mãi đến năm 1935, tức là gần mười năm khai Đạo, các Đấng Thiêng Liêng mới giáng cơ ban cho **Tân Kinh**. *Ấy là một giọt nước Cam Lộ của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đấng Linh hồn của toàn thế giới.* <sup>(1)</sup>

Quyển Tân Kinh do Hội Thánh ban hành được chia làm hai phần: **Kinh Thiên Đạo** và **Kinh Thế Đạo**.

---

Những bài kinh Thiên Đạo được tụng trong các thời cúng tại Thánh thất hay tư gia nhằm xưng tụng công đức của các Đấng Thiêng Liêng và các bài kinh siêu độ các Chơn linh của những người quá cố.

Còn các bài kinh Thế Đạo là những bài Kinh như Thuyết pháp, Nhập hội, Hôn phối...ngoài ra còn các bài Kinh dạy về nhơn luân và đạo đức cho con người, tức là những bài Kinh có nội dung tỏ cái ơn nghĩa và tình cảm của chúng ta đối với người quá cố: Vua, thầy, tổ phụ, cha mẹ...

Tất cả Kinh Thế Đạo gồm 19 bài (trừ bài Kinh Cứu Khổ), trong đó có:

\*Mười bài Kinh do Đức Hộ Pháp đặt ra, có cầu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn chính văn lại. Mười bài Kinh đó là:

- 1.- Kinh Thuyết Pháp.
- 2.- Kinh Nhập Hội.
- 3.- Kinh xuất Hội
- 4.- Kinh Đi Ra Đường.
- 5.- Kinh Khi Về.
- 6.- Kinh Khi Đi Ngủ.
- 7.- Kinh Khi Thức Dậy.
- 8.- Kinh Vào Học.
- 9.- Kinh Vào Ăn Cơm.
- 10.- Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.

\*Một bài do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho, đó là:

11.- Kinh Hôn Phối.

Và tám bài Kinh cúng tế trong tang lễ, do Bà Đoàn Thị Điểm giảng cơ ban cho và bài Kinh Cứu Khổ:

12.- Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

13.- Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

14.- Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

15.- Kinh Cứu Khổ. <sup>(1)</sup>

16.- Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

17.- Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu.

18.- Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần.

19.- Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

20.- Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

---

<sup>(1)</sup> Trích lời tựa của Hội Thánh trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.

<sup>(2)</sup> Bài Tựa của Hội Thánh trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.

## CHƯƠNG THỨ NHỨT

### KINH THUYẾT PHÁP (1)

#### I.-KINH VĂN

*Trường phổ tế khó khăn lắm nỗi,  
Cây Thánh tâm sửa đổi tánh phàm.  
Điù đời với sức không kham,  
Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.  
Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,  
Trợ giúp con đặng lập nên công.  
Muốn cho thiên hạ đại đồng.  
Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.  
Nguyện lời nói biến hình bác ái,  
Nguyện chí thành sửa máy tà gian.  
Nguyện cho khí tịnh thần an,  
Nguyện xin thánh giả hiểu đàng chơn tu.  
Nguyện các Đấng đương châu Bạch Ngọc,  
Giúp thông minh lâu thuộc văn từ.  
Cảm quang diêu động tâm tu,  
Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô.*

#### II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Kinh Thuyết Pháp do Đức Hộ Pháp đặt ra, có câu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ chính văn lại.

Kinh Thuyết Pháp dùng để vị chức sắc thuyết pháp và đồng nhi tụng đọc trong một đàn thuyết giảng giáo lý

cho các tín đồ nghe và học hỏi.

Thuyết pháp còn được gọi là thuyết đạo hay thuyết giảng giáo lý. Giáo lý của một tôn giáo được hiểu như là một phương tiện hướng dẫn thực tập của chư tín đồ, tựa như chiếc bè đưa người tu tập qua sông, mà không phải như một chủ thuyết hay một giáo điều triết học.

Sở dĩ con người cứ mãi đau khổ trong cuộc đời này là vì trí huệ thường hằng, thanh tịnh của mình bị vô minh che lấp, nên giáo pháp của Đức Chí Tôn nhằm mục đích đem đến ánh sáng trí huệ để biết chọn con đường giải thoát.

Giáo lý là một Đạo học, nghĩa là không thể dùng trí mà phải dùng cả tâm để hiểu và sống với nó. Thánh giáo Đức Chí Tôn không phải chỉ là một đạo để học, mà phải là cái đạo để hành, để tập với cái điều mình đã hiểu, đã ngộ được.

Chúng ta là người tu học cần phải học hỏi và thực tập một cách khôn khéo, đừng cố chấp để không bị lầm lạc. Trong Kinh Viên giác dạy: Tất cả những giáo lý giảng giải trong Kinh sách đều là ngón tay chỉ mặt trăng. Chân lý coi như mặt trăng, giáo lý ví như ngón tay chỉ về mặt trăng, như thế ngón tay cũng như giáo lý chỉ là những phương tiện mà thôi, chính mặt trăng mới là cứu cánh mà ta cần đạt tới. Đừng lầm ngón tay với mặt trăng, tức là giáo lý với chân lý.

Ngoài ra chúng ta cần nên biết, kẻ hành giả chỉ mượn giáo lý để đưa qua sông mê, khi đã đến bờ giác rồi thì hành giả phải buông bỏ chiếc bè để bước lên giác ngạn. Đó là không chấp pháp.

Người thuyết giảng giáo lý cũng cần lưu tâm một



điều là vào thời Hạ ngưng mặt Pháp, Đức Chí Tôn mở cơ tận độ nên giáo pháp được coi như những mầm giống thiện lương, đem rải khắp cho toàn sanh chúng, mình là người mang những hạt giống đó gieo truyền lại, thì chính mình cũng phải là hạt giống tốt, có thể sinh sôi nảy mầm được. Người thuyết pháp phải học hỏi, tự sửa mình trước rồi mới dạy người như lời Mạnh Tử đã nói: Minh công queo thì không thể nào sửa cho người ngay thẳng được (Uống kỹ giả, vị hữu năng trực nhân giả dã 枉己者, 未有能直人者也). Người thuyết Đạo có được một đức độ và một tinh thần thương yêu sanh chúng thì mới có một khả năng:

*Cảm quang điều động tâm tu,  
Khai cơ giải thoát mở tù Phong độ.*

### III.-CHÚ GIẢI

*Trường phổ tế khó khăn lắm nổi,  
Cây Thánh tâm sửa đổi tánh phàm.*

**Trường** 場: Chỗ nhiều người tụ họp.

**Phổ tế** 普濟: Phổ là rộng, khắp; tế là đưa qua đò, cứu giúp. Phổ tế là cứu giúp tất cả chúng sanh khắp mọi nơi. Phổ tế đồng nghĩa với Phổ độ 普度.

**Trường phổ tế:** Hay cơ quan phổ tế hay cơ quan phổ độ là một cơ quan của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nhiệm vụ phổ hóa chúng sanh, lo phần Đạo của Đạo, hay nói cách khác là đem Đạo vào đời để diu dắt sanh linh nương về với Đạo đặng siêu rỗi tội tình hầu tiến đến phẩm vị trọn lành.

**Khó khăn lắm nổi:** Nhiều nổi khó khăn.

Từ khi khai Đạo, Chí Tôn truyền mở các đàn cơ và thành lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để phổ độ chúng sanh, song việc phổ độ này không được rộng khắp và gặp nhiều nỗi khó khăn như sau:

– Phải làm sao chọn được những vị Chức sắc thực sự phế thân hành Đạo, lãnh nhiệm vụ châu lưu cùng khắp vào chốn thôn quê sần dã để đem chơn lý Đạo mẫu thức tỉnh người đời hồi tâm hướng thiện.

– Phải thuyết phục một số người là con cái Đức Chí Tôn nhưng vì còn yếu ớt đức tin nên còn đứng ngoài vòng cửa Đạo.

– Phải tìm cách giác ngộ một phần đông số người còn đang mê mẩn trong vòng vật chất, mà xem rẻ rúng mỗi Đạo Trời, thành thử vẫn mịt mờ trong tăm tối.

Chính do những nỗi khó khăn đó, Đạo luật năm Mậu Dần 1938 mới thành lập **cơ quan phổ tế** và qui định cho cơ quan này là *dẫn dắt người Đời vào trường học Đạo của Trời cho mau chóng, đặt sớm tâm con đường siêu rỗi cho nơn loại.*

**Cậy:** Nhờ vào, dựa vào, nương vào.

**Thánh tâm** 聖心: Cái tâm chí thánh, cái tâm rất Thiêng liêng, tức là cái tâm thiện lương, chơn chánh.

**Tánh phàm:** Hay phàm tánh 凡性: Cái tánh của kẻ phàm phu, tánh này thường xu hướng theo vật dục, nên có tính hẹp hòi ích kỷ.

**Câu 1:** Trường phổ tế chúng sanh gặp nhiều nỗi khó khăn vất vả.

**Câu 2:** Cậy nhờ vào những bậc có lòng chí thánh để

*sửa đổi tánh phàm tục của con người.*

Tâm của kẻ phàm phu cũng do Trời phú cho, nhưng vì con người phàm phu thường xu hướng theo vật chất, nên tâm bị lôi cuốn theo, khiến cho tâm bị động. Khi tâm động thì phát xuất ra ý, ý mới hiệp với thức của thân ngũ uẩn mà có khuynh hướng dục vọng, đó là đầu mối của vô minh.

Người có Thánh tâm là người biết giữ cho tâm được thanh tịnh, chiêu minh, tức là giữ được bản thể của nó là tánh, do Trời phú cho, trở về với nguồn cội là Đại Linh quang Thượng Đế. Vì thế tâm sẽ trở nên thần minh, làm chủ nhục thân, hành động theo Đạo tự nhiên của Trời đất.

Do vậy, những bậc Thánh tâm là những người có đức hạo sanh như Thượng Đế đầy lòng thương yêu, nên mong muốn sửa đổi cho tất cả chúng sanh những tâm phàm tánh tục trở lại với Thiên tánh.

***Điù đời với sức không kham,  
Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.***

**Điù đời:** Diu dắt người đời.

**Kham** 堪: Chịu được, chịu nổi.

**Quyền** 權: Tạm thay, tạm dùng đỡ.

Nho giáo chủ trương làm việc phải *chấp kinh tòng quyền* 執經從權 nghĩa là vẫn theo đạo thường, nhưng cũng có lúc quyền biến.

Kinh 經 là đạo dùng khi thường, Quyền 權 đạo dùng khi biến.

**Thuyết pháp** 說法: Giảng giải giáo pháp của một

Tôn giáo, bao gồm thuyết giáo lý, thuyết kinh luật, thuyết đạo đức...

**Cơ quan** 機關: Bộ máy quan trọng trong một tổ chức.

**Câu 3:** *Sức dẫn dắt người đời vào của Đạo không thể nào làm nổi.*

**Câu 4:** *Nên phải mượn phương tiện thuyết pháp để làm cơ quan dẫn dắt con người về đường đạo đức.*

Muốn độ một con người trong thời Hạ nguơn này rất nên khó khăn, vì tâm ý mỗi con người mỗi khác nhau. Lại nữa, gặp những người có xu hướng theo vật chất, mãi mê về danh lợi thì có thời giờ đâu mà đọc kinh sách, nên dù có muôn kinh ngàn sách hay, họ cũng không đọc, mà không đọc thì làm sao hiểu được nguyên lý hay giáo pháp để tu hành.

Con người muốn tu thì phải học. Học để biết việc tu. Muốn học thì phải đọc ở các Kinh sách của Tam giáo. Ngoài ra, khi Đạo Cao Đài được khai sáng, thì có những bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ giáo hóa, do Hội Thánh ban hành, nhưng phần nhiều các tín đồ đã nhập môn, không để công tìm hiểu, đến nỗi Thánh giáo Chí Tôn phải than: *“Phần nhiều trong các con chẳng để lòng thờ kính Thầy, tưởng cho đem thờ Thầy vào nhà là chú ý cầu một việc lợi riêng chi cho gia quyến vậy thôi, chớ chẳng hiểu là nguồn trong sạch để rửa các lỗi phạm tục của các con.*

*Nhiều đứa lại còn mờ hồ, đã thờ Thầy mà chưa chắc ý rằng thờ đặng chi, và mở Đạo có ích gì?*

*Than ôi! Đã bước chân vào đường đạo hạnh mà chẳng để công tìm kiếm, học hỏi cho rõ ngọn nguồn, thì làm phận sự môn đệ như thế có ích chi cho nên Thánh giáo đâu?”.*

Do sự lơ đãng việc học hỏi về Kinh sách của chư môn đồ, Thầy đã dạy Hội Thánh mỗi đàn lệ phải thuyết Đạo để nhắc nhở và dìu dẫn chúng sanh về với đường đạo đức. Thánh giáo dạy: “*Các Giáo hữu phải lo lắng về phần thuyết Đạo cho kịp mỗi đàn lệ, phải trích ra một bài Thánh ngôn dạy về đạo đức và đọc cho chúng sanh nghe. Như vậy thì lời Thánh giáo như còn vắng bên tai các môn đệ, để giúp bước đường của chúng nó chẳng sụt sè vậy”.*

***Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,  
Trợ giúp con dựng lập nên công.***

**Đại Từ Phụ** 大慈父: Đấng cha lành. Đấng sinh hóa ra vạn linh, có lòng Đại từ Đại bi thương yêu con cái của Người là chúng sanh: Đó là Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

**Hồng ân** 洪恩: Hồng là to lớn. Hồng ân là ân huệ to lớn do Đức Chí Tôn ban bố cho vạn linh.

**Trợ** 助: Giúp đỡ.

**Câu 5:** Cầu xin Đức Đại Từ Phụ ban bố hồng ân rưới khắp cho toàn chúng sanh.

**Câu 6:** Và giúp cho con được lập nên công nghiệp.

Trong việc tu hành, muốn được giải thoát khỏi kiếp sinh nơi trần lao giả tạm này để về với ngôi xưa vị cũ thì người tu hành phải nhờ vào hai nguồn lực: Tự lực và tha lực. Tự lực là sức mạnh của mình, nhờ vào năng lực của chính mình để đạt đến giải thoát. Tha lực là sức mạnh từ

bên ngoài, hay nương vào sức thiêng liêng của các Đấng để trợ giúp.

Tuy vậy trong ý nghĩa sâu xa hơn, tất cả chúng sanh đều sẵn thiên tánh, nên sự phân biệt tự lực hay tha lực cũng chỉ là phương tiện trong việc tu mà thôi. Nương nhờ tha lực cũng cần đến tự lực, tự lực là điều kiện cần thiết cho việc tu, có quyết tâm, cố gắng mới mong đạt thành như lời Thánh giáo Đức Chí Tôn đã dạy: “*Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bằng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng*”.

*Muốn cho thiên hạ đại đồng.*

*Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.*

**Thiên hạ** 天下: Dưới Trời, chỉ Nhơn loại, chỉ toàn thế giới.

**Đại đồng** 大同: Có nghĩa là hết thảy đều như nhau. Đây chỉ một xã hội lý tưởng của Nho giáo, trong đó Nhơn loại đều là anh em, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giai cấp. Mọi người đều sống bình đẳng, bác ái, chung nhau làm, chung nhau ăn, cuộc sống thanh bình, thánh đức.

Trong Kinh Lễ, thiên Lễ vận chép rằng Khổng Tử buồn bã, thở dài về việc Vua nước Lỗ cúng tế không đủ lễ, rồi nói với môn đệ là Tử Du rằng:

“Thực hành đại đạo cùng với các bậc anh tuấn đời Tam đại thì Khâu này không làm được, nhưng vẫn có chí đó.

Ở thời Đại đạo thực hành thì thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giảng điều tín thực, sửa điều hòa mục. cho nên người ta không riêng thân cha mẹ mình,

không riêng yêu con mình, kẻ già được nuôi dưỡng trọn đời, trai tráng có chỗ dùng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành; người ta thương kẻ góa, con côi, người già cô độc; người tàn tật được chu cấp, con trai có phận, con gái có nơi chốn để nương cậy. Người ta ghét của bỏ phế trên đất mà lượm lên, chứ không chủ ý lo lợi riêng cho mình. Vì vậy những ngón cơ mưu không thi thố được, kẻ trộm cắp, người làm loạn, làm giặc không nổi lên, cho nên cửa ngõ không cần đóng. Đó là thời Đại đồng.

(Đại đạo chi hành dã, dữ Tam đại chi anh, Khâu vị chi đãi dã nhi hữu chí yên.

Đại đạo hành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dữ năng, giảng tín tu mục. Cổ nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trưởng, cặng quả cô độc phế tật giả giai hữu sở dưỡng, nam hữu phận, nữ hữu quy. Hóa ố kỳ khí vu địa dã, bất tất tàng vu kỹ; lực ố kỳ bất xuất ư thân dã, bất tất vị kỹ. Thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác, cổ ngoại hộ nhi bất bế. Thị vị Đại đồng.

大道之行也，與三代之英，丘未之逮也，而有志焉。

大道之行也，天下為公，選賢與能，講信修睦。故人不獨親其親，不獨子其子，使老有所終，壯有所用，幼有所長，矜寡孤獨廢疾者皆有所養，男有分，女有歸。貨惡其棄于地也，不必藏于己，力惡其不出於身也，不必為己。是故謀閉而不興，盜竊亂賊而不作，故外戶而不閉，是謂大同。

**Cứu khổ** 救苦: Cứu giúp người thoát khỏi cảnh khổ.

Cứu giúp người thoát khỏi cảnh khổ bằng các hành động hay vật chất, cũng không thể làm cho người hết khổ. Nguyên nhân khổ đau, theo Phật là do bởi vô minh, do không hiểu thấu lý duyên khởi, lý vô thường, lý vô ngã của các pháp.

Do vậy, chủ trương cứu khổ của các Tôn giáo là dạy cho chúng sanh phá được vô minh, khiến cho họ giác ngộ theo đường tu tập để thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. Đó mới thực là một phương pháp giải khổ.

**Dụ誘:** Dỗ dành, dùng lời nói khéo khuyên người ta nghe theo mình, lấy đạo nghĩa khuyên người ta làm thiện.

**Thương sanh 蒼生:** Là chúng sanh, bách tính, nhơn dân.

*Câu 7: Để cho nhơn loại được sống trong một xã hội Đại đồng,*

*Câu 8: Lấy lẽ Đạo ra thuyết giảng hầu cứu khổ nhơn sanh và khuyến dụ lòng lành của nhơn sanh.*

Thế gian là một biển khổ, con người sống trong cõi ấy, kẻ thì lặn hụp, người thì chìm đắm dưới những làn sóng xao động giữa biển khổ mênh mông, bát ngát.

Giáo lý Cao Đài không đi xa thực tế với đời sống của con người thực tại. Sự mở Đạo của Đức Chí Tôn trong thời hạ nguơn này là mong muốn cho tất cả chúng sanh, dù đang mang theo cái nghiệp duyên tốt hoặc xấu do hành vi lành hoặc dữ của kiếp quá khứ tạo nên, ở kiếp này phải tự giải khổ bằng cách đền trả quả cũ, một mặt không gây nghiệp mới, mặt khác tự bản thân cố gắng tu thân lập hạnh và bồi công tạo đức để mọi người sống nơi thế gian



đau khổ này đều hướng thiện, biết cư xử với nhau có tình nghĩa, có đạo đức, biết thương yêu nhau như anh em một nhà, con một cha, hầu tất cả mọi người có đời sống ấm no hạnh phúc, xã hội thái bình thanh trị. Đây là mục tiêu cải tạo một *xã hội đại đồng* trên thế gian của nền Đại Đạo.

*Nguyện lời nói biến hình bác ái,*

*Nguyện chí thành sửa máy tà gian.*

**Nguyện lời nói:** Mong muốn cho lời nói.

**Biến hình 變形:** Biến đổi thành hình thức.

**Bác ái 博愛:** Lòng thương yêu rộng lớn, yêu thương tất cả mọi người, mọi vật.

Từ bi bác ái là lòng thương yêu tất cả chúng sanh của chư Phật, Tiên.

Ở Đạo Nho, Đức Khổng Tử cũng dạy lấy sự yêu thương làm trọng, sách Không Tử Gia ngữ có chép: Một hôm vua Cung vương nước Sở làm mất một cây cung, các quan xin vua cho người đi tìm, vua nói rằng: Vua nước Sở mất cung, người nước Sở nhặt được, có mất đầu mà đi tìm. Có người đem chuyện ấy thuật lại cho Khổng Tử, Ngài nói rằng: Tiếc thay cái ý vua còn hẹp! Phải chi nói: Người rơi mất cung, có người nhặt được, hà tất phải nói là người nước Sở.

Khổng Tử là người có lòng bác ái, nên ý Ngài muốn nói con người ở đâu cũng là người, việc gì phải lấy giới hạn một nước mà phân biệt nhau. Lòng nhân ái của con người phải bao trùm khắp thiên hạ, chứ không riêng cho một xứ nào, một nước nào.

Theo triết lý Cao Đài, con người sống ở thế gian, ai

cũng nắm thụ điểm Linh quang của Chí Tôn, cũng thọ cái Chơn thần của Đức Phật Mẫu, nên tất cả chúng sanh đều được xem như là anh em một nhà, chung một cha là Thượng Đế. Do vậy, mọi người phải biết thương yêu, biết lấy điều nhưn nghĩa mà cư xử với nhau, đó là lòng bác ái.

**Chí thành** 至誠: Hết lòng thành thật.

Trong việc xử thế của con người điều trước tiên phải có lòng chí thành. Chí thành là thể hiện sự hết sức thành thật của chính cá nhân mình đối với mọi người trong xã hội.

Mạnh Tử 孟子 nói về đức Chí thành như sau: Thành thực là cái Đạo của Trời, luyện tập để nên thành thực là cái Đạo của người. Hễ chí thành mà không cảm được thiên hạ, thì chưa hề có; không thành thực thì chẳng cảm động được ai cả. (Thành giả, thiên chi đạo dã, tư thành giả, nhân chi đạo dã. Chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã; bất thành vị hữu năng động giả dã 誠者, 天之道也, 思誠者, 人之道也, 至誠而不動者, 未之有也, 不誠未有能動者也).

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn dạy về lòng chí thành như sau: *Chí thành là mỗi việc lấy lòng thành thật mà đối đãi trong đời và trong Đạo. Dù kẻ phú qui đến bực nào đi nữa mà không có lòng bác ái và chí thành thì không làm chi nên việc.*

**Máy:** Do chữ Cơ 機 là cái máy, cái mối phát sinh ra.

**Tà gian** 邪奸: Tà là cong vạy, gian là dối trá. Tà gian là giả dối, không chính đáng, không thành thật.

**Máy tà gian:** Cái mối sinh ra gian tà xảo trá.

Trong Hán Việt có từ *Cơ tâm* 機心: Cái lòng biến trá khéo léo, giống như máy móc, tâm con người ẩn bên trong những mưu mô xảo quyệt để đối xử nhau, giết hại lẫn nhau, không chút thương yêu, không lòng đạo đức. Đây là bản tâm con người trong thời hạ nguơn mặt Pháp, trong thời xu hướng theo văn minh vật chất, mà quên đi luân thường đạo đức.

*Câu 9: Xin nguyện cho lời nói gây nên lòng bác ái.*

*Câu 10: Xin nguyện đem lòng chí thành để cải sửa mối tà vạy, gian xảo.*

*Nguyện cho khí tịnh thần an,  
Nguyện xin thánh giả biểu dàng chơn tu.*

**Khí tịnh** 氣淨: Khí con người trong sạch. Khí là một trong tam bửu, đây là Chơn thân của con người.

**Thần an** 神安: Thần của con người được yên tĩnh, không xao động, là một trong tam bửu, thần là Chơn linh của con người.

**Thánh giả** 聽者: Người nghe. Đây là người nghe thuyết pháp, hay nghe thuyết giảng giáo lý.

**Chơn tu** 真修: Tu hành một cách chơn chánh. Tu theo chánh pháp, không cầu lợi danh, không theo mê tín, dị đoan.

*Câu 11: Cầu xin cho khí (Chơn thân) được trong sạch, thần (Chơn linh) được yên ổn không xao động.*

*Câu 12: Nguyện xin các Đấng Thiêng Liêng hộ cho thánh giả thông rõ chơn lý mà tu hành.*

*Nguyện các Đấng dương châu Bạch Ngọc,*

*Giúp thông minh lâu thuộc văn từ.*

**Bạch Ngọc:** Túc Bạch Ngọc Kinh 白玉京: Một tòa Thiên các, nơi ngự của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có bài thi mô tả Bạch Ngọc Kinh như sau:

*Một tòa Thiên các ngọc lâu lâu,  
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao.  
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,  
Muôn trùng nhiếp khảm hiệp Nam Tào.  
Chư Thần chóa mắt màu thường đối,  
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.  
Dời đổi chớp giăng doanh đỡ nổi,  
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

Ngôi Bạch Ngọc Kinh bằng ngọc màu trắng cao vợi vợi, có cổng Huỳnh Kim Khuyết bằng vàng ròng xa mù mù như hai câu trong bài Ngọc Hoàng Kinh:

*Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,*

渺渺黃金闕

*Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.*

巍巍白玉京

**Các Đấng dương châu Bạch Ngọc:** Các Đấng Thiêng Liêng đang châu Đức Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh.

**Thông minh** 聰明: Thiên tư sáng suốt, trí óc sáng láng.

**Lâu thuộc:** Thuộc lâu lâu, học hiểu thông suốt.

**Văn từ** 文詞: Văn chương chữ nghĩa.

**Câu 13:** *Nguyện với các Đấng Thiêng Liêng đang châu Đúc Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh.*

**Câu 14:** *Giúp cho con được sáng suốt để học thông suốt văn từ trong kinh sách.*

**Cảm quang điều động tâm tu,  
Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô.**

**Cảm quang** 感光: Cảm là mối cảm xúc trong lòng, quang là ánh sáng. Cảm quang là ánh sáng hào quang (điển quang) của chư Thiêng Liêng gây cảm xúc hay nói cách khác tác động vào con người.

**Điều động** 搖動: Hay dao động là lay động.

**Điều động tâm tu** 搖動心修: Làm thức tỉnh tâm tu hành.

**Khai** 開: Khai mở.

**Cơ** 機: Có thể hiểu theo hai nghĩa: Cơ hội, hay cơ quan, cơ chế.

**Giải thoát** 解脫: Cởi bỏ những trói buộc để thoát khỏi luân hồi sinh tử.

**Tù** 囚: Nhà giam người có tội, người bị án.

**Phong Đô** 豐都: Địa ngục, A tỳ, cõi giam cầm và trừng trị các tội hồn gây nhiều ác nghiệp lúc còn sống nơi thế gian. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát làm giáo chủ cõi Phong Đô, nên Ngài được gọi là Phong Đô Đại Đế.

Theo Phật, Địa ngục là một trong tam ác đạo, là cõi đầy khổ não, nơi thác sinh của chúng sanh đã tạo nhiều ác nghiệp (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh).

Theo Cao Đài, Phong đô hay Địa ngục chỉ là nơi để cho các Chơn hồn *giải thân định trí*, là một cái quan ải mà các Chơn hồn khi qui Thiên phải ngang qua đó, nơi đó được Đạo Cao Đài gọi là **Âm quang**.

*Câu 15: Cầu xin các Đấng Thiêng Liêng cảm hóa, thức tỉnh tâm tu hành.*

*Câu 16: Mở ra một cơ hội giải thoát chúng sanh ra khỏi luân hồi sanh tử và mở cửa Phong Đô để thả các tội hồn trong thời ân xá của Chí Tôn.*

Khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai sáng, Chí Tôn ra lệnh đại ân xá kỳ ba cho tất cả chúng sanh, truyền đóng cửa Địa ngục, mở cửa Thiên đường mà các bài Kinh Cao Đài có viết:

*Vô Địa ngục, vô qui quan,  
Chí Tôn đại xá nhứt tràng qui nguyên.*

(PHẬT MÃU CHƠN KINH)

Hoặc:

*Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,  
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương.*

(KINH GIẢI OAN)

“Nơi Bà Bát Nương Diêu Trì Cung giảng về cõi Âm quang có nói rằng: *khiếm khuyết ánh sáng thiêng liêng là Âm quang, nghĩa là Âm cảnh hay là Địa ngục, Diêm đình của chư Thánh lúc xưa đặt hiệu.*

*Vậy thì chính lời nhiều tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế, nên gọi là Âm quang, đặng sửa chữ Phong đô, Địa phủ của mê tín gieo truyền, chớ kỳ thật là nơi để*

*các Chơn hôn giải thân định trí”.*

Bà Thất Nương lại dạy rằng: *“Vây thì nơi ấy là nơi xét mình. Chớ chi cả nhơn sanh **biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang**”.*

Như vậy, hai câu kinh thuyết pháp trên cho ta hiểu rằng: Đạo Cao Đài đem cái Giáo pháp, hay chơn lý ra thuyết giảng, nếu người nghe hiểu được lẽ thật mà lo tu hành thì đương nhiên coi như mở tù Phong đô để được giải thoát. Hay nói rõ hơn, *thuyết pháp là dùng lời nói để giác ngộ người đời, có nghĩa là mở tù Phong đô cho chúng sanh vậy.*

---

<sup>(1)</sup> Vị thuyết pháp và đồng nhi đọc





## CHƯƠNG THỨ NHÌ

### KINH NHẬP HỘI

#### I.-KINH VĂN

#### KINH NHẬP HỘI

*Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự,  
Giữa Tây phương năm giữ Thiên điều.  
Dưới Ngọc Hư, kể bao nhiêu,  
Thiên Liêng các Đấng lập triều trị dân.  
Một nuôi nấng tinh thần tinh khiết,  
Hai dạy răn cho biết tội tình.  
Ba lo trị thế thái bình.  
Cộng chung Pháp luật Thiên Đình chí công.  
Các con vốn trong vòng Thánh thế,  
Phép tu vi là kẻ tu hành.  
Mở đường tích cực oai linh,  
Cây phương thuyết giáo vẽ thành kinh chơn.  
Đại Từ Phụ ra ơn diu dẫn,  
Diệt trí phàm: Hờn, giận, ghét, ganh.  
Để tâm dưới ánh Chí linh,  
Soi tường chơn lý chỉ rành chánh văn.  
Cơ chuyển thế khó khăn lắm nỗi,  
Mượn Thánh ân xây đổi cơ Trời.  
Thuận nơn tâm ắt thuận Trời,  
Câu kinh Vô Tự độ người thiện duyên.*

*Nguyện Ôn Trên cho yên trí não,  
Nguyện Phật, Tiên dạy bảo Chơn linh.  
Mạng danh Hội Thánh đã dành,  
Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn.*

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Kinh Nhập Hội cũng là một bài Kinh do Đức Hộ Pháp soạn ra, có nhờ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn chỉnh văn lại.

Kinh Nhập Hội là một bài Kinh dành cho chủ tọa đoàn và tất cả các người tham gia vào cuộc họp, cùng với đồng nhi tụng đọc trước khi bắt đầu phiên hội nghị, để cầu cho cuộc hội được thành công tốt đẹp.

Hội họp là một sinh hoạt thường xuyên trong tôn giáo Cao Đài, nhằm mục đích thảo luận chương trình hành đạo, tổng kết việc đạo cuối năm...

Ngoài ra, Đạo Cao Đài còn có tổ chức những phiên nhóm họp lớn như: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội, đây là ba hội lập quyền vạn linh, nhằm mục đích lập pháp, sửa đổi luật, kiểm soát các cơ quan Cửu Trùng Đài, tìm phương giúp Hội Thánh điều hành nền Đạo, mỗi ngày một phát triển tốt đẹp hơn.

Vì vậy, trước mỗi phiên nhóm đều có tụng đọc bài Kinh Nhập Hội này nhằm để cầu nguyện các Đấng Thiêng Liêng ban cho phiên họp được thành công tốt đẹp.

## III.-CHÚ GIẢI

*Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự,  
Giữa Tây phương nắm giữ Thiên điều.*

**Bạch Ngọc:** Bạch Ngọc Kinh, là nơi ngự của Đức Chí Tôn. (Xem chú thích ở câu 11 bài Kinh Thuyết pháp).

**Chí Tôn cao ngự** 至尊高御: Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự trên cao là tòa Bạch Ngọc Kinh nơi cõi Thiêng liêng.

**Tây Phương** 西方: Cực Lạc Thế Giới là một cõi do Phật A Di Đà chưởng quản. Cõi này ở về phía Tây đối với Ta Bà Thế giới, nên còn được gọi là Tây Phương Cực Lạc 西方極樂.

**Thiên điều** 天條: Luật pháp của Trời.

**Câu 1:** Đức Chí Tôn ngự trên tòa Bạch Ngọc Kinh cao vọi trên cõi Thiêng liêng.

**Câu 2:** Ở giữa là cõi Cực Lạc Thế Giới, có chư Phật nắm giữ Thiên điều.

**Dưới Ngọc Hư, kể bao nhiêu,**

**Thiêng Liêng các Đấng lập triều trị dân.**

**Ngọc Hư:** Tức Ngọc Hư Cung 玉虛宮: Nơi ngự triều của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ngọc Hư Cung cũng là nơi các Đấng Thiêng Liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật đến chầu lễ Đức Chí Tôn và hội họp điều khiển cả Càn Khôn Thế giới. Nói cách khác, Ngọc Hư Cung là Thiên triều, là triều nghi của Đức Chí Tôn.

**Lập triều trị dân** 立朝治民: Xây dựng triều nghi để cai trị toàn thể Càn Khôn Thế Giới và tất cả chúng sanh.

**Câu 3 và 4:** Nơi Cung Ngọc Hư, các Đấng Thiêng Liêng họp triều đình để nắm quyền điều khiển Càn Khôn Thế Giới.

*Một nuôi nấng tinh thân tinh khiết,  
Hai dạy răn cho biết tội tình.*

**Nuôi nấng:** Nuôi dưỡng.

**Tinh Thân** 精神: Trái với thể chất, tinh thân là phần sáng suốt, Thiêng liêng trong con người. Nhờ nó người ta mới hiểu được điều phải trái, việc hay dở, nhờ có nó người ta mới linh hơn cả vạn vật và có một địa vị cao quý trong Vũ trụ.

Tinh thân được người ta gọi bằng nhiều tên, Đạo Cao Đài gọi Thiên lương 天良, là cái phần sáng suốt tự nhiên do Chí Tôn ban cho con người; Nho giáo gọi Minh đức 明德, hay Lương tri 良知, hay Trực giác 直覺, tức là cái khiếu tri giác rất mẫn tiệp, có thể đạt ngay đến chân lý của các sự vật. Cái khiếu tri giác ấy do ở trong tâm của con người, là cái thần minh làm chủ tất cả những tư tưởng, tình cảm và những hành vi của con người.

**Tinh khiết** 精潔: Trong sạch, sạch sẽ.

**Tinh thân tinh khiết** 精神精潔: Tinh thân trong sạch.

Tinh thân là cái phần sáng suốt Thiêng liêng sẵn có trong con người chúng ta, tự nó đã thuần nhiên trong sạch, nhưng bởi nhập vào thể xác phàm phu, bị lôi cuốn vào đường nhờn dục, nên vọng động, mê mờ, trở thành ô trược không tinh khiết.

Muốn tinh thân tinh khiết, phải có một tư tưởng tinh khiết. Để cho tư tưởng tinh khiết thì phải giữ tâm hư tĩnh, không để cho vật dục che mờ cái phần sáng suốt tự nhiên, nên khi có việc gì cảm đến là ứng ngay được và

biết rõ hết mọi lẽ.

Lòng của con người hư tĩnh bao nhiêu, thì trực giác càng mất huệ bấy nhiêu. Chính Hệ từ thượng trong Dịch đã nói lên điều đó: Không nghĩ gì, không làm gì, im lặng không động, đến lúc cảm thì thông suốt được mọi duyên cơ trong thiên hạ. (Vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố 無思也, 無為也, 寂然不動, 感而遂通天下之故).

Tâm hư tĩnh tức là không để tư tâm tư ý xu hướng về lợi hại, thiệt hơn, cầu lấy thú vui riêng mình, mà làm cho cái phần Thiêng liêng là Thiên lương bị mê mờ, không thấy rõ cái Thiên lý lưu hành trong Vũ trụ.

Để cầu xin các Đấng ban bố cho những điển quang thiêng liêng để nuôi nấng tinh thần tinh khiết thì trước nhứt chúng ta phải giữ cái xác thân trong sạch.

Trong Phương luyện kỹ của Đức Hộ Pháp đặt vào con đường thứ ba Đại Đạo có dạy về luyện thân và luyện trí như sau:

- Ẩm thực tinh khiết.
- Tư tưởng tinh khiết (trình bày ở trên).
- Tin tưởng mạnh mẽ nơi Chí Tôn, Phật Mẫu.
- Thương yêu vô tận.
- Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế.

**Dạy răn:** Dạy dỗ theo đường đạo lý và răn cấm những hành vi tội ác.

**Tội tình** 罪情: Những việc làm trái đạo lý, phạm pháp, bị pháp luật trừng trị. Những hành vi hung ác, tạo nhiều tội lỗi, sẽ thọ ác nghiệp.

**Câu 5:** Các Đấng Thiêng Liêng trong Ngọc Hư Cung có nhiệm vụ thứ nhất là diu dắt chúng sanh theo đường đạo đức để nuôi nấng cái tinh thần được tinh khiết.

**Câu 6:** *Nhiệm vụ thứ hai là dạy dỗ con người nên người đạo đức và răn cấm những hành vi tội lỗi.*

Tâm là phần sáng suốt, nhưng vì ngoại vật làm nhiều loạn ngũ quan của con người, cho nên cái tâm bị mờ tối đi, không biết rõ các vật, bởi thế thường sinh ra sai lầm, tội lỗi.

Tội tình càng gây ra bao nhiêu, càng tạo nhiều nghiệp báo bấy nhiêu, nên khiến cho con người phải đắm chìm trong luân hồi sanh tử mãi.

Vì thế, các bậc Thánh nhân hay các Tôn giáo đều tìm cách ngăn ngừa những hành vi hung ác, gây nên các tội tình.

Theo Cao Đài, con người vì vô minh, bị thất tình lục dục sai khiến, mới gây ra nhiều hành vi tội ác, nên có thể nói thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi.

Đức Chí Tôn vốn là Đấng Từ bi bác ái, thương yêu sanh chúng, nên xá tội cho muôn loài trong thời mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này.

Người tu hành phải biết điều nào có phương hại cho người, tạo thành tội ác mà luật ngăn cấm hay các Đấng dạy răn không nên làm. Nếu lỡ như có tội, phải biết ăn năn chừa lỗi, cải tà qui chánh, lo tu tâm sửa tánh thì Chí Tôn sẽ tha thứ hết các thứ tội tình và oan nghiệt như Kinh Giải Oan viết:

*Chí Tôn xá tội giải oan,  
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nạn độ vong.*

Ngoài ra, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy cũng có nói: “*Thầy lại nói, buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rồi hết kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy.*”

*Ấy vậy, các con rán độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.*

### **Ba lo trị thế thái bình.**

#### **Cộng chung Pháp luật Thiên Đình chí công.**

**Trị thế** 治世: Trị đời, tức là làm cho đời được yên ổn.

**Thái bình** 太平: Rất bình yên. Đời rất yên ổn và đất nước thanh trị.

**Pháp luật** 法律: Những điều khoản của một nước hay một Tôn giáo định ra để làm qui tắc hành vi cho con người.

Đạo Trời đất hay đạo người thường dùng lễ để sửa cải thiên hạ, song nếu có những người hay ương ngạnh, không chịu theo giáo hóa thì tất nhiên phải có pháp luật để răn cấm, ngăn ngừa những kẻ gây việc bạo ngược. Điều này Tuân Tử có viết như sau: Phàm hình pháp là cái gốc của thiên hạ, ngăn cấm điều bạo ngược, ghét bỏ điều ác là để răn những điều chưa xảy ra. (Phàm pháp hình, nhân chi bản, cấm bạo ố ác, tả trung kỳ mạt dã 凡法刑, 人之本, 禁暴惡惡, 且徵其末也).

**Thiên đình** 天廷: Triều đình ở Thiêng Liêng, hay chỉ cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Chí công** 至公: Rất ngay thẳng, rất công bình.

Mọi hành vi, mọi sự việc ở nơi thế gian đều có tính cách tương đối: Từ pháp luật, luân lý đạo đức, sự ứng xử

của con người đối với nhau chỉ có công bình một cách tương đối, vì phán xét bị thiên kiến, bị giới hạn của thời gian và không gian. Còn sự công bằng nơi cõi Thiêng Liêng mới thực sự là tuyệt đối. Chính vì thế, nơi Tòa Thánh Tây Ninh, vừa bước vào cửa có đắp một bàn tay sơn màu trắng nắm cán cân, tượng trưng bàn tay Chí Tôn cầm cân công bình đo tội phước chúng sanh. Do vậy, Đức Chí Tôn được gọi là Đấng Chí Công.

*Câu 7: Nhiệm vụ thứ ba của các Đấng Thiêng Liêng nơi Ngọc Hư Cung là tạo cảnh thái bình thịnh trị ở thế gian.*

*Câu 8: Nơi Thiên đình thi hành pháp luật rất nên công bình.*

***Các con vốn trong vòng Thánh thể,  
Phép tu vi là kế tu hành.***

***Vốn trong vòng:*** Nguyên ở trong phạm vi.

***Thánh thể*** 聖體: Hình thể Đức Chí Tôn, tức là Hội Thánh Cửu Trùng Đài.

***Vi*** 微: Nhỏ nhít, rất nhỏ.

***Phép tu vi:*** Hay tu vi pháp 修微法, phương pháp tu sửa từ những điều xấu, ác nhỏ nhặt nhít, không bỏ bất cứ một lỗi nhỏ nào.

Thói thường, người ta thường khinh dễ những điều nhỏ nhít: Việc nhỏ nhặt người ta thường không thêm để ý đến, hay không muốn làm đến, tỷ như việc làm phước, thấy điều nhỏ không đáng làm, nên bỏ qua; còn việc dữ, tưởng lỗi mọn, vẫn cứ làm. Điều này Kinh Sám Hối có dạy khuyên ta như sau:

*Việc lành chẳng khá bỏ qua,*



*Tuy là nhỏ nhit cũng là công phu.*

Hoặc:

*Thấy lỗi mọn chớ nghi chẳng hại,  
Thường dạn làm tội lại hằng hà.  
Vì chúng tích thiếu thành đa,  
Họa tai báo ứng chẳng qua mây hào.*

Vua Chiêu Liệt đời nhà Hán có dạy con là vua Hậu Chủ như sau: Dù cho những việc thiện nhỏ cũng chớ nên bỏ qua mà không làm, dù cho những việc ác nhỏ cũng chớ làm. (Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi 勿以善小而為,勿以惡小而為之).

**Câu 9:** Các con vốn ở trong vòng thánh thể của Đức Chí Tôn.

**Câu 10:** Phương thức tu sửa cho nên người tốt đẹp là từ những việc nhỏ, đó là kế của người tu hành.

**Mở đường tích cực oai linh,  
Cây phương thuyết giáo vẽ thành kinh chơn.**

**Tích cực** 積極: Làm việc gì mà vụ tiến thủ thì gọi là tích cực, trái lại thì gọi tiêu cực.

**Oai linh:** Hay uy linh 威靈: Oai nghiêm và linh hiển.

**Cây phương:** Dựa vào phương thức, nhờ vào phương cách.

**Thuyết giáo** 說教: Thuyết giảng giáo lý, hay giảng giải giáo pháp.

**Kinh chơn:** Hay chân kinh 真經, kinh ghi chép đúng theo chơn lý của chư Phật, Tiên. Chân kinh còn có

nghĩa Chơn giáo, Chánh giáo.

*Câu 11:* Khai mở ra con đường tích cực và oai nghiêm linh hiển.

*Câu 12:* Nhờ vào phương thức thuyết giảng về chơn lý, truyền bá mối Đạo Trời để độ nhơn sanh qui về chánh Đạo.

Đức Chí Tôn mở Đạo trong thời hạ nguơn mặt Pháp này bằng huyền diệu cơ bút. Lúc đầu tiên, Ngài đến với các thiên sứ bằng văn chương thi phú, lần hồi Ngài điu dắt vào đường đạo đức và dẫn đến khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tôn chỉ qui Tam giáo, hiệp Ngũ chi.

Đức Chí Tôn là cha chung của chúng sanh và chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Vì vậy những giáo pháp của các Đấng, Ngài qui lại thành một mối để chính mình Ngài mở Đạo cứu đời trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, như lời Thánh giáo đã dạy: “*Thấy nhứt định đến chính mình Thấy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phạm nữa và qui nguyên phục nhứt Ngũ chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo*”.

Những Kinh Luật, Giáo lý của nền Đại Đạo đều do các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban cho:

- Luật Pháp: Có Tân luật và Pháp chánh truyền.
- Thánh giáo của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng được tuyển tập thành Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
- Kinh gồm Thiên Đạo và Thế Đạo Kinh.

Như vậy, Giáo pháp và Kinh luật của nền Đại Đạo này đều do Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban cho chúng sanh, đó thực là một nền Chơn giáo, có đầy đủ Chơn pháp và Chơn kinh.

Đại Từ Phụ ra ơn diu dẫn,

Diệt trí phàm: Hờn, giận, ghét, ganh.

Đại Từ Phụ 大慈父: Đấng cha lành lớn hơn hết.

Đây là một từ mà các tín đồ Cao Đài dùng để gọi Đức Chí Tôn, Đấng có công sanh hóa ra muôn loài vạn vật, có lòng thương yêu chúng sanh vô bờ bến, nuôi nấng và diu dẫn một cách đồng đều, tựa như một vị cha lành có lòng tha thiết, chẳng chịu lo cho các con còn bé nhỏ: “*Các con ôi! Thấy lấy đức háo sanh mà diu dắt các con, chẳng khác nào như kẻ làm cha*” nâng niu dạy dỗ một trẻ bé trông cho mau trưởng thành, hầu lưu danh truyền nghiệp cho có tên tuổi với đời” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển).

**Diu dẫn:** Dẫn dắt, tức là Chí Tôn dùng Thánh giáo để dạy dỗ chúng sanh biết đường chơn lý và theo đó mà dẫn dắt về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Diệt 滅:** Tiêu diệt, làm cho mất đi.

**Trí phàm:** Hay phàm trí 凡智: Trí của người phàm phu, tức là trí tầm thường của kẻ chưa dứt phiền não, còn luyến ái tham dục, chìm đắm trong đường danh nể lợi, chưa giác ngộ.

**Câu 13:** Cầu xin Đại Từ Phụ ra ơn dẫn dắt cho con.

**Câu 14:** Được sáng suốt để diệt những thói hờn giận ghét ganh trong trí não phàm tục của con.

Thánh trí là cái trí sáng suốt phát ra từ Thiên tánh mà Chí Tôn ban cho con người. Người có Thánh trí là người đã dứt được vô minh, phiền não, hết mê lầm, tức là cái trí của chư Phật, Tiên và chư Bồ Tát.

Thánh trí sở dĩ bị mê mờ là bởi phàm trí che lấp, nếu

chúng ta diệt được phàm trí thì đương nhiên Thánh trí sẽ hiện rõ, mà Phật gọi là trí bát nhã, nhờ đó làm nên con thuyền để đưa con người đến bờ giác ngộ.

*Để tâm dưới ánh Chí linh,  
Soi tường chơn lý chỉ rành chánh văn.*

**Tâm** 心: Tâm không phải là khối thịt. Phàm chỗ nào có tri giác, ấy là tâm, như tai mắt: biết trông, biết nghe, biết đau, biết mỗi, cái tri giác ấy được gọi là tâm.

Trần Hi Di Tiên Sinh nói về chữ tâm như sau:

*Tam điểm như tinh tượng,*

三點如星象

*Hoành câu tựa nguyệt tà;*

橫鉤似月斜

*Phi mao tùng thử đắc,*

披毛從此得

*Tổ Phật dã do tha.*

做佛也由他

Nghĩa là:

*Trên có ba chấm như hình ba vì sao,*

*Nét cong phía dưới giống như hình vòng cung của  
mảnh trăng tà.*

*Vạch lông ra thì thấy được tâm,*

*Thành Phật cũng bởi tại tâm ấy mà nên.*

Theo Dương Minh, người là tâm của Trời đất muôn vật. Tâm là chủ của Trời đất muôn vật. Tâm tức Trời, nói

tâm là nói cả Trời đất muôn vật rồi (Nhân giả thiên địa vạn vật chi tâm dã, tâm giả thiên địa vạn vật chi chủ dã. Tâm tức thiên, ngôn tâm tức thiên địa vạn vật giai cử chi hĩ 人者天地萬物之心也, 心者天地萬物之主也, 言心則天地萬物皆舉之矣).

Theo Cao Đài, Tâm hay Lương tâm là khiếu Thiêng liêng của Đức Chí Tôn ban cho con người, như lời Thánh giáo đã dạy: *“Lương tâm của các con là một khiếu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức”*.

Tâm này sáng suốt thanh tịnh tuyệt đối, thường trụ bất biến và bao trùm vũ trụ. Cái tâm ấy đồng với bản thể vũ trụ, nên có tính bất nhị: không có sự phân chia nhĩ ngã, nội ngoại, đó là các tâm đại bình đẳng của Chí Tôn mà bên Phật gọi là tâm Bát nhã hay tâm chân như. Bởi thế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu hằng khuyên chúng sanh cố gắng trau giồi chữ Tâm:

*Gắng sức trau giồi một chữ Tâm,  
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm.  
Tâm thành ắt đạt đường tu vững,  
Tâm chánh mới mong mới Đạo cầm.  
Tâm ái nhơn sanh an bốn biển,  
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm.  
Đường tâm của thánh dấu chưa vền,  
Có buổi hoài công bước Đạo tâm.*

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN)

Trái với tâm Phật là tâm chúng sanh, một loại tâm đầy ô nhiễm, bất tịnh, phiền não và tham dục. Tâm chúng sanh được phát sinh ra từ tư duy chấp ngã, khiến trở nên

vô minh, mê loạn, nhân đó mới bị đau khổ trong luân hồi sanh tử.

**Chí linh** 至靈: Rất linh thiêng, linh hiển cùng cực. Đây chỉ Đức Chí Tôn.

**Tường** 詳: Rõ, biết.

**Chơn lý** 真理: Cái lẽ chơn thật, cái lẽ tự nhiên, xác thật, không biến đổi theo thời gian và không gian.

**Chánh văn** 正文: Văn chương, nghĩa lý ngay thẳng, chơn thật.

Mục đích của văn chương đối với cổ nhân là “*văn dĩ tải Đạo*” (文以載道 Lấy văn chở Đạo). Vì thế, tất cả các sách của Thánh hiền xưa đều viết ra một cách ngay thẳng, chơn thật, không ngoài việc giáo hóa cho con người trở nên chơn chất hiền lương.

**Câu 15:** *Con xin hướng trọn tâm theo ánh Thiêng liêng của Đức Chí Tôn.*

**Câu 16:** *Nhờ ánh Thiêng liêng ấy soi tỏ cho con rõ biết chơn lý và thấu suốt lẽ ngay thật.*

Để tâm theo Đức Chí Tôn tức là hướng tâm theo đường tu niệm. Hễ tu thì phải học, tu và học là cái thể và cái dụng của việc tu. Cầu kinh, lễ bái, niệm Phật là cái thể, cố tâm học tập, thực hành theo lời dạy của Chí Tôn dạy trong Kinh, ấy là cái sở dụng.

Tu là thực tập theo lời Kinh đã dạy mà áp dụng vào công phu tu tập để chuyển hóa tự thân, xa lìa khổ não. Do vậy người tu cần phải tìm hiểu, học hỏi nghĩa lý của Kinh như sách xưa có dạy rằng: Tụng kinh giả minh Phật chi lý 誦經者,明佛之理: Tụng kinh là cần hiểu rõ giáo

lý của Phật mà đem ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày của mình, rồi tự tháo gỡ mọi phiền não, kiến chấp đang trói buộc tâm tư của mình, đem lại sự an lạc ngay trong hiện tại và giải khổ trong tương lai.

Trực ngôn quyết trong Nho giáo cũng có dạy rằng: Tạo chúc cầu minh, đọc thư cầu lý: Minh dĩ chiếu ám thất, lý dĩ chiếu nhơn tâm 造燭求明, 讀書求理: 明以照暗室, 理以照人心. Đốt đuốc để soi sáng, đọc sách là cầu đạo lý: Ánh sáng để soi nhà tối, đạo lý để soi lòng người.

Tóm lại, *muốn soi tường chơn lý chỉ rành chánh văn*, hành giả phải cố công tìm hiểu, học hỏi ý nghĩa trong kinh sách hầu có một nhận thức sáng suốt trên đường tu học.

***Cơ chuyển thế khó khăn lắm nổi,  
Mượn Thánh ân xây đổi cơ Đời.***

***Cơ chuyển thế*** 轉世機: Chuyển thế là thay đổi, xoay chuyển lại đời. Cơ chuyển thế là một thời kỳ hay một cơ quan làm thay đổi thế giới, từ loạn lạc ra thanh trị, từ xấu xa ra tốt đẹp.

Thời Tam Kỳ Phổ Độ là thời Hạ nguơn mặt Pháp, con người vì danh lợi mà đua tranh giành giựt, tương tàn tương sát lẫn nhau, tội ác dẫy đầy không kể luân thường đạo lý. Đạo Cao Đài khai mở, đem công bằng và thương yêu ban rải khắp mọi nơi và lấy tôn chỉ *Nho tông chuyển thế* để đem những tinh hoa của Nho giáo xây dựng một cảnh đời đạo đức, thanh bình và an lạc. Đó là thực hiện *cơ chuyển thế của Đức Chí Tôn*.

***Thánh ân*** 聖恩: Ân huệ của Đức Chí Tôn.

**Xây đổi:** Xây chuyển và biến đổi.

**Cơ đời:** Một bộ máy của thể gian.

Sự sinh hoạt nơi thể gian giống như một bộ máy, nó chuyển điều hòa về tinh thần vật chất thì bộ máy hoạt động được dài lâu, nếu nó rối loạn thì bộ máy phải bị ngừng, phải chuyển đổi lại cho thích hợp. Bộ máy đời (cơ đời) hiện nay đang hướng về nền văn minh vật chất, quên đi đạo đức tinh thần, đưa nhờn loại vào vòng tranh đấu, giành giựt, sắp đến chỗ diệt vong. Vì thế, Đức Chí Tôn mới mở Đạo kỳ ba này lấy Nho tông để chuyển thể, nhằm đem lại một thế giới Đại đồng thánh đức.

*Câu 17: Cơ chuyển thể trong thời kỳ này gặp nhiều nỗi khó khăn.*

*Câu 18: Nhờ ân huệ của Đức Chí Tôn thương xót chúng sanh mà xoay chuyển cho cơ đời để đưa nhờn loại vào đời Thánh đức.*

Thực vậy, nếu cơ đời chỉ vì văn minh vật chất, không có tinh thần đạo đức để kiềm chế thì nhờn loại sẽ bị đưa đến nạn diệt vong. Trong Đại Thừa Chơn Giáo có viết: “Đến Hạ nguyên, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn gớm ghê thì nhờn loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân, nên mới bày ra chước quỷ mưu tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Song đó cũng lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng tấn hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nếu tranh đấu thết phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt”.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thánh giáo Đức Chí Tôn cũng có dạy: “Nào nhân xưa, nào đức trước, nào sách Thánh, nào lời Hiền, trải qua chưa trăm năm mà cuộc cờ đời đã rửa phai hạnh đạo. Thế thì nhờn loại, nếu



chẳng có **mối huyền vi** để nhắc chừng tâm tánh, sẽ vì mối danh lợi, miếng đỉnh chung mà cắn xé giết giành, giết hại lẫn nhau cho đến buổi cùng đường, rồi vì hung bạo ấy mà cõi dinh hoàn này chẳng còn sót dấu chi của nhân vật cả”.

Mối huyền vi của Đức Chí Tôn tức là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vậy.

***Thuận nơn tâm ắt thuận Trời,  
Câu kinh Vô Tự độ người thiện duyên.***

**Thuận nơn tâm** 順人心: Thuận theo lòng người.

**Thuận Trời:** Tức thuận Thiên lý, thuận theo lòng Trời.

**Thuận nơn tâm ắt thuận Trời:** Phương ngôn thường nói: Ý dân là ý Trời, như vậy thuận theo lòng dân tức là thuận theo lòng Trời, hay nói cách khác, thuận nhân tâm ắt thuận Trời. Theo Mạnh Tử: Thuận theo lẽ Trời thì được còn, mà nghịch với lẽ Trời thì phải mất (Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong 順天者存,逆天者亡).

**Kinh Vô tự:** Hay Vô tự Kinh 無字經: Kinh không có chữ. Trong bài Kinh Đệ Ngũ Cửu có câu:

*Lân vào Cung Ngọc Diệt Hình,*

Khai Kinh Vô tự đặng nhìn quả duyên.

Vô tự là một quyển Kinh ở Cung Ngọc Diệt Hình, trong quyển kinh ấy không có chữ viết. Khi Chơn hỗn đối diện với quyển kinh thì sẽ hiện rõ ra tên họ, cùng với những hành vi thiện ác trong kiếp sanh của Chơn hỗn nơi cõi thế gian.

Ở đây, Kinh Vô tự hiểu theo nghĩa bóng như là

những lời thuyết giáo, thuyết pháp.

Trong thời Hạ nguơn, nhưn loại mải đua theo văn minh vật chất, nên con người có xu hướng trọng thực tiễn, ít để tâm đến đạo đức tinh thần trong kinh sách. Vì vậy, khi đạo Cao Đài khai mở, Chí Tôn thường dạy các bậc tiền khai hãy đem lời Thánh giáo Chí Tôn truyền đạt cho sanh chúng bằng những đàn thuyết đạo. Ngài nói: “*Dầu cho sắt đá cỏ cây mà nghe Thánh ngôn của Thầy nơi con nói ra cũng hoan nghinh, huống lựa là người*”. Đây là Vô tự kinh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, một phương cách rất thuận lợi cho việc phổ độ thời bấy giờ.

**Thiện duyên** 善緣: Duyên lành, duyên may, duyên phần.

Người có duyên lành (duyên may) là người gặp được một thời kỳ đại ân xá của Đức Chí Tôn, và mở ra nền Đại Đạo. Đức Lý Đại Tiên có dạy: “*Mở một mối Đạo chẳng phải là thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp mối Đạo cũng chẳng phải dễ*”.

Trong Thánh thi cũng có câu:

*Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,*

幸遇高臺傳大道

*Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.*

好逢玉帝御塵間

Nghĩa là:

*May mắn gặp được Cao Đài truyền nền Đại Đạo,*

Duyên lành gặp lúc Ngọc Đế ngự xuống trần gian.

Sở dĩ chúng ta được hưởng cái duyên lành (tức có

duyên phân) là do kết quả của việc làm đạo đức từ trong kiếp trước. Do vậy, kiếp này ta cũng lo tạo lập công đức để dành cho kiếp lai sinh. Thánh giáo Chí Tôn dạy: “*Thấy vì đức háo sinh, nên chẳng kể bực Chí Tôn tâm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc hạ nguơn này mà vớt sinh linh khỏi vòng khổ hải. Ai biết Đạo tức là có duyên phân, ai vô Đạo tức là số chịu hình khổ luân hồi*”.

*Câu 19: Thuận theo lòng người thì ắt là thuận theo lòng Trời.*

*Câu 20: Lời thuyết đạo như Vô tự kinh có thể cứu giúp cho những người đầy đủ duyên lành.*

*Nguyện Ôn Trên cho yên trí não,*

*Nguyện Phật, Tiên dạy bảo Chơn linh.*

Ôn Trên: Đồng nghĩa với Thiên ân, ơn Trời. Đây chỉ Đức Chí Tôn.

*Yên trí não:* Trí não được an ổn, không lo lắng, không phiền muộn, không giận hờn...

*Chơn linh 真靈:* Một Linh hồn, một điểm Linh quang của Chí Tôn ban cho con người và muôn vật.

*Câu 21: Cầu xin Đức Chí Tôn giúp cho con trí não được an ổn.*

*Câu 22: Nguyện cầu chư Phật Tiên dạy bảo Chơn linh của chúng con.*

*Mạng danh Hội Thánh đã đành,*

*Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn.*

*Hội Thánh 聖會:* Một chánh thể của Đạo Cao Đài, gồm các chức sắc đối phẩm hàng Thánh, tức là từ Giáo

Hữu hoặc tương đương trở lên.

Trong bài thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 5/3/1928 có định nghĩa Hội Thánh như sau: “*Hội Thánh tức là đám Lương sanh của Thầy tom góp lại làm một. Cả Lương sanh ấy, Thầy đã dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước un đúc nơi lòng một khiêu từ bi cho tâm địa có mấy mún tình ái vật ưu sanh theo Thánh đức háo sanh của Thầy, dùng làm lợi khí phạm tục để độ rỗi người phạm tục*”.

**Nhục thể** 肉體: Cơ thể bằng xương thịt.

**Hình Chí Tôn:** Hình thể tại thế của Chí Tôn, đó là Hội Thánh của Đạo Cao Đài.

Trong bài thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp nêu trên cũng có giải thích như sau: “*Những Lương sanh ấy phải thế nào hội hiệp lại nhau làm một, mà làm ra một xác thân phạm của Thầy thì Thầy mới có hình thể trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này, hầu tránh cho khỏi hạ trần như mấy kỳ trước vậy*”.

Hình thể Chí Tôn tại thế này, ấy là Hội Thánh vậy.

**Câu 23-24:** *Mệnh danh là chức sắc Hội Thánh thì phải xây lưng đầu cật, chung tay phạm mà xây dựng nên hình Chí Tôn hay Chánh thể của nền Đại Đạo*

## CHƯƠNG THỨ BA

### KINH XUẤT HỘI

#### I.-KINH VĂN

#### KINH XUẤT HỘI

*Nhờ Chí Tôn dạy khôn lẽ Đạo,  
Phật, Thánh, Tiên nhỏ máu nhiệt thành.  
Vạn linh đã hiệp Chí Linh,  
Hội xong cây sức công bình Thiêng Liêng.  
Đã gây dựng nên quyền Tạo Hóa,  
Phòng hiệp vầy trọn cả nguyên nhân.  
Vẹn toàn phạm thể Thánh thân,  
Tùng theo Chơn pháp độ lẫn chúng sanh.  
Các con cúi đầu trình sư phụ (cúi đầu)  
Gìn từ tâm khuyến nhủ tăng đồ.  
Đạo hư vô, Sư hư vô,  
Reo chuông thoát tục, phất cờ tuyệt sinh.  
Cử nương dưới máy linh cơ Tạo,  
Gươm huệ đưa trị xảo trừ tà.  
Cửa Địa ngục, chóng lánh xa,  
Mượn hình Thánh thể cất nhà cõi Thiên.*

#### II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Kinh Xuất Hội là một bài Kinh của Đức Hộ Pháp đặt ra có nhờ Đức nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ chỉnh văn lại.

Kinh Xuất Hội dùng để đồng nhi và toàn thể những người tham dự hội tụng đọc trước khi hội nghị đã kết thúc thành công tốt đẹp và bế mạc.

Kinh Xuất Hội có nội dung nhắc nhở những thành viên trong hội nghị từ đây phải giữ vẹn thánh thân để đem nền Chơn pháp dạy dỗ toàn thể chúng sanh và độ dẫn tất cả nguyên nhân về hội hiệp cùng Thầy, phải đem lòng thương mến dạy dỗ tăng đồ cho biết lẽ mầu nhiệm của nền Chánh giáo, hầu giúp cho Đạo được hoằng khai, càng lan rộng khắp mọi nơi mọi chốn.

### III.-CHÚ GIẢI

*Nhờ Chí Tôn dạy khôn lẽ Đạo,  
Phật, Thánh, Tiên nhờ máu nhiệt thành.*

**Lẽ đạo:** Do từ chữ Đạo lý 道理 mà ra, nghĩa là những phép tắc ứng xử có đạo lý, hay những giáo lý của tôn giáo.

**Nhờ máu:** Chỉ sự hy sinh làm việc.

**Nhiệt thành** 熱誠: Lòng thành thật và sốt sắng. Như chữ nhiệt tâm 熱心.

*Câu 1 và 2: Nhờ Đức Chí Tôn dạy cho con biết mỗi Đạo Trời và chư Phật, Tiên, Thánh tận tình giúp đỡ cho con hiểu được lẽ Đạo, khiến lòng con sáng suốt thêm.*

*Vạn linh đã hiệp Chí Linh,  
Hội xong cây sức công bình Thiêng Liêng.*

**Vạn linh** 萬靈: Muôn Chơn linh, tức là tất cả chúng sanh bao gồm bát phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

**Chí Linh** 至靈: Rất linh hiển. Chỉ Đức Chí Tôn.

**Vạn linh đã hiệp Chí Linh:** Tức là quyền chúng sanh đã hiệp cùng quyền của Đức Chí Tôn.

**Quyền vạn linh:** Là tất cả những điều luật mà chúng sanh đã quyết nghị và chấp thuận.

Quyền vạn linh này được Chí Tôn chấp thuận ngang bằng quyền Chí Tôn. Trong Đạo Cao Đài, quyền vạn linh được thể hiện qua ba hội: Hội Nhơn sanh, Hội Thánh và Thượng Hội.

Những điều luật do ba Hội đã quyết nghị, đó là quyền vạn linh, được ngang bằng với quyền Chí Tôn.

**Công bình thiêng liêng:** Sự công bình nơi cõi Thiêng Liêng, tức là sự công bình của Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Sự công bình này có tính cách tuyệt đối.

Thế gian là nơi chứa đầy những sự bất công, chính vì vậy mà nền Đại Đạo mới được khai sinh, đem đạo Nho ra để giáo hóa tất cả chúng sanh, hầu mang lại một xã hội công bằng, Thánh đức. Đức Chí Tôn có nói rằng: “*Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời này thì Đạo chưa thành vậy*”.

**Câu 3:** *Quyền của vạn linh đã hiệp cùng quyền của Chí Tôn.*

**Câu 4:** *Nhờ sự công bình thiêng liêng đã dạy chúng con, làm cho phiên họp được kết thúc tốt đẹp.*

**Đã gây dựng nên quyền Tạo Hóa,  
Phòng hiệp vậy trọn cả nguyên nhân.**

**Gây dựng:** Tức xây dựng nên.

**Giáo hóa** 教化: Dạy dỗ, dẫn dắt từ xấu trở nên tốt, từ hung dữ trở thành hiền lương.

**Quyền giáo hóa** 教化權: Quyền dạy dỗ. Trong Đạo Cao Đài, các chức sắc Cửu Trùng Đài từ phẩm Giáo Hữu (hàng Thánh) trở lên họp lại làm thành Hội Thánh, được Chí Tôn ban cho quyền giáo hóa để phổ độ nhơn sanh.

**Phòng** 防: Dự phòng, dự bị sẵn.

**Hiệp vậy:** Sum vậy, sum họp lại.

**Nguyên nhân** 元人: Những bậc có Chơn linh được sinh ra từ lúc khai Thiên lập địa. Những Chơn linh này do Chí Tôn, Phật Mẫu sai xuống có nhiệm vụ độ rỗi chúng sanh. Khi đầu kiếp xuống thế, họ mê luyện hồng trần, nên Chí Tôn đem Phật tánh phổ hóa cho họ, nhờ vậy mà họ có thể trở về ngôi xưa vị cũ.

Đức Phật Mẫu cho xuống trần 100 ức nguyên nhân, Phật độ đặng 6 ức, Tiên độ đặng 2 ức, còn lại 92 ức vẫn đọa lạc nơi cõi trần. Bài kinh Phật giáo nói lên điều đó: “*Khai cửu thập nhị tào chi mê muội* 開九十二曹之迷昧”, nghĩa là khai hóa chín mươi hai ức nguyên nhân còn đang mê muội.

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Phật Mẫu đến giáo hóa, định đem hết về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống như lời trong Phật Mẫu Chơn Kinh đã viết: “*Phục nguyên nhơn huồn tồn Phật tánh* 復元人還存佛性”, tức là Đức Phật Mẫu hoàn trả Phật tánh lại cho các nguyên nhân và sẽ đem họ về với ngôi xưa vị cũ.

**Câu 5:** *Chí Tôn xây dựng nên Hội Thánh, rồi ban cho quyền giáo hóa chúng sanh.*



*Câu 6: Đại Đạo ra đời cũng là để dự bị đem tất cả các nguyên nhân về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn.*

*Vẹn toàn phạm thể Thánh thân,  
Tùng theo Chơn pháp độ lẫn chúng sanh.*

**Phạm thể** 凡體: Thân thể phạm tục. Đây có ý chỉ toàn thể chúng sanh.

**Thánh thân** 聖身: Như Thánh thể, chỉ Hội Thánh.

**Chơn pháp** 真法: Chơn (chân) 真 là thực, không giả dối, không hư ảo, chân chính, ngay thực; pháp 法 là pháp luật, lễ giáo, đạo lý, phép nhiệm mầu. Chơn pháp là Giáo pháp chơn chánh, ngay thực, bất di, bất dịch.

*Câu 7: Con cầu xin cho phạm thể tức nhưn sanh, Thánh thân tức Hội Thánh được hòa hiệp nhau và toàn vẹn.*

*Câu 8: Tùy theo giáo pháp chơn truyền của Chí Tôn, Hội Thánh sẽ độ lẫn lẫn tất cả chúng sanh.*

*Các con cúi đầu trình Sư Phụ,  
Gìn từ tâm khuyến nhủ tăng đồ.*

**Sư Phụ** 師父: Tức là Thầy. Thầy là chỉ Đức Chí Tôn.

Trong thời mở Đạo kỳ ba này, Đức Chí Tôn không giáng Chơn linh như những lần trước, mà chính Ngài dùng huyền diệu Thiêng liêng để giáng cơ khai Đạo. Ngài là Đấng Thiên Đế trong Càn khôn Vũ trụ, lại là Giáo chủ của nền Đại Đạo, mà hạ mình xưng là Thầy và gọi chư tín đồ là môn đệ. Vì thế, mọi tín đồ của Đạo Cao Đài đều coi Ngài như Sư Phụ, và gọi bằng Thầy.

**Từ tâm** 慈心: Lòng thương yêu tất cả chúng sanh không vụ lợi, không điều kiện, không phân biệt lạ quen

hay sang hèn. Lòng thương yêu này, phát xuất từ lòng thương yêu chân thật, lòng bình đẳng, không đòi hỏi bất cứ một sự đền đáp nào.

**Khuyến nhủ:** Khuyên bảo.

**Tăng đồ** 僧徒: *Tăng* là người xuất gia tu hành, nói chung là các Thầy tu. Tăng đối với Đạo Cao Đài chỉ những chức sắc, chức việc hiến thân hành Đạo. *Đồ* là chỉ tất cả các tín đồ.

Tăng đồ cũng như tăng chúng, là từ chỉ chư tăng và chư tín đồ, tức là các hàng chức sắc và tín đồ của một Tôn giáo.

**Câu 9:** *Các con cung kính cúi đầu trình với Sư Phụ.*

**Câu 10:** *Chúng con nguyện giữ lòng từ bi để khuyến dạy các tín đồ.*

**Đạo hư vô, Sư hư vô,  
Reo chuông thoát tục, phất cờ tuyệt sinh.**

**Đạo hư vô** 道虛無: Đạo không sắc tướng, Đạo không không.

Hiểu theo Hình nhi hạ của Nho giáo, Đạo là đường lối, phép tắc đối nhân xử thế của con người, đó là Nhân đạo.

Đến thời Lão Tử, một Đạo gia đầu tiên của Trung Quốc đưa ra thuyết bản căn của Vũ trụ và đề xướng Đạo luận. Từ đó Đạo được hiểu với nghĩa Hình nhi thượng, tức là Thiên đạo.

Theo Lão tử, Đạo là bản căn của Càn khôn Thế giới, là nguyên lý từ đó mà vạn vật được sinh ra, muôn loài noi

theo, là cái qui luật chi phối sự sinh thành biến hóa của Trời đất và muôn vật. Như vậy Đạo là hư vô, Đạo tức Hư vô chi khí, Đạo vốn không hình sắc, nhưng muôn vật có hình thể lại do Đạo sinh ra.

Như vậy, về thể, Đạo là hư vô, không hình tướng; về mặt dụng, Đạo là có, vì là nguồn gốc sinh ra muôn vật. Hay nói cách khác, khi Đạo còn ở trạng thái hư vô, thanh tĩnh thì Đạo là không, khi Đạo đã sinh ra vạn vật thì Đạo là có.

Sách Hoài Nam Tử có viết: Cái không có hình sắc là gốc đầu tiên của mọi vật (Phù vô hình giả, vật chi đại tổ dã 夫無形者,物之大祖也).

Trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử cũng nói: Không, là tên cái đầu tiên của Trời đất, có là tên gọi mẹ muôn vật (Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu 無名天地之始,有名萬物之母).

Tóm lại, cái có hình là từ cái không hình mà sinh ra (Hữu hình xuất vu vô hình 有形出于無形). Đạo hư vô sinh ra Vũ trụ và vạn vật là cái hữu hình.

**Sư hư vô** 師虛無: Thầy cũng hư vô.

Thực vậy, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn không giáng trần như những lần trước, chỉ dùng huyền diệu Thiêng liêng để giáng cơ khai nền Đại Đạo, Ngài xuống xưng là Thầy của vạn linh. Vì vậy, Thầy của tất cả chúng sanh trong Đạo Cao Đài là Chí Tôn, không có xác thân trong cõi hữu hình, nên nói là Sư hư vô.

**Reo chuông thoát tục:** Tiếng chuông của Đạo đánh lên ngân vang cho chúng sanh nghe để giục lòng họ sớm thức tỉnh, mà quay về với đường đạo đức, lo tu hành hầu

thoát khỏi cảnh phàm tục đầy phiền não và đau khổ này.

**Tuyệt sinh** 絕生: Dứt đường sinh ra, nói khác đi là chấm dứt con đường sinh tử.

Đường sinh tử do từ Hán Việt “Sinh tử lộ 生死路”, tức chỉ con đường luân hồi, nghĩa là sinh ra rồi chết, chết rồi lại chuyển kiếp để được sinh ra...Cứ thế mà tạo nên con đường sinh tử.

Tuyệt sinh là chấm dứt đường sinh tử luân hồi, tức là thoát tục vậy.

**Phất cờ tuyệt sinh:** Phất cao ngọn cờ Đạo để dìu dắt chúng sanh lẫn vào chơn pháp của Đạo mà tu hành hầu tuyệt dứt nẻo luân hồi sinh tử.

*Câu 11: Đạo là hư vô, Thấy cũng là hư vô.*

*Câu 12: Đánh lên tiếng chuông, phất cao ngọn cờ Đạo để cảnh tỉnh và dìu dắt chúng sanh thoát cảnh trần tục hầu dứt tuyệt luân hồi.*

Đức Chí Tôn giáng cơ mở Đạo, mượn chức sắc Hội Thánh làm nên hình thể của Ngài nơi thế gian. Vì thế, chức sắc Hội Thánh phải là người đạo đức, có tâm ái vật ưu sinh theo Thánh đức háo sanh của Ngài mà giống lên tiếng chuông Đạo, giương cao ngọn cờ cứu khổ để thức tỉnh và dẫn dắt chúng sanh vào đường Chơn đạo hầu thoát khỏi trầm luân, trở về với ngôi xưa vị cũ.

**Cử nương dưới máy linh cơ Tạo,  
Gươm huệ đưa trị xảo trừ tà.**

**Nương dưới:** Nương tựa vào.

**Máy linh cơ tạo:** Bộ máy linh hiển của Đấng Tạo hóa.

Tức là sự xếp đặt, an bài một cách thiêng liêng của cơ Tạo.

**Gươm huệ:** Cây gươm hay cây kiếm trí huệ.

Trí huệ được ví như một lưỡi gươm (lưỡi kiếm) sắc bén, có thể chiến thắng được giặc thất tình lục dục, và có thể cắt đứt hết mọi phiền não trói buộc vào con người.

**Trị xảo trừ tà** 治巧除邪: Trừng trị xảo trá, diệt trừ tà mị.

**Câu 13:** *Cử nương tựa theo sự biến chuyển của cơ Tạo hóa (Đức Chí Tôn).*

**Câu 14:** *Con xin dùng cây gươm trí huệ để trừng sự xảo trá, và tiêu trừ tà mị.*

**Cửa Địa ngục, chóng lánh xa,  
Mượn hình Thánh thể cất nhà cõi Thiên.**

**Địa ngục** 地獄: Nơi u tối nặng nề khổ sở dùng để giam cầm và trừng trị các tội hồn, gây nhiều ác nghiệp khi còn sống nơi dương thế.

**Chóng lánh xa:** Mau tránh ra xa.

**Thánh thể** 聖體: Hình thể Đức Chí Tôn tại mặt thế, đó là những vị chức sắc từ phẩm giáo hữu trở lên hợp lại thành Hội Thánh. Nếu hiểu **Thánh thể** là chức sắc, phẩm tước của Hội Thánh từ phẩm Giáo Hữu trở lên thì quá hẹp, vì còn những bậc tu chơn hay hàng tín đồ có chơn linh cao trọng cũng có thể tu mà đạt pháp đăng. Như vậy Thánh thể phải hiểu theo nghĩa rộng, là hình thể của nền Chơn đạo, đó là những giáo pháp nhằm đưa chúng sanh về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Mượn hình Thánh thể:** Mượn con đường Chơn Đạo

lo tu tâm dưỡng tánh, lập công bồi đức mà đạt ngôi vị.

**Cát nhà cõi Thiên:** Xây dựng tòa nhà ở cõi Thiên.  
Ý nói tạo lập ngôi vị nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Câu 15:** *Mau xa lánh khỏi cửa vào Địa ngục.*

**Câu 16:** *Mượn con đường chơn đạo tu hành theo sự  
dẫn dắt của Chí Tôn để đạt ngôi vị nơi cõi Thiêng Liêng  
Hằng Sống*

## CHƯƠNG THỨ TƯ

### KINH RA ĐI ĐƯỜNG

#### I.-KINH VĂN

#### KINH RA ĐI ĐƯỜNG

*Thân vận động trong trường thế sự,  
Đạo như luân cư xử cùng đời.  
Đòi phen lúc biến khi dời,  
Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.  
Dòm thấy cuộc kinh dinh dưới mắt,  
E trở tâm tánh bất đổi thay.  
Con xin nương bóng Cao Đài,  
Bước ra một bước cảm hoài căn tu.  
Gót chơn đưa rũi như sát mạng,  
Vật hữu linh phạm nhân khôn soi,  
Xin tha họa gởi tai rời,  
Hồn linh nhờ có ơn Trời chứng minh.  
Đại Từ Phụ oai linh bảo hộ,  
Những chông gai quét ngõ ven đường.  
Đi an khương, về an khương,  
Cõi Thiên, cảnh Tục cũng dường chung nhau.*

#### II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Theo Nho giáo, Trời phú tính cho con người có một cái đức sáng để hiểu biết như nghĩa, đạo lý, ta cố gắng rèn

luyện sao cho sáng cái đức sáng ấy để đạt đến chí thiện. Sách Trung Dung có nói rằng: Trời phú cho gọi là tính, theo tính gọi là đạo, sửa đạo gọi là giáo (*Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo* 天命之謂性, 率性之謂道, 修道之謂教).

Như vậy, Đạo là theo Thiên lý, mà Thiên lý với cái bản tính của người ta vốn là một, vậy thì Đạo là cốt sửa cái tính của người cho hợp Thiên lý, cho nên trong Trung Dung, Khổng Tử nói rằng: Đạo không xa cái bản tính của người ta, nếu theo Đạo để cho xa cái bản tính của người ta thì không phải là Đạo (*Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi Đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi Đạo* 道不遠人, 人之為道而遠人, 不可以為道). Như thế Đạo không phút giây nào xa lìa con người được, nếu xa lìa ra được không phải là Đạo: Đạo giả dã, bất khả tu du ly dã, khả ly phi Đạo dã 道者也, 不可須臾離也, 可離非道也.

Đức Chí Tôn cũng mong muốn các môn đồ dẫu là chức sắc hay tín đồ đều phải giữ cho Đạo không xa rời bản tính của con người, cho nên mới ban cho những bài kinh Thế đạo, hầu nhắc nhở mọi người trong sự sinh hoạt hằng ngày, những bài Kinh đó là:

- Kinh Đi Ra Đường.
- Kinh Khi Về.
- Kinh Khi Đi Ngủ.
- Kinh Khi Thức Dậy.
- Kinh Vào Học.
- Kinh Vào Ăn Cơm.
- Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.



Những bài Kinh này đều là do Đức Hộ Pháp viết ra có nhờ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ chính văn lại.

Những bài kinh Thế Đạo này thường bị lãng quên hay nếu có gần như chỉ áp dụng cho các em đồng nhi hoặc các trẻ nhỏ mà thôi (Ví dụ như đồng nhi phải đọc kinh Khi Vào Học...). Điều này thực là lầm lẫn, vì Đức Hộ Pháp có dạy rằng: *“Không có một điều gì mà Chí Tôn định trong chơn giáo của Ngài, dầu Bí pháp, dầu Thế pháp mà vô ích đâu. Đấng ấy là Đấng tưng tưu, yêu ái con cái của Ngài lắm, chẳng có điều gì không cần ích mà con của Ngài nói rằng không muốn, Ngài cũng bỏ nữa đâu. Từ ngày khai Đạo, Kinh kệ, lễ bái, sự chi sắp đặt về đạo đức cũng chính Chí Tôn tạo thành, không phải do các Đấng khác. Ngài buộc mình làm, tức có cần yếu, hữu ích chi chi đó, Ngài mới bó buộc”*.

Như vậy, những bài Kinh này dành cho mọi người dầu chức sắc hay tín đồ, dầu người lớn hay trẻ nhỏ đều phải tụng, niệm trong những trường hợp như: Ra đường, trở về nhà, đi ngủ, thức dậy, vào học, ăn cơm, ăn cơm rồi. Những sinh hoạt thường nhật này buộc mọi tín đồ tụng, niệm nhằm mục đích như nhắc nhở bên tai người tín đồ hằng lúc, hằng ngày vậy. Nếu từng khoảnh khắc chúng ta tâm niệm những bài Kinh này, tức là thường nhắc nhở ta những điều lành, thì những điều ác, điều xấu đâu còn nằm trong tư tưởng của ta nữa. Nếu nhiều khoảnh khắc như vậy thì kể như suốt ngày ta đều có những tư tưởng thiện, ấy là kim chỉ nam hướng dẫn lần lần thân phàm xác tục luôn luôn hướng về những việc thiện lành. Ông Trang Tử

nói: Nếu một ngày mà chẳng tưởng đến việc lành thì mọi sự dữ sẽ dậy lên (Nhất nhật bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi 一日不念善, 諸惡皆自起).

Ngoài ra, khi tụng, niệm những bài Kinh Thế Đạo thuộc loại sinh hoạt hằng ngày này cũng nhằm mục đích buộc tâm thần của người tín đồ luôn luôn hướng về Đức Chí Tôn, dù đang làm bất cứ công việc gì. Lòng chí thành và tư tưởng lành của người tín đồ là những điển lực gợi đến các Đấng Thiêng Liêng những lời cầu nguyện chân thành. Những điển lực này từ những thực thể hữu hình sẽ được cảm ứng với các Đấng vô vi làm cho mối tương giao hằng ngày giữa hai thực thể hữu và vô được nối kết, khiến Chơn thần của người tín đồ càng trong sạch, nhẹ nhàng và Thiêng liêng hơn. Chính vì thế, trong bài *Kinh Đi Ra Đường* có nhắc nhở người tín đồ Cao Đài lúc nào cũng phải:

*Con xin nương bóng Cao Đài,  
Bước đi một bước cảm hoài căn tu.*

### III.-CHÚ GIẢI

*Thân vận động trong trường thế sự,  
Đạo nhưn luân cư xử cùng đời.*

**Vận động** 運動: Hoạt động để làm việc.

**Trường** 場: Sân, nơi tụ họp đông người.

**Thế sự** 世事: Sự việc ở trên đời.

**Trường thế sự**: Trường đời.

**Nhưn luân** 人倫: Đường lối cư xử của con người với nhau cho đúng theo luân lý đạo đức.

Theo Nho giáo, đạo nhơn luân của con người gồm có Ngũ luân 五倫 và Ngũ thường 五常.

Ngũ luân gồm: Quân thân 君臣 (Vua tôi), Phụ tử 父子 (Cha con), Phu phụ 夫婦 (Chồng vợ), Huynh đệ 兄弟 (Anh em), Bằng hữu 朋友 (Bạn bè).

Ngũ thường gồm có: Nhân 仁, Nghĩa 義, Lễ 禮, Trí 智, và Tín 信.

*Câu 1: Con người lấy tâm thân hoạt động mưu sự sống trong trường đời.*

*Câu 2: Phải học Đạo nhơn luân để đem ra cư xử cùng đời.*

Con người sinh ra ai cũng được Chí Tôn ban cho một điểm Linh quang rất Thiêng liêng, Thánh thiện, nhưng vì thân xác con người có xu hướng theo vật chất, nên thất tình, lục dục là những tên giặc hằng ở bên con người tìm cách sai khiến, xúi giục tâm chạy theo dục vọng. Vì thế, những bậc Thánh nhân, hiền triết hay các tôn giáo đều đem những phép tắc hay giáo điều dạy cho con người phải biết cách cư xử với nhau cho hợp nhơn luân, đạo đức trong trường thế sự.

Chính ngày xưa Mạnh Tử cho rằng Thánh nhân với người thường cũng không khác nhau. Có người bảo ông rằng: Vua nước Tề sai người đi dò xem ông có điều gì khác hơn người không. Ông nói rằng: Ta có gì khác người đâu, các bậc vua Thánh như Nghiêu, Thuấn cũng như mọi người vậy. (Hà dĩ dĩ ư nhân tai, Nghiêu Thuấn dĩ nhân đồng nhĩ 何以異於人哉, 堯舜與人同耳). Thực vậy, vua Nghiêu, Thuấn cũng là người như chúng ta, đều bẩm thụ một lý, một khí, cùng một tâm như mọi

người cả, chỉ có điều là những bậc ấy khéo lấy cái bản tâm thiện lành để cư xử trong gia đình, xã hội. Nếu ai cũng giữ được như thế thì chắc là chẳng khác gì những bậc ấy.

*Đòi phen lúc biến khi dờ,  
Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.*

**Đòi phen:** Nhiều lần, nhiều phen.

**Biến, dờ:** Đổi thay, xê dịch.

**Bèo bọt:** Cánh bèo và bọt nước.

**Thân như bèo bọt:** Thân phận con người sống ở thế gian tựa như cánh bèo lênh đênh trên sông nước, không biết đi về đâu, và lại không bền lâu, dễ tan vỡ như bọt nước.

**Giữa vời:** Ở giữa vùng sông nước, giữa khơi.

**Linh đình 伶仃:** Một mình cô độc, còn có nghĩa là lênh đênh, tức trôi nổi ở giữa dòng, không bám víu vào đâu được, hoặc nay đây mai đó.

**Câu 3:** Con người khi thì biến lúc thì dờ, phải chịu nhiều phen thay đổi.

**Câu 4:** Thân phận con người ví như cánh bèo, bọt nước: lênh đênh, trôi nổi ngoài khơi vùng sông suối, không đâu là bờ bến và dễ vỡ tan thành bọt nước.

*Dòm thấy cuộc kinh dinh dưới mắt,  
E trở tâm tánh bất đổi thay.*

**Kinh dinh 經贏:** Trù hoạch để làm việc, sửa sang.

**E:** Sợ, e sợ.

**Trở Tâm:** Lòng thay đổi, tâm biến đổi.

Tâm tu của con người thường bị thay đổi là do không

vững đức tin. Đức tin là điều kiện trước hết cho người tu hành, dù gặp hoàn cảnh khó khăn nào, dù bị sự lay chuyển nào, nếu đức tin vững chắc thì tâm cũng không bao giờ thay đổi.

*Câu 6: Con nhìn thấy những cuộc kinh dinh xảy ra trước mắt.*

*Câu 7: Sợ lòng con ham mê vật chất, rồi bị lôi cuốn theo đời mà khiến tâm tánh bất đổi thay.*

Đối với hai câu Kinh trên thực là những lời nhắc nhở quý giá cho những người bước chân đi vào con đường đạo đức phải nên cân nhắc thận trọng.

Thực thế, làm con người, ai cũng muốn sang giàu, ăn ngon mặc đẹp. Những cái xa hoa phù phiếm, cái hào nhoáng bên ngoài như nhà lầu, xe hơi...hằng ngày đập vào mắt, làm cho con người thêm thuồng, mơ tưởng. Chính cái lòng ham muốn này, nó mới rù quến, xúi dục tâm của con người đang yên tĩnh, thiện lành, bỗng dấy lên lòng ham muốn, tham lam.

Con người nếu không biết cách tồn tâm thì sẽ bị đắm đuối vào con đường vật chất. Còn nếu con người có tu hành thì phải có một đức tin vững chắc vào Chí Tôn, Phật Mẫu thì mới có thể không bị lay chuyển hay thay đổi cái tâm tu đặng.

***Con xin nương bóng Cao Đài,  
Bước ra một bước cảm hoài căn tu.***

*Xin nương:* Xin nương dựa vào, xin sự che chở.

*Bóng Cao Đài:* Ánh sáng của Đức Chí Tôn, nhờ Chí Tôn soi rọi, dẫn dắt.

**Cảm hoài** 感懷: Trong lòng có điều cảm khái, tức cảm xúc nhớ nhung trong lòng.

**Căn tu**: Hay tu căn 修根: Có cái gốc tu hành, nói theo Đạo là người có căn duyên tu hành.

*Câu 7: Con xin nương tựa vào Đức Chí Tôn, nhờ Đấng cha lành giúp cho con đầy đủ đức tin.*

*Câu 8: Để khi bước ra đường một bước, lòng lúc nào cũng cảm nhớ đến căn duyên tu hành của mình.*

Nương theo bóng Cao Đài có nghĩa là nương tựa vào Đức Chí Tôn, mà nương vào Chí Tôn, không chỉ là nhập môn vào Đạo thôi, mà lúc nào cũng phải niệm danh hiệu Ngài, tức là luôn luôn tưởng nhớ đến đức hạnh tròn lành, quyền năng vô thượng, và nguyện cố gắng noi theo những Thánh đức của Ngài.

Sở dĩ hằng ngày chúng ta phải niệm danh hiệu Đức Chí Tôn là vì chúng ta muốn phát triển sáng tỏ cái lương tri lương năng đang bị che mờ bởi vật dục.

Lòng dục của con người làm cho cái tâm như con ngựa hay vượn, luôn luôn chạy nhảy, không bao giờ ở yên một chỗ. Bởi thế, nếu ta không biết kềm giữ, chế ngự thì tâm ý của ta cũng không bao giờ yên định được. Niệm danh hiệu Chí Tôn nhằm nhắc nhở tâm ý nghĩ đến những điều đẹp, điều tốt, có những ý tưởng thuần lương, những hành động trong sáng, nhờ vậy những tư tưởng xấu xa đen tối sẽ không bao giờ manh nha được.

Tóm lại, chúng ta nương theo bóng Cao Đài là dù bước đi đường một bước, lòng lúc nào cũng tưởng nhớ đến Chí Tôn, đến căn duyên tu hành của ta vậy.

*Gót chơn đưa rũi như sát mạng,  
Vật hữu linh phạm nhãn khôn soi,*

**Gót chơn đưa:** Đưa bước chân đi, chân bước đi.

**Sát mạng:** Hay sát mệnh 殺命: Giết chết mạng sống.

**Vật hữu linh** 有靈物: Vạn vật đều bẩm thụ Chơn linh của Đức Chí Tôn phân tính ra, nên các loài vật đều có linh tánh. Tánh linh này tùy trình độ tiến hóa của mỗi loài, trong đó, con người là có tánh linh hơn hết.

**Phạm nhãn** 凡眼: Con mắt của người phạm, tức là mắt của thân thể xác thịt, gọi là mắt phạm.

**Khôn soi:** Không thấy, không soi thấu.

**Câu 9 và 10:** *Khi bước chân ra đi rũi như có đạp chết những sinh vật có tánh linh, ấy là vì mắt phạm xác thịt nên không soi thấu.*

Con người khi bước vào đường tu, các tôn giáo đều đưa ra những giới cấm để người tu phải thực hành theo. Cũng như Phật giáo, Đạo Cao Đài lấy ngũ giới cấm làm phương châm tu tập. Trong ngũ giới cấm, điều giới sát đứng đầu tiên dành cho người thọ giới phải hành trì một cách nghiêm nhặt, song thường người ta chỉ tránh sát mạng con người hay các loài cầm thú, còn những loại như côn trùng, ong, kiến, người ta ít quan tâm tới, vì coi nó là một sinh vật nhỏ bé. Nhưng theo triết lý Cao Đài, mọi vật dù lớn nhỏ đều có một điểm Chơn linh của Đức Chí Tôn phân tánh, nên đều có tánh linh như nhau. Vì vậy, muôn Chơn linh đều được Thượng Đế thương đều nhau, trong *Kinh Sám Hối* có viết:

*Lòng Trời đất thương đều muôn vật,*

*Đức háo sanh Tiên, Phật một màu.  
Thượng cảm hạ thú lao xao,  
Côn trùng thảo mộc loài nào chẳng linh.  
Nó cũng muốn như mình đặng sống,  
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.*

Chính vì mọi vật đều hữu linh, đều được Chí Tôn thương đồng đều như nhau, nên người tu hành, khi bước chân ra đường lối như đạp chết những sinh vật nhỏ bé thì vô tình cũng phạm phải giới cấm sát sinh. Do vậy, khi bước chân đi chúng ta có niệm *Kinh Ra Đi Đường* thì coi như một lời sám hối, một lời cầu xin Ôn Trên tha thứ tội tình cho chúng ta vậy.

*Xin tha họa gởi tai rơi,  
Hồn linh nhờ có ơn Trời chứng minh.*

**Họa gởi tai rơi:** Những tai họa bất ngờ đưa đến.

**Hồn linh** 魂靈: Vong hồn linh hiển.

**Ơn Trời:** Ôn Thượng Đế, ơn Đức Chí Tôn.

**Chứng minh** 證明: Chứng thật rõ ràng, chứng chiếu.

*Câu 11 và 12: Xin tha cho những tai họa mang đến bất ngờ. Cầu xin hồn linh và nhờ ơn Trời chứng minh đến lòng thành thật này.*

*Đại Từ Phụ oai linh bảo hộ,  
Những chông gai quét ngã ven đường.*

**Đại Từ Phụ** 大慈父: Đấng Cha lành, chỉ Đức Chí Tôn.



**Oai linh:** Hay uy linh 威靈: Quyền uy linh hiển.

**Bảo hộ** 保護: Che chở và gìn giữ.

**Câu 13 và 14:** Cầu xin Đức Đại Từ Phụ dụng uy linh bảo cho con tránh được những chông gai ở ven đường ngoài ngõ.

**Đi an khương, về an khương,  
Cõi Thiên, cảnh Tục cũng đường chung nhau.**

**An khương:** Hay an khang 安康: Yên ổn, vui vẻ và mạnh khỏe.

**Cõi Thiên:** Cõi Trời, cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Cảnh tục:** Cảnh nơi cõi phàm tục, cảnh trần gian.

**Cũng đường chung nhau:** Đường như cũng giống nhau.

**Câu 15:** Xin giúp cho con khi ra đi và khi trở về đều được an khang.

**Câu 16:** Cầu cho những con đường ở thế gian đều được bình an như đường nơi Thiên cảnh.



## CHƯƠNG THỨ NĂM

### KINH KHI VÊ

#### I.-KINH VĂN

#### KINH KHI VÊ

*Cảm tạ ơn trên đầu diu đỡ,  
Từ khi đi khi trở lộn về.*

*Đặng xong phận sự mọi bề,  
Tâm tu lại vững chẳng hề lảng xao.*

*Nhặng nhớ bước động Đào buổi trước,  
Nhặng nhớ khi Hớn rước Diêu Trì.*

*Căn Ta Ca đỡ bước đi,  
Ra thành Phật Tổ gặp kỳ ly cung.*

*Dãy xe trâu Côn Lôn trời bánh,  
Lý Lão Quân mong lánh phong trần.  
Núi Ô Li Vê để dấu chân,  
Gia Tô Giáo Chủ giải phần hữu sanh.*

*Con nguyện xin khuôn linh giúp sức,  
Bước Ta bà giục thúc huệ quang,  
Lòn thân dưới phép sâu than,  
Tìm phương cứu khổ mở đàng giải căn.*

#### II.-CHÚ GIẢI

*Cảm tạ ơn trên đầu diu đỡ,  
Từ khi đi khi trở lộn về.*

**Cảm tạ** 感謝: Cảm kích và tạ ơn.

**Ơn trên đầu:** Ơn đức của Chí Tôn.

**Điù dờ:** Diu dất dờ nâng.

*Câu 1 và 2: Con xin cảm tạ ơn đức của Chí Tôn đã diu dất và nâng đỡ cho con từ khi ra đi đến lúc trở về.*

**Đặng xong phận sự mọi bề,  
Tâm tu lại vững chẳng hề lỏng xao.**

**Phận sự** 分事: Việc về phần mình phải làm.

**Lỏng xao:** Hay xao lỏng, ý chỉ sự bỏ bê, không lo tới, không nghĩ tới.

*Câu 3: Công việc phải làm của con đã xong xuôi, tốt đẹp mọi bề.*

*Câu 4: Và cái tâm tu hành của con vẫn vững bền, không chút nào lỏng xao.*

**Nhãng nhớ bước động Đào buổi trước,  
Nhãng nhớ khi Hón rước Diêu Trì.**

**Nhãng nhớ:** Mãi nhớ tới.

**Động Đào:** Tức Đào nguyên động 桃源洞, hay Đào hoa nguyên 桃花源: Suối hoa đào. Chỉ nơi Tiên ở.

Do bài “Đào hoa nguyên ký 桃花源記” của Đào Uyên Minh hay Đào Tiềm đời nhà Tấn, Trung Quốc. Bài Ký đó được kể lại một người quê ở Võ Lăng làm nghề đánh cá, theo dòng khe mà chèo thuyền đi, quên mất đường về, nên chèo lạc vào một cái động trồng đầy hoa Đào. Trong động ấy, có một nhóm người đang sinh sống, mà trước đây tổ tiên của họ trốn loạn đời nhà Tấn, đến đó ở biệt

lập hẳn với người đời bên ngoài động đã từ lâu rồi.

Sau khi tìm cách ra khỏi động Đào nguyên, người đánh cá trở về quê có kể lại sự tình cho viên Thái thú. Viên Thái thú sai người đánh cá trở lại, tìm những chỗ trước đã đánh dấu, nhưng không tìm được lối vào nữa.

Do vậy, *Động đào*, *Nguồn đào*, *Đào nguyên*, hay *Suối hoa đào* đều được dùng để chỉ nơi Tiên ở, hay động Tiên.

***Hơn rước Diêu Trì:*** Vua Hơn Vũ Đế tiếp rước Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Do Điển tích như sau:

Trong ngày lễ khánh thọ, vua Vũ Đế nhà Hơn có sở nguyện muốn cầu Đức Diêu Trì Kim Mẫu đến chứng lễ. Có một vị Tiên là Đông Phương Sóc biết được ý nhà vua, nên Ông tình nguyện đến triều bái Phật Mẫu để tỏ mọi điều. Phật Mẫu hẹn đêm Trung thu sẽ giáng lâm xuống Hoa Điện, là ngôi đền do vua Vũ Đế lập ra.

Vào nửa đêm Trung thu, bỗng có chim thanh loan bay đậu trước sân, ông Đông Phương Sóc cho biết đó là tin của Đức Phật Mẫu sắp đến, rồi sau đó Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương cũng giáng lâm xuống Hoa Điện và ban cho vua Vũ Đế bốn quả Đào Tiên.

Do sự tích này, ở chánh điện Báo Ân Từ tại Tòa Thánh Tây Ninh, có hình ngôi Hoa Điện, trên có Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương cỡi chim thanh loan, đứng bên có Đông Phương Sóc đang tiếp rước Phật Mẫu. Trước sân Hoa Điện là Đức Thượng Phẩm quì nghinh giá.

***Câu 5:*** *Những nhớ đến chuyện động Đào nguyên khi xưa.*

***Câu 6:*** *Và chuyện vua Hơn Vũ Đế tiếp rước Đức Diêu*

*Trì Kim Mẫu tại Hoa Điện.*

***Cần Ta Ca đỡ bước đi,  
Ra thành Phật Tổ gặp kỳ ly cung.***

**Cần Ta Ca:** Phiên âm từ Phạn ngữ Kantaka, Hán dịch là Càn Trắc (hay Kiến Trắc), là con ngựa của Thái tử Tất Đạt Đa (Sĩ Đạt Ta), lúc nửa đêm chở Ngài cùng với quan giữ ngựa là Xa Nặc, bỏ cung vàng điện ngọc để đi đến nơi thâm sơn cùng cốc mà tu hành. Sau đó, Ngài bảo ông Xa Nặc dẫn con ngựa Kiến Trắc trở về hoàng thành. Về đến thành, con Kiến Trắc liền bỏ ăn rồi chết.

**Phật Tổ 佛祖:** Tổ sư của Đạo Phật.

Khi Thái tử Tất Đạt Đa tu thành Phật, lấy hiệu là Thích Ca Mâu Ni, sáng lập ra Đạo Phật và làm Giáo chủ Phật giáo, nên gọi là Phật Tổ.

**Gặp kỳ:** Gặp lúc.

**Ly cung 離宮:** Rời khỏi hoàng cung, tức là lìa khỏi cung ngự của Thái tử Tất Đạt Đa để xuất gia tu hành, tìm đường giải thoát cho chúng sanh.

**Câu 7 và 8:** *Lại nhớ đến ngựa Kiến Trắc của Thái tử Tất Đạt Đa, nửa đêm Ngài lìa khỏi hoàng cung, tìm đường giải thoát cho chính mình và chúng sanh. Ngài thành Phật, lập nên Phật giáo.*

***Đẩy xe trâu Côn Lôn trời bánh,  
Lý Lão Quân mong lánh phong trần.***

**Đẩy:** Đẩy, cất lên, khởi động lên.

**Xe trâu:** Chiếc xe kéo bằng con trâu, gọi là độc giác thanh ngư (con trâu xanh một sừng) của Đức Lão Tử.

Tương truyền Đức Lão Tử thường cỡi chiếc xe độc giác thanh ngư để đi phổ độ người đời. Theo bài Kinh Tiên Giáo, Ngài cỡi xe trâu đến ải Hàm Cốc để truyền Kinh Đạo Đức cho quan lệnh Doãn Hỷ rồi sau đó, qua các vùng sa mạc phía Tây vực, đem Đạo Vô vi để tế độ cho chúng sanh nơi ấy. Trong Kinh Tiên Giáo có viết:

*Từ khi đông lai, quảng truyền Đạo Đức*

紫氣東來, 廣傳道德

Hoặc:

*Lưu sa Tây độ.*

流沙西度

**Côn Lôn** 崑崙: Núi Côn Lôn, một dãy núi ở Tân Cương, Trung Quốc.

**Trôi bánh:** Bánh xe khởi lăn tới.

**Lý Lão Quân** 李老君: Tức Lão Tử.

Theo sử ký Tư Mã Thiên, Lão Tử là người nước Sở Bửu, huyện Khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ.

Ngài họ Lý 李, tên là Nhĩ 耳, tự là Bá Dương 伯陽, thụy là Đam 聃. Ngài làm quan giữ Tàng thất (Kho sách) ở Kinh đô Lạc Dương của nhà Châu.

Về gia thế thì sử sách không có nói đến, nhưng theo truyền thuyết thì nói rằng mẹ của Lão Tử mang thai Ngài có đến 80 năm mới sinh Ngài do hông bên trái dưới cội cây lý. Khi Ngài được sinh ra thì râu tóc dài và bạc trắng, mới gọi Ngài là Lão Tử. Lão Tử chỉ cây lý mà bảo rằng đó là họ của Ngài.

Khi đến Kinh Đô nhà Châu, gặp Lão Tử hỏi lễ, lúc về Khổng Tử bảo với các đệ tử rằng: Chim ta biết nó bay như thế nào, cá ta biết nó lội làm sao, thú ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có thể lưới bắt nó, cá lội, thì ta có dây câu ví nó, chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chỉ như con rồng, thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay lượn như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng! (Ngô kim kiến Lão Tử kỳ do long da! 吾今見老子其猶龍耶!).

Ở tại Lạc Dương phía đông nhà Châu một thời gian lâu, sau thấy nhà Châu suy, nên Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây, khi đi đến cửa ải Hàm Cốc, quan lệnh là Doãn Hỷ 尹喜. Biết Lão Tử là một Thánh nhân nên quan Doãn tôn Ngài làm Thầy để xin theo học Đạo.

Lão Tử ở lại Hàm Cốc dạy Đạo cho Doãn Hỷ và soạn ra bộ sách nói về Đạo Đức, sách phân làm hai thiên, gồm có trên 5000 chữ. Sau này, quyển sách đó được gọi là “**Đạo Đức Kinh**”.

Rồi từ đó, Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây mất dạng, người ta không biết Ngài đi về đâu.

Đức Lão Tử được vua Đường Cao Tông nhìn là thủy tổ, nên truy phong cho Ngài “*Huyền Nguyên Hoàng Đế*”.

Lão Tử là chơn linh của Đức Thái Thượng Đạo Quân hóa sinh ra, là giáo chủ của Đạo Tiên.

**Phong trần** 風塵: Gió và bụi, chỉ cảnh vất vả, gian nan và uế trước ở cõi trần.

**Câu 9:** *Nhớ đến chuyện Đức Lão Tử ngồi trên xe trâu qua ải Hàm Cốc, truyền Đạo cho ông Doãn Hỷ.*



**Câu 10:** *Và sau đó, Ngài vượt qua núi Côn lôn qua Sa mạc phía Tây (tức miền Tây vức), để đem Đạo Vô vi độ chúng sanh nơi ấy, hầu lánh xa cõi trần bụi bậm này (Kinh Tiên giáo có câu: Lưu sa Tây độ).*

**Núi Ô Li Vê để dấu chân,  
Gia Tô Giáo Chủ giải phân hữu sanh.**

**Núi Ô Li Vê:** Đọc từ âm chữ Pháp Mont des Oliviers, chỉ một ngọn núi ở gần thành Jérusalem của Do Thái. Nơi ngọn núi này Đức Chúa Jésus Christ đã từng tiên tri về thành Jérusalem sau này sẽ bị tàn phá và về sự tái sinh của Ngài. Trước khi Ngài chết để chuộc tội cho loài người, Ngài có lên núi Ô Li Vê (Mont des Oliviers) để cầu nguyện Đức Thượng Đế tha tội cho nhơn loại.

**Để dấu chân:** Đặt dấu chân đến.

**Gia Tô Giáo Chủ 嘉蘇教主:** Đức Chúa Jésus Christ, Giáo chủ Thiên Chúa giáo, Công giáo, hay Gia Tô giáo.

Da Tô 耶蘇 được người Tàu dịch âm từ Jésus, đây đủ hơn là Jésus Christ, là Đấng Chúa Cứu Thế ở Do Thái.

Long vị thờ Đấng Chúa Cứu Thế tại Đền Thánh được viết là Da Tô Giáo Chủ 耶蘇教主 (thay vì Gia Tô Giáo Chủ 嘉蘇教主).

Ngài sanh vào đêm 25 tháng 12 tại thành Bethléem. Mẹ của Ngài là Maria, một nữ tu tại đền thờ Jérusalem. Cha Ngài là Joseph. Hai ông bà rất mộ đạo, tuy bà đang có thai, gần ngày sanh, nhưng hai người vẫn cố gắng tới Đền thờ để châu lễ. Vì vậy, đúng 12 giờ đêm Noel bà chuyển bụng sanh ra Chúa Jésus nơi máng cỏ trong chuồng chiên.

Năm 30 tuổi, Ngài được Thánh Jean Baptiste làm lễ giải oan tại bờ sông Jourdain. Từ đó, Ngài khởi sự giảng Thánh Kinh ngay trong xứ Galilée và Jérusalem, lập nên đạo Thánh ở Do Thái, rồi truyền bá mạnh mẽ sang Châu Âu. Uy quyền bọn vua quan phong kiến bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Ngài.

Bọn chúng mua chuộc một tông đồ của Ngài là Yuda, phản lại Ngài vu cáo cho Ngài mưu việc phản loạn, rồi bắt Ngài lên án tử hình và đóng đinh trên thập tự giá.

Cái chết của Đức Chúa Jêsus thật là cao cả, Ngài chuộc tội cho loài người bên xứ Châu Âu, trở thành một vị Chúa Cứu Thế cho nhơn loại.

**Giải phần hữu sanh** 解份有生: Giải về phần có sự sống, nghĩa là Giáo lý của Đấng Chúa Cứu Thế dạy về Thế đạo, tức về phần đời của nhơn loại.

**Câu 11:** *Trên núi Ô Li Vê ở Do Thái, là nơi đặt dấu chân của Đức Chúa Jêsus Christ.*

**Câu 12:** *Đức Gia Tô Giáo Chủ giải về phần đời sống của con người, tức là giải về lý của kiếp sanh.*

**Con nguyện xin khuôn linh giúp sức,  
Bước Ta bà giục thúc huệ quang,**

**Khuôn linh:** Cái khuôn thiêng liêng, chỉ Đấng Tạo hóa, hay Đức Chí Tôn. Đồng nghĩa với Khuôn thiêng, Khuôn hồng.

**Ta Bà:** Còn gọi là Sa Bà 娑婆, tiếng Phạn Saha, Hán dịch là Kham nhẫn 堪忍. Đây chính là một cõi Tam thiên Đại thiên thế giới, thuộc phạm vi hóa độ của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Sở dĩ dịch là Kham nhẫn,

hàm ý: Chúng sanh trong cõi Sa Bà cam lòng chịu đựng những nỗi khổ sở do ngũ trược gây ra, chẳng biết kiêng sợ. Dù các Tôn giáo đem giáo pháp đến chỉ dạy, vẫn ít kẻ chịu tu hành để thoát ly khổ cảnh, cam tâm vui đắm mãi trong trói buộc, nên gọi là Kham nhẫn.

Cõi chúng ta đang sinh sống thuộc về Thế giới Ta Bà.

**Bước Ta Bà:** Bước đi cùng khắp.

**Giục thúc:** Thúc giục cho thúc tỉnh.

**Huệ quang** 慧光: Ánh sáng của trí huệ. Ánh sáng chiếu tan sự tối tăm ở thế gian, trí huệ cũng vậy, có công năng phá tan sự vô minh đen tối của chúng sanh.

**Câu 13:** *Con nguyện xin Đức Chí Tôn dùng huyền diệu thiêng liêng giúp cho con.*

**Câu 14:** *Và đánh thức cái huệ quang, cái Đạo tâm của con được sáng suốt để con có thể đi hành Đạo khắp mọi nơi.*

**Lòn thân dưới phép sâu than,  
Tìm phương cứu khổ mở đàng giải căn.**

**Lòn thân:** Lấy cái thân lòn cúi vào, đem tấm thân đặt vào nơi.

**Phép:** Cái pháp 法, theo Phật, pháp là tất cả những gì có thể dùng giác quan nhận biết được và luôn tất cả những gì có thể ý niệm được như nhận thức cảm giác, hay có thể dùng đến ngôn ngữ luận đàm được.

**Sâu than:** Sự buồn rầu, đau khổ, sự phiền não, lằm lạc...

**Phép sâu than:** Đó là cái pháp tướng của cõi thế giới Ta Bà, đầy ác trược và uế trược. Đó là những thứ khổ

hình, trước chất mà con người phải nhận lấy, phải cam chịu ở cõi thế gian.

**Căn 根:** Cái gốc rễ. Do gốc rễ của hành vi thiện ác mà kiếp sống hiện tại con người phải thọ lãnh cái nghiệp, nếu kiếp trước làm những điều thiện, thì tạo căn lành cho kiếp sống hiện tại, nếu bây giờ ta làm những việc ác, thì tạo ác căn cho kiếp lai sinh. Như vậy, căn hay cái gốc rễ tạo thành cái nghiệp cho con người, vì thế người ta thường gọi căn quả hay căn nghiệp.

**Giải căn 解根:** Cởi bỏ tất cả các oan khiên nghiệp chướng của kiếp trước.

**Câu 15:** *Lấy cái thân chịu đựng trong cảnh nhần nhọc, khổ sở và phiền não này.*

**Câu 16:** *Để tìm phương cứu giúp cho chúng sanh và mở ra con đường giải trừ oan nghiệp cho con người.*

## CHƯƠNG THỨ SÁU

### KINH KHI ĐI NGŨ

#### I.-KINH VĂN

#### KINH KHI ĐI NGŨ

*Các vật dục xảy qua một buổi,  
Cả hành vi lầm lỗi khôn ngừa.*

*Sắp mình cúi lạy xin thưa, (lạy)  
Ơn Trên Từ Phụ cho chữa tội khiên.*

*Trong giấc mộng nghi yên hôn phách,  
Đấng Thiêng Liêng năng mách bảo dùm.*

*Bông Lai Cực Lạc chỉ chừng,  
Đẩy đũa xác tục dựa côi linh.*

#### II.-CHÚ GIẢI

*Các vật dục xảy qua một buổi,  
Cả hành vi lầm lỗi khôn ngừa.*

**Vật dục** 物欲: Lòng ham muốn về vật chất. Lòng ham muốn này nằm trong năm thứ dục vọng, gọi ngũ dục:

1. Tài 財: Tiền của và tài sản.
2. Sắc 色: Sắc đẹp, thuộc về ái dục, tình dục.
3. Danh 名: Danh vọng, địa vị.
4. Thực 食: Ăn uống, ham thích cao lương mỹ vị.
5. Thụỵ 睡: Ngủ nhiều, ham ngủ.

Ngoài ra, ngũ dục còn được hiểu là năm đối tượng

ham muốn của con người ở thế gian này:

a.- Sắc 色: Sắc đẹp. Đối tượng tham dục của mắt, gọi là sắc dục.

b.- Thanh 聲: Âm thanh êm ái. Đối tượng tham dục của tai, gọi là thanh dục.

c.- Hương 香: Mùi hương thơm. Đối tượng tham dục của mũi, gọi là hương dục.

d.- Vị 味: Mùi vị thơm ngon. Đối tượng tham dục của lưỡi, gọi là vị dục.

e.- Xúc 觸: Đụng chạm của da thịt. Đối tượng tham dục của thân, gọi là xúc dục.

Ngũ dục hay vật dục là sợi dây trói buộc bản thân con người. Để dứt trừ được tâm tham nhiễm vật dục, người tu phải nhìn sâu vào thân, tâm, cảnh đều là bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã. Người chưa biết Đạo thì buông lung năm căn, chạy theo mê đắm ngũ dục, còn người biết Đạo rồi thì cố tìm cách xa lìa khỏi nó.

**Hành vi** 行為: Việc làm của con người.

**Lâm lỗi**: Sai lầm tội lỗi.

**Khôn ngừa**: Không ngăn ngừa được.

**Câu 1 và 2**: Bao nhiêu điều ham muốn về vật chất đã xảy ra trong ngày, lỗi kéo con không ngăn ngừa nổi những hành vi lâm lỗi.

Sanh làm con người, ai cũng như ai, khi trời vừa mới sáng thức dậy thì phải bôn chôn, chen lấn vào giữa chốn giết giành hầu tìm phương kế mưu sinh. Vì măn lo tính kiếm lời sợ lỗ mà con người không chừa một hành

vi mua gian bán lận nào. Đến chiều tính sổ, tiền lời bảo bọc cho mọi người trong gia đình, còn lỗi lầm thì phải một mình gánh chịu.

Mãi lo cơm áo, mà không tự suy xét lỗi lầm của bản thân mình, nên trong Minh Tâm Bửu Giám, Từ Thần Ông có nhắc nhở: Khi nhàn nhã nên kiểm điểm lại những công việc lúc bình sinh đã làm, Lúc yên vắng hãy xét kỹ lại những việc đã làm trong ngày. Một lòng nắm giữ cho tâm ngay chính, thì tự nhiên Trời đất sẽ soi xét đến cho. (Nhàn trung kiểm điểm bình sanh sự, tĩnh lý tư lương nhứt sở vi. Thường bả nhứt tâm hành chánh đạo, tự nhiên thiên địa bất tương khuy 閒中檢點平生事,靜裏思量日所為,常把一心行正道,自然天地不相虧).

Chúng ta thấy rằng lúc rảnh rang, yên tĩnh không lúc nào bằng ban đêm, lại nữa ban đêm thanh vắng là giờ thích hợp cho Lương tâm của con người tỉnh thức. Do vậy hai câu Kinh trên dạy trước khi ngủ phải xét: Trải qua một ngày vất vả, những ham muốn xúi giục con người, không ngăn ngừa nổi những hành vi lầm lỗi thì đêm về phải biết ăn năn chừa lỗi, Thánh giáo Thầy có dạy: *“Lương tâm của các con là một khiêu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức. Làm một việc phải tức là do nơi ý Trời, phạm một nét vạy tà là cãi nơi Thiên luật”*.

Ngoài ra, trong bài *“Khen Ngợi Kinh Sám Hối”* cũng có nhắc nhở và dạy như sau:

*Ngày ngày tập sửa tánh thành,  
Đêm đêm tự tỉnh tu hành ăn năn.*

Hằng ngày, con người dù phải mưu sinh, song tánh

tình phải giữ cho thành thật, và mỗi đêm phải tự tỉnh 自省, tức là tự xét lại mình xem thế nào, nếu có lầm lỗi thì sám hối ăn năn:

*Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,  
Biết lạc lầm sám hối tội căn.*

Kinh là lời của các Đấng Thiêng Liêng đã dạy rành cho nhiều người tụng đọc, do theo đó mà hành. Thế mà người tụng kinh thì nhiều, hành theo nghĩa đã dạy của Kinh thì chẳng có là bao nhiêu!

*Sấp mình cúi lạy xin thừa,  
Ơn Trên Từ Phụ cho chừa tội khiên.*

**Sấp mình cúi lạy:** Cúi sát thân mình để lạy.

Ơn Trên Từ Phụ: Xin Đại Từ Phụ ban ơn cho.

**Tội khiên** 罪愆: Sai lầm và tội lỗi.

**Câu 3 và 4:** Con xin kính lạy và kính trình Đức Đại Từ Phụ, xin ban ơn cho con để con chừa bỏ được những điều tội lỗi.

*Trong giấc mộng nghĩ yên hồn phách,  
Đấng Thiêng Liêng năng mách bảo dùm.*

**Giấc mộng:** Giấc mơ, giấc chiêm bao.

**Hồn** 魂: Linh hồn hay Chơn linh là một điểm Linh quang được chiết ra từ khối Đại Linh quang của Thượng Đế ban cho chúng sanh. Thể này thiêng liêng linh diệu trong con người, nó vốn vô vi, bất tiêu bất diệt, nên khi xác hoại diệt, Linh hồn nhẹ nhàng sẽ trở về cõi vô vi.

**Phách** 魄: Hay vía, còn gọi Chơn thần, là một Đệ nhị xác thân. Theo Thánh giáo, đây là một xác thân thiêng



liêng do Phật Mẫu dùng ngưng khí tạo thành. Thể này thuộc khí chất, bán hữu hình, vì nó có thể thấy đặng, mà cũng không có thể thấy đặng. Khi ra khỏi xác phàm, thì Chơn thân lấy hình xác phàm như khuôn in rập.

Khi còn sống, Chơn thân không thể xuất ra đặng vì bị xác phàm níu kéo, chỉ bậc chân tu mới có thể xuất Chơn thân đặng.

**Năng** 能: Thường thường, có thể.

**Mách bảo:** Chỉ bảo, dạy bảo.

**Câu 5:** *Xin giúp cho hôn phách con được an ổn trong giấc ngủ.*

**Câu 6:** *Cầu xin các Đấng Thiêng Liêng chỉ bảo và nhắc nhở con trong giấc mộng.*

**Bồng Lai Cực Lạc chỉ chừng,**

**Đầy đưa xác tục dựa gần cõi linh.**

**Bồng Lai** 蓬萊: Núi Bồng Lai hay Bồng Sơn.

Tương truyền ở biển Bột Hải 勃海 có nước rất yếu ớt, không đỡ nổi một hạt cải, nên còn gọi là Nhược Thủy 弱水. Biển này có ba hòn đảo: Bồng đảo 蓬島, Doanh đảo 瀛島 (Doanh châu), Phương đảo 芳島 (Phương châu).

Trên Bồng đảo có một ngọn núi gọi là núi Bồng lai hay Bồng sơn. Núi này là nơi tu luyện của Bát Tiên.

**Cực Lạc** 極樂: Chỉ cõi Cực Cực Lạc Thế Giới, hay Tây Phương Cực Lạc, là một cõi tịnh độ ở phương tây do Đức Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này là nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc nên được gọi là Cực Lạc.

Trong A Di Đà Kinh, Phật có thuyết: “*Bỉ độ hà cố*

*danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*”. Nghĩa là: Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc.

Theo kinh, trong cõi Cực Lạc, hết thấy các thứ thọ dụng và thân tướng mỗi mỗi đều thù thắng, trang nghiêm, chẳng hề có sự khổ não, luôn luôn có vô lượng điều vui, nên Kinh viết: “*Đản thọ chư lạc*” (Chỉ hưởng những điều vui sướng).

**Xác tục:** Thân xác phàm tục, còn gọi phàm thân hay nhục thể, là Đệ nhứt xác thân do cha mẹ đào tạo bằng xương thịt. Thể này hữu hình, trọng trước, không thường tồn, dễ bị hoại.

**Cõi linh:** Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Câu 7:** *Cầu xin Ông Trên chỉ bảo cho con biết cõi Bồng Lai và cõi Cực Lạc.*

**Câu 8:** *Để xác thân phàm tục của con đủ sáng suốt mà tìm về với cõi Thiêng Liêng*

## CHƯƠNG THỨ BẢY

### KINH KHI THỨC DẬY

#### I.-KINH VĂN

#### KINH KHI THỨC DẬY

Vừa mở mắt giựt mình thức dậy,  
Con mang ơn cúi lạy Từ Bi (lay).  
Tử sanh, sanh tử là chi?  
Gãm trong giấc mộng cũng bị như nhau.  
Đấy tới sáng xôn xao với thế,  
Nhặng đua chen kiếm kế sinh nhai.  
Có thân giữa chốn đọa đày,  
Đếm ba vạn sáu ngàn ngày khó khăn.  
Xin Từ Phụ ra ơn cứu độ,  
Tặng huyền linh giác ngộ chí thành.  
Rõ phước đức, biết tội tình,  
Năm tâm đắp vũng mặt thành Càn Khôn.  
Trên nhờ có Chí Tôn che chở,  
Thần, Thánh, Tiên, Phật hộ thân hèn,  
Đường tu nối bước cho quen,  
Xa trần tằm tối cận đèn Thiêng Liêng.

#### II.-CHÚ GIẢI

Vừa mở mắt giựt mình thức dậy,  
Con mang ơn cúi lạy Từ Bi.

**Từ Bi** 慈悲: Từ bi là lòng thương yêu tất cả chúng sanh không vụ lợi, không phân biệt thân hay lạ, không kể sang hèn, lòng thương yêu chân thật phát xuất từ chân tâm mà ra.

Từ bi là hạnh của chư Phật, lòng Đại từ bi là hạnh đặc trưng của Đức Thượng Đế.

Từ Bi theo nghĩa câu Kinh là chỉ Đức Chí Tôn.

*Câu 1: Vừa giựt mình tỉnh dậy, sau một giấc ngủ an lành.*

*Câu 2: Con xin tạ ơn và cúi lạy Đấng Từ Bi.*

**Tử sanh, sanh tử là chi?**

**Gãm trong giấc mộng cũng bì như nhau.**

**Tử sanh** 死生: Chết và sống.

Mọi chúng sanh, mọi sự hiện hữu trên cõi đời hữu hình này đều phải có sống chết, sinh diệt theo nguyên lý duyên sinh duyên diệt. Cho nên việc sống chết theo quan niệm của Đạo là quá trình chuyển hóa miên viễn, có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc.

Sống chết đối với Tôn giáo là vấn đề chính yếu: “Sinh tử sự đại, vô thường tấn tốc 生死事大,無常進速” (Sự sinh tử là việc lớn, vô thường đến rất mau chóng). Đức Hộ Pháp cũng có nói: “Ôi! Kiếp sanh tại thế mang xác thịt, hỏi sống được mấy lát? Nội một giấc thức, giấc ngủ là thấy sự chết sống của kiếp con người, mang thi hài bóng dáng này là giả. Cảnh thiệt không phải ở đây, mà cảnh thiệt ở nơi chỗ khác kia, sao không tìm cảnh thiệt là cảnh tồn tại, lại chạy theo bóng?” Vì thế, tất cả các Đạo giáo đều dạy thoát ly sanh tử.

Sanh tức là sống, là con đường người khách trần mượn để đi lên, hay nói cách khác con người phải có kiếp sống ở thế gian này, nghĩa là phải đầu thai xuống thế giới hữu hình, có xác thân để được tu hành cho Chơn linh thăng tiến.

Tử là chết. Thế thường, người đời quan niệm chết là hết. Nhưng đối với nhân sinh quan Đạo Cao Đài hay Phật giáo, chết chỉ là một giai đoạn hoại diệt của thân xác hữu hình hay sự đoạn lìa nghiệp trái ở cõi thế, để có một sự sống miên viễn, bất tận nơi thế giới vô vi, thanh tịnh.

**Gãm:** Suy gãm, ngẫm nghĩ.

**Cũng bì:** Cũng như nhau.

**Câu 3:** *Một kiếp người, sự sống và sự chết là chi? Một quãng đời có nghĩa gì?*

**Câu 4:** *Gãm lại thì kiếp người cũng giống như một giấc mộng mà thôi.*

**Đây tới sáng xôn xao với thế,**

**Những đua chen kiếm kế sinh nhai.**

**Xôn xao:** Rộn rịp.

**Với thế:** Với cõi đời.

**Những đua chen:** Mãi đua nhau chen lấn.

**Sanh nhai** 生涯: Sự nghiệp để sinh sống.

**Kiểm kế sanh nhai:** Tìm kiếm cách để sinh sống, tìm cách mưu sinh.

**Câu 5:** *Bắt đầu sáng, con phải lo làm ăn, rộn rịp với đời.*

*Câu 6: Luôn luôn đua chen để tìm cách sinh sống.*

*Có thân giữa chốn đọa đày,  
Đếm ba vạn sáu ngàn ngày khó khăn.*

**Chốn đọa đày:** Còn gọi là đọa cảnh 墮境: Nơi bị đọa. Ở đây chỉ cõi trần gian của con người, vì nơi này là cõi thấp kém, tối tăm, chứa nhiều tội lỗi, ô trược và khổ não...Cõi đọa đày là nơi để trừng phạt các bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi bị đọa xuống để lập công chuộc tội.

Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “*Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả Chơn linh là luân hồi*”.

**Ba vạn sáu ngàn ngày:** Ba mươi sáu ngàn ngày (36.000 ngày), tức là một trăm năm. Theo Kinh Lễ, một đời người thường sống thọ lắm cũng chỉ lấy trăm tuổi làm kỳ hạn: Nhân thọ dĩ bách niên vi kỳ 人壽以百年之期.

Vì Đạo giáo quan niệm rằng cõi thế gian là chốn đọa đày thì ba vạn sáu ngàn ngày quả là rất lâu đối với con người.

Thói thường, người đời luôn quan niệm rằng ai đang sống lâu nơi cõi thế gian là được phước, nhưng theo tôn giáo, người sống thọ là người chưa trả hết nghiệp quả ở cõi đời, mà cõi đời là cõi đọa đày, nên kéo dài cuộc sống trong cảnh lão và bệnh thì thực là nghiệp nặng nề khổ sở.

*Câu 7: Mang cái xác thân để sống giữa cõi trần đày đọa này.*

*Câu 8: Sống cho trọn kiếp người là trăm năm thực là khó khăn.*

*Xin Từ Phụ ra ơn cứu độ,  
Tặng huyền linh giác ngộ chí thành.*

**Từ Phụ** 慈父: Hay Đại Từ Phụ, chỉ Đức Chí Tôn.

**Tặng** 曾: Thêm, tặng thêm.

**Huyền linh** 玄靈: Huyền diệu linh thiêng.

**Giác ngộ** 覺悟: Tỉnh thức mà hiểu được chân lý.

Giác ngộ còn gọi là chứng ngộ, tức hiểu biết thấu triệt mọi sự vật như thật, thấy biết mọi chân lý Vũ trụ và nhân sinh. Thấy rõ nguyên nhân và nguồn gốc của khổ đau, sanh tử, và biết chọn lựa con đường để giải thoát sanh tử.

Giác ngộ không phải là cái hiểu biết bằng lý luận hoặc phân tích, mà Giác ngộ cốt ở cái thấy biết như thực các sự vật, không vướng ngờ vực, không kẹt kiến thức hoặc kiến chấp.

**Chí thành** 至誠: Rất thành thật.

Người có lòng chí thành là người có thái độ rất nghiêm cẩn, thành thật, không dối mình dối người. Điều gì mình không biết thì nhận rằng không biết: *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã* 知之為知之, 不知為不知, 是知也.

Người chí thành luôn luôn phải sửa mình, không bỏ một giờ phút nào, lúc nào cũng lo sợ có điều dở mà không sửa đổi, làm việc công khai, không lén lút, không mờ ám.

Khổng Tử là người rất chí thành, lúc nào Ngài cũng giữ lễ: Vật không phải lễ thì không nhìn, việc phi lễ thì không nghe, Điều không phải lễ là không nói, việc không phải thì không làm (Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động 非禮勿視, 非禮勿聽, 非

禮勿言,非禮勿動).

Mạnh Tử kiến dương đức chí thành, Ông bảo: Thành thật là cái Đạo của Trời, luyện tập để nên thành thật là cái Đạo của người. Hễ chí thành mà không cảm động được thiên hạ thì chưa hề có, không thành thật thì không cảm được ai cả (Thành giả, Thiên chi Đạo dã, tư thành giả, nhân chi Đạo dã. Chí thành chi bất động giả, vị chi hữu dã, bất thành vị hữu năng động giả dã 誠者, 天之道也, 思誠者, 人之道也, 至誠而不動者, 未之有也, 不誠未有能動者也).

*Câu 9 và 10: Kính xin Đức Đại Từ Phụ ban ơn cứu giúp cho con, xin Ngài dùng huyền diệu thiêng liêng mở mang trí huệ cho được giác ngộ và chí thành.*

*Rõ phước đức, biết tội tình,*

*Nắm tâm đắp vững mặt thành Càn Khôn.*

**Phước đức** 福德: Những hành động về thân, khẩu, ý đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình cho người ở hiện tại và tương lai. Người biết làm phước là người có tâm hướng thiện, nên thường làm những điều thiện để giúp đỡ người khác. Làm phước, làm lành thì được phước báo (phước quả) hay thiện báo (thiện quả).

Phước đức có hai thứ:

– *Phước hữu lậu*: Phước quả này được an vui tương đối vì còn trong sinh tử luân hồi.

– *Phước vô lậu*: Quả này được an vui tuyệt đối, thoát ly sanh tử.

**Tội tình** 罪情: Tội lỗi, những việc làm dữ, ác, xấu, không hợp đạo lý, có hại cho mình, cho người khác ở hiện



tại hay tương lai.

Con người ở thế gian vì vô minh che mờ đi chân tánh và bị thất tình lục dục sai khiến, nên tạo những hành vi hung ác mà gây ra nhiều tội lỗi.

**Nắm tâm:** Gìn giữ tâm, tức trụ tâm lại.

Theo Nho giáo, tâm là thần minh, là phần chủ thể của con người. Vì phóng túng theo vật dục, tâm thường bị mê mờ. Do vậy, người quân tử phải tồn tâm, tức là giữ cho còn cái bản tâm hư linh của mình, và nuôi nó cho càng ngày càng sáng suốt.

Phật giáo cho rằng “Tâm viên ý mã 心猿意馬”, ấy là tâm ý buông lung, chạy nhảy như vượn và ngựa. Do đó, hành giả cần phải điều phục tâm ý cho được định tĩnh, tập trung không cho tán loạn.

**Càn khôn** 乾坤: Quẻ Càn và quẻ Khôn trong bát quái, tượng trưng cho hai quẻ Âm Dương, hay Trời đất. Theo Dịch học, nguyên lý của Âm Dương tức là **Đạo** vậy.

**Câu 11:** *Biết rõ điều phước đức, biết rõ việc tội tình.*

**Câu 12:** *Con nguyện gìn giữ tâm để bồi đắp vững chắc Nền Đạo cho dài lâu.*

**Trên nhờ có Chí Tôn che chở,  
Thần, Thánh, Tiên, Phật hộ thân hèn,**

**Che chở:** Do Hán tự là phú tải 賦載: Che và chở, tức là Trời che đất chở (Thiên phú địa tải 天賦地載), chỉ ơn bảo dưỡng, ơn hộ trì của Trời đất.

**Hộ 護:** Giúp đỡ che chở.

**Câu 13 và 14:** *Trên nhờ có Đức Chí Tôn che chở cho*

*con. Và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần hộ trì cho tấm thân hèn mọn của con.*

***Đường tu nối bước cho quen,  
Xa trần tắm tối cận đèn Thiêng Liêng.***

***Đường tu:*** Con đường tu hành.

***Nối bước:*** Tiếp nối theo bước chân đi, tiếp bước.

***Xa trần tắm tối:*** Xa cõi phàm trần là nơi tắm tối.

***Cận đèn Thiêng Liêng:*** Gần được ánh sáng của ngọn đèn Thiêng Liêng. Ý nói Xa được trần gian là cảnh tắm tối để tìm về cõi sáng sửa nơi Thiêng Liêng.

***Câu 15:*** *Xin các Đấng giúp con được tiếp nối trên bước đường tu hành.*

***Câu 16:*** *Hầu xa lánh được cõi trần ai đây tắm tối này và gần gũi nơi các Đấng Thiêng Liêng*

## CHƯƠNG THỨ TÁM

### KINH VÀO HỌC

#### I.-KINH VĂN

##### KINH VÀO HỌC (I)

*Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu,  
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.  
Gần điều nên, lánh lẽ hư,  
Nương gương thân huệ đặng trừ nghiệt căn.  
Dò đường Thánh khó khăn chẳng ngại,  
Tùng khuôn Hồng nhỏ đại lớn khôn.  
Bộc yêu thương bạn đồng môn,  
Nghĩa nhân ven giữ xác hồn trăm năm.  
Nguyện tam cương gìn tâm trọn đạo,  
Nguyện ngũ thường hiếu thảo làm khuôn.  
Nguyện nên hương hỏa tông đường,  
Nguyện thương lễ thứ trong trường công danh.  
Cầu khẩn Đấng Chơn linh nhập thể,  
Đủ thông minh học lễ học văn.  
May duyên gặp hội Long Vân,  
Thuyền thơ ngọn gió Các Đàng xuôi đưa.*

#### II.-CHÚ GIẢI

*Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu,  
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.*

**Khiếu:** Cái khả năng thông minh của con người còn tìm ẩn, cái năng khiếu hiểu biết đặc biệt của con người về văn chương, âm nhạc, hội họa, khoa học...v.v.

**Khai khiếu:** Khai mở năng khiếu.

Con người ai cũng có những năng khiếu đặc biệt thiên phú còn tiềm ẩn, chưa có điều kiện bộc phát ra. Khi được mở khiếu hay gặp cơ duyên, những khả năng tài giỏi mới được bộc lộ ra ngoài.

**Văn từ** 文詞: Văn chương và lời nói. Nghĩa rộng là văn chương chữ nghĩa.

**Câu 1 và 2:** Kính xin Đức Đại Từ Phụ thương yêu con, khai khiếu thông minh cho con, giúp cho con sáng suốt, học hành mau thông hiểu văn chương nghĩa lý.

**Gần điều nên, lánh lẽ hư,**

**Nương gương thân huệ đặng trừ nghiệt căn.**

**Điều nên:** Những điều phải, hợp với đạo lý.

**Lẽ hư:** Lẽ hư xấu, là những điều trái với lẽ phải, lẽ đạo đức.

**Nương:** Dựa vào, tựa vào.

**Thân huệ** 神慧: Trí huệ thân diệu.

**Gương thân huệ:** Cây gương (hay cây kiếm) trí huệ thân diệu.

Trí huệ được ví như một cây gương hay kiếm sắc bén, có thể chiến thắng được thất tình lục dục và có thể chặt đứt mọi phiền não oan nghiệt.

**Nghiệt căn** 孽根: Nghiệt là mầm ác, căn là gốc rễ do hành vi thiện ác trong kiếp sống trước.

Nghiệt căn là những việc làm ác độc trong kiếp sống trước, tạo thành gốc rễ để báo ứng những ác quả trong kiếp sống hiện tại mà con người phải gánh chịu.

*Câu 3: Nhờ thông minh đó, con mới hiểu được những điều nên mà con học tập theo, những việc xấu xa để con xa lánh.*

*Câu 4: Đem cái trí huệ tìm về cõi lành và sử dụng trí huệ như cây gươm thần diệt trừ oan nghiệt đã lưu truyền trong kiếp trước.*

Theo Nho giáo, con người sinh ra tính vốn lành, vì tập nhiễm xã hội nên tính của con người trở nên bất thiện. Do vậy người xưa dạy phải xa lánh những điều xấu xa, gần gũi những việc tốt, bởi họ cho rằng: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”.

Ở đây, bài Kinh Nhập Học cũng khuyên học trò “*gần điều nên*”, tức là thân cận với người lành, việc lành, đừng học hỏi những sở hành hay tánh tình của người thiện; “*lánh lẽ hư*” tức là tránh xa các thói xấu, trừ bỏ những việc hư tệ. Ông Thái Công dạy rằng: Gần son thì đỏ, gần mực thì đen, gần người hiền thì sáng, gần người tài thì trí, gần kẻ ngậy thì dại, gần người lành thì có đức, gần người trí thì thông minh, gần kẻ ngu thì ám muội, gần kẻ nịnh thì bợ đỡ, gần kẻ trộm thì sinh giặc (Cận chu giả xích, cận mặc giả hắc, cận hiền giả minh, cận tài giả trí, cận si giả ngu, cận lương giả đức, cận nịnh giả siểm, cận thâm giả tặc 近朱者赤, 近墨者黑, 近賢者明, 近才者智, 近癡者愚, 近良者德, 近佞者諂, 近偷者賊).

Thánh nhân xưa cũng thường nói: Ở gần với người tốt, như đi giữa đám mù sương, tuy chẳng ướt át mà dầm

thấm mát mẻ. Còn ở chung với người không biết lẽ phải, thì cũng như ngồi giữa hàng cá ươn, dầu chẳng dơ áo, mà nghe mùi hôi thúi (Dữ hảo nhân xử như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời tư nhuận; dữ vô thức giả xử như bào ngư tứ trung tọa, tuy bất ô y, thời thời văn xú 與好人處如霧露中行, 雖不濕衣, 時時滋潤, 與無識者處如鮑魚肆中坐, 雖不污衣, 時時聞臭).

Trên đời chỉ có hai đường để đi: Lành dữ, tốt xấu để cho con người tùy ý chọn lựa, song muốn con người có tư cách, phẩm hạnh tốt thì phải thi hành theo lẽ phải, lẽ đạo đức.

Ngoài ra, con người cần phải mượn cái trí huệ của mình, làm vũ khí để chiến thắng thất tình lục dục thì mới có thể trừ khử được căn nghiệp, là mối của luân hồi sinh tử.

***Dò đường Thánh khó khăn chẳng ngại,  
Tùng khôn Hồng nhỏ dại lớn khôn.***

**Dò:** Tìm, dò tìm.

**Đường Thánh:** Con đường của các bậc Thánh, Hiền đã chỉ dẫn, dạy bảo, ví như đường đạo lý, đường học vấn.

Đây chỉ con đường Nho học của Đức Khổng Tử. Còn được gọi là rừng Nho, biển Thánh để chỉ nền Nho học mênh mông, bát ngát:

*Rừng Nho, biển Thánh khôn dò,*

Nhỏ mà không học lớn mò sao ra.

**Chẳng ngại:** Không nề hà.

**Tùng 從:** Tuân theo, tùng theo.

**Khôn hồng:** Một dụng cụ to để đúc ra các thứ đồ

vật, khuôn thiêng liêng, được ví như Đấng Tạo Hóa đã sản xuất ra vạn vật. Đây chỉ Đức Thượng Đế hay Chí Tôn.

**Nhỏ đại lớn khôn:** Lúc nhỏ thì khờ dại, khi lớn sẽ khôn ngoan hơn.

**Câu 5:** Trên bước đường học vấn, dù có khó khăn, gian lao, con cũng chẳng hề ngại.

**Câu 6:** Tuân theo khuôn luật thiêng liêng, từ nhỏ khờ dại, càng lớn con càng khôn ngoan hơn.

**Buộc yêu thương bạn đồng môn,  
Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.**

**Buộc yêu thương:** Bắt buộc phải thương yêu nhau.

**Đồng môn** 同門: Cùng chung một cửa trường. Đây chỉ bạn bè cùng học một trường, học một Thầy.

**Nghĩa nhân** 義仁: Hai điều quan trọng trong Nho giáo, cũng là tôn chỉ của Đạo Cao Đài.

Hai chữ Nhơn nghĩa đại ý:

Nhơn là lòng thương người, là từ bi, bác ái.

Nghĩa là công bình chánh trực.

Trước mặt tiền của ngôi Tòa Thánh có đề hai chữ Nhơn Nghĩa, nhằm cho biết đạo lý của con người từ căn bản nhơn nghĩa mà phát huy ra làm cho nhân sinh được thuận hòa, an lạc, xã hội thanh bình, hạnh phúc.

**Vẹn giữ:** Giữ cho tròn vẹn.

**Xác hồn trăm năm:** Hồn và xác được trăm năm, ý chỉ một đời người, vì một đời người được coi như sống trăm tuổi.

**Câu 7:** *Với bạn bè cùng học một trường, con buộc phải thương yêu nhau, kính mến nhau.*

**Câu 8:** *Trọn một kiếp người, con nguyện phải đối xử nhau cho vẹn nhưn nghĩa.*

**Nguyện tam cương gìn tâm trọn đạo,  
Nguyện ngũ thường hiếu thảo làm khuôn.**

**Tam cương** 三綱: Cương hay cương là giếng lưới, giếng mối. Tam cương là ba giếng mối trong đạo làm người: Quân thần cương 君臣綱 (Đạo vua tôi), Phụ tử cương 父子綱 (Đạo cha con), Phu thê cương 夫妻綱 (Đạo chồng vợ).

**Gìn tâm:** Gìn giữ tâm, nghĩa như nắm tâm (Xem chú thích nơi câu 12 bài Kinh Khi Thức Dậy).

**Trọn đạo:** Vẹn toàn Đạo lý, tức vẹn cách cư xử với đời, hợp lẽ phải và hợp đạo đức.

**Ngũ thường** 五常: Thường là hằng có. Ngũ thường là năm đạo thường gồm có: Nhân 仁, Nghĩa 義, Lễ 禮, Trí 智, Tín 信.

**Hiếu thảo:** Hết lòng phụng dưỡng và yêu kính cha mẹ, ăn ở với cha mẹ hết mực tôn kính và nuôi dưỡng đủ đầy.

**Làm khuôn:** Làm thành khuôn phép.

**Câu 9:** *Con nguyện giữ Đạo tâm cho trọn vẹn, lấy Tam cương để cư xử với đời.*

**Câu 10:** *Nguyện lấy Ngũ thường làm khuôn vàng thước ngọc xử thế và nguyện một mực hiếu thảo với mẹ cha.*

**Nguyện nên hương hỏa tông đường,  
Nguyện thương lễ thứ trong trường công danh.**



**Hương hỏa** 香火: Đốt đèn nhang thờ Thần, Phật hoặc thờ Ông bà tổ tiên. Hương hỏa còn có nghĩa là phần gia tài dành riêng để cúng tổ tiên. Ở câu Kinh này, hương hỏa chỉ đèn nhang cho bàn thờ Ông bà.

**Tông đường** 宗堂: Nhà thờ tổ tiên, nhà thờ của dòng họ.

Ngày xưa trong mỗi dòng họ đều có lập một nhà thờ riêng để thờ vị thủy tổ và các vị tổ tiên, tất cả con cháu của dòng họ đó, dù đi làm ăn xa bất cứ nơi đâu, cũng có lệ hằng năm vào ngày kỵ (có nơi gọi nhật lễ) đều phải qui tụ về cúng lạy tổ tiên, nếu người nào vi phạm thì áp dụng tông luật, luật của dòng họ họp nhau đặt ra, xử phạt để răn dạy con cháu sau này.

**Lê thứ** 黎庶: Lê là đen, thứ là nhiều, đông. Lê thứ chỉ dân đen, dân chúng. Đồng nghĩa với lê dân.

**Công danh** 功名: Có công nghiệp và có danh tiếng trong xã hội. Nghĩa rộng là quan trường, tức làm quan để có tiếng trong xã hội.

**Trường công danh**: Chỉ con đường làm quan.

**Câu 11:** Con cũng nguyện tỏ tác lòng thành kính mà lo hương hỏa để phụng tự tổ tiên ông bà.

**Câu 12:** Nếu thành đạt về bước đường công danh, con nguyện sẽ lo lắng giúp ích và thương yêu đồng bào máu thịt.

**Câu khấn Đấng Chơn Linh nhập thể,  
Đủ thông minh học lễ học văn.**

**Câu khấn** 求懇: Cầu xin một cách khẩn thiết, tha thiết cầu xin.

**Đấng Chơn Linh:** Chơn linh 真靈: Linh hồn của con người, là một điểm Linh quang do khối Đại Linh quang của Đức Chí Tôn chiết ra. Đấng Chơn Linh ở đây tức là Đấng Đại Chơn linh, chỉ Đức Chí Tôn.

**Nhập thể** 入體: Nhập vào thể hài của con người, nghĩa là thể hài tiếp nhận ân điển Thiêng liêng.

**Đấng Chơn Linh nhập thể:** Cầu xin Đấng Chơn Linh ban cho thể hài con tiếp được điển huyền diệu thiêng liêng, hay nói cách khác, là tiếp được ân điển của Đấng Chơn Linh.

**Thông minh** 聰明: Thiên tư sáng suốt.

**Học lễ học văn** 學禮學文: Học lễ nghi, tức học những phép tắc về luân lý đạo đức; học văn là học văn chương chữ nghĩa và khoa học. Tại trường học xưa và nay, thường đề câu thành ngữ như: “Tiên học lễ, hậu học văn 先學禮, 後學文”, tức là trước học lễ nghĩa, sau học văn từ.

Các Thánh hiền xưa trọng lễ giáo nên mục đích của văn chương đối với các Nho gia là “Văn dĩ tải Đạo 文以載道”: Lấy văn chở Đạo, tức là lấy văn chương chữ nghĩa để dạy và truyền bá về luân lý đạo đức. Vì thế tất cả các sách của Thánh hiền xưa ra đời không ngoài việc giáo hóa con người về lễ và văn: Lễ để trau dồi phẩm hạnh con người, văn để khai hóa kiến thức con người.

**Câu 13 và 14:** Con cầu khẩn Đấng Chơn Linh ban bố cho thể hài con tiếp được điển Thiêng Liêng huyền diệu hầu con đủ thông minh để học lễ học văn.

*May duyên gặp hội Long Vân,*

### *Thuyền thơ ngọn gió Các Đăng xuôi đũa.*

**May duyên:** Có duyên may mắn.

**Long vân** 龍雲 hay **Hội long vân** 龍雲會: Hội rồng mây. Đây là một thành ngữ xuất xứ ở Kinh Dịch: “Vân tùng long, phong tùng hổ 雲從龍, 風從虎”: Mây theo rồng, gió theo cọp. Ý chỉ thời may vận đồ để tôi hiền gặp chúa Thánh như rồng gặp được mây.

**Thuyền thơ:** Hán viết thơ (hay thư) thuyền 書船: Thuyền chở đầy kinh sách. Ý chỉ thuyền chở người văn tài uyên bác.

**Các Đăng:** Viết tắt của từ Đăng Vương Các 滕王閣: Một cái gác được xây tại Hàng Châu, một nơi danh lam thắng cảnh ở Trung Hoa. Gác này do Đăng Vương Lý Nguyên Anh đã xây dựng, lấy hàm tước vua phong để đặt tên gác: Đăng Vương Các.

Câu Kinh “*Thuyền thơ ngọn gió Các Đăng xuôi đũa*” do sự tích sau đây:

Vương Bột 王勃, tự là Tử An 子安 mới 6 tuổi đã biết làm văn, lớn lên thi đậu cao, nhưng tính khí kiêu căng.

Tương truyền, có một vị đô đốc tên là Diêm Bá Tự ở Hồng Châu đặt tiệc tại Đăng Vương Các, muốn khoe tài chàng rể mình là Ngô Tử Chương, nên biểu làm trước một bài tự rồi mời hết các nhà quyền quý cùng văn sĩ xa gần lại dự yến và yêu cầu mỗi người làm cho một bài tự ngay trong buổi tiệc.

Vương Bột lúc ấy mới 15 hay 16 tuổi, đang ở nơi xa Đăng Vương Các hơn mấy trăm dặm đường, được một ông cụ cho hay tin và khuyên chàng cứ sửa soạn buổi và

chèo đi, tự nhiên sẽ có gió nổi dậy giúp cho. Quả nhiên, đêm đó có gió to, chàng cho thuyền khởi hành và hôm sau tới Đàng Vương Các, vừa kịp lúc vào yến tiệc.

Đò đốc Diêm Bá Tự chê chàng là con nít, nhưng miễn cưỡng cấp giấy bút cho chàng làm bài tự, song sai người đứng bên cạnh chàng, hễ chàng viết được câu nào thì chép lại mang cho ông coi.

Mới đọc mấy hàng đầu, ông đã ngạc nhiên vì lời văn già dặn của Vương, tới câu:

*“Lạc hà dũ cô vụ tể phi,*

落霞與孤鶩齊飛

*Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc”*

秋水共長天一色

(Ráng chiều với cò lẻ cùng bay

Nước thu cùng trời dài một sắc)

Thì ông khâm phục thiên tài của vị thiếu niên ấy.

Từ đó, danh của Vương Bột vang dậy khắp nơi. Song tiếc thay, đương giữa tuổi xuân, trong khi đi thăm cha làm quan ở Giao Chỉ, chàng bị đắm thuyền, chết ở giữa biển.

Do sự tích ngọn gió đưa chiếc thuyền của Vương Bột đến kịp lúc dự yến và làm bài tự nổi danh, nên có câu: **“Thời lai, phong tống Đàng Vương Các** 時來, 風送滕王閣” (Thời tới thì gió đưa đến gác Đàng Vương) để chỉ sự may mắn của người gặp được thời. <sup>(4)</sup>

**Câu 15 và 16:** *Nếu con có duyên may mắn mà gặp được hội rồng mây để chọn kẻ anh tài thì con nguyện đem hết tài sức của mình ra thi thố với người mới phi dạ.*

④ Học trò đọc khi nhập học.

④ Trong Minh Tâm Bửu Giám, Tích hiền có nói rằng: Người biết mệnh Trời thấy lợi không động, gặp chết không oán, được một ngày qua một ngày, được một giờ qua một một giờ. Đi mau đi chậm, tiền đồ cũng chỉ bấy nhiêu đường. Thời mình đến, dù gác Đấng Vương xa gió đưa cũng tới, vận mình đi, dù cái bia Tiên phước, sét cũng đánh hư ngã (Tri mệnh chi nhân kiến lợi bất động, lâm tử bất oán, đắc nhất nhật quá nhất nhật, đắc nhất thời quá nhất thời, khẩn hành mạn hành tiên trình chỉ hữu hứa đa lộ, **thời lai phong tống Đấng Vương các, vận khứ lôi oanh Tiên phước bi** 知命之人見利不動,臨死不怨,得一日過一日,得一時過一時,緊行慢行前程只有許多路,時來風送滕王閣,運去雷轟薦福碑).



## CHƯƠNG THỨ CHÍN

### KINH VÀO ĂN CƠM

#### I.-KINH VĂN

#### KINH VÀO ĂN CƠM

*Giữa vạn vật con người một giống,  
Phải uống ăn nuôi sống thây phàm.  
Từ Bi ngũ cốc đã ban,  
Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.  
Công Thần Nông hóa dân buổi trước,  
Dạy khôn ngoan học chước canh điền.  
Nhớ ơn bảo mạng Huyền Thiên,  
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.*

#### II.-CHÚ GIẢI

*Giữa vạn vật con người một giống,  
Phải uống ăn nuôi sống thây phàm.*

**Vạn vật** 萬物: Muôn vật, chỉ tất cả các loài sinh vật nơi thế gian.

**Một giống:** Một loài giống như nhau.

**Thây phàm:** Thể xác phàm tục.

**Câu 1 và 2:** Con người cũng như bao sinh vật khác, sống ở thế gian này, cần phải ăn uống để nuôi sống thây phàm.

Vạn vật và con người đều có bẩm thụ một điểm Chơn linh của Chí Tôn phân tánh, song mỗi vật đều có

một hình thể hữu hình khác nhau, tùy theo trình độ tiến hóa của từng Chơn linh đó. Con người, so với muôn vật, có tánh linh hơn hết, vì bảm thụ tam hồn: sanh hồn, giác hồn và linh hồn, vì thế cơ thể loài người cũng tiến hóa hơn loài vật. Cơ thể đó muốn tồn tại và trưởng thành, nó phải mượn vật thực ở thế gian để ăn uống, nuôi dưỡng hằng ngày. Thức ăn vì vậy cũng cao hơn loài vật.

Từ cổ xưa loài người đã biết tìm hoa quả để ăn, sau đó các thánh nhân đã dạy kết cây làm tổ, săn bắt thú rừng, chim cá mà ăn, đây là thời kỳ ngư lập. Đến khi vua Thần Nông đeo gổ chế ra cày bừa, dạy dân làm ruộng và tìm ra ngũ cốc để làm lương thực cho dân, đó là tiến đến giai đoạn nông nghiệp, là giai đoạn con người đã biết dùng cơm, gạo để ăn rồi vậy.

*Từ Bi ngũ cốc đã ban,  
Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.*

**Từ Bi** 慈悲: Chỉ Đức Chí Tôn.

**Ngũ cốc** 五穀: Năm thứ hạt để làm lương thực: Đạo 稻: Lúa gạo, lương 糧: lúa nếp, thức 菽: Đậu, mạch 麥: lúa mì, tặc 稷: hạt kê.

**Châu toàn** 週全: Vẹn khắp, không có sót hở chỗ nào. Giúp đỡ người khổ.

**Câu 3 và 4:** *Nhờ ơn Đức Thượng Đế đã ban cho con người năm thứ lương thực để nuôi dưỡng thân phàm cho được đầy đủ và vẹn khắp.*

Chí Tôn sinh hóa ra con người là một thực thể hữu hình, có mặt trên cõi hồng trần này, không phải tạo nên hình rồi để tự sống, mà Ngài phải khiến các bậc Thánh



nhân xuống trần để chỉ dạy con người làm tổ để tự bảo vệ lấy mình, làm lúa để có cơm mà ăn, tìm thuốc để được trị bệnh.

Như trên ta biết, ngoài việc tìm ra lúa khoai để con người nuôi sống cây phàm, vua Thần Nông còn tìm ra các vị thuốc để trị bệnh dân, dạy dân hợp chợ búa để trao đổi hóa vật, dạy dân định cư, xây dựng gia đình tông tộc để tiến đến xã hội nông nghiệp.

Xem thế, lòng của Thánh nhân cũng noi theo lòng từ bi của Đức Thượng Đế. Người tu hành cũng phải trau luyện, giới mài cho lòng của mình như bậc Thánh nhân, tức là phát huy tư tưởng phục vụ lợi ích cho sanh chúng, đó là tạo công quả trong thời Tam Kỳ Phổ Độ vậy.

***Công Thần Nông hóa dân buổi trước,  
Dạy khôn ngoan học chước canh điền.***

**Thần Nông** 神農: Theo sách Thượng Thư Đại Truyện thì Thần Nông là một vị vua thứ ba trong thời Tam Hoàng, đó là Toại Nhân 燧人, Phục Hy 伏羲, Thần Nông 神農.

Thần Nông hiệu là Viêm Đế 炎帝, là vị vua thời Thượng cổ, trị vì sau vua Phục Hy. Ngài có công dạy dân đẽo gỗ chế ra cày bừa để làm ruộng, hợp chợ búa để dân trao đổi hóa vật, nếm các thứ cây cỏ để làm vị thuốc cho dân trị bệnh.

Đến thời vua Thần Nông con người mới biết định cư, sống hợp quần theo nông nghiệp. Ngài có công lớn trong việc tìm các loại ngũ cốc, khoai củ để làm lương thực cho dân chúng thời bấy giờ, và mãi mãi sau này.

**Hóa dân** 化民: Giáo hóa như dân, tức dạy cho như dân từ cách sống cho đến những phép tắc ở đời.

Các vị vua thời Thượng cổ ngoài việc trị dân, cũng là những vị Thánh nhân có công giáo hóa dân, bảo vệ dân.

Trong sách cổ có viết: Hữu Sào dạy dân biết kết cành làm tổ để trú ẩn; Toại Nhân bày cho dân chúnng khoang gỗ lấy lửa để nấu chín đồ ăn; Phục Hy dạy dân nuôi thú vật để sai khiến, làm lưới để săn và đánh cá, nuôi tằm, vẽ bát quái chỉ cái lẽ âm dương biến hóa của muôn vật, chế đàn cầm, đàn sắt, dạy dân phép cưới vợ gả chồng, từ đó mới có danh từ gia tộc, Thần Nông chế tạo cày bừa, dạy dân cày cấy, tìm các loại ngũ cốc để chế thịt thú cầm, và nếm cây cỏ tìm vị thuốc để giúp dân trị bệnh.

**Canh điền** 耕田: Cày ruộng.

*Câu 5: Con xin mang ơn Vua Thần Nông vì Ngài có công dạy dỗ dân chúng buổi trước.*

*Câu 6: Dạy cho dân chúng được khôn ngoan mà biết cày cấy làm ruộng để tạo ra ngũ cốc cho dân dùng.*

**Nhớ ơn bảo mạng Huyền Thiên,  
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.**

**Bảo mạng:** Hay bảo mệnh 保命: Bảo vệ sanh mạng, bảo vệ mạng sống.

**Huyền thiên** 玄天: Chữ Huyền là màu trời. Huyền thiên là chỉ Trời, Đấng Tạo hóa, Đấng Chí Tôn.

**Mượn xác:** Mượn lấy xác phàm.

Đoạt quyền vĩnh sanh 奪權永生: Đoạt được quyền hằng sống, tức đạt Đạo để về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Câu 7:** *Chúng con nhớ đến ơn các bậc Thánh đã tìm cách bảo vệ mạng sống cho con ví như ơn TẠO HOÁ.*

Thời Thượng cổ, các Thánh nhân ngoài việc trị dân còn tìm cách giáo hóa, bảo vệ mạng sống của dân, công ơn ấy rất cao dày được ví như ơn Đấng Huyền Thiên, tức ơn TẠO HOÁ (Vị Thánh chất của Đấng TẠO HOÁ hay Chí Tôn là Bảo sanh).

Sách Hàn Phi Tử viết: Đời Thượng cổ, người thì ít mà cầm thú thì nhiều, nhân dân không thắng được loài chim thú, rồng rắn, nhờ có Đấng Thánh nhân dấy lên, kết cây làm tổ cho dân chúng có chỗ ở để tránh tai hại, nhân dân mang ơn, tôn làm vua thiên hạ, hiệu là Hữu Sào.

Đến đời vua Thần Nông cũng vậy, Ngài dạy dân từ thời kỳ ngư lập (Săn và đánh cá), tiến đến thời kỳ nông nghiệp, con người bắt đầu sống hợp quần và định cư, biết làm ruộng để lấy lương thực, biết tìm cây cỏ để làm thuốc.

Sách Thương Quân khen đời vua Thần Nông như sau: Đời Thần Nông, con trai cày mà ăn, con gái dệt mà mặc, không dùng hình, chính, mà dân được trị, không dấy binh đao mà làm vua được thiên hạ.

Thực là một đời vua có công rất lớn cho con người thời bấy giờ và mãi mãi về sau.

**Câu 8:** *Con mong mượn cái xác phàm phu này để quyết chí tu hành hầu đoạt vị nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

Thượng Đế tạo lập nên Càn khôn Vũ trụ, hóa sanh vạn vật và ban cho con người một điểm Linh quang, tức là một thực thể vô hình, có tính cách trợn lành. Khi nhập thế, Chơn linh đến từng cõi giới, phải tiếp nhận mỗi cõi

một cái vỏ để thích hợp với từng cõi giới đó. Đến cõi hồng trần, Chơn linh khoác lên cái thân xác cuối cùng phù hợp với cõi giới này là hình hài xác thịt.

Để có mặt và tồn tại, con người phải hít thở khí của Trời, uống ăn vật thực của đất, tức là phải thọ biết bao nhiêu ân đức của Đấng Huyền Thiên (Thượng Đế). Vì vậy, con người phải biết báo đền nguồn ân ấy bằng cách giữ vẹn khối Chơn linh cho nhẹ nhàng trong sạch để làm sao Chơn linh ấy có thể phản bổn huồn nguyên, hầu hòa nhập cùng Thượng Đế.

Muốn vậy, con người phải mượn cái thân xác nặng nề, ô trược này lo trau luyện, giới mài tâm tánh, nghĩa là dẹp bỏ thất tình lục dục, tu dưỡng thân thể tinh khiết bằng cách gìn giữ trai giới, có tư tưởng thanh cao, phát huy bản thể trọn lành của Đức Thượng Đế và thường xuyên lễ bái để tâm thần được thông công, giao cảm với Thiêng Liêng hầu phạm thân trở nên Thánh thể. Lúc ấy Chơn linh mới nhẹ nhàng, trong sạch mà qui nguyên cõi Hằng sống (Vĩnh sanh).

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI

### KINH KHI ĂN CƠM RỒI

#### I.-KINH VĂN

#### KINH KHI ĂN CƠM RỒI

*Nguyện nhớ ơn nông canh nhần nhọc,  
Nguyện ơn người lúa thóc giã xay.  
Ngậm cơm ơn ngậm hằng ngày,  
Nên người con nguyện ra tài lợi sanh.  
Con cầu xin mảnh hình tráng kiện,  
Giúp nên công xây chuyển cơ Trời.  
Trên theo pháp luật Đạo Trời,  
Dưới thương sanh chúng một lời đĩnh ninh.(1)*

#### II.-CHÚ GIẢI

*Nguyện nhớ ơn nông canh nhần nhọc,  
Nguyện ơn người lúa thóc giã xay.*

**Nông canh:** Hay canh nông 耕農: Cày ruộng, chỉ những công việc của nông nghiệp: Cày, cấy, gieo, gặt...

**Nhần nhọc:** Hay nhọc nhằn, vất vả.

**Lúa thóc:** Các loại lúa gạo.

**Giã xay:** Xay lúa và giã gạo.

**Câu 1:** Con nguyện nhớ ơn những người làm ruộng nhọc nhằn, vất vả.

**Câu 2:** Nguyện nhớ đến công ơn người xay lúa giã

*gạo cực khổ để làm nên hạt cơm nuôi sống con hằng ngày.*

Ăn uống là việc hằng ngày của con người buộc ai cũng phải có. Ăn để cung cấp chất dinh dưỡng cơ thể, bổ sung năng lượng cho con người hoạt động. Vật thực tiến theo từng thời kỳ: Thời kỳ hái lượm thì con người ăn rau quả; đến thời kỳ ngư lập thì con người đánh bắt cá hay săn thú rừng mà ăn thịt; sang đến thời nông nghiệp, con người không có thể tìm kiếm những tài nguyên sẵn có trong thiên nhiên nữa, mà phải tự trồng lấy khoai củ, ngũ cốc. Do vậy, có được lương thực và thực phẩm cho con người ăn phải qua nhiều công sức của con người làm ra.

Người bình dân Việt Nam đã thấy được cái công lao của người nông dân sản xuất ra hạt gạo rất nên nhọc nhằn, nên thường nhắc nhở trong ca dao:

*Ai ơi! Bưng bát cơm đầy,  
Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn vàng.*

Còn đối với người hiểu đạo, phải tìm cái lý sâu xa hơn nữa, đó là nguồn gốc của ân đức ấy. Những bậc Thánh nhân xưa, không phải vì mình ở mà kết cây làm tổ để bảo vệ thân mình, không phải vì mình ăn mà tìm ra ngũ cốc để nuôi sống cơ thể mình, không phải vì mình bệnh mà tìm thuốc để chữa trị cho mình. Các bậc Thánh nhân ấy, vì theo lòng thương yêu của Thượng Đế mà chỉ dạy cho con người biết làm nhà để ở, biết trồng lúa để ăn, biết tìm thuốc để trị bệnh. Có hiểu như vậy, người ta mới thấy rằng ân đức của người xưa rất nên sâu nặng, và công sức làm ra hạt gạo thật rất nhọc nhằn.

Trong Bài Ngự chế của vua Thần Tông có nói rằng:  
Thân mình mặc áo phải nhớ đến khó nhọc của người đàn

bà dệt lụa, Cơm ngày ba bữa phải nghĩ đến khổ cực của người cày cấy (Thân phi nhất lữ, thường tư chức nữ chi lao; nhật thực tam xan, mỗi niệm nông phu chi khổ 身披一縷, 常思織女之勞; 日食三餐, 每念農夫之苦).

*Ngậm cơm ơn ngậm hằng ngày,  
Nên người con nguyện ra tài lợi sanh.*

**Ngậm cơm, ơn ngậm:** Ngậm một hột cơm để ăn thì phải hiểu như ngậm ơn, tức là mang ơn người làm ra hạt gạo.

**Lợi sanh** 利生: Điều lợi ích cho sanh chúng.

**Câu 3:** *Hằng ngày, ăn một hột cơm vào miệng thì mang ơn người làm ra lúa gạo.*

**Câu 4:** *Khi nên người, con nguyện đem hết tài sức của mình ra để làm lợi ích cho nhơn loại.*

Biết được công đức của Thánh nhân xưa chỉ dạy cho con người làm ra lương thực để sống, biết được công ơn của nhiều người chung góp sức lực nhọc nhằn để tạo ra hạt cơm để con người có độ nhựt, thì người tu học phải có tâm nguyện vay mượn công ơn đó mà đem cái tài sức sẵn có của mình mạnh dạn phục vụ lợi ích cho nhơn sanh, như lời Thánh giáo của Chí Tôn đã dạy: *“Vậy Thầy khuyên các con, đứa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sụi sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uống cái điểm Linh quang của Thầy ban cho các con lắm”*. Như vậy, ta cũng trả được một phần nào công đức mà ta đã vay mượn của xã hội.

*Con cầu xin mãnh hình tráng kiện,  
Giúp nên công xây chuyển cơ Đời.*

**Mãnh hình:** Tắm thân hình, thân thể.

**Tráng kiện** 壯健: Mạnh khỏe.

**Xây chuyển:** Chuyển động xoay vòng, làm cho thay đổi, cái cũ thế cái mới.

**Cơ đời:** Guồng máy của đời, tức là tất cả các thứ sinh hoạt của con người ở thế gian.

**Câu 5 và 6:** Con cầu xin cho mãnh thân hình của con được khoẻ mạnh để con có thể giúp công cuộc sửa đổi đời tốt đẹp hơn.

**Trên theo pháp luật Đạo Trời,  
Dưới thương sanh chúng một lời đĩnh ninh.**

**Đạo Trời:** Đạo của Đức Chí Tôn, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

**Sanh chúng:** Hay chúng sanh 眾生: Tất cả những loài có sự sinh, đồng nghĩa với vạn vật.

**Đĩnh ninh** 叮嚀: Căn dặn nhiều lần, Gìn một mực không thay đổi.

**Câu 7:** Con nguyện trên thì gìn giữ theo luật pháp của nền Đạo.

**Câu 8:** Và nguyện hết lòng thương yêu tất cả sanh chúng, không bao giờ thay đổi.

---

<sup>14</sup> Mười bài Kinh song thất lục bát này của Đức Phạm Hộ Pháp đặt ra, có Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn chỉnh văn lại



## CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

### KINH HÔN PHỐI

#### I.-KINH VĂN

#### KINH HÔN PHỐI

*Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo,  
Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên.  
Con người nắm vững chủ quyền,  
Thay Trời tạo thế giữ giềng nhơn luân.  
Ở trước mặt Hồng Quân định phận.  
Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên.  
Trăm năm khá nhớ hương nguyên,  
Chồng hay trọn nghĩa, vợ hiền trọn trinh.  
Đã cùng gánh chung tình hòa ái,  
Tua đúc cơm, sửa dải làm duyên.  
Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên,  
Ôm bình, bao tóc sang hèn cũng cam.  
Đường tổ nghiệp nữ nam hương lửa,  
Đốt cho nồng từ bữa ba sanh.  
Giữa đèn để một tấc thành,  
Đồng sanh, đồng tịch đã dành nương nhau.*

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

#### II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Kinh Hôn Phối là một Bài Kinh do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời

Tam Kỳ Phổ Độ. Bài Kinh Hôn Phối này được các đồng nhi tụng đọc trong khi vị chức sắc hành pháp hôn phối cho đôi tân lang, tân giai nhân trong chánh Điện tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Hôn phối là phối hợp hôn nhân giữa người con trai và người con gái với nhau nên duyên vợ chồng.

Theo triết lý Nho giáo, Trời đất có âm dương, con người có vợ chồng. Sách Lễ Ký viết: Một âm thì không sinh, một dương thì không lớn, cho nên Trời đất phối hợp âm dương; nam dùng nữ lập gia thất, nữ dùng nam tạo gia đình, cho nên nhân sinh sánh đôi bởi vợ chồng (Cổ âm tắc bất sinh, độc dương tắc bất trưởng, cố thiên địa phối dĩ âm dương, nam dĩ nữ vi thất, nữ dĩ nam vi gia, cố nhân sinh ngẫu dĩ phu phụ 孤陰則不生, 獨陽則不長, 故天地配以陰陽; 男以女為室, 女以男為家, 故人生偶以夫婦).

Phàm âm hoặc dương cái gì lẻ một là không sinh được. Phải có cái chẳng đôi để tương đối, tương điều hòa với nhau thì mới có sự sinh hóa. Cơ 奇 là lẻ, ngẫu 偶 là chẵn: Một cái cơ phối hợp với một cái cơ khác để thành ngẫu thì mới sinh được. Vì thế Trời đất lấy âm dương phối hợp cơ ngẫu để sinh hóa ra vạn vật. Cho nên Hệ Từ hạ nói rằng: Đức lớn của Trời đất là sự sinh (Thiên địa chi đại đức viết sinh 天地之大德曰生).

Đạo của Đức Khổng Tử, theo đạo Trời đất, cốt lấy sự sinh làm trọng hơn cả. Ngài cho rằng sự sinh của vạn vật là theo lẽ tự nhiên. Con người cũng là một phần của vạn vật, cũng theo lẽ Trời đất mà biến hóa, nên phải phối ngẫu nam nữ: Trai phải có vợ, gái phải có chồng, phối hợp âm dương mới có sinh trưởng được.

Đạo Cao Đài, một nền tôn giáo, có tôn chỉ Nho tông chuyển thế, cho nên thể luật có qui định về đạo nghĩa vợ chồng và được Chí Tôn ban cho bí tích làm phép Hôn phối kết hợp hai cá thể nam và nữ để phối hợp nên chồng, vợ mà ăn ở với nhau yêu thương, hòa thuận trên hai phương diện thể xác và tinh thần, theo đạo nhân luân của Nho giáo, như bốn câu mở đầu bài Kinh Hôn Phối:

*Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo,  
Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên.  
Con người nắm vững chủ quyền,  
Thay Trời tạo thế giữ giềng nhơn luân.*

### III.-CHÚ GIẢI

*Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo,  
Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên.*

**Cơ sanh hóa:** Hay sanh hóa cơ 生化機: Bộ máy sinh hóa. Chỉ bộ máy sinh hóa của Trời, sinh hóa ra vạn vật.

**Càn khôn** 乾坤: Trời đất, hay Âm dương.

Đào tạo 陶造: Nặn đúc cho thành hình, nhồi nắn tạo ra.

Âm dương 陰陽: Đạo Cao Đài đã quan niệm sự tạo thành Âm dương cùng sự biến hóa ra Âm dương như sau:

Sau khi ngôi Thái Cực được hình thành thì Đúc Chí Tôn đã ngự trên ngôi ấy. Sau đó, ngôi Thái Cực bèn phóng ra một vầng quang minh phân định khí khinh thanh nhẹ nhàng bay lên làm Trời, khí trọng trước nặng nề ngưng giáng xuống làm đất, đó là hai khí Dương và khí Âm (lưỡng nghi).

Hai khí Âm dương quanh lộn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian rồi hỗn hiệp cùng nhau mà sinh ra Tứ tượng (lưỡng nghi sinh tứ tượng). Tứ tượng mới lần quay như chong chóng để tạo thành bát quái. Bát quái mới biến hóa vô cùng vô tận để tạo nên Càn khôn Vũ trụ.

Âm dương chính là cơ động tịnh mầu nhiệm của Trời đất. Nếu không có Âm dương, muôn vật sẽ không thể hóa sanh. Nhờ có Âm dương tác động lẫn nhau nên mới tạo ra mọi cuộc biến hóa trên đời, Trời đất và vạn vật cũng nhờ đó mà sinh thành. Nếu chỉ có Âm mà không có Dương, hay ngược lại, có Dương mà không có Âm thì cuộc biến hóa cũng không thành hình, một Âm ấy rồi cũng tiêu, một Dương ấy rồi cũng diệt, vì cô Dương bất sinh, độc Âm bất trưởng 孤陽不生, 獨陰不長. Vậy Âm dương là hai yếu tố đi đôi với nhau, dung hòa nhau, tương phản nhau, bổ túc cho nhau. Chính nhờ sự tương hòa, tương phản nhau như nóng, lạnh, sáng tối, cứng mềm, ngày đêm...mà vạn vật biến chuyển không ngừng. Hệ Từ Thượng viết: Cương nhu tương thời nhi sinh biến hóa 剛柔相推, 而生變化 (Cứng mềm đùn đẩy nhau mà sinh ra biến hóa).

**Hiệp đạo** 協道: Hiệp hai con đường lại.

**Biến thiên** 變遷: Sự vật biến hóa thay đổi.

**Câu 1:** *Càn khôn Vũ trụ và vạn vật là do cơ sanh hóa của Đức Chí Tôn đào tạo ra.*

**Câu 2:** *Do hai chất khí Âm quang và Dương quang hiệp lại mà biến hóa sinh ra.*

Âm dương là hai thể tương đối trong Dịch học, hay hai chất khí Dương quang và Âm quang do Thái Cực hóa

sanh, Chí Tôn làm chủ Dương quang, Phật Mẫu làm chủ Âm quang, theo triết lý Cao Đài.

Phàm đã nói biến hóa, thì cái đơn nhất, không biến đổi được, mà phải có hai cái tương đối, tương hòa thì mới sinh hóa được. Hai thể tương đối tương điều hòa như động tĩnh, cứng mềm, mới có thể độn đẩy nhau, điều hòa nhau mà sinh ra thiên hình vạn trạng, cho nên Dịch có nói rằng: Cương nhu tương thời nhi sinh biến hóa 剛柔相推而生變化: Cứng mềm độn đẩy nhau mà sinh ra biến hóa.

Trong Kinh Lễ 經禮 Khí âm hay sinh nhưng phải có khí dương mới sinh được; khí dương hay nuôi vật nhưng nếu không có khí âm thì không lớn được. Cho nên trai phải có vợ, gái phải có chồng, phối hợp âm dương mới có thể sinh trưởng được.

*Con người nắm vững chủ quyền,  
Thay Trời tạo thế giữ giềng nhưn luân.*

**Chủ quyền** 主權: Quyền của người làm chủ.

**Thay Trời:** Do chữ thế thiên 替天: Thay mặt cho Trời, thay mặt cho Tạo hóa.

**Tạo thế** 造世: Tạo lập cõi thế gian.

**Giữ giềng:** Gìn giữ giềng mối.

Mối giềng là do hai chữ kỷ cương 紀綱, có nghĩa là xếp dây tơ có mối, tóm dây tơ lại thành nắm mà không rời. Ý nói đầu ra đó, có đầu có đuôi đúng phép.

Nhơn luân 人倫: Hay nhân luân, là luân thường thứ bậc của con người, tức là những qui tắc để con người cư xử với nhau cho hợp lẽ và đạo đức.

*Câu 3 và 4: Sanh xuống thế gian để làm con người, được Chí Tôn ban cho cái chủ quyền để thay thế Ngài tạo lập ra cõi thế gian và phải gìn giữ giếng mỗi đạo làm người.*

Vạn vật ở thế gian này sở dĩ có là nhờ có sự sinh của Trời đất. Cho nên Hệ từ của Dịch nói rằng: Đức lớn của Trời đất là sự sinh: Thiên địa chi đại đức viết sinh 天地之大德曰生.

Con người là một phần trong vạn vật, cho nên cũng phải theo lẽ Trời mà biến hóa, nhưng chỉ có cái phần vật chất biến hóa mà thôi, còn cái phần tinh thần là của Trời ban cho con người, thì bao giờ cũng có cái tư cách độc lập, và năng lực tự do để cố gắng trau luyện tiến lên cho đến chí thiện, chí mỹ. Nếu con người biết dụng công phu mà tạo ra một tinh thần tốt đẹp, mạnh mẽ, và khí lực linh hoạt là đã theo đạo Trời đất mà sinh hóa rồi vậy.

Con người hợp với đức sinh của Trời đất là thiện, trái với đức sinh là ác. Do vậy cái quan niệm về sự thiện ác của Khổng giáo là gốc ở sự sinh.

Đạo Trời có bốn đức: Nguyên, hanh, lợi, trinh để bồi dưỡng sự sinh, thì đạo người cũng phải theo đạo Trời nuôi dưỡng bốn đức: Nhân, nghĩa, lễ, trí.

Như vậy, Con người được Trời ban cho một Thiên tánh, và Đất tạo ra hình hài, thay Trời đất thực hiện sự sinh hóa ở cõi thế gian để tạo lập một xã hội loài người, nhưng phần Thiên tánh của Trời ban cũng cần cố gắng trau dồi và gìn giữ mỗi như luân (tức nhân, nghĩa, lễ, trí) để hợp với sự sinh của Trời đất.

*Ở trước mặt Hồng Quân định phận.  
Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên.*

**Hồng quân** 洪鈞: Cái khuôn lớn dùng để nặn ra các đồ vật. Nghĩa bóng chỉ Đấng Tạo Hóa, Đức Chí Tôn.

Định phận 定分: Định đoạt hay sắp đặt số phận.

Đạo vợ chồng: Qui tắc cư xử cho hợp đạo lý của người vợ lẫn người chồng. Theo Nho giáo, đạo vợ chồng là Phu thê cang.

Đạo vợ chồng được Tào Đại gia dạy như sau: Vợ chồng lấy nghĩa làm thân, lấy ơn để hòa hợp, nếu đánh đập nhau thì còn nghĩa gì nữa, chửi mắng quát tháo nhau thì còn ơn gì nữa. Ôn nghĩa đã tuyệt mà không lia nhau thì thật hiếm có vậy (Phụ phụ dĩ nghĩa vi thân, dĩ ân vi hiệp, nhược hành sở thất nghĩa dục hà vi? Xí mạ sát sá ân dục hà ân? Ân nghĩa ký tuyệt, tiển bất lý hī 夫婦以義為親, 以恩為合; 若行楚撻義欲何為? 詈罵叱詫恩欲何恩? 恩義既絕, 鮮不離矣).

**Nợ duyên:** Hay duyên nợ, là mối dây ràng buộc do nợ nần tạo ra từ kiếp trước của người vợ lẫn người chồng. Hay nói cách khác, do nghiệp lực của tiền kiếp lôi kéo cho hai người nam nữ phối hiệp nhau để tạo nên hạnh phúc, gọi là duyên, hay đền trả oan trái khổ đau, gọi là nợ.

**Câu 5 và 6:** Đứng trước luật công bình của Đấng Tạo Hóa, duyên phận cho hai vợ chồng đã được định sẵn, vì vậy phải cư xử với nhau sao cho xứng với nợ duyên.

**Trăm năm khá nhớ hương nguyên,  
Chồng hay trọn nghĩa, vợ hiền trọn trinh.**

**Trăm năm:** Do câu trong Kinh Lễ: “Nhân thọ dĩ bách niên vi kỳ 人壽以百年為期”: Đời sống của con người lấy trăm tuổi làm kỳ hạn. Chỉ một đời người.

Chuyện trăm năm có nghĩa chuyện kết hợp giữa vợ chồng.

**Hương nguyện:** Đốt hương để thể nguyện với nhau. Ngày xưa trai gái yêu nhau thường lập bàn hương án để cùng thể nguyện. Hoặc chỉ núi và biển để thể với nhau, nên cũng gọi là thể non hẹn biển.

**Trọn nghĩa:** Giữ tròn vẹn đạo nghĩa, tức cư xử vẹn toàn đạo đức.

**Trọn trinh:** Giữ trọn vẹn lòng trong sạch và ngay thẳng với người chồng.

**Câu 7:** *Sống với nhau suốt đời phải giữ thủy chung, nghĩa là phải nhớ đến những ngày đầu hai người thể nguyện cùng nhau.*

**Câu 8:** *Bốn phận của người chồng tốt thì phải giữ trọn đạo nghĩa, người vợ hiền thì phải giữ trọn trinh.*

**Đã cùng gánh chung tình hòa ái,  
Tua đút cơm, sửa dải làm duyên.**

**Đã cùng gánh:** Đã cùng nhau gánh vác.

**Chung tình:** Theo Hán Việt Từ Điển, Đào Duy Anh, có hai nghĩa như sau:

**Chung tình** 鍾情: Ái tình rất mật thiết, tựa hình như đúc nên.

**Chung tình** 終情: Mối tình yêu nhau cho đến phút cuối, tình yêu chung thủy.

**Hòa ái** 和愛: Yêu thương và hòa thuận với nhau.

Đút cơm: Đút cơm cho ăn, điển này lấy tích Tống Hoàng đút cơm cho người vợ mù ăn.

Trong “*Nữ Trung Tòng Phận*” của Bà Đoàn Thị Điểm



cũng có nói về truyện Tống Hoàng như sau:

*Tống Hoàng chí trượng phu không đổi,*  
Giữ nhân luân sợ lỗi đạo hằng,  
*Từ duyên Công chúa giao thân,*  
Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.

Sách Hậu Hán chép: Tống Hoàng có người vợ chẳng may bị mù lòa. Hằng ngày ông vừa phải làm việc quan, vừa phải lo đút cơm và chăm sóc cho vợ. Câu chuyện đến tai Hồ Dương Công chúa, chị của vua Quang Vũ mới góa chồng. Nàng muốn tái giá cùng Tống Hoàng. Vua nghe nói, bèn cùng bàn luận với quần thần để hỏi xem ý của Công chúa thế nào, Công chúa nói: Tống Hoàng oai nghi, lễ giáo, quần thần chẳng ai bì kịp. Vua bảo Hồ Dương Công chúa ngồi sau bình phong, rồi triệu Tống Hoàng vào cung mà hỏi rằng: Giàu đổi bạn, sang đổi vợ, là thường tình không? Tống Hoàng tâu: Bạn bè lúc nghèo hèn chớ nên quên, người vợ lúc tấm mỡ có nhau, chớ khá bỏ (Bản tiện chi giao mạc khả vong, tào khang chi thê bất khả hạ đường 貧賤之交莫可忘, 糟糠之妻不可下堂).

Hồ Dương Công chúa ngồi núp sau màn nghe vậy thì biết việc không xong rồi, lấy làm hổ thẹn nhưng vẫn có lòng kính trọng Tống Hoàng là người có tình nghĩa.

**Dải:** Trang phục của quan thời xưa có những dải lụa cột vào áo hay mũo thả thòng mối xuống, làm cho vẻ uy nghi.

**Sửa dải:** Chính sửa những dải lụa trên áo và mũo trước khi châu vua hay ra công đường. Đây chỉ bốn phận của người vợ hiền thời xưa chăm sóc cho chồng theo đạo

“*sửa túi nâng khăn*”.

Sửa dải lấy theo điển tích sau: Châu Công Đán là con của vua Văn Vương, theo phò tá và trợ giúp cho Võ Vương dựng nghiệp nhà Châu trở nên thái bình thịnh trị và chế ra nghi lễ để dạy dỗ nhơn dân được trật tự, đạo đức. Vợ Châu Công là một mạng phụ đảm đang, hiền thực như bà Đoàn Thị Điểm đã tả trong Nữ Trung Tùng Phận:

*Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,  
Ở thôn quê lam lũ làm ăn.  
Chồng thì triều nội cao sang,  
Vợ lo canh cử cơ hàn khổ thân.*

Thường ngày ngoài việc lo lắng và săn sóc cho chồng, bà còn giúp chồng chỉnh sửa áo mào trước khi Châu Công vào chầu vua; lo tháo dải và xếp cất áo mào khi Châu Công triều bái trở về nhà. Với sự chu toàn về nội trợ của bà, khiến cho Châu Công có thời giờ lo cho triều đình và nhơn dân để trọn đạo hiền thần. Thật là:

*Giúp chồng đặng ân cần nhiếp chánh,  
Cho nên trang chúa Thánh tôi hiền.  
Vợ không tham những bạc tiền,  
Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.*

**Câu 9:** Đã cùng yêu thương thăm thiết thì phải có trách nhiệm gánh vác gia đình và giữ tình yêu thương hòa ái cùng nhau.

**Câu 10:** Nghĩa là phải có bốn phận chăm sóc từ miếng cơm manh áo cho nhau. (Như Tống Hoàng lo cho người vợ và Bà Châu Công săn sóc cho chồng vậy).

*Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên,*

*Ôm bình, bao tóc sang hèn cũng cam.*

**Bóng ngọc:** Bóng dáng người ngọc, chỉ bóng dáng người con gái đẹp đẽ.

Dưới trăng bóng ngọc được lấy từ câu: “Nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai 月移花影玉人來”: Dưới bóng trăng, bóng hoa mà có người đẹp như ngọc đến. Tả cảnh người đẹp ban đêm.

**Bóng ngọc còn nguyên:** Giữ nguyên vẹn sự trinh tiết của người con gái.

**Bình 屏:** Ken nhiều bức vẽ làm một mảng gọi là bình như bình đối 屏對: Là ken mấy bức tranh lại để treo cho kín tường vách. Như vậy bình có nhiều bức vẽ treo kế nhau.

**Ôm bình:** Ôm bức tranh vẽ hình con chim sẻ. Do điển tích như sau: Xạ tước bình nhi trúng mục, Đường Cao đắc thê 射雀屏而中目, 唐高得妻 (Bắn mắt chim sẻ nơi bức hình trúng, Đường Cao Tổ được vợ).

Bộ Đường thư chép: Ông Đậu Nghị có người con gái rất đẹp nết và đẹp người. Ông thường nói với vợ rằng: Con nhỏ này có tướng tốt, lại đẹp song toàn, phải lựa người có tài cung kiếm và có đạo đức mà gả nó mới được. Ông bèn cho vẽ một con chim sẻ trên một bức bình (tranh), bảo những người gả ghé đến cầu hôn bắn một mũi tên, người nào bắn trúng vào mắt con chim sẻ thì được gả con gái cho. Trong số những người đến dự bắn có ông Lý Uyên bắn trúng ngay mắt con chim sẻ. Đậu Nghị bèn nhận làm rể. Hai vợ chồng bèn lưu bức hình làm kỷ vật cho duyên đôi lứa.

Về sau, Lý Uyên dựng nên cơ nghiệp nhà Đường,

xưng là Cao Tổ và phong cho vợ là con gái Đậu Nghị làm Hoàng hậu, gọi là Đậu Hoàng hậu.

**Bao tóc:** Lấy vải lụa bao tóc lại, thể để bảo vệ lòng trinh tiết.

Trong sách Ấu Học Quỳnh Lâm có câu: “Đồng thị đối phu phong phát, trinh tiết kham khoa 董氏對夫封髮,貞節堪誇” Nàng Đồng Thị đứng trước chồng bao tóc, trinh tiết đáng khen. Câu này hay từ “**Bao tóc**” là do điển tích sau:

Đường Thư chép: Ông Giả Trực Ngôn là một vị quan, vì có công việc mà phạm tội bị đày đi Lĩnh Nam, bèn từ biệt cùng vợ là bà Đồng Thị rằng: Sự sống chết không thể hẹn kỳ, nay tôi bị tội đày 20 năm, ra đi không biết sống chết thế nào, nàng ở lại nên tái giá để nương tựa tấm thân! Vợ khóc mà không đáp lại, chỉ lấy dây buộc tóc, bao ngoài bằng vải lụa, nhờ Trực Ngôn viết lên rằng: Chẳng phải tay chàng, không mở (Phi quân thủ bất giải 非君手不解).

Sau đó, Trực Ngôn bị đi đày, Hai mươi năm sau mới được trở về, chũm và lụa trên đầu vợ còn rành rạnh, đến khi đem nước nóng gội tóc, tóc rụng tất cả. Thật là “trinh tiết” đáng khen!

**Sang hèn cũng cam:** Dầu cho sang hèn cũng cam chịu.

**Câu 11:** Dưới ánh trăng, hai người dù có chuyện trò tìm hiểu nhau trước khi quyết định hôn nhân, thì người con gái cũng phải giữ gìn tiết hạnh trong sạch.

**Câu 12:** Khi hai người nên duyên chồng vợ với nhau dù hoàn cảnh nào, giàu sang hay nghèo hèn cũng phải giữ

*ven thủy chung, tựa như Đường Cao Tổ giàu sang tốt bụng  
hay Giả Trúc Ngôn khổ sở gian lao vậy.*

***Đường tổ nghiệp nữ nam hương lửa,  
Đốt cho nông từ bữa ba sanh.***

**Tổ nghiệp** 祖業: Sự nghiệp do tổ tiên ông bà để lại.

Đường tổ nghiệp: Con đường thừa kế sự nghiệp của tổ tiên ông bà.

**Hương lửa:** Nhang đèn đốt lên trong bàn thờ cho hai vợ chồng thể nguyện buổi trước, hay nghi lễ trong đám cưới mà hai họ cầu nguyện trước bàn thờ tổ phụ.

**Ba sanh:** Hay tam sanh 三生: Ba lần sanh tử, ba kiếp sống làm người. Do Tình sử chép: *Tam sanh thạch thượng cứu tinh hồn* nghĩa rộng là người có duyên nợ với nhau, viết tên lên đá hẹn hò với nhau, thì đến kiếp sau hay là kiếp sau nữa, cũng sẽ gặp nhau.

Hương lửa ba sinh do câu “Tam sanh hương hỏa 三生香火”. Trong truyện Kiều, Nguyễn Du có câu:

*Dạy rằng hương lửa ba sanh,  
Dây loan xin nối, cầm lành cho ai.*

***Giữa đèn để một tấc thành,  
Đồng sanh, đồng tịch đã đành nương nhau.***

**Giữa đèn:** Giữa chánh Điện, nơi thờ Đức Chí Tôn.

**Tấc thành:** Tấc lòng thành thật.

Đồng sanh đồng tịch 同生同席: Do câu: “Sanh đồng tịch đồng sàng, tử đồng quan đồng quách 生同席同床; 死同棺同郭” nghĩa là sống thì cùng ăn trên

một chiếc chiếu, cùng ngủ trên một chiếc giường; chết thì chôn trong một chiếc hòm.

*Câu 15: Nơi Chánh Điện thờ Đức Chí Tôn hãy tỏ tác lòng thành.*

*Câu 16: Vợ chồng chung sống bên nhau thì phải nương cây vào nhau, yêu thương nhau suốt đời.*

Quì giữa Chánh Điện Đức Chí Tôn, hai vị nam và nữ thành tâm khẩn nguyện là vợ chồng với nhau, phải nương cây vào nhau, giúp nhau suốt đời và sống chết có nhau.

Vị chúc sắc hành pháp Hôn phối nhằm “*hiệp Tú dương (nam) và Tú âm (nữ) của tinh thần đặng cho biến hóa thêm nữa, sản xuất thêm nữa, chẳng phải sinh hình thể của con người mà thôi mà sanh cả hồn phách của chúng nó nữa*”.

Hành pháp Hôn Phối được Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh trình bày như sau:

Bảo cô dâu và chàng rể phải nắm tay nhau, tay tả của nam nắm tay hữu của nữ, tay hữu của nam nắm tay tả của nữ, thành ra ấn Bát quái, đoạn vị hành pháp ngó ngay Thiên nhân định thân, lấy con mắt của mình viết chữ (.) trong con người của Thiên nhân, rồi co chân trái lên viết chữ (.) rồi đạp trên chữ ấy, chân mặt ký chữ (.) vào gót chân trái, gọi là đạp Đinh giáp. Đứng dậy xây một vòng đến trước mặt hai trẻ, biểu chúng cúi đầu, hai đầu giao kể lại. Ngó ngay hai mỏ ác trên đầu hai trẻ, lấy con mắt vẽ chữ (.) trên nê hoàn cung của hai trẻ, nhớ vẽ chữ cho lớn đặng bao trùm cả hai mỏ ác.

Đợi chừng Thiên nhân giáng ngay Nê hoàn hai trẻ thì chụp truyền thân hai bàn tay xốt hai Thiên nhân đỡ

lên lưng bàn tay cho hiệp hai Thiên nhân ấy lại kề nhau thì thấy mặt của Chí Tôn hiện tượng, đoạn đỡ hình tượng của Chí Tôn dạy lại ngay Thiên nhân mà cho nhập chung vào đó (nhớ đừng lo ra thì mất, mà thành ra nguy hiểm cho hai người nam nữ ấy lắm).

Khi cho nhập rồi thì để hình tượng ấy yên tịnh nơi Thiên nhân, đứng cầu nguyện giùm cho hai trẻ nương nơi quyền Thiêng Liêng của Chí Tôn đặng tấn hóa trong đường Thánh đức, nối tóc đến già, đồng tịch đồng sàng, đồng sanh đồng tử.

Đoạn định thần, ngó ngay lên Thiên nhân, trực Thiên tượng ấy ra (nhớ lấy đủ hai con mắt), để lên lưng hai bàn tay như khi nãy. Hai bàn tay xấp lại thành ấn Bát quái, dương nằm trên âm, rồi từ từ dạy lại hai trẻ, lùa Thiên tượng ấy ngay đầu hai trẻ, trả lại như xưa, tức làm tiêu Thánh tượng.

Đứng ngay giữa đôi đứa, đọc bài thi của Đức Chí Tôn dạy làm phép Hôn phối:

*Thiên ân thử nhật tứ thành hôn,*

天恩此日賜成婚

*Mãn thế bất ly thể dữ hồn.*

滿世不離體與魂

*Đạo đức nhất tâm tu đảo cáo,*

道德一心須禱告

*Chủ trung thị ngã chí Thiên tôn.*

主中是我至天尊

Nghĩa là:

*Ngày nay, ơn Trời ban cho đôi trẻ thành hôn.  
Suốt đời linh hôn và thể xác không rời xa nhau.  
Một lòng đạo đức khá nên cầu xin  
Người làm chủ là Ta, là Đấng Đại Thiên Tôn.*

Rồi khuyên hai trẻ và dặn rằng: Phải giữ nhưn luân đạo nghĩa và cho biết rằng quyền Hội Thánh định cho không đặt lìa nhau cho đến trọn đời, nếu như đôi lứa phản nhau, sẽ phải sa đọa, Phong đô định tội.

Khi dạy đôi trẻ rồi vị hành pháp vói tay nắm hai tay ngoài cửa nam và nữ đỡ đứng dậy sắp hai mặt giao nhau, xây cho hai đứa cặp nhau (đứng day lưng mà khổ cho hai trẻ), còn mình đi chính giữa, nắm tay hai trẻ diu dắt đưa ra cho khỏi Tòa Thánh, tức nhiên ngoài cửa Hiệp Thiên Đài mới cúi đầu từ tạ trở lại Điện.



## CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

### KINH TỤNG KHI VUA THĂNG HÀ

#### I.-KINH VĂN

#### KINH TỤNG KHI VUA THĂNG HÀ

*Ơn tấc đất ngon rau nên nặng,  
Đạo quân vương chữ dẫn nơi lòng.  
Thượng Hoàng sánh đức Chí Công,  
Mặc phò lê thứ khỏi vòng lao lung.*

*Giúp xã tắc tôi trung ra mặt,  
Dẫn xe thơ trời nhật vẫn minh.  
Giúp dân hưởng chữ thái bình,  
Văn ban võ bá triều đình đặc an.*

*Nay gầnặng Ngọc Hoàng Thượng Đế,  
Tìm Chí Linh trị thế cứu đời.  
Thiên Tào Thánh ngự an ngôi,  
Cầu cho dân chúng khỏi hồi can qua.*

*Bốn ngàn năm quốc gia đã lập,  
Cõi Nam Châu bồi đắp giang sơn.  
Trụ tâm nâng đỡ quốc hồn,  
Giữ bền danh nghiệp vĩnh tồn hậu lai.*

*Kìa CHÍ TÔN CAO ĐÀI đương ngự,  
Rưới hồng ân chặt giữ biên cương.  
Sống thì định bá đồ vương,*

*Qui Thiên dựng lại miếu đường thuở xưa.*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Đạo Cao Đài là một nền Đại Đạo có tôn chỉ qui nguyên Tam giáo, hiệp nhứt Ngũ chi, tức là một sự hợp nhứt của tất cả triết lý các tôn giáo. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dùng Nho tông chuyển thế, cho nên nghi lễ của Đạo dùng nhạc và lễ nhằm mục tiêu phô diễn cái phân hữu tướng, làm cho đàn tế ra vẻ tôn nghiêm và tạo cho người cúng tế có được cái tâm *kinh* và *thành*.

Vì thế, trong tang lễ của Đạo Cao Đài được thể hiện theo một nghi thức tế lễ long trọng tùy theo mối liên hệ tình cảm và ân nghĩa giữa người quá cố và kẻ sanh tiền.

Những bài Kinh Thế đạo sau đây dùng để tỏ cái ơn nghĩa và tình cảm của người sống với kẻ đã qui liễu như:

- Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.
- Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.
- Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.
- Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.
- Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu.
- Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần.
- Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.
- Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Bài Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà là một bài Kinh do bà Đoàn Thị Điểm, một vị Nữ sĩ nổi tiếng nhứt của Việt Nam, cũng là một vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh Đạo Cao Đài.

Ngày xưa, vào thời quân chủ, người ta thường dùng các từ tôn kính như: “*thánh*”, “*long*”, “*ngọc*”, hay “*ngự*”... để chỉ về việc có liên quan đến nhà vua, ví dụ: Viết của vua gọi là thánh bút, gương mặt vua gọi là long nhan, ấn của vua gọi là ngọc tử, vua ra đi gọi là ngự giá... Cũng như thế, khi một vị vua nước lớn chết, người ta gọi là Thăng hà 升遐 hay Bãng hà 崩遐, vua nước chư hầu chết, gọi là Hoãng 薨, vua không minh chánh, cướp ngôi hay tiếm vị khi chết được gọi là Tô 殂 (Theo sách Xuân Thu của Khổng Tử).

Chế độ quân chủ, vua là thiên tử, là người thay mặt cho Trời để trị dân, cho nên vua chỉ phải tuân mệnh Trời, còn nhân dân và quí thần ở trong nước đều ở dưới quyền tuyệt đối của nhà vua. Vua là cha mẹ dân, vì vậy tài sản và sinh mệnh của dân, đều cũng là của vua hết. Hay nói cách khác, đất ruộng trong nước đều là của vua, và vua có quyền sinh sát đối với mọi người trong nước.

Vua có nhiệm vụ phải lo lắng, chăm sóc muôn dân, nên khi gặp vị vua hiền minh, nhân dân sẽ được hưởng cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp. Xem thế, công đức của vị thánh vương, theo bài kinh, có thể sánh bằng Đấng Chí Công.

Người tín đồ Cao Đài, lấy đạo tam tạng làm trọng, nên vua thăng hà, tức đạo quân thần, phải khắc ghi ơn sâu nghĩa nặng của ngọn rau tấc đất mà thể hiện qua lòng thành kính tế lễ cho nhà vua. Do thế, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm mới giáng cơ ban cho bài *Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà*.

### III.-CHÚ GIẢI

#### *Ơn tấc đất ngọn rau nên nặng, Đạo quân vương chữ dận nơi lòng.*

**Ơn tấc đất ngọn rau:** Ơn nghĩa của nhà vua ban cho dân chúng từng tấc đất, từng ngọn rau.

Vào thời Quân chủ, vua được coi như là thiên tử, tức con của Trời, có quyền thay Trời để cai trị muôn dân. Chính vì vậy, tất cả đất đai, rừng núi, sông biển đều thuộc quyền sở hữu của nhà vua. Nhà vua mới có chế độ ban cấp đất đai cho dân để làm ăn sinh sống. Như chế độ nhà Chu cấp ruộng đất cho dân theo phép tĩn điền 井田, tức chia đất ruộng làm 9 khu theo hình chữ tĩn 井, mỗi khu 100 mẫu, khu giữa là công điền, 8 khu ngoài là tư điền, cấp cho mỗi nhà một khu làm mà thu hoa lợi, song 8 nhà chung quanh phải chung sức lo khu công điền cho nhà nước. Khi thu hoạch công điền bỏ vào kho nhà nước, thu hoạch tư điền thì thuộc về nhân dân.

Chính vì đất đai của nhà vua ban cho, mà người dân được hưởng tấc đất, ngọn rau, nên phải biết ơn quốc vương rất là thâm trọng.

**Đạo quân vương:** Những phép tắc giữa vua và bề tôi đối xử với nhau cho hợp đạo lý. Đạo này thuộc về một trong ngũ luân là Quân thân cang.

Có người dựa theo câu: “*Quân sử thân tử, thân bất tử bất trung, phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu* 君使臣死, 臣不死不忠, 父使子亡, 子不亡不孝” mà kết án Nho giáo chủ trương độc tài, độc đoán. Điều đó thật là lầm lẫn, bởi họ chưa thấu hiểu đạo quân thân,

đạo phụ tử của Đức Khổng Tử đã dạy: “*Quân minh, thần trung; phụ tử, tử hiếu* 君明, 臣忠; 父慈, 子孝”, nghĩa là Vua có sáng, tôi mới trung; cha có hiền, con mới thảo, lại nữa Ngài còn đưa ra thuyết “*chính danh định phận*” để chủ trương sự công bình trong đạo nghĩa, Ngài nói: “Danh bất chánh tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc vạn vật bất thành 名不正則言不順, 言不順則萬物不成”, tức là danh phận đã định thì địa vị của mỗi người, trên dưới có trật tự, trách nhiệm và quyền hành phân minh, trên lấy lễ mà khiến dưới, dưới lấy lòng kính mà thi hành. Vì vậy, Ngài dạy đạo vua tôi, đạo cha con như sau: *Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử* 君君, 臣臣, 父父, 子子, nghĩa là Vua đúng phận vua, tôi giữ đạo tôi; cha theo phận cha, con giữ đạo con, nói chính xác hơn, mỗi người có bốn phận theo danh từ (tên gọi) đã định sẵn mà hành sử.

Xem thế, đạo quân thần và đạo phụ tử trong thời Chu Nho của Khổng Tử chủ trương rất bình đẳng, không độc tài, độc đoán. Câu “*Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung, phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu*” có lẽ do kẻ hậu học lợi dụng Đạo Nho đặt ra để đem áp dụng vào chính trị chăng?

*Câu 1: Ngọn rau tấc đất của nhà vua ban cho thần dân thọ hưởng, nên làm người dân phải biết ơn Quốc vương rất nặng.*

*Câu 2: Chính vì vậy, là bốn phận một người dân phải căn dặn nơi lòng, lúc nào cũng giữ đạo lý với nhà vua.*

Sự sống của con người nhờ ngọn rau tấc đất, thế mà trong xã hội xưa, ngọn rau tấc đất là của vua ban phát

cho dân, người thọ hưởng ơn đó phải biết hết lòng với vua, bằng ngược lại thì phải không thọ hưởng điều gì của quốc vương thủy thổ. Câu chuyện kể sau đây cho chúng ta thấy điều đó:

Chuyện kể rằng: Bá Di, Thúc Tề là hai người con của vua Cô Trúc ở cuối đời Thương, đầu đời Chu. Bá Di là anh cả, Thúc Tề là em út. Vua Cô Trúc yêu Thúc Tề, lập di mệnh cho Thúc Tề nối ngôi. Quốc dân theo di mệnh lập Thúc Tề, Thúc Tề không chịu, nhường lại cho Bá Di cho phải lẽ. Bá Di cũng không chịu, nhường lại cho Thúc Tề để tuân lệnh cha. Không ai chịu nhận rồi cả hai trốn vào núi ở ẩn, quốc dân phải lập người con giữa.

Lúc đó Bá Di và Thúc Tề nghe tiếng Ông Tây Bá Xương khéo nuôi người già, muốn tới qui phục. Tới nơi thì Tây Bá đã mất. Vua Võ Vương chở thân chủ (Linh vị) của Tây Bá đem quân qua đông phật Trụ. Bá Di Thúc Tề đập đầu trước ngựa mà can rằng: Cha mới chết (Tây Bá Xương) mà dấy động can qua thì có đáng gọi là hiếu không? Làm tôi đánh vua có đáng gọi là trung không? Kể tả hữu của nhà vua muốn giết, ông Thái Công bảo: Hai người đó là hiền sĩ, bèn đỡ dậy, rồi thả cho đi.

Khi Võ Vương đánh Trụ thắng, lên làm vua xưng hiệu nhà Chu, thiên hạ đều thần phục, chỉ Bá Di, Thúc Tề cho hành vi của Võ Vương là đáng xấu hổ, nên không thờ nhà Chu và giữ nghĩa khí, chẳng chịu ăn lúa nhà Chu, lên ở ẩn trên núi Thú Dương, hái rau vi mà nuôi sống. Có người gặp, chê rằng: Không ăn thóc nhà Chu, đi ăn rau để sống. Vậy chớ *ngọn rau tác đất* không phải của nhà Chu là gì? Bá Di, Thúc Tề nghe được câu chuyện đó, bèn nhịn đói mà chết.

Người sau có bài vịnh về Bá Vi Thúc Tề như sau:

*Danh chẳng màng bao, lợi chẳng mê,  
Ấy gang hay sắt hỡi Di, Tề?  
Gặp xe vua Võ tay cầm lại,  
Thấy thóc nhà Chu ngoảnh mặt đi.  
Cô Trúc hôn về sương mịt mịt,  
Thú Dương danh tạc đá tri tri.  
Cầu nhân hẳn đặng nhân mà chớ  
Cũng chẳng hềm ai chẳng oán chi.*

*Thượng Hoàng sánh đức Chí Công,  
Mặc phò lê thứ khỏi vòng lao lung.*

**Thượng hoàng:** Hay Hoàng thượng 皇上, tức nhà vua.

**Chí công** 至公: Rất công bình. Đây chỉ Đức Chí Tôn.

Mọi việc nơi thế gian đều có tính cách tương đối: Từ luật pháp, luân lý đạo đức, sự ứng xử của con người đối với nhau chỉ có công bình một cách tương đối, vì mọi quan niệm, mọi phán xét đều bị thiên kiến, bị giới hạn của thời gian và không gian. Còn sự công bình nơi Thiêng Liêng thì tuyệt đối, không bị giới hạn bởi thời gian hay không gian, không bị thiên lệch, không bị khuất lấp... Để thể hiện sự công bình tuyệt đối của Thiêng liêng, nơi Toà Thánh Tây Ninh, trên cửa bước vào có đắp một bàn tay sơn màu trắng nắm cán cân, tượng trưng bàn tay Chí Tôn cầm cân công bình đo tội phước của chúng sanh. Do vậy, người ta còn gọi Đức Thượng Đế là Đấng Chí Công.

**Mặc phò:** Hay mặc phù 默扶: Im lặng mà giúp đỡ,

âm thầm cứu giúp.

**Lê thứ** 黎庶: Cũng như Lê dân, tức là Dân đen, chỉ tất cả dân chúng.

**Lao lung** 牢籠: Cái chuồng và cái lồng để nhốt súc vật. Nghĩa bóng chỉ sự giam cầm tù tội, sự mất tự do.

**Câu 3 và 4:** Công đức của vua sánh bằng với ơn Tào hóa, Ngài âm thầm mà cứu giúp cho dân chúng thoát khỏi vòng tù hãm giữa con người với nhau.

Thực vậy, khi loài người đã biết định cư, là có quan niệm về tư sản, mà đã có tư sản ắt phải có tranh giành, cướp bóc tài sản lẫn nhau để sinh sống.

Vua là một Đấng thiên tử, thay quyền Trời cai trị muôn dân, nên phải dùng hình phạt, binh lực để gìn giữ tài sản và bảo vệ mạng sống của toàn dân. Nếu không có vua đem lại an trị cho dân thì xã hội loài người sẽ xâu xé, cướp giựt lẫn nhau, bộ tộc hay quốc gia sẽ chiến tranh với nhau, khiến nhân dân sống trong cảnh khổ sở, như bị đưa vào vòng tù hãm. Ngoài ra, các vị vua Thánh còn dạy dân làm nhà ở để tránh thú rừng, săn bắn đánh cá hay cấy cày làm ruộng ăn để không bị đói, tìm cây thuốc uống để khỏi bệnh tật.

Vì thế, công đức của các Thánh vương sánh bằng công Tào hóa, Người đã mang lại cho nhân dân hưởng cảnh thái bình thịnh trị, an cư lạc nghiệp, tức là mặc nhiên cứu giúp cho muôn dân thoát khỏi vòng tù hãm của khổ đau vậy.

*Giúp xã tắc tôi trung ra mặt,  
Dấy xe thơ trời nhật văn minh.*



**Xã tắc** 社稷: Đồng nghĩa với Quốc gia, dùng để chỉ nhà nước.

**Xã** 社: Nơi vua lập ra để tế Thần Hậu thổ hay Thần đất.

**Tắc** 稷: Nơi vua lập ra để tế Thần nông.

Trong chế độ Quân chủ xưa, nhà vua phải lo đời sống cho nhân dân, cấp cho nhân dân đất làm ruộng và đất ở, nên nhà vua lập nên Xã thờ Thần Hậu thổ để nhân dân sống được yên ổn. Dân phải có lúa ăn, nên nhà vua lập ra nên Tắc để tế Thần nông, cầu cho dân được trúng mùa. Đền Xã tắc hình vuông ở phía hữu cung thành là nơi đầu mùa xuân vua ngự để tế Thần đất và Thần lúa.

Khi đất nước mất thì mất nền Xã tắc, do vậy Xã tắc cũng có nghĩa như chữ Quốc gia.

**Tôi trung**: Do chữ Trung thân 忠臣, chỉ bề tôi (quan, dân) trung thành.

**Xa thơ**: Hay thư xa 書車: Xe chở sách.

**Trôi nhật**: Khởi lên để tiến nhanh.

**Văn minh** 文明: Theo nghĩa đen là cái tia sáng do đạo đức, lễ nhạc giáo hóa mà có vẻ đẹp đẽ rõ rệt, gọi là văn minh.

Theo nghĩa bóng, văn minh là trình độ phát triển văn hóa về vật chất và tinh thần của một quốc gia hay một dân tộc.

**Câu 5**: *Nhờ đức vua Thánh minh nên các bề tôi trung liệt, giúp cho nền Xã tắc được an trị.*

**Câu 6**: *Làm phát triển nền văn hóa dân tộc tiến nhanh*

*đến tâm văn minh.*

***Giúp dân hưởng chữ thái bình,  
Văn ban võ bá triều đình đặc an.***

**Văn ban** 文班: Hàng thứ bực của quan văn, tức là những vị quan lớn nhỏ coi về chính trị, văn hóa, giáo dục...

**Võ bá** 武百: Trăm quan võ, tức là các quan lo về võ bị, quốc phòng, an ninh trật tự.

**Triều đình** 朝廷: Chỗ các quan vào chầu vua, chính phủ nước quân chủ.

**Đặc an** 特安: An ổn đặc biệt.

**Câu 7:** *Giúp cho nhân dân hưởng chữ thái bình.*

**Câu 8:** *Các vị quan văn võ đều trung can, nên giúp cho triều đình được yên ổn đặc biệt.*

***Nay gần dặng Ngọc Hoàng Thượng Đế,  
Tìm Chí Linh trị thế cứu đời.***

**Chí Linh** 至靈: Rất Thiêng liêng, Rất Linh hiển. Đây cũng là một Thánh hiệu của chỉ Đức Chí Tôn.

**Trị thế** 治世: Cai trị thế gian cho nhân dân được yên ổn.

**Câu 9 và 10:** *Ngày nay nhà vua đã qui Thiên và được gần dặng Ngọc Hoàng Thượng Đế, nên vua mong tìm Đấng Chí Linh cứu giúp cho đời và thế gian được an trị.*

***Thiên Tào Thánh ngự an ngôi,  
Cầu cho dân chúng khỏi hồi can qua.***

**Thiên tào** 天曹: Như chữ Thiên đình (Theo Từ

Điển Việt Hán của Đào Duy Anh).

Trong Bài Kinh Khi Đã Chết Rồi có câu: “Ba mươi sáu cõi **Thiên tào**”, tức là ba mươi sáu tầng Trời, còn gọi là Tam thập lục Thiên.

**Thánh ngự** 聖御: Thánh là tiếng tôn xưng đức vua, ngự là tiếng dùng cho các vua chúa để chỉ hành động, ở câu Kinh này ngự là nhà vua an ngự trên ngôi.

**Khởi binh**: Khởi lúc.

**Can qua** 干戈: Hai món binh khí thời xưa: Can là cái mộc hay cái khiên để ngăn đỡ, qua là cái mác hay ngọn giáo dùng để đánh. Can qua chỉ giặc giã, chỉ sự chiến tranh.

**Câu 11:** Nơi cõi Thiên tào, đức Thánh vương đã an ngự trên ngôi vị.

**Câu 12:** Cầu xin Thánh hoàng giúp cho nhân dân thoát khỏi việc đao binh.

**Bốn ngàn năm quốc gia đã lập,  
Cõi Nam Châu bồi đắp giang sơn.**

**Bốn ngàn năm quốc gia đã lập:** Từ ngày lập quốc đến nay, nước Việt Nam ta đã trải qua hơn 4000 năm.

Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, nước Việt Nam về đời Hồng Bàng, gọi là Văn Lang 文郎, lập quốc vào năm 2897 trước Tây lịch, trải đến ngày nay thì hơn 4000 năm dựng nước và thay đổi nhiều quốc hiệu, đến đời vua Gia long thống nhất được cả Nam Bắc (1802), lấy lẽ rằng Nam là An Nam 安南, Việt là Việt Thường 越裳, nên mới đặt quốc hiệu là **Việt Nam**.

**Nam Châu** 南州: Phía Nam của quận Giao Châu

交州.

Theo Việt Sử, vua Triệu Đà đánh được An Dương Vương rồi, sáp nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập thành một nước Nam Việt, lên ngôi là Vũ Vương, đóng đô ở Phiên Ngung.

Đến đời Hán Vũ Đế nước Trung Quốc, đánh thắng được nhà Triệu, lấy nước Nam Việt, rồi cải ra Giao Chỉ bộ 交趾部, và chia ra làm 9 quận, trong đó có ba quận thuộc Bắc Việt và mấy tỉnh ở phía bắc Trung Việt, đó là: Giao Chỉ 交趾, Cửu Chân 九真, Nhật Nam 日南.

Đến cuối đời nhà Đông Hán, vua Hiến Đế đổi Giao Chỉ là **Giao Châu** 交州.

Như vậy, **Nam Châu** là phía nam của Giao Châu.

**Giang sơn** 江山: Sông và núi, chỉ đất nước.

*Câu 13: Từ ngày lập quốc cho đến ngày nay, nước Việt Nam đã trải qua hơn 4000 năm lịch sử.*

*Câu 14: Ở phương Nam của quận Giao Châu, người dân đã tô bồi nên giang sơn nước Việt.*

**Trụ tâm nâng đỡ quốc hồn,  
Giữ bên danh nghiệp vĩnh tồn hậu lai.**

**Trụ tâm** 住心: Đứng vững cái tâm, tức là đem cái tâm ý vào một chỗ, chuyên chú và một đối tượng, một cảnh, không để tâm bị tán loạn, chạy theo duyên ở quá khứ, hiện tại hay tương lai.

**Nâng đỡ:** Giúp đỡ để nâng lên.

**Quốc hồn** 國魂: Linh hồn của đất nước, chỉ về tinh thần đặc biệt của một quốc gia.

**Đảnh nghiệp:** Hay Đỉnh nghiệp鼎業. Đỉnh là cái vạc có ba chân, nghiệp là sự nghiệp. Đảnh nghiệp là cơ nghiệp to lớn, cơ nghiệp của nhà vua.

**Vĩnh tồn** 永存: Tồn tại vĩnh viễn, còn mãi mãi.

**Hậu lai** 後來: Đến sau, sau này.

**Câu 15:** Cùng nhau vững tâm mà nâng đỡ hồn của đất nước.

**Câu 16:** Rán giữ gìn cơ nghiệp to lớn của nhà vua để lưu truyền mãi mãi về sau.

**Kìa CHÍ TÔN CAO ĐÀI** đương ngự,  
**Rưới hồng ân chạt giữ biên cương.**

**Chí Tôn** 至尊: Rất tôn quý, chỉ Đức Thượng Đế.

**Cao Đài** 高臺: Một cái đài cao ở Linh Tiêu Điện, Ngọc Hư Cung, là nơi ngự của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đức Chí Tôn ban cho bài thi để giải thích hai chữ Cao Đài như sau:

*Linh Tiêu nhứt tháp thị Cao Đài*

靈霄一塔是高臺

*Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.*

大會群仙此玉階

*Vạn trượng hào quang tùng thử xuất*

萬丈毫光從此出

*Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.*

古名寶境樂天台

Nghĩa là:

*Linh Tiêu Điện có một tháp gọi Cao Đài.*

*Đại hội các Tiên họp tại nơi bệ ngọc này.*

*Muôn trượng hào quang từ nơi ấy mà chiếu ra.*

*Tên khi xưa, cảnh báu đó gọi Lạc Thiên Thai.*

**Hồng ân** 洪恩: Ôn huệ to lớn. Đây chỉ ơn huệ của Đức Chí Tôn.

**Chặt giữ:** Gìn giữ một cách chặt chẽ.

**Biên cương** 邊疆: Đồng nghĩa với các từ biên cảnh 邊境, biên thù 邊陲 đều có nghĩa là biên giới, nơi bờ cõi tiếp giáp với nước khác.

*Câu 17: Kia là Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế đang ngự trên Cao Đài nơi Ngọc Hư Cung.*

*Câu 18: Ngài chan rưới ân huệ to lớn xuống cho dân chúng chung hưởng để cùng gìn giữ biên cương chặt chẽ.*

**Sống thì định bá đồ vương,**

**Qui Thiên dựng lại miếu đường thuở xưa.**

**Bá** 霸: Vua của một nước chư hầu mạnh, thống lãnh các chư hầu nhỏ.

**Vương** 王: Vua một nước lớn, đứng trên bá.

**Đồ** 圖: Mưu tính lo liệu.

**Định Bá** 定霸: Sắp đặt, lo tính gây dựng nghiệp bá, tức là đánh dẹp và thần phục các nước chư hầu để làm bá chủ.

Nghiệp bá thì dùng bá đạo để trị nước. Bá đạo trọng hình pháp, binh quyền, tín thuật.

Trong thời Xuân Thu đã có năm vị vua dùng bá đạo mà hùng cường một thời, làm minh chủ các nước chư hầu khác, gọi là ngũ bá, tức Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, và Sở Trang Vương. Những vị vua này không phải là bậc tài đức cao, mà chỉ nhờ biết tin dùng người hiền, có chính sách khéo léo làm cho dân giàu, binh mạnh và làm chủ được những chư hầu khác.

**Đạo vương** 圖王: Mưu tính tạo dựng nghiệp vương, tức dùng vương đạo để trị nước. Vương đạo áp dụng chính sách nhân trị, nghĩa là dùng đức nhân mà trị dân, dùng lễ nghĩa để giáo hóa dân, đó là sự nghiệp của bậc vương giả. Bậc vương giả là người có đạo đức hoàn toàn, lấy điều công chính nhân nghĩa mà trị thiên hạ.

Mạnh Tử đã định nghĩa nghiệp vương bá như sau: Người dùng sức mạnh mà mượn tiếng làm điều nhân, là bá; người làm bá tất phải có nước lớn. Người lấy đức làm điều nhân là vương; người làm vương không đợi có nước lớn (*Dĩ lực giả nhân giả bá; bá tất hữu đại quốc. Dĩ đức hành nhân giả vương; vương bất đãi đại* 以力假仁者霸, 霸必有大大國. 以德行仁者王, 王不待大).

**Qui thiên** 歸天: Trở về cõi Trời, Ý chỉ sự chết.

**Miếu đường** 廟堂: Đồng nghĩa với thái miếu 太廟, thế miếu 世廟, tông miếu 宗廟, tất cả đều chỉ nơi thờ tự Tổ tiên dòng họ của nhà vua.

**Câu 19:** *Đức vua khi còn sống thì lo tính việc vương bá để giúp cho dân chúng và đất nước.*

**Câu 20:** *Khi được qui Thiên rồi về cõi Thiêng Liêng thì gây dựng lại cái tông miếu của Chơn linh.*





## CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

### KINH TỤNG CHO THẦY QUI VỊ

#### I.-KINH VĂN

#### KINH TỤNG CHO THẦY QUI VỊ

*Đường công danh càng nhìn quảng đại,  
Nghĩa thầy trò nghĩ lại khó quên.  
Vái cùng Sư Phụ linh thiêng,  
Chứng lòng đệ tử đáp đền ơn xưa.*

*Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện,  
Dầu cửa quyền trọng tiếng chẵn dân.  
Ơn cha sanh hóa ra thân,  
Ơn thầy huấn giáo cũng gần như nhau.*

*Khoa võ môn dầu nhào qua khỏi,  
Trương vi rộng học hỏi nơi ai.  
Đẹp mình với vẻ cân đai,  
Công thầy tô điểm từ ngày ấu xuân.*

*Cõi hư vô nay gần phúc Thánh,  
Xin châu toàn đường hạnh môn sinh.  
Cõi Thiên xin gởi chút tình,  
Rót chung ly hận gạt mình đưa thương.*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

#### II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài *Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị* do Bà Đoàn Thị Điểm là một nữ sĩ Việt Nam, là một tác giả quyền dịch

Chinh Phụ Ngâm Khúc nổi danh và cũng là một vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung giảng cơ ban cho chúng sanh Đạo Cao Đài.

Bài Kinh này dùng để đồng nhi tụng đọc trong nghi lễ học trò tế thầy đã qui vị.

Được sinh ra làm con người nơi cõi thế gian này, ai cũng phải học, dù đó là học nghề nghiệp, học chữ nghĩa hay học đạo lý. Mạnh Tử nói rằng: Người ta tuy có đạo lý, nhưng cứ ăn no mặc ấm, ngồi rồi mà không dạy dỗ, thì gần như giống cầm thú: (*Nhân chi hữu đạo dã, bão thực noãn y, dật cư nhi vô giáo, tắc cận ư cầm thú* 人之有道也, 飽食煖衣, 逸居而無教, 則近於禽獸). Thánh nhân đời trước lấy làm lo điều đó, nên xem việc giáo hóa là hàng đầu cho con người. Do vậy, Thầy dạy học được coi là người có ơn nghĩa rất lớn đối với học trò. Ơn nghĩa của thầy được Nho giáo xếp đứng vào hàng thứ nhì sau ơn của vua và trước ơn của cha mẹ (Quân, sư, phụ).

Tại sao ơn của thầy được coi trọng như vậy? Bởi vì, việc học của cổ nhân không phải như sự học của bao nhiêu người ngày nay vẫn hiểu. Cổ nhân học là cốt học đạo của Thánh hiền để hiểu nghĩa lý, biết phải trái mà sửa mình cho thành người có đức hạnh. Chính thầy Tử Lộ đã xác định điều đó: Người quân tử học để hiểu rõ cái đạo (Quân tử học dĩ trí kỳ đạo 君子學以致其道), để biết cách cư xử cho phải phép, để có cái phẩm hạnh đạo đức hơn người thường.

Ơn cha mẹ tạo ra hình hài xác thịt, ơn của thầy giáo hóa cho nên người và ơn ngọn rau tấc đất là ba cái công ơn rất sâu dày: Một đàng tạo cái hình chất, một đàng khai hóa tinh thần và một đàng có vật thực để nuôi dưỡng cho

con người. Chính vì thế, Loan Cung Tử mới nói rằng: Người ta ở đời có ba người phải thờ kính như một là cha sinh, thầy dạy, vua nuôi; không có cha thì không có ai sinh, không có nuôi thì không có lớn được, không có dạy thì không thể nên được người vậy (*Dân sinh ư tam sự chi như nhất, phụ sanh chi, sư giáo chi, quân tỵ chi; phi phụ bất sanh, phi tỵ bất trưởng, phi giáo bất tri, sanh chi tộc dã* 民生於三事之如一,父生之,師教之,君食之,非父不生,非食不長,非教不知,生之族也).

Xét thấy ơn của Thầy cũng như ơn vua và ơn sinh thành của cha mẹ rất cao trọng như vậy, nên Đấng Tiên Nương Đoàn Thị Điểm đã giáng cơ ban cho chúng sanh đạo Cao Đài bài Kinh Tụng *Khi Thấy Qui Vị* để dành những người học trò tế những vị thầy kính yêu hầu trả được phần nào ân sâu nghĩa nặng của sự giáo huấn cho nên người.

### III.-CHÚ GIẢI

*Đường công danh càng nhìn quảng đại,  
Nghĩa thầy trò nghĩ lại khó quên.*

**Công danh** 功名: Có công nghiệp và có danh tiếng, tức là sự nghiệp tạo dựng được và tiếng tăm vinh hiển.

**Quảng đại** 廣大: Rộng lớn.

**Câu 1 và 2:** Đường công danh càng nhìn lại càng thấy lớn lao rộng rãi. Bây giờ đây, nghĩ lại mới thấy tình nghĩa thầy trò thật là khó quên được.

Con người sống ở đời, nhờ có cha mẹ sinh ra mình, lại phải nhờ có thầy dạy cho mình, thì mình mới khôn, mới biết việc này việc nọ, mới nên con người, cho nên

làm người học trò đối xử với thầy cũng như con ở với cha mẹ, phải lấy lòng tôn sư trọng đạo, phải lấy sự quý mến, kính trọng đối với thầy. Đó cũng là mối luân thường của người Á Đông ta vậy.

Cái công dạy dỗ, cái ân đức giáo hóa nhuần thấm của thầy, chúng ta không nên quên, mà lúc nào cũng phải nhìn lại thân mình được cao sang, sung sướng như ngày hôm nay là nhờ ai? Nếu “*không thầy đố mày làm nên*” tục ngữ chẳng phải nói như vậy sao?

*Vái cùng Sư Phụ linh thiêng,  
Chứng lòng đệ tử đáp đền ơn xưa.*

**Sư phụ** 師父: Thầy dạy chữ, thầy dạy học.

**Linh thiêng**: Linh hiển và thiêng liêng.

**Đệ tử** 弟子: Học trò.

**Câu 3 và 4**: Con xin nguyện vái cùng sư phụ, có linh thiêng chứng cho lòng của đệ tử thành tâm lạy thầy để đền đáp ơn xưa.

*Dâu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện,  
Dâu cửa quyền trọng tiếng chấn dân.*

**Hoạn lộ** 宦路: Con đường làm quan.

**Sở nguyện** 所願: Cái điều mình đang mong ước.

**Cửa quyền**: Tức là cửa quan, nơi tập trung quyền hành thế lực.

**Trọng tiếng**: Cái danh tiếng được kính trọng.

**Chấn dân**: Cai trị dân, tức là bảo vệ và giáo hóa dân chúng.

*Câu 5: Dầu cho đường làm quan chưa được vừa với điều sở nguyện.*

*Câu 6: Dầu nơi của quan được uy quyền và kính trọng là người chẵn dẵn.*

Ơn cha sanh hóa ra thân,

Ơn thầy huấn giáo cũng gần như nhau.

**Sanh hóa** 生化: Sinh ra, nuôi dưỡng và giáo hóa.

**Huấn giáo** 訓教: Dạy bảo.

*Câu 7: Công ơn của người cha đào tạo ra mảnh thân và nuôi dưỡng cho đến lớn.*

*Câu 8: Cùng với công ơn của thầy đã giáo hóa nên người, hai công ơn ấy cũng gần như nhau.*

Trong xã hội hiện thời, thầy được xem như người truyền thụ kiến thức lại cho con em, do vậy tình thầy trò không thấy gì thấm thiết. Ơn thầy xem như ơn hướng dẫn kiến thức, chứ không như thầy học xưa có trách nhiệm khai tâm, khai hóa một con người.

Theo quan niệm xưa, công ơn của cha mẹ đào tạo ra hình hài thể xác thì to lớn như trời biển, song đã có tấm thân mà không có thầy khai hóa thì con người chỉ như một khối thịt tùng theo vật dục mà hành động, không có tri giác, không hiểu lễ giáo. Vì vậy người xưa cho rằng công lao thầy đào tạo nên người bằng công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, nên lập thành cái đạo: Đạo thầy trò, và xếp trước đạo cha con, sau đạo vua tôi, ấy là đạo: Quân, sư, phụ.

Đời Tống một triết gia Trung Quốc là Chu Đôn Di mới lập Sư đạo (Đạo của thầy trò), ông cho rằng: Cái đạo

của Thánh nhân rất quý, nhưng phải có thầy dạy mới biết được. Ông đặt vấn đề: Làm sao khiến cho thiên hạ đều thiện cả? Rằng phải có thầy dạy, tức là kẻ tiên giác dạy kẻ hậu giác, kẻ mờ tối học kẻ sáng suốt, như thế thì đạo thầy được thành lập vậy.

Theo ông, người ta sợ nhứt là không có ai bảo mình biết điều lỗi, và sợ không biết thẹn “Nhân chi sinh, bất hạnh bất văn quá, đại bất hạnh vô sỉ 人之生, 不幸不聞過, 大不幸無恥” (Người ta sinh ra, cái không may là không được nghe điều lỗi của mình, cái không may lớn hơn cả là vô sỉ). Vậy nên phải có sỉ thì thầy mới dạy được, và có nghe điều lỗi lầm của mình thì mới tiến được.

Chính vì người xưa xem đạo thầy trò cao trọng như vậy, nên khi Khổng Tử mất, các môn đồ của Ngài phải để tâm tang ba năm (Bằng tang cha mẹ), mãn tang họ họp nhau lần cuối cùng ở trước mộ để khóc Ngài, rồi mới chia tay nhau mỗi người đi mỗi nơi. Riêng Tử Cống còn ở lại trong một căn nhà lá để giữ mộ cho thầy thêm ba năm nữa.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm, trong tác phẩm *Nữ Trung Tòng Phận* cũng cho rằng ơn nghĩa của thầy dạy học cũng sánh bằng với công sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Bà viết:

*Con nhờ thầy công danh mới toại,  
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.  
Hai ơn ấy găm so đồng,  
Nghĩa kia như biếu, mận nong cả hai.*

*Khoa võ môn dầu nào qua khỏi,  
Trương vi rông học bởi nơi ai.*

**Vũ môn:** Hay vũ môn 禹門 Một cái cửa núi ở thượng du sông Trường giang nước Trung Hoa, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, chân núi có cái vực rất sâu, tương truyền đến mùa thu nước lớn thì cá đua nhau tới đó nhảy thi với nhau, con nào vượt qua vũ môn thì hóa ra rồng. Sách Tàu có câu: “*Vũ môn tam cấp lãng* 禹門三級浪”, nghĩa là Cửa Vũ có ba bậc sóng, dùng để chỉ việc thi cử, tuyển lựa người tài giỏi.

Nước Việt Nam huyện Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, trên chót núi cũng có một cái hồ ba bậc, không khác gì nơi sông Trường giang.

**Trường vi rống:** Tức giương cái kỳ của con rồng. Cá vượt qua được Vũ môn biến thành rồng, giương kỳ vi thấy oai nghi lẫm liệt, tỷ như sĩ tử thi đậu quan cao, áo mào, dù lọng vua ban làm tăng phần vinh hiển.

**Câu 9 và 10:** *Được thành công trên đường khoa cử, công danh hiển đạt với đời vậy học hỏi nơi ai?*

**Đẹp mình với vẻ cân đai,**

**Công thầy tô điểm từ ngày ấu xuân.**

**Cân đai:** Cái khăn bịt đầu và sợi dây đai vòng ngang bụng của các vị quan thời xưa. Cân đai chỉ áo mào, phẩm phục của các quan trong triều đình.

**Tô điểm:** Chấm vẽ từng nét cho đẹp để thêm.

**Ấu xuân** 幼春: Tuổi còn niên thiếu, tuổi còn nhỏ.

tấm bé cho đến khi thành danh, ơn ấy không biết ngần nào mà kể. Sau này học trò càng rạng rỡ cân đai áo mào

**Câu 11 và 12:** Áo mào cân đai làm cho thân người đẹp để chính là nhờ công ơn của thầy dạy dỗ từ thời ấu thơ.

Công thầy dạy dỗ bao nhiêu thì công ơn của thầy sâu nặng bấy nhiêu. Thế mà có nhiều người không suy xét điều đó, khi nên danh phận, họ quên mất nguồn ơn là nhờ thầy dìu dắt mới có ngày nay.

Chính vì thế mà bộ Lã thị Xuân Thu có nêu danh để khen tặng các vị Thánh, Hiền tôn sư trọng Đạo. Sách viết: “Thập Thánh, lục Hiền, tôn sư bất đãi 十聖, 陸賢尊師不怠”. Nghĩa là mười bức Thánh, sáu bức hiền trọng thầy không bao giờ khinh trể. Cũng theo sách đó, các vị: Vua Thần Nông, vua Huỳnh Đế, vua Chuyên Húc, vua Đế Khốc, vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Võ vương và Châu Công Đán là mười bức Thánh; Tế Hoàn Công, Tấn văn Công, Tấn Mục Công, Sở Trang Công, Ngô Hạp Lữ, Việt vương Câu Tiễn là sáu bức hiền. Các vị này là bậc vua chúa, cao sang, chưa có vị nào chẳng tôn sư trọng đạo bao giờ.

*Cõi hư vô nay gần phúc Thánh,  
Xin châu toàn đường hạnh môn sinh.*

**Cõi Hư vô:** Hay Hư vô cảnh 虛無境: Một cõi giới trống không vắng lặng, bao quát vô cùng tận, thường còn và không biến đổi. Cõi không thực thể, nhưng là điều kiện căn bản sinh ra mọi pháp.

**Châu toàn** 週全: Làm một cách trọn vẹn, chu đáo, không có sơ sót.

**Phúc Thánh** 福聖: Phúc đức của bậc Thánh.

Đường hạnh: Con đường của đạo hạnh.

**Môn sinh** 門生: Học trò.

**Câu 13:** Ngày nay thấy được về cõi Hư vô gần với chư



*Thánh mà hưởng phúc đức.*

*Câu 14: Xin ra ơn dùm dắt các con theo đường đạo hạnh cho tròn vẹn con người.*

***Cõi Thiên xin gửi chút tình,  
Rót chung ly hận gặt mình đưa thương.***

***Cõi thiên:*** Cõi Trời, tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

***Ly hận*** 離恨: Xa cách một cách thống hận

***Chung ly hận:*** Chung rượu ly biệt thương yêu một cách thống thiết.

***Gặt mình:*** Cúi mình lạy.

Đưa thương: Đưa tiễn đi với tấm lòng thương nhớ.

*Câu 15: Con xin gửi chút tình của người môn đệ đến cõi Thiêng Liêng.*

*Câu 16: Xin rót chung rượu thương tiếc kính lạy thầy một lần cuối với tấm lòng nhớ thương.*

Ân nghĩa và tình cảm đối với người đã khuất được Nho giáo thể hiện những nỗi niềm bi thống bằng cách chế định các hạng tang phục. Song chế độ tang phục chỉ định cho những người vốn có quan hệ thân thuộc, còn giữa thầy trò, hoàn toàn không có bất kỳ quan hệ thân thuộc nào, thế nhưng tấm lòng thương yêu dạy dỗ của người thầy đối với học trò thì vô cùng sâu nặng. Nhứt là đối với người xưa, thầy và trò đã từng sống chung lâu ngày (như Khổng Tử và các học trò) tình cảm càng thấm thiết sâu đậm.

Chuyện kể lại, khi Khổng Tử qua đời, để tỏ lòng tưởng nhớ công ơn dạy dỗ chăm sóc của thầy, các học trò

của Khổng Tử đều muốn biểu lộ lòng thương tiếc một cách cụ thể. Thế nhưng chế độ tang lễ lại không có qui định học trò nên biểu thị thế nào với thầy dạy học.

Trong buổi tang lễ cho thầy, Tử Cống đã đưa ra một ý kiến rất hay: Lúc trước khi Nhan Hôi mất, thái độ bày tỏ lòng thương tiếc của thầy đối với Nhan Uyên giống như là nỗi khổ mất đi một đứa con ruột thịt của mình, nhưng thầy không mặc bất kỳ loại tang phục nào; sau này Tử Lộ mất cũng như vậy. Ngày nay thầy đã mất đi, chúng ta học trò cũng phải có một thái độ báo đáp tương ứng. Chúng ta mất thầy, ai điếu cho thầy cũng phải có nỗi đau khổ như đã mất đi chính người cha thân yêu của mình vậy, mà không phải mặc bất kỳ loại tang phục nào.

Nguyên văn trong *Đàn Cung Thượng*: “*Khổng Tử chi tang, môn nhân nghi sở phục. Tử Cống viết: Tích giả Phu tử chi tang Nhan Uyên, nhược tang tử nhi vô phục; tang Tử Lộ diệc nhiên. Thỉnh tang Phu tử, nhược tang phụ nhi vô phục* 孔子之喪, 門人宜所服. 子貢曰: 昔者夫子之喪顏淵, 若喪子而無服; 喪子路亦然. 請喪夫子, 若喪父而無服”.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

### KINH CẦU TỔ PHỤ ĐÃ QUI LIỄU

#### I.-KINH VĂN

#### KINH CẦU TỔ PHỤ ĐÃ QUI LIỄU

*Giọt máu mủ lưu truyền tại thế,  
Con nhãng mong truyền kể lửa hương.  
Nguyện cùng Thất Tổ xin thương,  
Cho bền gan tấc noi đường thảo ngay.  
Xưa chẳng đặng phước may gặp Đạo,  
Nay phò trì con cháu tu tâm.  
Dâng gương huệ kiếm xin cầm,  
Chặt lia trái chủ đặng tâm ngôi Thiên.  
Dầu tội Chương ở miền địa giải,  
Dầu oan gia ở ngoại Càn Khôn.  
Dầu mang xác tục hay hôn,  
Nhớ cầu Từ Phụ CHÍ TÔN cứu nàn.  
Dầu đoạt vị ở an Thiên cảnh,  
Dầu tái sanh mở cảnh siêu phàm.  
Nương thuyền Bát Nhã cho an,  
Dìu chững con cháu vào đàng nghĩa nhân.  
Kìa lối bóng hồng ân bao phủ,  
Cả thế gian đầy đủ đạo mầu.  
Âm Dương đôi nẻo như nhau,  
Cửu Huyền Thất Tổ giữ cầu thọ trì.*

*Chốn Tây phương đường đi thông thả,  
Cõi Diêm cung tha quả vong căn.  
Tiêu diêu định tánh năm phan,  
Do theo Cực Lạc đôn đàng siêu thăng.  
Nhớ nỗi hiếu khó ngăn nét thắm,  
Tưởng nguồn ân đốt nếm tâm hương.  
Tấc lòng đòi đoạn đau thương,  
Chơn mây vãi với hương hồn hiển linh.*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

(TỤNG TIẾP KINH CỨU KHỔ)

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu do Bà Đoàn Thị Điểm một nữ sĩ nổi danh của Việt Nam và cũng là một vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh Đạo Cao Đài.

Theo lời chú thích trong sách Lễ Ký có nói rằng: Toàn thể vạn vật nương nhờ căn bản nơi Trời là Đấng tạo Thiên lập Địa, còn toàn thể nhưn loại nương nhờ căn bản nơi Tổ tiên là bậc khai sáng ra dòng giống (*Vật bản hồ Thiên, nhân bản hồ Tổ* 物本乎天, 人本乎祖). Triết lý Cao Đài cũng cho rằng nguồn cội của con người gồm hai phần, phần hữu hình, gần gũi nhất là cha mẹ, ông bà đã sinh ra hình hài xác thịt; phần vô vi, không thấy được, phải suy luận mới nhận biết, đó là Đức Thượng Đế đã ban cho một Chơn linh để con người có sự sống, sự hiểu biết và sự khôn ngoan.

Người bình dân Việt Nam cũng tưởng nhớ đến ông bà qua câu ca dao sau đây:

*Con người có tổ có tông,  
Như cây có cội, như sông có nguồn.*

Khi nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục rộng lớn như trời biển của cha mẹ ông bà, người tu hành phải chăm lo phụng dưỡng khi các người còn sanh tiền, và bố thí, lễ bái để hồi hướng công đức đến người đã quá vãng.

Do vậy, thờ cúng Tổ tiên hay Tổ phụ là nhằm thể hiện lòng tưởng cây cội nước nguồn, nhớ đến ân sâu nghĩa nặng, tức là tỏ lòng biết ơn và thương kính đối với những Chơn linh người thân đã đào tạo nên cơ thể hữu vi cho con cháu ngày nay.

Sự thờ kính Tổ tiên Ông bà cũng là một cách để duy trì nền luân lý đạo đức, nhưt là trong những ngày kỵ lạp, tế lễ để con cháu có dịp qui tụ về hầu nhắc nhở cho nhau sự tưởng nhớ nguồn cội, công đức của Ông bà.

Vì thế, bất cứ một nghi lễ nào của Cao Đài về phần thể đạo như: Thành phục phát tang, chánh tế, di quan hay tiểu đại tường đều phải có *cáo Từ tổ* 告祠祖 trước. Đó là cái lễ của Nho giáo<sup>(1)</sup>.

Thực hiện lễ cáo Từ tổ con cháu hay tang gia hiếu quuyến quì tế Tổ tiên, phải có lòng thành kính để tưởng nhớ đến Ông bà Tổ phụ như lời Đức Khổng Phu Tử dạy: Thờ cha mẹ mới chết dường như sống, thờ Ông bà tuy mất cũng như còn, mới gọi rằng chí hiếu vậy (*Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã* 事死如事生, 事亡如事存, 孝之至也). Ngoài ra, sự thành tâm của con cháu cũng nhằm để cầu nguyện cho Chơn linh của Cửu Huyền Thất Tổ được siêu thăng Tịnh độ.

### III.-CHÚ GIẢI

#### *Giọt máu mủ lưu truyền tại thế, Con chẳng mong truyền kể lửa hương.*

**Máu mủ:** Con người bởi tinh cha huyết mẹ tạo nên hình hài, do vậy con cháu cũng từ huyết thống (máu mủ) của Tổ tiên lưu truyền lại. Chỉ huyết thống của dòng họ.

**Giọt máu mủ:** Chỉ người con kế truyền của dòng họ cùng huyết thống.

**Lưu truyền** 流傳: Truyền đi khắp nơi, tựa như dòng nước chảy khắp chốn.

**Truyền kế** 傳繼: Truyền lại cho đời sau kế tục.

**Lửa hương:** Do chữ hương hỏa 香火, tức nhang và đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên.

**Câu 1:** *Những người con của dòng họ (huyết thống) được từ tổ tiên lưu truyền lại trên cõi đời này.*

**Câu 2:** *Con hằng mong tiếp nối phụng tự để hương khói cho tổ tiên ông bà.*

Nho giáo rất trọng việc phụng tự hương hỏa nơi từ đường, phong tục Việt Nam cũng sùng thượng sự thờ cúng tổ tiên. Việc phụng tự tổ tông là một việc tốt đẹp đáng quý trọng, nên coi là một nghĩa vụ của con người, vì nó thể hiện tính “*Uống nước nhớ nguồn*”, nói lên cái lòng bất vong bản.

Nhưng “*truyền kế lửa hương*” nhằm tỏ cái lòng chí thành chí kính Tổ tiên, chứ không phải cúng tế vật phẩm thịnh soạn để phụng dưỡng Ông bà, vì vậy, nên thể hiện cách nào cho ngụ được cái lòng ấy đủ rồi, không nên bày

biện tiệc tùng quá đáng, hay rượu chè nhậu nhẹt, để gọi là trả nợ miệng thế gian, làm mất đi cái ý nghĩa của sự kính thành. Đức Khổng Phu Tử có nói: Tế Tổ tiên, phải kính như Tổ tiên tại đó, tế Thần phải kính như Thần ở đó (Tế như tại, tế Thần như Thần tại 祭如在, 祭神如神在).

*Nguyện cùng Thất Tổ xin thương,  
Cho bên gan tấc noi đường thảo ngay.*

**Thất tổ** 七祖: Bảy vị Tổ của dòng họ.

Trong sách Lễ Ký có nói rằng: Tổ là đáng có công khai sáng dòng giống buổi đầu tiên. Tông là đáng kế chí, noi theo chí người xưa lập nên tảng cho người đời sau để truyền kế lửa hương.

Theo Việt Nam Phong Tục, Phan Kế Bính có nói về cách thờ phụng Ông bà Tổ tiên của người xưa như sau:

Bao nhiêu con cháu dòng dõi trong một họ lập chung một nhà thờ Thủy Tổ, gọi là mỗ tộc từ đường, ví như Trần tộc, Nguyễn tộc...Nhà thờ ấy chỉ thờ riêng một Thủy Tổ, và khi tế tự thì lấy các Tổ tông biệt chi, biệt phái mà phối hưởng. Có họ không có nhà thờ thì xây cái bàn lộ thiên, dựng bia đá ghi tên thụ các Tổ tiên để khi tế tự thì ra tại đó mà tế.

Nhà thường dân không có nhà thờ riêng thì thờ tại nhà mình ở. Dẫu nghèo cũng có một bàn thờ Ông bà.

Trên bàn thờ Tổ tiên của nhà phú quý có đủ thần vị bốn đời thờ Cao, Tăng, Tổ, Khảo, đặt trong một cái khám sơn son thếp vàng, gọi là Long khám, khi nào cúng tế mới đem ra. Hễ đến năm đời thì lại đem thần chủ Cao tổ đi mà nhắc lần Tăng, Tổ, Khảo lên một bực, rồi đem

ông mới mất mà thế vào thân chủ Khảo, gọi là “Ngũ đại mai thân chủ 五代理神主”.

Theo bản đồ Thất Tổ Miếu thì Thất tổ gồm:

7. Thất Tổ: Thủy Tổ 始祖 Tỷ khảo
6. Lục Tổ: Viễn Tổ 遠祖 Tỷ khảo
5. Ngũ Tổ: Tiên Tổ 先祖 Tỷ khảo
4. Tứ Tổ: Cao Tổ 高祖 Tỷ khảo
3. Tam Tổ: Tăng Tổ 曾祖 Tỷ khảo
2. Nhị Tổ: Hiển Tổ 顯祖 Tỷ khảo
1. Nhứt Tổ: Hiển Tỷ khảo 顯妣考 (Cha mẹ)

**Gan tặc:** Hay tặc gan, chỉ tặc ý chí mạnh mẽ.

**Thảo ngay:** Lòng hiếu thảo và ngay thẳng.

**Câu 3:** Cầu nguyện cùng Thất tổ, xin thương cho con cháu.

**Câu 4:** Giữ vẹn ý chí cho thật bền vững để noi theo đường hiếu đạo và giữ tấm lòng ngay thẳng.

**Xưa chẳng dặng phước may gặp Đạo,  
Nay phò trì con cháu tu tâm.**

**Xưa chẳng dặng:** Ngày xưa không được như vậy.

**Phước may:** Có phước được may mắn.

**Gặp Đạo:** Gặp được mối Đạo, tức gặp được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài.

Người có nhiều duyên phần lắm mới gặp gỡ được thời kỳ mà Đức Chí Tôn giáng cơ mở một mối Đạo, như lời Thánh giáo đã dạy: “Đạo Trời diu bước nhưn sanh,



đường Thánh dẫn người phạm tục. Sanh nhằm *lối duyên may mắn đang gặp một Đạo Chánh*, nếu chẳng lo dưỡng tánh trau mình, để bước vào đường Cực Lạc, thoát đọa Tam đồ, một mai cảnh ử bóng tàn, rốt lại ăn năn vô ích”.

Thật vậy, trong hằng hà sa số kiếp luân hồi sinh tử, chúng ta có duyên may mới gặp được thời Đức Chí Tôn vì thương xót sanh linh, đại ân xá kỳ ba để mở cơ tận độ, giải thoát chúng sanh khỏi luân hồi, đưa các Chơn linh trở về ngôi xưa vị cũ. Đây có thể nói là rất may duyên mới gặp được Đạo, Đức Lý Đại Tiên cũng đã nói: “*Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sinh nhằm đời đang gặp mối Đạo* cũng chẳng dễ”.

**Phò trì:** Hay phò trì 扶持: Giúp đỡ và gìn giữ.

**Tu tâm** 修心: Sửa lòng, sửa cái tâm tốt đẹp, ý nói có lòng tu hành.

**Câu 5:** Tổ tiên Ông bà thuở xưa không có phước để được duyên may gặp nền Đại Đạo.

**Câu 6:** Ngày nay xin phò trì cho con cháu có lòng tu hành.

*Dâng gương huệ kiếm xin cầm,  
Chặt lia trái chủặng tâm ngôi Thiên.*

**Huệ kiếm** 慧劍: Cây kiếm hay cây gương trí huệ.

**Xin cầm:** Xin nắm lấy, xin cầm lấy.

**Chặt lia:** Chặt cho đứt lia ra.

**Trái chủ** 債主: Chủ nợ của oan nghiệt.

Nếu mình gây ra tội ác cho người, sẽ tạo nên món nợ oan nghiệt: Mình là con nợ, người bị hại là chủ nợ hay

trái chủ. Theo luật nhân quả, thiếu nợ đương nhiên phải đền trả, còn người chủ nợ chờ ngày đòi món nợ oan nghiệt đó. Vì vậy, nợ nần trở thành dây oan nghiệt buộc ràng người chủ lẫn kẻ thiếu nợ với nhau, gọi là oan gia trái chủ.

**Tầm ngôi Thiên:** Tìm kiếm ngôi vị ở cõi Thiêng Liêng.

*Câu 7 và 8: Xin hãy cầm lấy cây kiếm trí huệ để chặt đứt những món nợ oan trái hầu có thể trở về cõi Thiêng Liêng đặng tìm lại ngôi xưa vị cũ.*

***Dầu tội Chương ở miền địa giới,  
Dầu oan gia ở ngoại Càn Khôn.***

**Tội chương** 罪障: Những chương ngại do hành vi tội lỗi gây ra từ kiếp trước.

**Địa giới** 地界: Chỉ cõi địa cầu chúng ta đang sống, tức cõi địa cầu 68.

**Oan gia** 冤家: Người có thù hận với mình.

**Ở ngoại Càn khôn:** Ở ngoài cõi Trời đất, tức là ở một cõi giới nào đó, không phải cõi trần gian.

*Câu 9: Dầu cho có gây ra tội chương ở nơi cõi địa giới.*

*Câu 10: Dầu cho có gặp oan gia nghiệt chương ở ngoài Càn khôn (ngoài cõi Trần).*

***Dầu mang xác tục hay hôn,  
Nhớ câu Từ Phụ CHÍ TÔN cứu nạn.***

**Xác tục:** Thân xác phàm tục.

**Từ Phụ** 慈父: Đấng cha lành, chỉ Đức Chí Tôn.

**Từ Phụ Chí Tôn:** Đức Chí Tôn là đấng cha lành của

chúng sanh nên được gọi là Từ Phụ Chí Tôn.

**Cầu nài:** Cứu giúp cho thoát khỏi tai nạn.

**Câu 11:** *Dầu cho còn mang thân xác phàm tục hay đã chết đi, chỉ còn Chơn hồn.*

**Câu 12:** *Phải nhớ cầu nguyện Đấng Đại Từ Phụ để Ngài cứu giúp cho thoát khỏi những tai nạn.*

**Dầu đoạt vị ở an Thiên cảnh,**

**Dầu tái sanh mở cảnh siêu phàm.**

Đoạt vị 奪位: Đoạt được ngôi vị.

**Thiên cảnh** 天境: Cõi Trời, tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Tái sanh** 再生: Được sanh lại một lần nữa, nói rõ hơn là đầu thai xuống thế gian lại một lần nữa hay tái kiếp.

**Siêu phàm** 超凡: Vượt lên khỏi cái tầm thường, vượt lên khỏi phàm nhân.

**Câu 13:** *Dầu cho có đoạt được phẩm vị và ở yên nơi cõi Thiêng Liêng.*

**Câu 14:** *Dầu cho có tái sanh để mở cảnh siêu phàm ở cõi thế gian này.*

**Nương thuyền Bát Nhã cho an,**

**Dù chùng con cháu vào đàng nghĩa nhân.**

**Nương thuyền Bát nhã:** Nương tựa vào chiếc thuyền Bát nhã, tức là nhờ vào trí huệ để làm chiếc thuyền thoát khỏi biển khổ để về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, hay nói cách khác là thuyền Đạo.

Đàng nghĩa nhân: Con đường nhân nghĩa, tức là

con đường đạo đức.

*Câu 15: Xin nhờ vào trí huệ để làm chiếc thuyền đưa qua bên kia bờ giác ngộ cho yên ổn.*

*Câu 16: Và dìu dẫn cho con cháu vào con đường nhân nghĩa đạo đức.*

*Kìa lộ bóng hồng ân bao phủ,  
Cả thế gian đầy đủ đạo mầu.*

*Lộ bóng:* Lộ ánh sáng ra.

*Hồng ân* 洪恩: Ôn huệ to lớn, tức ân huệ của Đức Chí Tôn.

Đạo mầu: Đạo pháp nhiệm mầu.

*Câu 17 và 18: Kìa là hồng ân của Đức Chí Tôn như vầng ánh sáng lộ ra bao phủ khắp thế gian chứa đầy đủ đạo pháp nhiệm mầu.*

*Âm Dương đôi nẻo như nhau,  
Cửu Huyền Thất Tổ giữ câu thọ trì.*

Âm Dương đôi nẻo: Hai nẻo đường Âm Dương, tức chỉ cõi Âm và cõi Dương, chỉ cõi người chết: Âm quang, và chỉ cõi người sống: Dương gian.

*Cửu Huyền Thất Tổ* 九玄七祖: Đây là một thành ngữ dùng để chỉ Ông bà Tổ tiên. Thờ cúng Ông bà Tổ tiên, nhiều gia đình xưa thờ **Tiên Linh** 先靈, **Truy viễn** 追遠 hay **Cửu Huyền Thất Tổ** 九玄七祖.

Thờ Cửu Huyền Thất Tổ, cũng giống như thờ Tiên Linh hay Truy Viễn vậy, tức là thờ các vị Tổ tiên Ông bà chung từ xa xưa đến nay. Chử Huyền chỉ về đời, Tổ chỉ

hàng ông nội trở lên.

Có thuyết cho rằng Cửu Huyền cũng là Cửu tộc, kể từ Cao Tổ nhỏ xuống đến cháu huyền tôn là chín đời.

Sách Ấu Học Quỳnh Lâm giải thích về Cửu tộc như sau: “Hà vị Cửu tộc? Cao, Tằng, Tổ, Khảo, Kỷ thân, Tử, Tôn, Tằng, Huyền 何謂九族? 高, 曾, 祖, 考, 己身, 子, 孫, 曾, 玄” (Cửu tộc là gì? Ông sơ, ông cố, ông nội, cha, bản thân, con, cháu, chắt, chít).

Như vậy từ bản thân kể lên bốn đời, và đếm xuống bốn đời, cộng chung lại là chín đời, gọi là Cửu tộc:

- 1 Cao Tổ 高祖 (Ông Sơ)
- 2 Tằng Tổ 曾祖 (Ông Cố)
- 3 Tổ Phụ 祖父 (Ông Nội)
- 4 Phụ thân 父親 (Cha)
- 5 **Kỷ thân 己身 (Bản thân)**
- 6 Trưởng tử 長子 (Con trưởng)
- 7 Đích tôn 嫡孫 (Cháu nội)
- 8 Tằng tôn 曾孫 (Cháu chắt)
- 9 Huyền tôn 玄孫 (Cháu chít)

Nếu thờ Cửu Huyền mà lấy Cửu tộc ra thờ thì chỉ thờ được bốn đời trên bản thân mình, tức từ phụ thân đến cao tổ, còn bốn đời sau là con cháu thì sao lại thờ được?

Như vậy, theo thiển ý, Cửu Huyền là một danh từ dùng để chỉ chung Tổ tiên Ông bà nhiều đời trước mà thôi, giống như thờ Tiên linh hay Truy viễn, nghĩa là từ cha mẹ đã chết đến Tỵ tổ (không kể số lượng là chín).

**Thọ trì 授持:** Nhận lấy và gìn giữ.

**Câu 19:** *Cõi Âm của người chết và cõi Dương của người sống, là hai đường không khác gì nhau.*

**Câu 20:** *Câu xin Cửu Huyền Thất Tổ nhận lấy và gìn giữ những giáo pháp nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn*

***Chốn Tây phương đường đi thông thả,  
Cõi Diêm cung tha quả vong căn.***

**Chốn Tây phương:** Cõi Tây phương Cực Lạc, tức Cực Lạc Thế Giới.

**Thông thả:** Thành thơi, nhàn hạ.

**Diêm cung 閻宮:** Cõi Âm phủ, cõi Địa ngục.

**Tha quả vong căn:** Tha thứ căn quả.

Căn là cái gốc rễ của việc làm ác từ kiếp trước, gây ra tai họa cho kiếp này phải đền trả.

Do gốc rễ đó mà kiếp sống của con người phải thọ lãnh cái nghiệp quả: Nếu kiếp trước làm điều lành thì kiếp này nhận được thiện quả; nếu kiếp trước làm những điều hung ác thì kiếp này phải lãnh ác căn. Như vậy, căn tạo thành cái quả cho con người phải thọ nhận, nên người ta thường gọi căn quả hay căn nghiệp.

**Câu 21:** Đường về cõi Tây phương Cực Lạc thì rất thông thả nhàn hạ.

**Câu 22:** *Chí Tôn đại ân xá kỳ ba nên cõi Diêm cung các Chơn linh đều được tha thứ tất cả căn quả.*

***Tiêu điều định tánh năm phan,  
Do theo Cực Lạc đơn dàng siêu thăng.***

**Tiêu diêu** 逍遙: Thanh thơi, nhàn hạ.

**Tánh** 性: Theo Phật, tánh là một thực thể sẵn có nơi mọi chúng sanh, là tự thân của thực tại vạn hữu. Tánh là cái tướng thực của muôn pháp, mà cũng là cái tâm tánh thực của chúng sanh. Phật và chúng sanh không khác gì nhau, cùng một tánh, đó là Phật tánh. Nhưng Phật là bậc giác ngộ nên tánh sáng suốt trong lặng, còn chúng sanh vì bị vọng tưởng phiền não che lấp nên chưa thấy được tánh.

Theo Nho, điểm tánh là Trời phú cho con người, tánh là bản thể của tâm. Vậy tánh với tâm, tuy hai danh từ, song vốn một thể. Trong kinh sách có khi người ta gọi tánh, có lúc người ta gọi tâm. Như vậy chúng ta phải hiểu tâm với tánh chỉ là một thôi (theo Vương Dương Minh).

**Định tánh** 定性: Cũng như định tâm, tập trung tâm vào một nơi, không để cho tâm bị tán loạn. Định tánh hay định tâm là thu nhiếp tánh hay tâm vào một chỗ, chuyên chú vào một đối tượng, một cảnh, không để tâm tánh bị tán loạn. Tâm tánh có định thì mới giúp cho con người sáng suốt, sống tỉnh thức, không còn đeo đuổi vọng niệm.

**Phan** 幡: Cây phướn, một cây tựa như lá cờ, bề ngang hẹp, có chiều dài, trong lá phướn có ren lụa thêu rữ xuống. Trong Đạo Cao Đài có nhiều loại phướn như: Phướn Thượng sanh, phướn Thượng phẩm, phướn Truy hồn hay phướn Tiêu diêu.

Theo Cao Đài, khi một người chết thì Chơn linh phải có cây phướn để dẫn dắt đường đi. Về thể pháp, nếu người chết từ phẩm Lễ sanh trở xuống chức việc, đạo hữu thì Chơn linh người chết được hướng dẫn bằng cây phướn Thượng sanh, nếu người chết từ phẩm Giáo hữu trở lên thì

Chơn linh được diu dẫn bằng cây phướn Thượng phẩm. Về bí pháp, nơi cõi Thiêng Liêng mỗi Chơn linh đều được dẫn dắt bằng phướn Tiếp dẫn hay phướn Tiêu diêu.

Phướn Tiếp dẫn thì do Tiếp Dẫn Đạo Nhơn hay Tiếp Dẫn Phật cầm để dẫn dắt các Chơn linh đắc Đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc, Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối có câu:

*Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,  
Phướn linh khai mở nẻo đường Lôî Âm.*

Còn phướn Tiêu diêu hay phướn Truy hồn là của Lục Nương Diêu Trì Cung nắm giữ, Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu có viết:

*Lục Nương phất phướn Truy hồn,  
Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.*

Đon đàng: Dò đường mà đi.

**Siêu thăng** 超升: thăng lên cao, tức vượt lên cõi Thiêng Liêng.

**Câu 23:** Chơn linh được thanh thoi nhàn hạ thì hãy định tâm tánh để nứu theo phướn mà đi.

**Câu 24:** Và lần theo cõi Tây phương Cực Lạc thẳng đường siêu thăng.

*Nhớ nổi hiếu khó ngăn nét thâm,  
Tưởng nguồn ân đót nắm tâm hương.*

**Nổi hiếu:** Nổi niềm hiếu thảo.

**Nét thâm:** Nét lộ bên ngoài có vẻ sâu thẳm.

**Nguồn ân:** Ân huệ của Tổ phụ. Do Tổ phụ là nguồn



cội của con cháu, nên ân Tổ phụ là nguồn ân của con cháu.

**Tâm hương** 心香: Hương lòng, tức là lấy cái lòng thành (tâm) để làm hương dâng cúng.

**Câu 25:** *Nhớ đến nỗi niềm hiếu thảo mà lòng khó ngăn được sầu thảm.*

**Câu 26:** Tưởng đến ơn nghĩa của Tổ phụ, con xin thành tâm dâng lên nén hương lòng.

**Tấc lòng đòi đoạn đau thương,  
Chơn mây vái với hương hồn hiển linh.**

**Tấc lòng:** Do chữ thốn tâm 寸心, tức chỉ tấm lòng.

**Đòi đoạn:** Nhiều đoạn, nhiều khúc, chỉ sự đau đớn như ruột bị cắt từng đoạn. Như đoạn trường đứt ruột.

**Chơn mây:** Ý chỉ ở dưới chân trời.

**Hiển linh** 顯靈: Hiển hiện ra một cách thiêng liêng.

**Câu 27:** *Tấm lòng thương tiếc của các con cháu đối với Ông bà Tổ phụ vô cùng đau thương.*

**Câu 28:** *Chúng con nguyện vái với hương hồn Tổ phụ nơi tận chơn mây có hiển linh xin chứng cho lòng con.*

Được may duyên thọ trì nên Chánh Đạo của Đức Chí Tôn, chúng ta những người con cháu đối với Ông bà Tổ phụ, không phải chỉ với tấm lòng thương tiếc, không phải chỉ việc thờ phụng hay lấy lòng tưởng niệm là đủ, mà chúng ta phải lấy câu: “Nhất nhân hành Đạo Cửu huyền thăng 一人行道九玄升” làm phương châm trau dồi hiếu đạo. Con cháu muốn làm hiếu, không gì hơn là chí tâm tu hành, lập công bồi đức để hồi hướng công đức cho Ông bà Tổ phụ. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “Người

*dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là phần về xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn đắc Đạo phải có công quả”.*

Như vậy, **công quả** mới thực sự là một món quà trân trọng nhất để thể hiện lòng hiếu thảo của con cháu dâng cúng Cửu Huyền Thất Tổ thọ hưởng.

---

<sup>(i)</sup> Cáo Từ tổ là cáo trình với Từ đường Tổ phụ, hay nói cho dễ hiểu tức là trình thưa với Ông bà Tổ phụ

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

### KINH TỤNG CHA MẸ ĐÃ QUI LIỄU

#### I.-KINH VĂN

#### KINH TỤNG CHA MẸ ĐÃ QUI LIỄU

*Ôn cùc dục cù lao mang nặng,  
Lỡ thân côi mưa nắng khôn ngừa.  
    Âm Dương cách bóng sớm trưa,  
Thon von phận bạc không vừa hiểu thân.  
    Đầu cúi lạy.....(1) linh hiển,  
    Lẽ muối dưa làm miếng hiểu tâm.  
    Ven Trời gởi chút tình thâm,  
Động lòng thương nhớ tuôn dầm lệ sa.  
    Xin có tưởng ruột rà màu mũ,  
    Cõi Hư linh bao phủ ân hồng.  
    Cảnh Thiên noi bước Hóa Công,  
Năm phan Tiếp Dẫn vào vòng Như Lai.  
    Chốn Hư linh chờ ngày hội hiệp,  
    Dầu căn xưa quả kiếp đường bao.  
    Thà cam vui chốn động Đào,  
Đừng vì nhớ trẻ trở vào phạm gian.  
    Nuốt tiếng than đôi hàng lã chã,  
    Tưởng đến điều nhơn quả mà đau.  
    Xem thân tuổi hạc càng cao,  
E ra tử biệt Thiên Tào định phân.*

(1)

Nổi hương lửa như luân đạo trọng,  
Con gìn câu chết sống trọn nghè.  
Sắp mình cúi lạy Từ Bi,  
Tiên khiên phụ mẫu Tam Kỳ xá ân.  
Xin.....(1) định thân định tánh,  
Nơi khuôn linh nẻo Thánh đưa chơn.  
Thong dong cõi thọ nương hồn,  
Chờ con lập đức giúp huần ngôi xưa.  
Chung ly biệt con đưa tay rót,  
Mối thương tâm chưa ngọt đeo sầu.  
Cha ở đâu, mẹ nơi đâu?  
Tâm tang kính gửi một bầu lệ châu.

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài *Kinh tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu* do Bà Đoàn Thị Điểm một nữ sĩ nổi danh trên văn đàn Việt Nam và cũng là một vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung giảng cơ ban cho chúng sanh Đạo Cao Đài. Bà cũng có giảng cơ ban cho nữ phái quyền Nữ Trung Tòng Phận.

Ở cõi thế gian này, bất cứ một tôn giáo nào cũng đều dạy con người phải hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Nho giáo được xem như là một Đạo dạy về như luân đạo đức, hay nói cách khác, là một đạo thờ cúng Tổ tiên ông bà, lấy hiếu làm đầu trong trăm nết (Hiếu vi bách hạnh chi tiên 孝為百行之先).

Sách *Hiếu Kinh* cũng viết: Hiếu là Đạo thường của

Trời, lễ phải của Đất (Hiếu giả Thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã 孝者, 天之經也, 地之義也).

Ởn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ sâu nặng như vậy, người con hiếu thảo phải ở với cha mẹ hết lòng tôn kính, nuôi cha mẹ thì hết lòng vui vẻ, cha mẹ đau ốm thì hết lòng lo, cha mẹ mất, cư tang thì phải hết lòng xót thương, khi tế tự thì nghiêm trang hết mực (Hiếu tử chi sự thân, cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm 孝子之事親, 居則致其敬, 養則致其樂, 病則致其憂, 喪則致其哀, 祭則致其嚴).

Ngoài ra, Mạnh Tử cũng nói rằng: “*Con đối với cha mẹ, sự phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống, không đủ gọi là việc lớn, duy chỉ việc chôn cất khi cha mẹ chết mới gọi được là việc lớn*” (Dưỡng sinh giả bất túc dĩ đương đại sự, duy tống tử khả dĩ đương đại sự 養生者不足以當大事, 惟送死可以當大事).

Khi cha mẹ mất, người tín đồ Cao Đài nên giữ chay lạt và thành tâm để lo cúng tế, không bày biện hình thức phí phạm, hao tổn, chỉ chú trọng ai bi mà cư tang, thành kính mà tế tự, ấy là căn bản của lễ nghi vậy. Điều cần nhớ trong tang lễ của Đạo là hiếu quyến phải thành tâm cầu xin Đức Chí Tôn, Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thất Nương Điều Trì Cung cứu độ cho Chơn linh phụ mẫu được siêu thăng thoát hóa.

Sau lễ tang, những người con hiếu thảo phải khắc cốt ghi tâm đến lời trong *Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễn* có nhắc nhở mà chính mình quì tế lễ thì mặc nhiên như một lời hứa hẹn với hai đấng thân thương đã quá cố:

*Thong dong côi thọ nương hôn,*

**Chờ con lập đức** giúp hườn ngôi xưa.

Có nhớ đến lời hứa hẹn mới quyết tâm lo tu thân lập đức để lấy công quả của chính mình mà hồi hướng cho cha mẹ.

### III.-CHÚ GIẢI

*Ơn cùc dục cù lao mang nặng,*

*Lỡ thân côi mưa nắng khôn ngừa.*

**Cùc dục:** Bồng bế nuôi nấng, chỉ công ơn của cha mẹ đối với con cái.

**Cù lao** 劬勞: Cù 劬 là siêng năng, lao 勞 là khó nhọc. Cù lao: Chỉ công cha mẹ nuôi dưỡng con cái khó khăn nhọc nhằn.

Thường người ta hay dùng thành ngữ “Cửu tự cù lao 九字劬勞” hay “Cù lao chín chữ” để chỉ chín cái công ơn khó nhọc của cha mẹ đối với con cái. Chín công ơn đó là: Sinh 生 (cha sinh), cùc 鞠 (nâng đỡ), phủ 撫 (vỗ về), dục 育 (nuôi lớn khôn), cớ 顧 (trông nom), phục 復 (quần quít), phủ 俯 (nâng nhắc), phúc 腹 (bồng bế).

**Thân côi:** Tấm thân côi cút, tức mồ côi không cha không mẹ.

**Khôn ngừa:** Không phòng ngừa trước.

**Câu 1:** *Ơn sinh dưỡng và nuôi nấng của cha mẹ rất nên sâu nặng.*

**Câu 2:** *Tấm thân của con côi cút không thể nào phòng ngừa được khi mưa khi nắng.*

Từ ngàn xưa không biết bao nhiêu thi ca, kinh sách và các nhà Tôn giáo nói về công lao sinh dưỡng của cha mẹ. Ca dao Việt Nam nói về công đức cao dày ấy như sau:

*Công cha như núi Thái sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu cũng nói lên công Trời biển đó:

*Thương thay chín chữ cù lao,  
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình.*

Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi cũng viết:

*Cù lao đội đức cao dày,  
Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng.*

Kinh Thi cũng nói rằng: “*Phụ hê sinh ngã, mẫu hê cùc ngã, ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hạo thiên vông cùc* 父兮生我, 母兮鞠我, 哀哀父母 生我劬勞, 欲報深恩, 昊天罔極”, tức là cha sinh ta, mẹ nuôi ta. Thương thay cha mẹ sinh ta khó nhọc, muốn báo ơn sâu, công ơn ấy như Trời cao mệnh mông không thể nào trả hết được.

Nhờ cha sinh mẹ dưỡng, nếu lỡ như cha mẹ không còn thì tấm thân con cái phải cam chịu cảnh cô cút một mình, vật chất đã đành thiếu thốn, mà tinh thần cũng lạnh lẽo cô đơn. Ca dao Việt Nam có cực tả cảnh đau buồn của người con mồ côi như sau:

*Có cha có mẹ thì hơn,  
Không cha, không mẹ như đờn đứt dây.*

Hoặc:

*Còn cha, nhiều kẻ yêu vì,  
Một mai cha thác, ai thì yêu con.*

Hoặc:

*Còn cha, gót đỏ như son,  
Một mai cha chết gót con lấm bùn.*

Như thế mới thấy rằng cha mẹ rất cần thiết cho con cái: Là cây cao bóng mát để che chở, là chiếc nôi để đùm bọc cho con cái yêu thương. Có hiểu được cái công đức sinh thành dưỡng dục của cha mẹ là to lớn thế nào, người tu học mới rán giữ sao cho trọn bề hiếu đạo của một người con.

*Âm Dương cách bóng sớm trưa,  
Thon von phận bạc không vừa hiếu thân.*

**Âm Dương** 陰陽: Côi Âm, tức Âm phủ nơi của người chết nghỉ; côi Dương, tức Dương gian chỗ của người sống ở.

**Thon von:** Héo hắt quạnh quẽ.

**Phận bạc:** Hay bạc phận 薄分 Số phận mỏng manh.

**Hiếu thân** 孝親: Hiếu thảo với cha mẹ.

**Câu 3:** Côi Dương gian và côi Âm phủ cách nhau, khiến cho hằng ngày sớm trưa đều không thấy bóng được nhau.

**Câu 4:** Con chịu cảnh quạnh quẽ một mình, bởi số phận con mỏng manh, nên không tròn chữ hiếu với cha mẹ.

Thế thường, khi cha mẹ còn sống ở nhân gian, có nhiều người không thương tưởng, quan tâm đến, một mai cha mẹ qua thiên rồi thì mới thấy thiếu vắng, thương tiếc.



Ví như bảo vật còn cầm trong bàn tay chưa thấy là quý, đến khi vượt khỏi tầm tay thì mới biết là quý thì than ôi! vật đã không còn nữa. Sách có câu: Mộc dục tĩnh nhi phong bất tức, tử dục dưỡng nhi thân bất tồn 木欲靜而風不息, 子欲養而親不存 (Cây muốn lặng mà gió không ngừng, con muốn nuôi mà cha mẹ không còn nữa).

*Đâu cúi lạy..... linh hiển,  
Lễ muối dưa làm miếng hiếu tâm.*

**Phụ thân** 父親: Cha (Nếu cha chết).

**Mẫu thân** 母親: Mẹ (Nếu mẹ chết).

**Song thân** 雙親: Hai thân, tức cha mẹ (Nếu cha mẹ chết hết).

**Linh hiển** 靈顯: Linh thiêng hiển hiện ra.

**Lễ muối dưa:** Lễ cúng muối và dưa, chỉ cuộc lễ cúng đơn sơ, đạm bạc.

**Hiếu tâm** 孝心: Lòng hiếu thảo.

**Câu 5:** Con xin thành tâm cúi lạy (Phụ thân, mẫu thân hay song thân) linh hiển.

**Câu 6:** Và xin dâng muối dưa đạm bạc để làm lễ cúng hầu tỏ lòng hiếu đạo của con.

Lòng hiếu thảo của con cái không đợi đến lúc cha mẹ mãn phần, rồi tỏ vẻ buồn thương, khóc lóc, tổ chức tang lễ một cách long trọng, bày mâm cao cỗ đầy để cúng tế, mới gọi là hiếu, mà phải hiếu kính, lo phụng dưỡng cha mẹ từ khi người còn sống, điều này người bình dân đã từng chiêm biếm thói người đó qua những câu ca dao sau:

*Sống thời con chẳng cho ăn,*

*Chết thời xôi, thịt làm văn tế ruồi.*

Hoặc:

*Sống thì chẳng cho ăn nào,  
Chết thì cúng, giỗ mâm cao cỗ đầy.*

Đạo hiếu là đầu mối trước nhất của Nho giáo, nên trong sự giáo hóa, Khổng Tử lấy Hiếu Đễ là một nét rất quan trọng trong trăm nét. Ngài dạy rất kỹ lưỡng về việc hiếu với cha mẹ, ông bà. Theo Ngài, người có hiếu không phải nuôi dưỡng cha mẹ là đủ, mà còn phải có lòng kính. Điều này Ngài dạy Tử Du như sau: Cái hiếu ngày nay, người ta cho rằng chỉ có thể nuôi dưỡng cha mẹ, đến như loài chó ngựa đều có người nuôi, nuôi mà không kính thì lấy gì để phân biệt? (*Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chi ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ? 今之孝者, 是謂能養, 至於犬馬, 皆能有養, 不敬何以別乎*).

Ngoài việc phụng dưỡng cha mẹ, Ngài còn dạy chi lý về việc hiếu như phải quan tâm, lo lắng cha mẹ, làm vui lòng cha mẹ, không đi chơi xa khi cha mẹ còn sống, có đi xa phải cho cha mẹ biết chỗ đi: “Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương 父母在, 不遠遊, 遊必有方”. Ngoài ra làm người con hiếu cũng phải biết nối chí của cha mẹ, khéo noi theo việc làm của cha mẹ: “Phù hiếu giả thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã 夫孝者善繼人之志, 善述人之事者也”. Qua câu này, Ngài lấy chữ thiện là khéo để dạy rằng hễ điều hay của cha mẹ thì nên theo, điều dở nên bỏ, chứ không phải theo một cách mù quáng.

*Ven Trời gởi chút tình thâm,*

***Động lòng thương nhớ tuôn dầm lệ sa.***

**Tình thâm:** Hay thâm tình 深情: Mối tình sâu đậm.

**Động lòng:** Lòng cảm động.

**Tuôn dầm:** Tuôn rơi giọt nước mắt dầm dề.

**Lệ sa:** Lệ 淚 là nước mắt. Lệ sa là rơi nước mắt.

**Câu 7:** Nơi ven trời xa xôi, con xin gửi đến mối tình thương yêu sâu đậm.

**Câu 8:** Lòng cảm thấy nhớ thương nên nước mắt tuôn rơi dầm dề.

***Xin có tưởng ruột rà máu mủ,***

***Cõi Hư linh bao phủ ân hồng.***

**Ruột rà:** Quan hệ ruột thịt.

**Máu mủ:** Quan hệ cùng huyết thống.

**Hư linh 虛靈:** Cõi Hư vô thiêng liêng.

**Ân hồng:** Hay Hồng ân 洪恩: Ôn huệ to lớn, chỉ ơn huệ của Đức Chí Tôn.

**Câu 9:** Xin có tưởng đến tình thương yêu ruột rà máu thịt.

**Câu 10:** Hồng ân của Đức Chí Tôn bao phủ khắp mọi nơi cõi Thiêng Liêng.

***Cảnh Thiên nơi bước Hóa Công,***

***Năm phan Tiếp Dẫn vào vòng Như Lai.***

**Cảnh thiên:** Hay Thiên cảnh 天境: Cõi Trời, tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Nơi bước:** Bước đi theo.

**Hóa Công** 化工: Thợ tạo hóa, còn gọi Tạo công, Tạo hóa, Hóa công...

**Phan Tiếp dẫn:** Hay Tiếp dẫn phan 接引幡, tức cây phướn Tiếp dẫn của Tiếp Dẫn Chơn Nhơn, là một vị Phật có nhiệm vụ hướng dẫn các Chơn linh đắc Đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Trong truyện Tây Du Ký, có nói về Tiếp Dẫn Đạo Nhơn như sau: Bốn thầy trò Đường Tam Tạng, sau khi đi thỉnh kinh về, đến bến Lăng Vân, thì không thể qua bên kia bờ sông được, còn đang bối rối, thì may có Tiếp Dẫn Đạo Nhơn chèo chiếc thuyền không đáy tới rước để đưa qua sông. Tam Tạng sợ quá, không dám xuống thuyền, Tề Thiên Đại Thánh bèn xô Thầy té xuống nước. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đỡ Tam Tạng ngồi vào thuyền và chèo đưa qua bên kia sông. Khi đến giữa sông, mọi người thấy có một xác người trôi lơ lờ, nhìn kỹ, đó là xác phàm của Tam Tạng. Thế là Tam Tạng đã bỏ xác phàm mà thành Phật.

Trong kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối có câu nói về Tiếp Dẫn Phật như sau:

*Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,  
Phướn linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.*

**Như Lai** 如來: Theo Kinh Kim Cang, Như Lai là bậc không từ đâu mà tới và cũng sẽ không đi tới đâu. Như Lai từ Chân như tới và sẽ đi về Chân như.

Như Lai là một trong mười danh hiệu Phật để chỉ bậc giác ngộ viên mãn.

**Vào vòng Như Lai:** Vào thế giới của Đức Phật, tức đi vào cõi Tây Phương Cực Lạc.

**Câu 11:** Về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, xin noi theo bước của Đức Chí Tôn mà đi.

**Câu 12:** Và níu theo cây phướn Tiếp dẫn mà về cõi Cực Lạc cùng với Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

**Chốn Hư linh chờ ngày hội hiệp,  
Đầu căn xưa quả kiếp đường bao.**

**Chốn Hư linh:** Cõi hư vô linh hiển, chỉ cõi Thiêng Liêng.

**Chờ ngày hội hiệp:** Đợi chờ ngày đoàn tụ, chờ ngày hiệp mặt cùng nhau.

**Căn xưa:** Gốc rễ do tội phước gây ra của kiếp trước, hay căn nghiệp do tiền kiếp tạo ra.

**Quả kiếp 果劫:** Cái quả báo trong kiếp sống hiện tại phải thọ lãnh do nhân tạo ra từ kiếp trước.

**Đường bao:** Cho dù nhiều thế nào đi nữa.

**Câu 13:** Nơi cõi Hư linh (hay Thiên cảnh), xin chờ đợi ngày đoàn tụ để cùng hội hiệp với nhau.

**Câu 14:** Cho dù căn nghiệp xưa và quả kiếp có nhiều đi chăng nữa.

**Thà cam vui chốn động Đào,  
Đừng vì nhớ trở trở vào phàm gian.**

**Thà cam:** Đành phải cam chịu, thà rằng cam chịu.

**Động đào:** Hay Đào nguyên động 桃源洞: Nơi động có Tiên ở. (Xem chú thích ở bài Kinh Khi Vê).

**Phàm gian 凡間:** Cõi phàm trần, cõi nhơn gian.

**Câu 15:** *Đành phải cam chịu vui hưởng thanh thoi  
nơi cõi Thiêng Liêng.*

**Câu 16:** *Chớ vì sự thương nhớ con cái mà phải trở vào  
chốn phạm gian nữa.*

Khi nghiệp quả của một đời người vừa dứt thì Chơn linh sẽ được nhẹ nhàng trở về cõi Thiêng Liêng. Nhưng lúc xuống đầu kiếp hay khi trở về Chơn linh thường bị Chơn thân, là tạng chứa dục vọng, xui khiến mà nhiễm theo thất tình lục dục làm cho Chơn linh ham mê, luyến tiếc nơi cõi phạm trần. Câu Kinh “*Thà cam chịu chốn Động đảo*” nhằm nhắc nhở cho con cái biết rằng tình thương của cha mẹ rất sâu đậm và mạnh mẽ, có thể vì tình cảm mà Chơn linh cha mẹ hướng về phạm gian chăng? Bốn phận con cái có hiếu đạo nên cầu xin Chơn linh cha mẹ thà rằng cam chịu dứt tình thân ái, không nên lưu luyến cõi trần gian để Chơn linh được hưởng nhẹ nhàng, tiêu điều nơi miền Cực Lạc.

Tương tự như vậy, trong bài *Kinh Tăn Liệm* cũng từng nhắc nhở Chơn linh người quá cố:

*Đừng gìn thân ái nghĩa nhân,  
Xôn xao thoát khổ xa lần bến mê.*

***Nuốt tiếng than đôi hàng lã chã,  
Tưởng đến điều nhơn quả mà đau.***

***Nuốt tiếng than:*** Dằn nén đau thương để khỏi buông lời than thở, tức kềm chế sự đau khổ trong lòng.

***Đôi hàng lã chã:*** Hai hàng nước mắt chảy rờn rờn.

***Tưởng đến điều:*** Nghĩ đến việc.

**Nhơn quả** 因果: Nguyên nhân và kết quả.

Nhân 因: Là hạt giống, cái mầm, có năng lực tác động.

Quả 果: Là trái, kết quả, là sự hình thành.

Mỗi hiện tượng đều có nguyên nhân của nó. Hễ có nguyên nhân, tất nhiên sẽ có kết quả tương thích với nguyên nhân ấy, đó là luật nhân nào quả nấy.

Luật nhân quả không bị hạn chế bởi thời gian, có khi nhanh, cũng có khi chậm. Có nhiều loại nhân quả:

Nhân quả hiện tại gọi là **Hiện báo** 現報: Nghiệp nhân trong đời này đưa đến quả báo ở hiện kiếp.

Nhân quả trong hai đời gọi là **Sanh báo** 生報: Đời trước tạo nhân đời nay mới thọ quả. Đời này gây nhân đời sau nhận quả.

Nhân quả trong nhiều đời gọi là **Hậu báo** 後報: Từ rất nhiều đời trước gây nhân, đời nay mới gặt quả, hoặc đời này tạo nhân nhưng mãi nhiều đời sau mới thọ quả.

**Câu 17:** Lòng đau thương cố dần nên để khỏi buồn tiếng than thở mà hai dòng nước mắt cứ tuôn rơi lã chã.

**Câu 18:** Nghĩ đến những việc nhân quả mà thêm đau khổ.

**Xem thân tuổi học càng cao,  
E ra tử biệt Thiên Tào định phần.**

**Xem thân:** Thân 親: Cha hoặc mẹ. Xem thấy cha hoặc mẹ.

**Tuổi học:** Tuổi tác, sống lâu.

Hạc là loài chim có chân cao, cổ dài, da đỏ, lông trắng cánh đen (cũng có loại hạc cánh mun hay cánh xanh).

Theo sách Thi Sớ của Lục Cơ nói rằng hạc là một loài chim sống lâu, sống đến ngàn sáu trăm năm và chỉ cần uống không cần ăn cũng sống được. Người ta thường mong muốn cha mẹ sống thọ nên tuổi cha mẹ được gọi là tuổi hạc.

**Tử biệt** 死別: Chết mà phải cách biệt với nhau, nên gọi là tử biệt.

**Thiên tào** 天曹: Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, Thiên tào cũng như Thiên đình.

**Câu 19 và 20:** *Thấy tuổi thọ của cha mẹ càng ngày càng cao, con e rằng sẽ có ngày ly biệt, song việc chết sống là do nơi Thiên tào định phân.*

Làm người con hiếu, ngoài việc phụng dưỡng cha mẹ một cách chu toàn, còn phải nắm vững tuổi tác và biết rõ sức khỏe, đó là có sự quan tâm đến cha mẹ, là hiếu thảo với cha mẹ.

Đức Khổng Tử có nói: “*Phụ mẫu chi niên bất khả bất tri giả: Nhất tắc dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cu* 父母之年,不可不知者,一則以喜,一則以懼”: Cha mẹ có tuổi rồi, đạo làm con chẳng nên chẳng biết: Một là để mừng khi cha mẹ còn mạnh, hai là sợ khi sức lực cha mẹ đã suy. Câu chuyện hiếu sau đây nói lên điều đó:

Bá Du người đời Hấn rất hiếu thảo. Ngày kia có lỗi, mẹ đánh. Bá Du vùng khóc lớn. Người mẹ hỏi: “*Thường mẹ đánh con, con không khóc, sao bây giờ con lại khóc?*” Bá Du khóc mà thưa rằng: “*Trước mẹ đánh con đau mà con*



*không khóc là con mừng mẹ còn mạnh. Nay mẹ đánh con không đau mà con khóc, là vì con thấy sức mẹ đã suy yếu rồi”. Quả là người con chí hiểu vậy.*

***Nói hương lửa nhưn luân đạo trọng,  
Con gìn câu chết sống trọn nghi.***

***Nói hương lửa:*** Kế tục hương hỏa, tức là tiếp nối phụng sự Tổ tiên.

***Nhưn luân*** 人倫: Những qui tắc cư xử của con người với nhau cho hợp với luân lý, đạo đức.

***Đạo trọng*** 道重: Cái đạo lý rất quan trọng cho con người.

***Chết sống:*** Hai biến cố rất quan trọng của con người:

***Chết:*** Theo quan niệm của người đời chết là hết. Nhưng theo triết lý của Phật giáo hay Cao Đài, chết chỉ là một giai đoạn hoại diệt của thân xác hữu hình hay sự đoạn lìa nghiệp trái ở cõi thế, để có sự sống miên viễn, bất tận của Linh hồn nơi thế giới vô vi, thanh tịnh.

***Sống:*** Là một giai đoạn của thân xác con người, kể từ được sinh ra cho đến lúc bị hoại diệt. Theo Cao Đài, để sự sống có ý nghĩa thì con người phải mượn thể xác hữu hình để làm phương tiện trau dồi về phần tâm linh, hay nói rõ hơn, lợi dụng cuộc sống của mình để vừa trả nghiệp quả, vừa lo lập công bồi đức hầu chuẩn bị con đường phản bổn huồn nguyên cho Chơn linh.

***Trọn nghi:*** Vẹn nghĩa, trọn vẹn đạo nghĩa.

***Chết sống trọn trọn nghi:*** Dù chết dù sống cũng giữ trọn đạo nghĩa, tức là dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ gìn cho vẹn nghĩa.

*Câu 21: Trong sự tiếp nối thờ phụng Tổ tiên, cái đạo  
nhơn luân rất nên quan trọng.*

*Câu 22: dù cho bất cứ gặp cảnh ngộ nào, con cũng phải  
gìn giữ cho trọn đạo nghĩa.*

Làm con người, chúng ta phải biết cha mẹ lấy tinh huyết mà tạo ra cho chúng ta cái thân hình này và nuôi nấng cho đến lớn khôn, khổ cực biết dường nào, ấy là cái ơn rất lớn. Vậy bốn phận làm con phải nhớ đền bồi công ơn ấy, đó là làm việc hiếu vậy.

Còn nếu là người biết tu hành thì càng nên trọng chữ hiếu, bởi lẽ Nho giáo có dạy: “Vật hữu bốn mạt, sự hữu chung thủy, tri sở tiền hậu, tác cận Đạo hỹ 物有本末, 事有終始, 知所前後, 則近道矣” Nghĩa là Vật có gốc ngọn, việc có trước sau, nếu mình biết gốc ngọn trước sau, thì gần được Đạo vậy, tức là mình phải biết nguồn gốc sinh thành ra chúng ta đây để lo đền đáp công ơn ấy.

Người con chí hiếu, không vì danh lợi, tiền tài mà quên đi điều hiếu đạo, dù bất cứ gặp hoàn cảnh nào, cũng phải giữa vẹn đạo nghĩa để kế thừa hương lửa Tổ tông, là mối giềng quan trọng của đạo nhơn luân vậy.

### *Sấp mình cúi lạy Từ Bi,*

#### *Tiền khiên phụ mẫu Tam Kỳ xá ân.*

*Sấp mình cúi lạy:* Rập mình để cúi lạy xuống.

*Từ Bi 慈悲:* Từ là sự thương tưởng, sự lo lắng giúp ích cho mọi người, cho chúng sanh, làm lợi ích cho họ, làm cho họ an lạc, vui vẻ; bi là lòng trắc ẩn, thương xót trước cảnh khổ não của mọi người, của chúng sanh và lúc nào cũng muốn cứu vớt họ thoát khỏi các tai nạn,

các nỗi ưu sầu.

Từ bi là lòng lành, thương xót, yêu thương mọi người. Ở đây, Từ Bi dùng để chỉ Đức Chí Tôn.

**Tiền khiên** 前愆: Tội lỗi gây ra trong kiếp trước.

**Tam Kỳ xá ân** 三期赦恩: Ân xá kỳ ba.

Đạo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một nền Đại Đạo được Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng huyền diệu thiêng liêng của cơ bút khai sáng tại miền Nam nước Việt, mở ra một thời kỳ đại ân xá cho toàn cả chúng sanh và các đẳng Chơn hồn, nên những oan khiên, nghiệp báo chất chồng từ muôn đời ngàn kiếp được Chí Tôn xá tất cả những tội lỗi tiền khiên để rảnh mình lo tu hành, lập công bồi đức, nếu biết ngộ một đời tu, đủ trở về cùng Chí Tôn đặng.

*Câu 23 và 24: Con thành tâm cúi mình lạy Đức Chí Tôn, cầu xin vào thời kỳ đại ân xá, tha thứ những tội lỗi trong tiền kiếp của cha mẹ con.*

*Xin.....định thần định tánh,*

*Noi khuôn linh nẻo Thánh đưa chơn.*

**Khuôn linh:** Như khuôn hồng hay khuôn thiêng, chỉ đấng Tạo hóa. (Xem chú thích Bài Kinh Nhập Học)

**Nẻo Thánh:** Con đường Thánh, tức là con đường đi vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

*Câu 25 và 26: Xin cha, hay mẹ hoặc cha mẹ hãy định thần định tánh, hầu noi theo bước của Đức Chí Tôn mà vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

*Thong dong cõi thọ nương hồn,*

*Chờ con lập đức giúp huờn ngôi xưa.*

**Thong dong:** Hay thung dung 從容, tức thành thoi, nhàn hạ.

**Cõi thọ:** Cõi có sự sống lâu dài, hay cõi sống của Chơn linh, tức là cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Lập đức** 立德: Làm những việc có công đức. Đây là một trong Tam lập: Lập công, lập ngôn, lập đức.

Lập đức là làm những việc lành, việc thiện nhằm đem lại phước đức cho mình và cho người khác. Những việc như bố thí, in kinh, làm chùa, ăn chay, lễ cúng hay ủng hộ những người tu hành chân chính là những việc làm tạo nên công đức. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc tu hành vào thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Thực vậy, vào thời hạ nguơn mặt Pháp, chúng sanh sống trong cảnh khổ đau của chiến tranh, thiên tai và bệnh tật, nên rất cần thiết có những tấm lòng, những bàn tay để xoa dịu những nỗi đau của sanh chúng. Lại nữa, Đức Chí Tôn mở Đạo lần này là lập một trường thi công quả. Thánh giáo dạy: *“Người tu hành, nếu chưa trường trai trì giới nổi đặng thì hãy lo lập đức, bởi công để làm nên móng vững chắc cho việc luyện Đạo tương lai, chớ dục vọng mong sớm luyện Đạo để làm Tiên, Phật mà thiếu phần công quả, âm chất. Vì Thấy lập Đạo kỳ này là mở một trường thi công quả. Các con phải đi tại cửa này mới đến đặng Cực Lạc mà thôi”*.

Phần nhiều, người tu hành thường thiếu công quả, mà công quả cũng là một phần của việc lập đức, vậy cần phải chuyên tâm lo về phần này, nên Chí Tôn thường nhắc nhở: *“Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương*

*thể mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo, phải có công quả”.*

**Hườn:** Hay hoàn 還: Trở về.

**Ngôi xưa:** Ngôi vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng.

Sao gọi là ngôi xưa vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng? Bởi vì mỗi chúng sanh đều là một điểm Linh quang, chiết ra từ khối Đại Linh quang của Đức Chí Tôn. Theo luật tiến hóa, các Chơn linh phải đầu kiếp xuống phàm trần là vật chất, từ tinh hoa vật chất, mới tiến lên đến kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, rồi còn phải tu nhiều kiếp nữa mới tiến lên ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật và cuối cùng trở về **ngôi vị cũ** là khối Đại Linh quang của Thượng Đế.

*Câu 27: Con cầu xin Linh hồn của (Cha, mẹ hay cha mẹ) được thông dong tự tại nơi cõi thọ.*

*Câu 28: Chờ con lo lập công bồi đức hồi hướng đến (cha, mẹ hay cha mẹ) để giúp cho được trở về ngôi xưa vị cũ.*

Trong nghi thức tang lễ của đạo Cao Đài, khi người con quì cúng tế cho cha, mẹ, đồng nhi tụng đến hai câu Kinh này, chúng ta nghĩ đó là lời nguyện vái, hứa hẹn của người con hiếu trước bàn linh của cha, mẹ.

Từ trước đến nay, có biết bao người con đầu chít khăn tang, đã từng khóc lóc, quì cúng lạy cha, mẹ, nguyện thực hiện như lời Kinh đã dặn dò, song khi nắm xương cha, mẹ vừa vùi sâu vào lòng đất lạnh, than ôi! sau đó, người con bằng đi lời kinh tiếng kệ để chạy theo tiền tài, danh lợi, mê đắm vinh hoa, ham mỗi phú quý, quên rằng nơi cõi thọ cha, mẹ đang “*chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa*” một cách mòn mỏi, tuyệt vọng.

Nếu như người con hiếu đạo quyết thực hiện lời Kinh đã dạy thì phải biết tu thân, lập đức, nhất là phải thực hành công quả, để lấy đó mà dâng hiến lên cha, mẹ. Cha, mẹ nhờ công đức do con cháu tạo ra, làm hành trang để trở về ngôi xưa vị cũ.

*Chung ly biệt con đưa tay rót,  
Mối thương tâm chưa ngọt đeo sầu.*

**Ly biệt** 離別: Sự xa cách, sự chia ly.

**Chung ly biệt:** Chung rượu để tiễn biệt.

**Thương tâm** 傷心: Mối đau thương ở trong lòng.

**Chưa ngọt đeo sầu:** Chưa giảm bớt mối sầu.

**Câu 29:** *Chung rượu ly biệt con kính cần đưa tay rót để dâng lên cho cha mẹ.*

**Câu 30:** *Mối thương tâm chất chứa trong lòng và cũng chưa ngọt cơn sầu khổ.*

*Cha ở đâu, mẹ nơi đâu?  
Tâm tang kính gởi một bầu lệ châu.*

**Tâm tang** 心喪: Cái tang ở trong lòng.

**Lệ châu** 淚珠: Nước mắt như giọt châu dầm dề rơi xuống.

Giọt châu hay châu sa đều chỉ giọt nước mắt rơi xuống long lanh như hạt ngọc. Truyện Kiều có câu:

*Lòng đâu sẵn mối thương tâm,  
Thoát nghe Kiều đã dầm dề châu sa.*

Do tích như sau: Nguyên thời xưa có loài giao long hóa thành người, gọi là giao nhân 蛟人, sống trên thế gian

lấy vợ, lấy chồng và buôn bán với loài người. Nhưng đến cuối năm lại phải về thủy phủ để châu vua. Lúc từ biệt gia đình, họ khóc rất thảm thiết, mà khóc bao nhiêu thì nước mắt hóa thành những hạt châu bấy nhiêu. Nên có câu: “*Sái giao nhân chi châu lệ* 洒蛟人之珠淚”, nghĩa là người giao nhân khóc, nước mắt sa xuống thành hạt châu.

*Câu 31: Bây giờ cha ở đâu? Mẹ ở nơi đâu?*

*Câu 32: Cái tang trong lòng con (tâm tang) đau đớn cùng với hai hàng lệ châu tuôn rơi lã chã.*

Người xưa chế định tang phục cho những người vốn có quan hệ thân thuộc, còn giữa thầy trò vì ân nặng, nghĩa sâu, tình cảm thảm thiết, thường bày tỏ bi thống bằng **tâm tang**, tức là tang trong lòng mà không thọ phục.

Ở câu Kinh này, tâm tang không có thể hiểu nghĩa như trên, bởi vì con để tang cho cha, mẹ phải dùng trăm thôi hay tư thôi, nghĩa là áo tang rộng, sau lưng có tấm vải vuông gọi là phụ bản, ý nghĩa gánh vác sự đau buồn, trên đầu bao trùm cái khăn, đội lên cái mũ bạc, giữa lưng có thắt sợi dây rơm (Do tích Đặng Văn Công làm quan, hằng ngày không lia áo mào và sợi dây ngọc đá. Khi gặp tang cha mẹ, ông dùng mũ bạc thế cho mào, dây rơm thế ngọc đá: Nhắm tỏ dấu hướng về triều đình).

Tang phục nhằm bày tỏ hình thức bên ngoài, còn tâm tang (tang trong lòng) thì tùy tâm của mỗi người con hiếu.

Xét về phong tục xưa, người ta hay quan niệm cha, mẹ mất con cái phải đau buồn, khóc lóc, càng sâu thảm bao nhiêu, càng thể hiện lòng hiếu bấy nhiêu, thậm chí có gia đình nhờ người khóc hộ. Ta cũng nên biết, sự thương yêu cốt ở trong lòng, lại nữa, như hai câu Kinh:

*Thà cam vui chốn Động đảo,  
Đừng vì nhớ trẻ trở vào phàm gian.*

cho chúng ta hiểu rằng dù thảm khổ đến đâu, làm người con hiếu thảo, phải dằn nén nỗi đau thương và thành tâm cầu nguyện cho Chơn linh cha, mẹ đừng nên quyến luyến tình thân ái nơi chốn trần gian, mà quên tìm về ngôi xưa vị cũ.

---

<sup>ω</sup> Song thân, hoặc phụ thân hay mẫu thân đã qui liêu.



## CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

### KINH CẦU BÀ CON THÂN BẰNG CỔ HỮU ĐÁ QUI LIỄU

#### I.-KINH VĂN

### KINH CẦU BÀ CON THÂN BẰNG CỔ HỮU ĐÁ QUI LIỄU

*Khi dương thế không phân phải quấy,  
Nay Hư linh đã thấy hành tàng.  
CHÍ TÔN xá tội giải oan,  
Thánh, Thần Tiên, Phật cứu nàn độ căn.  
Đã từng chịu khó khăn kiếp sống,  
Định tâm thần giải mộng Nam kha.  
Cần khôn để bước ta bà,  
Đoạt cơ thoát tục tạo nhà côi Thiên.  
Ơn Tạo hóa tha tiền khiên trước,  
Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.  
Tiên phong phủi ngon phát trần,  
Liên đài đỡ gót đến gần Tây phương.  
Cửa Cực Lạc đơn đường thẳng tới,  
Tâm không môn đợi đợi Như Lai.  
Hào quang chiếu diệu CAO ĐÀI,  
May duyên nay đã gặp ngày siêu sanh.  
Trụ nguyên tánh hồn linh nhàn lạc,  
Côi Đào nguyên côi hạc thừa long.  
Lánh xa trước chất bụi hồng,*

*Cung Tiên sớm tối vui vòng thung dung.  
Nơi cung Ngọc học thông Đạo cả,  
Chốn Hư vô Tạo Hóa tìm cơ.  
Trên đường Thánh đức lần dò,  
Trường sanh mẫu nhiệm nơi lò Hóa công.  
Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,  
Diệt trần tình Cam Lộ tẩy nhơ.  
Ngân Kiều Bát Nhã qua bờ,  
Đưa duyên để bước kịp giờ siêu thăng.  
(Tụng Kinh này rồi tiếp tụng DILẠC CHỖN KINH)*  
ĐOÀN THỊ ĐIỂM

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh *Câu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu* do Bà Đoàn Thị Điểm, một nữ sĩ nổi danh của Việt Nam và cũng là một vị Tiên Nương nơi Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh Đạo Cao Đài.

Bài Kinh này được dùng để đồng nhi tụng đọc khi những người ngoài thân tộc ruột thịt, hay bạn bè tế lễ cho người quá cố (Nghỉ lễ này gọi là phụ tế).

Chúng ta đã biết, ngoài quan hệ thân tộc, người ta còn nhiều mối quan hệ khác nữa như: Bà con, xóm giềng, bè bạn, đồng nghiệp...Tất cả những mối quan hệ đó được gọi là *Bà con thân bằng cổ hữu*.

Theo quan niệm về đạo lý con người, một nhà có việc tang thì trăm nhà lo giúp (*Nhứt gia hữu sự, bá gia ưu* 一家有事, 百家憂), hoặc lấy câu “*thổ tử hồ bi* 兔死狐悲” để tỏ lòng đau xót cho nhau.

Trong thiên Khúc Lễ, sách Lễ Ký có nói rằng: Trong làng có tang sự thì người già gạo chẳng đựng hò, có tân liệm thì ngoài đường không ca hát (*Lân hữu tang, thung bất xướng, lý hữu tân bất hạng ca* 鄰有喪,春不唱;里有殯,不巷歌). Đây là phép cư xử của người biết đạo lý, nhằm bày tỏ chia buồn cùng tang gia hiếu quyến của thân bằng cố hữu trong cơn hữu sự.

Đức Khổng Tử là người rất nhân hậu, hề thấy ai đau đớn, buồn rầu, khổ sở thì Ngài động lòng thương xót. Chương Thuật Nhi có kể lại rằng: Phu Tử ngồi ăn bên cạnh người có tang thì ăn không no. Ngày nào có đi phúng điếu về thì suốt cả ngày không đàn hát (*Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bão dã. Tử ư thị nhật, khóc tắc bất ca.* 子食於有喪者之側,未嘗飽也.子於是日,哭則不歌).

Châu Trình ngày xưa lấy gương Đức Khổng Phu Tử điếu tang người đời mà dạy rằng: Khi đến điếu nhà có tang, chẳng nên uống rượu ăn thịt, chẳng đựng phép đàm luận lớn hoặc cười cợt to tiếng (*Phạm điếu ư hữu tang giả chi trắc, bất ẩm tửu thực nhục, bất khả cử đàm đại tiếu* 凡弔於有喪者之側,不飲酒食肉,不可舉談大笑), mà phải tỏ vẻ thương xót như thế mới là lễ phải vậy.

Việc tang sự là cái cảnh buồn đau, bối rối của người ta, mà sự trợ tang là một nghĩa vụ của mọi người chúng ta. Đã là nghĩa vụ, thì khi người gặp cảnh tang biến, có thể giúp được việc gì thì giúp, còn nghĩ gì đến sự ăn uống được, trong lúc tang quyến gặp cảnh đau đớn, còn vui đâu mà thù tiếp. Vậy mà bày cỗ bàn thịnh soạn để tiệc tùng, thì than ôi! đâu còn là ý nghĩa của sự điếu tang nữa!

Theo tang lễ của Cao Đài, về thể pháp, người tín đồ

nếu có sắm phẩm vật để tế lễ người quá vãng, thiết nghĩ là nên sắm hoa quả, hay trà bánh, đó mới là lễ phẩm để cúng tế; còn về bí pháp, thì phải hết sức thành tâm tụng niệm để cầu rỗi cho vong linh của người quá cố.

### III.-CHÚ GIẢI

*Khi dương thế không phải quấy,  
Nay Hư linh đã thấy hành tàng.*

**Dương thế** 陽世: Cõi của người sống, tức chỉ cõi trần gian hay cõi thế gian mà hơn loại đang sống.

**Hành tàng** 行藏: Những hành vi hiển hiện hay ẩn kín được gọi là hành tàng. Như câu sau đây:

Hành tàng của mình (tất cả những việc làm thấy rõ, hoặc giấu kín), dù hư dù thực tự nơi nhà mình biết, cái họa phúc bởi đâu mà ra, thì phải hỏi làm chi? Hễ lành dữ rồi lại cũng có trả, chỉ trả kịp hay chầy mà thôi (Hành tàng hư thực tự gia tri, họa phúc nhân do cánh vấn thù? Thiện ác đáo đầu chung hữu báo chỉ tranh lai tảo dữ lai trì 行藏虛實自家知,禍福因由更問誰?善惡到頭終有報,只爭來早與來遲).

**Câu 1:** *Khi còn sống nơi dương thế, vì còn vô minh nên không biết được phải quấy.*

**Câu 2:** *Ngày nay, hồn lìa khỏi xác, trở về cõi hư linh mới thấy được mọi hành tàng.*

Con người sinh ra ở trên cõi đời này, chưa ai sống quá trăm tuổi, không kể tai nạn, bệnh tật xảy đến thì bất luận già trẻ cũng có thể chết một cách đột ngột, bất ngờ.

Với cuộc sống vô thường như vậy, lẽ ra con người phải

sống làm sao cho thân tâm thường an lạc, chẳng nên gây những việc tội tình, khiến phải ăn năn hối hận. Nhưng vì vô minh đã che mờ chân tánh, thất tình lục dục sai sử, làm cho con người khó phân biệt được việc phải quấy trên cõi đời này, làm biết bao tội lỗi, gây ra bao nhiêu là căn nghiệp. Một ngày kia, chẳng may nhắm mắt buông xuôi mọi việc, để trở về cõi vô vi, thì than ôi! “*Nay hư linh đã thấy hành tàng*”: Nếu hành vi lúc sanh tiền làm những việc phải, tốt thì giờ đây được nhẹ nhàng thanh thoi; còn nếu lúc trước làm những việc quấy ác thì bây giờ ăn năn hối ngộ đã muộn màng rồi vậy.

***CHÍ TÔN xá tội giải oan,  
Thánh, Thần Tiên, Phật cứu nạn độ căn.***

***Xá tội*** 赦罪: Tha thứ tội tình.

***Giải oan*** 解冤: Cởi bỏ oan nghiệp.

***Cứu nạn***: Hay cứu nạn 救難, tức là cứu giúp các tai nạn cho người.

***Độ căn*** 度根: Căn là cái gốc rễ do việc làm thiện hay ác ở kiếp trước, gây ra nghiệp lành hay dữ cho kiếp này. Độ căn là cứu giúp để thoát khỏi những căn nghiệp ác.

***Câu 3: Đức Chí Tôn xá tội và cởi bỏ mọi oan nghiệp cho chúng sanh trong kỳ ân xá này.***

***Câu 4: Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cứu khổ cứu nạn và cứu giúp thoát khỏi các căn nghiệp ác.***

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn giáng huyền cơ khai mở nền Đại Đạo, đại ân xá cho các Chơn linh tội lỗi, giải trừ oan khiên nghiệp quả, nhằm mục đích cho chúng sanh dễ bề tu hành, hầu có thể phản bổn hườn

nguyên, qui hồi cứu vị. Hơn nữa, đạo Cao Đài là một tôn giáo ra đời nhằm để cứu vớt người có tội lỗi như lời Thánh giáo đã dạy: “*Buổi lập Thánh Đạo, Thấy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy.*”

*Ấy vậy, các con rán độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.*

Điều cần nhứt của người tu hành, nếu có tội lỗi trước hết phải biết sám hối ăn năn, và sau nữa lo lập công bồi đức để được xá tội hiện tại và tội tiền khiên.

Trong bài *Kinh Cầu Hôn Khi Hấp Hối* cũng có nói về việc xá tội các Chơn linh:

*Chí Tôn xá tội giải oan,*

Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ vong.

*Đã từng chịu khó khăn kiếp sống,*

*Định tâm thần giải mộng Nam kha.*

*Đã từng chịu:* Đã từng chịu đựng.

*Khó khăn kiếp sống:* Cái kiếp sống ở cõi trần khó khăn.

*Định tâm thần* 定心神: Tập trung tâm và thần lại một điểm, tức thu nhiếp tâm và thần cho an định để không bị tán loạn.

*Mộng Nam kha:* Hay Nam kha mộng 南柯夢: Giác mộng ở cành cây hướng nam. Tên một bài ký của Lý Công Tá 李公佐 đời Đường chép rằng:

Thuần Vu Phần 淳于焚 chiêm bao thấy mình đi tới nước Hoè An 槐安 được vị quốc vương nước này cho làm Thái thú và lại gã Công chúa cho, nên được hưởng

mọi sự vinh hiển. Sau đó, Thuần Vu Phần được lệnh nhà vua đi dẹp giặc, bị thua trận, ở cung Công chúa cũng bị bệnh chết, khiến nhà vua nghi kỵ, đuổi đi. Chàng chán nản, buồn rầu, bèn giựt mình tỉnh giấc, thấy mình ngủ dưới gốc cây hoè, lại dưới cành cây phía nam có một tổ kiến, mới chợt tỉnh ngộ là mình chiêm bao.

Về sau, người ta dùng điển “Giấc mộng Nam Kha”, “Giấc hoè” để chỉ cuộc đời như giấc mộng, công danh phú quý tở như giấc chiêm bao.

*Câu 5: Đã từng chịu đựng những nỗi khó khăn trong kiếp sống.*

*Câu 6: Hãy định tĩnh tâm thần lại mà quán xét để hiểu rõ những mối vinh hoa phú quý nơi thế gian này, chẳng qua chỉ là một giấc mộng (Nam Kha) mà thôi.*

**Càn khôn để bước ta bà,**

**Đoạt cơ thoát tục tạo nhà cõi Thiên.**

**Càn khôn** 乾坤: Trời đất, chỉ Càn khôn Vũ trụ.

**Ta bà:** Hay Sa bà 娑婆 do chữ Phạn là Saha, còn gọi là Ta bà thế giới. Thế giới Ta bà là một đại thiên thế giới và địa cầu nơi con người ở chỉ là một nơi rất nhỏ bé trong thế giới Ta bà. Ta bà Hán dịch là kham nhẫn 堪忍, tức chỉ chúng sanh ở thế giới này phải nhẫn chịu nhiều điều khổ sở, phiền muộn.

**Để bước Ta bà:** Để bước chân xuống cõi Ta bà, ý muốn nói đầu thai xuống làm người nơi cõi trần.

**Thoát tục** 脫俗: Thoát khỏi cõi phàm tục.

**Đoạt cơ thoát tục** 奪機脫俗: Đoạt được cơ mưu

nhiệm của bí pháp thì đặc Đạo. Mà đặc Đạo tức là thoát khỏi cảnh trần tục để được về cõi Thiêng Liêng.

**Tạo nhà cõi Thiên:** Xây dựng ngôi nhà nơi cõi Thiêng Liêng, ý chỉ tạo lập ngôi vị ở cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Câu 7 và 8:** Trong Càn khôn thế giới, để bước chân lên cõi Ta bà, Chơn linh phải đầu kiếp, hầu có được xác thân hữu hình mà tạo lập ngôi vị nơi cõi Thiêng Liêng, đó là đạo cơ mầu nhiệm mà đặc Đạo vậy.

**Ôn Tạo hóa tha tiên khiển trước,  
Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.**

**Tha tiên khiển trước:** Xóa bỏ các lỗi lầm đã gây ra trong kiếp trước.

**Linh phan** 靈幡: Phướn linh, tức cây phướn linh thiêng, cây phướn dìu dẫn Chơn linh nơi cõi Thiêng Liêng.

**Nguyên nhân** 元人: Những bậc có Chơn linh được sinh ra từ lúc khai thiên lập địa.

Như ta đã biết, Chơn linh là một Tiểu Linh quang được chiết ra từ khối Đại Linh quang của Đức Chí Tôn, Phật Mẫu mới đem phối hợp với Chơn thần do Ngài tạo ra nơi Kim Bàn để làm thành một thánh hình, hay một hình thể Thiêng liêng: Đó là Nguyên nhân vậy.

**Câu 9:** Nhờ ân xá kỳ ba, nên Đức Chí Tôn tha thứ các tội lỗi đã gây ra từ nơi kiếp sống trước.

**Câu 10:** Đưa phướn linh để tiếp rước các bậc nguyên nhân trở về với cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Tiên phong phủi ngọn phát trần,  
Liên đài đỡ gót đến gần Tây phương.**



**Tiên phong** 仙風: Phong cách của bậc Tiên.

**Phất ngọn:** Phất nhẹ cây.

**Phất trần** 拂塵: Còn gọi là Phất chủ 拂塵 là cây dùng để quét bụi.

Theo Tự Điển Thiệu Chủ, chủ 塵 là một giống thú thuộc loài nai, như con hươu mà to hơn, lúc đi đàn hươu theo sau, đuôi nó phẩy sạch bụi, ngày xưa thường dùng làm cái phất trần; vì thế nên có khi gọi cái phất trần là chủ vĩ 塵尾.

Cây phất trần là một bửu vật, có pháp thuật rất huyền diệu của Thái Thượng Lão Quân, nên các Tiên gia thường cầm cây phất chủ và phất chủ tượng trưng cho Đạo Tiên.

**Liên đài** 蓮臺: Đài sen hay tòa sen. Ở đây, hoa sen tượng cho chiếc xe Thiêng liêng (Liên Thân) đưa các Chơn linh đặc Đạo vào Tây phương Cực Lạc.

**Câu 11:** Nhờ các bậc Tiên gia dùng ngọn phất chủ để quét sạch những bụi trần đã thấm nhiễm vào Chơn thân.

**Câu 12:** Khi Chơn thân được trong sạch, nhẹ nhàng, đài sen sẽ đỡ gót để đưa Chơn linh đến cõi Tây phương Cực Lạc.

**Cửa Cực Lạc don đường thẳng tới,  
Tâm không môn dặng đợi Như Lai.**

**Cửa Cực Lạc:** Tức Cực Lạc quan 極樂關, cánh cổng dẫn đến Cực Lạc Thế Giới.

**Don đường thẳng tới:** Dò đường mà đi thẳng tới.

**Tầm** 尋: Tìm kiếm.

**Không môn** 空門: Cửa không, cửa chùa, hay cửa

Phật.

Giáo lý nhà Phật cho rằng *Pháp không*, mọi pháp hữu vi đều là không, tức mọi sự vật đều không có thực thể tự tánh sinh khởi, do các nhân duyên giả hợp lại (giả danh) tạo thành.

*Ngã không*: Không có thực thể độc lập, riêng biệt, thường còn, nên không có ngã.

*Sắc không*: Sắc không khác với không, không không khác với sắc, sắc là không, không là sắc. Nhờ không mà vạn vật mới hiện hữu được và chính bởi vì cái sự kiện hiện hữu, vạn vật phải là không.

Chính vì chủ trương của Phật giáo là “*Vạn pháp giai không* 萬法皆空” nên người ta thường gọi cửa chùa hay cửa nhà Phật là *Không môn*.

*Như Lai* 如來: Chữ Như Lai phát xuất từ câu: “*Bản giác vi như, kim giác vi lai* 本覺為如, 今覺為來”, nghĩa là vốn biết là như, nay biết là lai.

Đây là danh hiệu Đức Phật, chỉ bậc giác ngộ viên mãn.

Theo Kinh Kim Cang, Như lai là bậc không từ đâu mà tới và cũng sẽ không đi tới đâu. Như Lai từ Chân như tới và sẽ đi về Chân như.

**Câu 13:** *Chơn linh phải dò theo nẻo vào Cực Lạc để thẳng đường đi tới.*

**Câu 14:** *Tìm đến cửa Phật mà vào và chờ đợi bái kiến Đức Như Lai.*

**Hào quang chiếu diệu CAO ĐÀI,**

*May duyên nay đã gặp ngày siêu sanh.*

**Hào quang** 毫光: Ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ các vật hay các Đấng Thiêng Liêng.

**Chiếu diệu** 照耀: Chiếu sáng chói lọi, chiếu rực rỡ.

**Cao Đài** 高臺: Chỉ Đức Chí Tôn.

**May duyên:** Có duyên may mắn.

**Siêu sanh** 超生: Tạo cho Chơn linh vượt thoát khỏi phàm tục để lên sống vĩnh viễn nơi cõi Thiêng Liêng.

*Câu 15 và 16: Ánh sáng hào quang của Đấng Cao Đài đã chiếu diệu khắp chốn, đó là cơ hội may mắn cho những Chơn linh có duyên phần đặng gặp được ngày siêu thăng lên sống vĩnh viễn nơi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

*Trụ nguyên tánh hồn linh nhàn lạc,  
Cõi Đào nguyên cõi hạc thừa long.*

**Nguyên tánh** 元性: Hay tự tánh, Thiên tánh là cái tánh ban sơ Trời phú cho con người, cái tánh ấy vốn thiện lành.

**Trụ nguyên tánh** 住元性: Giữ chặt cái nguyên tánh, tức giữ vững tánh thiện lành của mình.

**Hồn linh:** Tức Linh hồn 靈魂.

**Nhàn lạc** 閒樂: Vui vẻ trong cảnh nhàn hạ.

**Cõi Đào nguyên:** Cùng nghĩa với Động đào, chỉ cõi Tiên. (Xem chú thích nơi bài Kinh Khi Vẽ).

**Hạc** 鶴: Một loài chim có chân cao, cổ dài, da đỏ, lông trắng. Hạc là loại chim sống lâu, có thể sống ngoài ngàn năm. Theo Hàn thi ngoại truyện, thì loại hạc vàng

có thể bay rất xa, mỗi lần cất cánh thì có thể bay hàng muôn dặm, vì thế những linh hạc được các vị Thần Tiên dùng để cỡi hay kéo xe vân du trong các cõi giới. Trong bài Kinh Niệm Hương có viết:

*Xin Thần, Thánh ruổi dong cỡi hạc,*

Xuống phàm trần vội gác xe tiên.

**Thừa 乘:** Cỡi, như thừa xa 乘車 là cỡi xe, thừa long 乘龍 là cỡi rồng.

**Long 龍:** Rồng, một loại thủy tộc có kích thước rất lớn, theo truyền thần thoại thì mình rồng dài trọn một dãy núi và khoanh tròn lấp cả một hồ sâu. Khi ẩn thì dấu mình trong mây mù, khi hiện thì nổi sấm chớp trời rung đất chuyển. Rồng có đầu giống đầu đà, sừng giống sừng nai, cổ giống cổ rắn, bụng giống bụng giao long, mắt giống mắt hổ, tai giống tai bò, chân giống chân cạp, móng giống móng chim ưng và vảy giống vảy cá lỵ. Rồng có thể sống dưới nước, ở đáy sông đáy biển (có cả một giang sơn riêng gọi là long cung) và cũng có thể bay khắp các tầng Trời, do đó thường được chư Tiên dùng làm vật để cỡi.

**Cỡi hạc thừa long:** Cỡi chim hạc và cỡi rồng.

**Câu 17:** *Giữ được cái nguyên tánh của mình để Linh hồn sau này được hưởng sự vui vẻ và nhàn hạ.*

**Câu 18:** *Và được cỡi chim hạc, cỡi rồng để bay về cõi Thiêng Liêng.*

Giáo lý Cao Đài cũng dạy cho con người phải biết tu theo phương pháp hướng nội, tức là phải nhìn vào trong hay nội quán. Nhìn vào trong có nghĩa là nhìn vào nội thân mình để tìm cái nguyên tánh, chơn như, đang bị che

mờ bởi thất tình, lục dục, tham, sân, si, phiền não. Nếu bên ngoài người tu dứt trừ được vô minh, bên trong tìm thấy và trụ vững được nguyên tánh thì mới nhẹ nhàng giải thoát khỏi cảnh trần lao giả tạm này, hầu được trở về cõi Phật, Tiên để Chơn linh *cõi hạc thừa long* mà tiêu điều nhàn lạc.

*Lánh xa trước chất bụi hồng,  
Cung Tiên sớm tối vui vòng thung dung.*

**Trước chất:** Hay trọc chất 濁質, các chất uế trước, dơ chất bản sinh ra.

**Bụi hồng:** Bụi đỏ. Người ta cho rằng nơi cõi trần này đầy bụi bặm màu đỏ, nên gọi cõi này là hồng trần 紅塵.

**Cung Tiên:** Hay Tiên cung 仙宮, chỉ cõi Tiên, cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Vui vòng:** Vui vẻ trong vòng, vui trong cảnh.

**Thung dung** 從容: Thành thơi, thông thả.

**Câu 19:** Chơn linh hãy lánh xa nơi cõi vật chất dơ bẩn và hồng trần uế trước này.

**Câu 20:** Mà nên sớm tối vui hưởng trong vòng thung dung tự tại nơi cõi Tiên cung.

*Nơi cung Ngọc học thông Đạo cả,  
Chốn Hư vô Tạo Hóa tìm cơ.*

**Cung ngọc:** Hay Ngọc cung 玉宮, chỉ nơi cõi Thiêng Liêng.

**Học thông** 學通: Học cho thông suốt, học cho biết rõ.

**Đạo cả:** Do chữ Đại Đạo 大道: Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Chí Tôn.

**Chốn Hư vô:** Tức cõi Hư vô hay cõi Hư linh.

**Tạo Hóa** 造化: Đấng Tạo Hóa hay Đức Chí Tôn.

**Tìm cơ:** Tìm cơ mầu nhiệm hay tìm bí pháp của Đức Chí Tôn dạy để đắc Đạo.

*Câu 21: Nơi Cung ngọc hãy học cho thông suốt nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn.*

*Câu 22: Hầu tìm ra cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa nơi cõi Hư linh.*

*Trên đường Thánh đức lần dò,  
Trường sanh mầu nhiệm nơi lò Hóa công.*

**Thánh đức** 聖德: Cái đức của bậc Thánh.

**Đường Thánh đức:** Đường để đạt được bậc Thánh, tức con đường đạo đức.

**Trường sanh** 長生: Sống lâu dài.

**Mầu nhiệm:** Huyền diệu, diệu mầu.

**Lò Hóa công:** Hay Lò Tạo hóa, do chữ trong bài phú của Giả Nghị có câu: “*Thiên địa vi lô hễ, Tạo hóa vi công* 天地為爐兮,造化為工” (Trời đất làm cái lò, mà Đấng Tạo hóa làm thợ để đúc nặn ra muôn vật). Chỉ Đấng Tạo Hóa, hay Đức Chí Tôn.

*Câu 23 và 24: Lần dò để đi theo đường Thánh đức thì sẽ được sống vĩnh hằng nơi cõi Thiêng Liêng mầu nhiệm của Đấng Tạo Hóa.*

*Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,*

*Diệt trần tình Cam Lộ tẩy nhơ.*

**Xa dòng bể khổ:** Lánh xa nơi bể khổ, tức lánh xa nơi cõi trần mà con người đang chìm sâu trong biển khổ.

**Diệt trần tình 滅塵情:** Diệt những tình cảm xấu xa của con người nơi cõi trần.

Theo Phật, trần gian là cõi uế trước, nên những thứ tình cảm của con người đối xử với nhau nơi cõi ấy cũng xấu xa ô trước. Người ta chia tình cảm của con người ra làm bảy thứ, gọi là thất tình. Đó là: Hỷ (nùng), nộ (giận), ái (yêu), ố (ghét), ai (buồn), lạc (vui) và dục (muốn).

**Cam lộ 甘露:** Do từ Hán Việt Cam Lộ thủy 甘露水 Đây là một thứ nước thiêng liêng, huyền diệu của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát luyện ra chứa trong Tịnh bình, dùng để tiêu trừ bệnh chướng, giải tỏa oan nghiệt, cải tử hoàn sanh...

*Câu 25: Hãy nên từ bỏ và tránh xa nơi bể khổ.*

*Câu 26: Diệt những thứ tình cảm xấu xa và nhờ nước Cam lộ tẩy sạch vết nhơ.*

Trong Kinh Tận độ của Cao Đài, nội dung thường hay nhắc nhở các Chơn linh người quá cố, khi thoát khỏi được thân phàm xác thịt này rồi thì phải siêu thoát lên một cõi giới cao hơn, nhẹ nhàng hơn, chứ đừng luyến tiếc cõi trần lao tục lụy đầy những khổ đau phiền não này.

Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối viết:

*Cảnh thăng trời gót cho mau,  
Xa vòng tục lự đặng châu Chí Linh.*

Kinh Khi Đã Chết Rồi viết:

*Cửa Tây phương khá bay đến chốn,  
Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu.*

Kinh Tẩn Liệm viết:

*Từ từ Cực Lạc an vui,  
Lánh nơi trước khí hưởng mùi siêu thăng.*

Kinh Hạ Huyệt viết:

*Giải thi lánh chốn đọa đày,  
Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.*

Hai câu *Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu* trên cũng nhằm nói lên nội dung này:

*Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,*

Diệt trần tình Cam Lộ tẩy nhơ.

*Ngân Kiều Bát Nhã qua bờ,  
Đưa duyên để bước kịp giờ siêu thăng.*

*Ngân kiều* 銀橋: Cầu bắt qua sông Ngân.

Ngân Hà 銀河 là một con sông nơi cõi Thiêng Liêng. Tương truyền, Ngưu Lang, Chức Nữ bị phạt, chia cách tình yêu giữa sông Ngân, mỗi năm chỉ gặp nhau có một lần vào đêm thất tịch, mùng 7 tháng 7 âm lịch, nên đêm này, nước mắt của họ chứa chan, tạo thành những cơn mưa ngâu, vì bởi khóc than một cách đau khổ cho cảnh biệt ly. Vì thế, Ngân Hà được coi như một dòng sông đau khổ.

Theo Đức Hộ Pháp, Ngân Hà là một nhánh của biển khổ, nên là một dòng sông chứa đầy khổ đau. Vì thế trên sông đó, có Đức Quan Âm Bồ Tát vãng mạng lệnh của Di Lạc Vương Phật chèo chiếc thuyền Bát Nhã đi độ sanh, tức là độ những người đầy đủ phước đức.



Trong Thánh Thi Hiệp Tuyển, sông Ngân Hà cũng được nhắc đến như:

*Thuyền khơi đợi gió lướt dòng Ngân,  
Đẫn khách Nam qua khỏi bến trần.*

**Bát Nhã** 般若: Do chữ Phạn là Prajna, Hán dịch là Trí huệ (Trí tuệ) 智慧. Trí huệ là trí sáng suốt nhận biết được chân tướng của mọi sự vật, chứng ngộ được chân lý của vạn hữu, tức là trí đã sáng tỏ khi đã diệt trừ được mọi vô minh, phiền não, có nghĩa là giác ngộ hoàn toàn.

**Siêu thăng** 超升: Siêu vượt bay lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Câu 27:** *Trí huệ của người tu hành tạo nên con thuyền Bát Nhã để bước lên được cầu sông ngân, đến bên kia bờ giác ngộ.*

**Câu 28:** *Đưa người có duyên phân bước lên kịp giờ siêu thăng lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*



## CHƯƠNG THỨ MUỖI BẢY

### KINH TỤNG HUYNH ĐỆ MÃN PHẦN

#### I.-KINH VĂN

#### KINH TỤNG HUYNH ĐỆ MÃN PHẦN

Niềm thù tức đã đành vĩnh biệt,  
Càng nhớ nhau càng tiếc tình nồng.  
Thân nhau từ buổi lọt lòng,  
Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau.  
Cầu chọc ruột còn đau đôn bẩy,  
Hưởng âm dương hết thấy mặt nhau.  
Rẽ phân cốt nhục đồng bào,  
Cảnh Thiên côi tục lệ nào không thương.  
Thương những thuở huyền đường ôm ấp,  
Thương những khi co đắp chung mền.  
Thương hồi thơ bé tuổi tên,  
Thương cơn khôn lớn giữ bên nghĩa nhau.  
Rủi Thiên số Nam Tào đã định,  
Giải căn sinh xa lánh trần ai.  
Khá tua theo bóng CAO ĐÀI,  
Nường mây thoát tục ra ngoài Càn Khôn.  
Khởi tình ái hương hôn dẫu nhỏ,  
Tránh oan gia giải nợ trầm luân.  
Viếng thăm hôm sớm.....<sup>(1)</sup>  
Trọn câu thân tình ân cần cung Tiên.

*Gửi Tổ Phụ.....<sup>(a)</sup> hiển cung phụng,  
Gửi sắp em còn sống nơi đời.  
Rót chung ly biệt lừng vơi,  
Mảnh lòng tha thiết đưa người bạn xưa.*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Thánh hiền ngày xưa có quan niệm rằng tình nghĩa anh em như là tay chân, tình nghĩa vợ chồng như xiêm áo, trong ca dao Việt Nam có câu:

*Anh em như thể chân tay,  
Vợ chồng như áo cời ngay tức thì.*

Cổ ngữ cũng có nói: Cái ở thế gian rất khó được là anh em: “*Thế gian tối nan đắc giả huynh đệ* 世間最難得者兄弟”. Câu này được trích từ câu chuyện trong sách Bắc Tề như sau: Ông Tô Quỳnh làm quan thái thú huyện Thanh Hà. Dân trong huyện có hai anh em ruột tên là Phổ Minh tranh giành ruộng đất, đã nhiều năm thừa kiện không ngã lế, mỗi bên viện cả trăm người để làm chứng. Vụ án được chuyển lên quan thái thú, ông Quỳnh đòi vào mà phủ dụ rằng: Cái khó được trong thiên hạ là anh em, cái dễ được là ruộng đất. Thảng như được ruộng đất mất anh em, bấy giờ trong lòng của hai người thế nào? Nói đến đó, quan thái thú bèn rơi lụy khóc. Anh em Phổ Minh cúi đầu xin về nhà nghĩ lại...Chia rẽ năm năm, rồi sau anh em hòa thuận trở lại.

Xem thế, tình anh em thực là nồng nàn thấm thiết, từ buổi lọt lòng đến lúc trưởng thành, biết bao nhiêu là niềm thương yêu khăng khít. Nếu chẳng may, anh hay chị

mãn phần thì phận làm em lại há nỡ chẳng tiếc thương sao!

Đạo Cao Đài thể hiện cái tình anh em khi tử biệt bằng bài *Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần*.

Bài Kinh này được bà Đoàn Thị Điểm là một vị nữ Tiên trong Điều Trì Cung giảng cơ ban cho toàn chúng sanh trong đạo Cao Đài, dùng để em tế lễ anh chị đã quá cố.

Theo thiện ý, tựa bài kinh “*Huynh Đệ Mãn Phần*” chỉ thể hiện được một phái nam mà thôi. Lại nữa, tựa “*Huynh Đệ Mãn Phần*” có thể làm cho một số người đạo ở địa phương hiểu lầm, họ cho rằng người anh (hoặc chị) cũng có thể tế cho em đã mãn phần bằng bài kinh này (vì tựa là huynh đệ mãn phần). Để tránh sự hiểu lầm và đầy đủ nghĩa hơn, chúng tôi kính mong Hội Thánh cho chỉnh lại tựa bài kinh là *Kinh Tụng Huynh Tỷ Mãn Phần*.

### III.-CHÚ GIẢI

*Niềm thủ túc đã đành vĩnh biệt,*

*Càng nhớ nhau càng tiếc tình nồng.*

**Thủ túc** 手足: Tay và chơn, chỉ tình anh em ruột thịt.

Trang Tử nói: Anh em như tay chân, vợ chồng như áo quần. Áo quần rách lại may mới được, chân tay đứt thì khó bề nối lại đặng (Huynh đệ như thủ túc, phu thê như y phục; y phục phá thời cánh đặc tân, thủ túc đoạn thời nan tái tục 兄弟如手足, 夫妻如衣服; 衣服破時更得新, 手足斷時難再續).

**Đã đành:** Đã đành phải cam chịu.

**Vĩnh biệt** 永別: Ly biệt vĩnh viễn, xa cách mãi mãi.

**Tình nồng:** Tình cảm nồng nàn.

**Câu 1:** *Niềm thương cảm giữa anh em ruột thịt từ nay đành cam vĩnh biệt.*

**Câu 2:** *Bây giờ càng nhớ nhau càng luyện tiết tình thương yêu nồng nàn.*

***Thân nhau từ buổi lọt lòng,  
Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau.***

**Từ buổi lọt lòng:** Từ khi mới được mẹ sinh ra.

**Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau:** Ý nói từng chén cơm, từng miếng cá cũng cùng chia sớt cho nhau.

**Câu 3 và 4:** *Anh em ruột thịt thân thiết nhau ngay từ lúc mới lọt lòng người mẹ ra, cùng chia sẻ nhau từng chén cơm từng miếng cá.*

Thật vậy, anh em cùng huyết thống, cùng cha mẹ sinh ra, tức là cùng nóm ruột, đã từng sống bên nhau, thân thiết nhau từ lúc thơ bé cho đến lớn khôn, cùng vui đùa, cùng chia sẻ, san sớt ngọt bùi cho nhau, từng miếng cơm, miếng cá mà mẹ đút cho ăn cũng giống như răng và lưỡi cùng chung hưởng mùi thức ăn, thế mà nỡ lòng nào dứt tình nhau để răng lại cắn lưỡi. Câu chuyện “*răng cắn lưỡi*” sau đây tựa như tình anh em bất hòa với nhau.

Chuyện kể rằng: Hồi xảy ra chuyện bất hòa giữa anh em Tây Sơn, Nguyễn Huệ kéo quân vào vây thành Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc (anh Huệ) đứng vào thế nguy ngặt đến nỗi phải thân lên đứng trên thành kêu khóc, nhưng Nguyễn Huệ vẫn không chịu rút quân. Bữa đó, trong trại đang lúc ăn cơm, Nguyễn Huệ vô ý để răng cắn nhầm lưỡi, bèn bảo Trần Văn Kỷ là người nổi tiếng hay chữ, đồ giải nguyên, đang giữ chức tham mưu, làm một bài thơ và lấy

tựa là “**Răng cắn lưỡi**”.

Trần Văn Kỷ liền đọc luôn bốn câu sau đây:

Ngã ký sanh tiền, nữ vị sanh,  
我既生前, 汝未生,  
Nữ sanh chi hậu, ngã vi huynh.  
汝生之後, 我為兄.

Lý ứng cộng hưởng trân cam vị,  
理應共享珍甘味,  
Hà nhẫn tương tranh cốt nhục tình.  
何忍相爭骨肉情.

Nghĩa là:

Ta đã ra đời, chú mới sanh,  
Từ sanh ra chú, ta làm anh.  
Lẽ nên cùng hưởng mùi ngon ngọt,  
Cốt nhục tranh nhau nở đoạn đành?

Nguyễn Huệ nghe xong bài thơ, xúc động, ăn cơm xong, liền ra lệnh rút quân về Phú Xuân. (Việt Nam Danh Nhân Tự Điển, Nguyễn Huyền Anh).

*Câu chọc ruột còn đau đớn bấy,  
Hưởng âm dương hết thấy mặt nhau*

**Câu chọc ruột:** Một câu nói động đến anh em ví như lấy cây chọc vào ruột gan.

**Còn đau đớn bấy:** Còn thấy đau đớn thay.

**Hưởng:** Hưởng hồ.

**Âm Dương:** Tức cõi Âm hay Âm phủ; cõi Dương

hay Dương gian.

Câu 5: Một lời nói động đến anh em, ví như cây chọc vào ruột gan còn đau đớn lắm thay.

Câu 6: Huống hồ giờ đây, kẻ Âm cảnh, người Dương gian đã chia lìa hết thấy mặt nhau.

*Rẽ phân cốt nhục đồng bào,  
Cảnh Thiên côi tục lẽ nào không thương.*

**Rẽ phân:** Chia rẽ và phân lìa.

**Cốt nhục** 骨肉: Xương và thịt. Chỉ anh em ruột thịt với nhau, tức cùng cha cùng mẹ.

**Đồng bào** 同胞: Cùng một bọc sinh ra. Chỉ con cùng một cha một mẹ.

**Cảnh Thiên:** Hay Thiên cảnh 天境: Cõi Trời hay cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Côi tục:** Côi phạm tục, tức là côi trần của nhơn loại.

*Câu 7: Anh em cốt nhục cùng chung một mẹ, bây giờ phải chịu chia rẽ phân lìa nhau.*

*Câu 8: Người về nơi Thiên cảnh, kẻ còn ở trần gian, lẽ nào không thương nhớ nhau.*

*Thương những thuở huyền đường ô ấp,  
Thương những khi co đắp chung mền.*

**Huyền đường** 萱堂: Nhà Huyền, chỉ người mẹ.

Huyền 萱 là một loại cỏ ăn được, khi ăn vào có thể quên tất cả phiền muộn, nên được gọi là vong ưu thảo 忘憂草 (Cỏ quên sự lo buồn). Cỏ Huyền thường được người xưa ví như người mẹ hiền, vì lấy điển ở Kinh Thi:



Yên đặc huyền thảo ngôn thụ chi bối 焉得萱草言樹背: Ước gì được cỏ huyền mà trồng ở thêm bắc. Do đó, người ta thường gọi mẹ bằng Huyền đường 萱堂, huyền đình 萱庭, nhà huyền.

**Ôm ấp:** Ôm vào lòng mà ấp yêu thấm thiết.

**Đắp chung mền:** Anh em nằm ngủ đắp chung một cái mền. Do điển tích sau:

Hán Thư chép: Khương Quảng cùng hai em là Trọng Hải, Quý Giang rất nên hòa thuận, cùng thương yêu nhau chí thiết. Tuy mỗi người đều có vợ, nhưng tình cảm anh em không đành ngủ riêng, bèn sắm một cái mền to, khi ngủ cùng chung nhau đắp. Do vậy sách Ấu học có câu: “*Khương gia đại bị dĩ đồng miên* 姜家大被以同眠”: Nhà họ Khương sắm mền rộng để anh em cùng nhau đắp chung.

**Câu 9:** *Thương những lúc còn nhỏ bé, anh em được mẹ ôm vào lòng ấp yêu thương mền.*

**Câu 10:** *Thương đến hồi anh em vì lạnh nằm chung đắp một chiếc mền.*

**Thương hồi thơ bé tuổi tên,**

**Thương cơn khôn lớn giữ bền nghĩa nhau.**

**Thơ bé tuổi tên:** Lúc còn thơ dại, còn kêu gọi nhau bằng tên tuổi.

**Giữ bền nghĩa nhau:** Giữ vẹn việc cư xử có đạo lý giữa anh chị em với nhau.

**Câu 11:** *Thương những lúc còn thơ dại, kêu gọi nhau bằng tên tuổi.*

**Câu 12:** *Thương đến hơi khôn lớn cũng vẫn giữ bên  
nghĩa anh chị em với nhau.*

***Rủi Thiên số Nam Tào đã định,  
Giải căn sinh xa lánh trần ai.***

**Thiên số** 天數: Vận mệnh do Trời định trước, hay số tuổi thọ do Trời định.

**Nam Tào** 南曹: Là một ngôi sao ở phương nam, còn gọi là Nam Cực tinh 南極星.

Nam Tào và Bắc Đẩu là hai vì sao nằm trên trục Nam Bắc của Địa cầu. Khi Địa cầu tự quay, hay quay xung quanh mặt trời, hai vì sao này vẫn luôn luôn nằm theo hai hướng Nam Bắc của Địa cầu.

Tương truyền, Nam Tào và Bắc Đẩu là hai vị Tiên nắm bộ sanh và bộ tử của nhơn loại. Nam Tào còn gọi là Nam Cực Tiên Ông coi về bộ sanh, Bắc Đẩu Tiên Ông coi về bộ tử.

Theo Đức Hộ Pháp, nơi Cung Nam Tào Bắc Đẩu “*có một quyển sách Thiên Thơ để trước mặt ta, dở ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì thì trong quyển Thiên Thơ ấy nó hiện tượng ra hết; chúng ta tự xử chúng ta, mình làm tày để xử mình, hoặc mình phải đầu kiếp hay là đoạt đến địa vị nào, mình đứng đến mức nào, thì cũng do mình định đoạt lấy.*

*Vị chường quản nơi cung ấy theo tiếng phàm của chúng ta đặt tên là NAM TÀO BẮC ĐẤU”.*

**Giải căn sinh** 解根生: Cởi bỏ hết tất cả những oan nghiệt đã gây ra từ những hành vi hung ác trong kiếp sống trước.

**Trần ai** 塵埃: Bụi bặm, chỉ cõi trần, tức cõi của nhơn loại đang sống.

**Câu 13:** *Nay nhằm số tuổi thọ do Nam Tào đã định sẵn.*

**Câu 14:** *Nên cõi bỏ hết những căn nghiệp của kiếp sống trước đã gây ra và xa lìa cõi trần ai.*

**Khá tua theo bóng CAO ĐÀI,  
Nương mây thoát tục ra ngoài Càn Khôn.**

**Khá tua:** Khá nên.

**Theo bóng Cao Đài:** Theo ánh sáng chân lý của Đấng Cao Đài, tức là nương theo Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

**Thoát tục** 脫俗: Thoát khỏi cảnh trần tục.

**Ra ngoài Càn khôn:** Ra khỏi nơi trần để đi vào Càn khôn Vũ trụ.

**Câu 15:** *Khá nên theo ánh sáng chân lý của Đức Chí Tôn.*

**Câu 16:** *Nương theo mây để đi ra ngoài cõi trần, vào Càn khôn Vũ trụ.*

**Khối tình ái hương hồn dầu nhỏ,  
Tránh oan gia giải nợ trầm luân.**

**Tình ái** 情愛: Cái tình cảm thương yêu nhau.

**Giải nợ:** Cởi bỏ các món nợ kiếp trước.

**Trầm luân** 沈淪: Chìm đắm.

**Câu 17 và 18:** *Khối tình thương yêu dù hương hồn còn*

*nhỏ tối, nên xa lánh khỏi những oan khiên nghiệt chướng và rời bỏ các món nợ để Chơn linh không bị chìm đắm nữa.*

***Viếng thăm hôm sớm....(1).....  
Trọn câu thần tình ân cần cung Tiên.***

(1). **Chú thích:** Trong quyển Kinh “*Thiên Đạo và Thế Đạo*” chú thích: Song thân hoặc phụ thân hay mẫu thân đã qui vị, tức là điền vào câu ấy chữ *song thân* khi cha mẹ đều chết, *phụ thân* khi cha chết mẹ còn, *mẫu thân* khi mẹ chết cha còn. Như vậy, trong trường hợp cha mẹ còn sống hết thì phải điền như thế nào? Do điểm này mà có nhiều địa phương gặp hoàn cảnh cha mẹ còn sống hết, không cho đọc bài kinh em tế anh chị, bởi vì họ cho rằng không thể điền vào câu trên. Thiết tưởng hễ anh hay chị mãn phần thì vẫn phải tụng bài kinh này để cho em tế lễ, dù còn đầy đủ cha mẹ hay cha chết hoặc mẹ chết hoặc cha mẹ chết hết.

***Viếng thăm hôm sớm:*** Thăm viếng vào buổi tối và buổi sáng. Hay luôn luôn thăm viếng.

***Thần tình*** 晨省: Do câu: “*Thần định hôn tình* 晨定昏省”, tức là sớm thăm tối viếng.

Trong Kinh Lễ có dạy: Bốn phận làm con, tối đến phải dọn dẹp chỗ cha mẹ ngủ, sáng ra phải vào thăm cha mẹ, đêm qua có ngủ được không. Do đó mới có câu: Thần định hôn tình 晨定昏省.

***Ân cần*** 懇勤: Lo lắng săn sóc một cách chu đáo.

***Cung Tiên:*** Hay Tiên cung 仙宮, chỉ cõi Tiên.

***Câu 19:*** *Hôm sớm phải viếng thăm (Cha, hoặc mẹ, hoặc cha mẹ).*

*Câu 20: Để làm tròn câu thần hôn định tinh, tức là lo lắng ân cần cho vẹn bề hiếu thảo nơi cõi Thiên.*

**Gởi Tổ Phụ.....hiền cung phụng,**

**Gởi sắp em còn sống nơi đời.**

**Tổ phụ** 祖父: Ông nội. Song ở đây nghĩa Kinh chỉ Tổ tiên dòng họ.

**Anh hay chị hiền:** Chỉ Chơn linh anh hay chị đã quá cố.

**Cung phụng** 供奉: Dâng hiến phẩm vật hay vật thực lên cho người trên mình.

**Gởi sắp em còn sống nơi đời:** Gởi đám em út còn sống lại nơi cõi đời.

*Câu 21: Gởi Chơn linh Tổ phụ cho (Anh hay chị hiền) lo lắng cung phụng nơi cõi Thiêng Liêng.*

*Câu 22: Và gởi lại đám em út còn sống ở lại cõi đời này.*

**Rót chung ly biệt lưng vơi,**

**Mảnh lòng tha thiết đưa người bạn xưa.**

**Lưng vơi:** Không đầy.

**Rót chung ly biệt:** Rót chung rượu chia tay.

**Tha thiết** 磋切: Nói tắt câu trong sách Đại Học: Như thiết như tha 如切如磋. Ý chỉ sự giỏi mài, khắc dũa cho bóng, vì thế bạn bè gắng gỏi gọi là thiết tha.

*Câu 23: Xin rót chung rượu ly biệt lưng vơi với giọt nước mắt đầm đìa.*

*Câu 24: Tấm lòng tha thiết để đưa tiễn người bạn xưa cũ.*

- (1) Song thân, hoặc phụ hay mẫu thân đã qui vị.
- (2) Anh hay chị mãn phần.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

### KINH TỤNG KHI CHÔNG QUI VỊ

#### I.-KINH VĂN

#### KINH TỤNG KHI CHÔNG QUI VỊ

Niềm ân ái thân hòa làm một,  
Nghĩa sơ giao khắc cốt ghi xương.  
Nhấn mưa gợi gió đưa thương,  
Từ đây thiếp tỏ đoạn trường với ai?  
Càng nhớ đến những ngày hội ngộ,  
Càng ngổn ngang mỗi nợ tình chung.  
Đã đành bẻ gãy chữ đồng,  
Hiển linh chứng chiếu tấm lòng tiết trinh.  
Dầu sống sót cũng đành gọi thác,  
Vui chi còn man mác tơ duyên.  
Thiệt thòi cam phận thuyên quyên,  
Chứa chan giọt lệ cầu tuyền cuộn trôi.  
Chàng đã dựng phũ rồi nợ thế,  
Xin hiển linh giúp kẻ góa thân.  
Chở che khỏi kiếp phong trần,  
Gìn gương liệt nữ hồng quần để soi.  
Chàng dầu dựng thành thoi cảnh trí,  
Hộ dầu con giữ kỹ nhưn luân.  
Chàng dầu vinh hiển cảnh Thần,  
Gởi trong giấc mộng dựng gán cùng nhau.

*Chàng dẫu hưởng Thiên Tào quyền phép,  
Đỡ đường trần chật hẹp thân côi.  
Chàng dẫu cung Ngọc an ngôi,  
Xin thương thân thiếp nợ đời còn mang.  
Gởi hôn phách cho chàng định số,  
Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.  
Thiếp cam bao tóc thờ chàng,  
Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa!*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Đạo Cao Đài lấy Nho Tông chuyển thế, nên việc cư xử giữa con người với nhau đều được qui định theo một phép tắc hợp với lẽ phải, như là cách ứng xử của con người với nhau trong gia đình cho hợp với đạo đức.

Trong Kinh Thư viết: Vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho Thuấn, bèn gả hai nàng công chúa là Nga Hoàng và Nữ Anh cho, để xem cách tế gia của Thuấn. Ông Thuấn lấy ngũ điển ra đối đãi với mọi người, nên sau được vua Nghiêu nhường ngôi cho.

Trong nền đạo Cao Đài, theo ngũ luân của Nho giáo, coi đạo vợ chồng là nền tảng của gia đình, bốn phận người vợ hoàn toàn gởi thân cho chồng, cho nên đạo vợ chồng phải lấy ơn nghĩa mà sống đời với nhau. Khi chồng chết, người nữ tín đồ phải giữ lòng trinh tiết mà thờ phượng và cúng tế chồng theo đạo nghĩa của người đàn bà.

Kinh “*Tụng Khi Chồng Qui Vị*” dành cho người vợ cúng tế cho chồng nhằm nói lên cái ơn che chở, đùm bọc của đấng lang quân, mà nàng đã bao năm đem thân “*sấn*



*bim nương bóng*”. Người góa phụ Cao Đài, trong cảnh đau buồn mất đi một người yêu thương đã cùng chia vui sót thắm, gắn bó với cuộc đời nàng, khiến cho nàng có lời tâm nguyện thờ chồng:

*Thiếp cam bao tóc thờ chàng,  
Rót chung ly biệt đời hàng lệ sa.*

### III.-CHÚ GIẢI

*Niềm ân ái thân hòa làm một,  
Nghĩa sơ giao khắc cốt ghi xương.*

**Ân ái** 恩愛: Chỉ vợ chồng thương yêu nhau.

**Thân hòa làm một:** Vợ chồng thương yêu nhau, hòa hợp nhau dù là hai người nhưng coi như là một.

Bộ Dịch Trình truyện viết: Sự tương cảm của muôn vật ở thế gian, không gì bằng nam nữ. Nam nữ tuy là hai cá thể nhưng khi kết hợp nhau, vì tình yêu vì bổn phận trở nên một thân vậy. Sách Ấu Học nói: Nam nữ có cái nghĩa cảm kích nhau, vợ chồng là tình thân một cá thể (Nam Nữ hữu tương cảm chi nghĩa; phu phụ vi nhất thể chi thân 男女有相感之義, 夫婦為一體之親).

**Sơ giao** 初交: Lúc mới giao tiếp với nhau, tức là lúc đầu mới quen biết nhau.

**Khắc cốt ghi xương:** Ý nói ghi nhớ vào lòng, không bao giờ quên.

**Câu 1:** *Tình thương yêu giữa vợ chồng hòa hợp nhau như là một vậy.*

**Câu 2:** *Tình nghĩa gặp gỡ lúc ban đầu thiếp nguyện*

khắc ghi vào cõi lòng mãi mãi.

**Nhấn mưa gửi gió đưa thương,  
Từ đây thiếp tỏ đoạn trường với ai?**

**Nhấn mưa gửi gió:** Nhờ mưa gió để nhấn gửi nỗi niềm.

**Đưa thương:** Đem niềm thương đưa đến.

**Đoạn trường 斷腸:** Đứt ruột.

Do tích: Một vượn con bị giết, vượn mẹ đau lòng kêu mãi cho đến chết mới thôi. Mổ ra thì thấy ruột vượn mẹ đứt từ khúc một. Nghĩa bóng chỉ sự đau đớn như ruột đứt ra từng đoạn.

**Câu 3:** Nhấn gửi theo mưa gió những nỗi niềm thương nhớ đến chàng.

**Câu 4:** Kể từ phút này, thiếp biết tỏ nỗi niềm đau đớn này với ai?

**Càng nhớ đến những ngày hội ngộ,  
Càng ngổn ngang mối nợ tình chung.**

**Hội ngộ 會遇:** Gặp gỡ nhau.

**Ngổn ngang:** Lộn xộn không thứ tự, lòng bối rối.

**Mối nợ:** Mối dây nợ nần ràng buộc nhau.

**Tình chung:** Hay chung tình 終情: Mối tình chung thủy, tức là từ lúc yêu nhau phút ban đầu cho đến hết cuộc đời cũng vẫn yêu nhau.

**Câu 5 và 6:** Càng nhớ tới những ngày cùng nhau gặp gỡ, lòng càng ngổn ngang, mối nợ tình chung thủy.

*Đã đành bẻ gãy chữ đồng,  
Hiển linh chứng chiếu tấm lòng tiết trinh.*

**Chữ đồng:** Hay giải đồng. Do chữ “*Đồng tâm đai* 同心帶”, “*Đồng tâm kết* 同心結” là một sợi dây thắt lưng có hai giải lụa buộc lại với nhau, biểu hiện sự kết hợp vợ với chồng, cùng một lòng như nhau.

Nguyễn Du có câu:

*Đã đành hai chữ đồng tâm,*

Trăm năm thể chẳng ôm cầm thuyên ai.

Hoặc:

*Bấy lâu khăn khít giải đồng,*

Thân người, người cũng chia lòng riêng tây.

**Bẻ gãy chữ đồng:** Làm đứt giải đồng tâm, tức là vợ chồng bị gãy gánh do có người chết.

**Hiển linh** 顯靈: Hiển hiện ra một cách linh thiêng.

**Chứng chiếu** 證照: Chứng minh và soi xét.

**Tiết trinh:** Hay trinh tiết 貞節: Tấm lòng kiên trinh và trong sạch của người đàn bà.

*Câu 7: Chàng đành làm đứt giải đồng tâm mà ra đi  
vĩnh viễn.*

*Câu 8: Thiếp xin chàng có linh hiển chứng chiếu cho  
tấm lòng tiết trinh của thiếp.*

Sự quan hệ giữa vợ chồng được ơn Trên sắp đặt gặp gỡ nhau, chung sống nhau là để yêu thương đền đáp ơn nghĩa nhau, giúp đỡ cho nhau, đó gọi là duyên; hoặc một trong hai: vợ hay chồng phải nhận chịu những khổ đau,

nói cách khác là phải trả những nghiệp quả, đó gọi là nợ.

Khi duyên nợ đã dứt, người chồng đành bẻ gãy chữ đồng mà ra đi mãi mãi, khiến cho mỗi tình chồng vợ phải chịu phân ly: Kẻ ra đồng nội ngàn thu yên giấc, người sống sót nơi cô phòng ở xóm nhà quạnh quẽ. Bà Đoàn Thị Điểm đã tả sự đau lòng của người quả phụ trong *Nữ Trung Tòng Phận* như bốn câu sau:

*Để thân thiệp mình ngồi hiu quạnh,  
Còn thấy chàng tuyết lạnh, nắng nồng.  
Đã đành bẻ gãy chữ đồng,  
Chia đôi thiệp xóm, chàng đồng không hay.*

Tuy có sự đau thảm trong lòng, người thiếu phụ Cao Đài được Bà Đoàn dạy phải một lòng giữ vẹn tiết trinh mà luôn hướng về Đức Từ bi:

*Biết chẳng cái thảm mất chồng,  
Xin cho thiệp dựa nơi lòng Từ bi.*

*Dầu sống sót cũng đành gọi thác,  
Vui chi còn man mác tơ duyên.*

**Sống sót:** Còn sống sót trở lại. Hai vợ chồng, một người chết đi, còn một người sống ở lại gọi là sống sót.

**Gọi thác:** Coi như chết.

**Dầu sống sót cũng đành gọi thác:** Người đàn bà ngày xưa khi chồng đã chết rồi, thường tự xưng mình là “*vị vong nhân* 未亡人”, người chưa chết, ý muốn nói phận đàn bà buộc phải theo chồng, lẽ ra chồng chết phải chết theo, nếu còn sống sót là người đáng chết mà chưa chết vậy.

Theo nghĩa câu Kinh, người vợ tuy còn sống sót (vị

vong nhân) nhưng xem như mình đã chết rồi, tức không còn tha thiết với cuộc đời nữa.

Trong Cung Oán Ngâm Khúc có câu:

*Thôi đi đâu biết có trời,  
Bống không mà hóa ra người vị vong.*

**Man mác:** Dịu dịu, phơn phớt.

**Tơ duyên:** Sợi dây tơ ràng buộc nên duyên vợ chồng.

Do tích tơ hồng, tơ thắm, chỉ hồng như sau: Trương Gia Trinh có năm người con gái, muốn gả một người cho Đặng Nguyên Chấn, mà không biết phải gả người nào. Ông mới dạy năm người con ông ngồi sau một bức màn, mỗi người cầm một sợi tơ, mỗi sợi một màu; Còn Đặng Nguyên Chấn ở ngoài, nắm được mối tơ của ai thì cưới người đó. Nguyên Chấn nắm dây tơ màu đỏ, nhằm người con gái thứ ba, đẹp hơn hết. Do tích này, tơ hồng hay tơ duyên là sợi chỉ ràng buộc lương duyên hai người.

**Câu 9:** *Dù thiếp có sống sót ở lại nơi đời, nhưng cũng đành coi như đã chết rồi.*

**Câu 10:** *Còn vui vẻ làm chi nữa, lòng thiếp đang buồn dịu dịu cho mối tơ duyên.*

***Thiệt thòi cam phận thuyên quỳên,  
Chứa chan giọt lệ cứu tuyền cuộn trôi.***

**Thiệt thòi:** Chịu thua thiệt.

**Cam phận:** Cam chịu số phận.

**Thuyên quỳên:** Theo cách phát âm của Tự Điển Hán Việt, Thiều Chửu, hay Từ Điển Hán Việt, Đào Duy Anh, thì viết là **Thiên quỳên**.

**Thiên quyên** 嬋娟: Dáng đẹp dễ dễ thương, thường dùng để chỉ riêng về đàn bà con gái đẹp để diêu hiên.

**Chứa chan giọt lệ:** Giọt nước mắt đầm đìa.

**Cửu tuyền** 九泉: Chín suối, chỉ cõi Âm phủ.

**Cuốn trôi:** Cuốn trôi theo dòng nước.

**Câu 11:** *Người con gái đẹp dễ diêu hiên phải cam chịu cảnh thiệt thòi vắng người bạn tình chung.*

**Câu 12:** *Giọt nước mắt chứa chan cuốn trôi xuống tuyền đài (chàng có hay chăng?).*

**Chàng đã đặng phỉ rỗi nợ thế,  
Xin hiển linh giúp kẻ góa thân.**

**Phỉ rỗi nợ thế:** Phỉ sạch hết nợ đời.

Theo triết lý tôn giáo, con người sống là để trả nợ đời và nợ oan khiên nghiệt chướng. Do đó, khi con người chết, tức là phỉ hết nợ đời, mới ra đi một cách nhẹ nhàng, người ở lại thì còn nặng nợ thế gian, còn mang nhiều khổ sở.

Trong bài Kinh, người cô phụ cho rằng: Giờ đây “Chàng đã đặng phỉ rỗi nợ thế”, còn nàng thì: *Xin thương thân thiếp nợ đời còn mang.*

Thật đáng thương tâm!

**Góa thân:** Thân góa bụa, tức là người đàn bà có chồng chết, còn gọi là quả phụ 寡婦.

**Câu 13:** *Chàng đã chết rồi, tức là đã được phỉ hết nợ của thế gian.*

**Câu 14:** *Xin chàng có linh hiển thì giúp cho kẻ góa bụa này.*

***Chở che khỏi kiếp phong trần,  
Gìn gương liệt nữ hồng quân để soi.***

**Phong trần** 風塵: Gió bụi, chỉ những nỗi gian nan vất vả của cuộc đời.

**Kiếp phong trần**: Hay phong trần kiếp 風塵劫: Kiếp sống phải chịu nhiều gian nan vất vả.

**Liệt nữ** 烈女: Những người phụ nữ có khí tiết khảng khái, anh hùng.

**Gương liệt nữ**: Những người phụ nữ có khí tiết khảng khái, có thể dùng làm gương cho người đời sau noi theo.

Sách Ấu học có kể lại hai trang liệt nữ như sau: “*Hàn Cửu Anh khủng tặc uest, nhi tự đầu ư uest; Trần Trọng thê khủng vãn đức, nhi ninh vãn ư nhai, thử nữ chi liệt giả* 韓玖英恐賊穢,而自投於穢;陳仲妻恐隕德,而寧隕於崖,此女之烈者”: Nàng Hàn Cửu Anh sợ cướp làm nhơ mà tự gieo vào chỗ nhơ; vợ anh Trần Trọng sợ chết mất đức hạnh thà chết ở hố, đây là những trang liệt nữ.

Bộ Đường thư có chép rằng con gái ông Hàn Trọng Thành là nàng Cửu Anh, sợ cướp bắt làm nhục, bèn tự gieo mình vào trong phần dơ, lấy miệng hộp phần, bọn cướp thấy vậy bèn bỏ đi, không bức hiếp nàng.

Vợ anh Trần Trọng là em gái Trương Thúc Minh, cùng hai người chị dâu gặp cướp, sợ phải chịu nhục với bọn cướp, bèn bảo nhau rằng: Người đàn bà lấy thân người trong sạch làm cao cả, đâu được để thân bị ô nhục ư! Bèn nhảy xuống hố mà chết.

**Hồng quần** 紅裙: Quần màu đỏ. Thời xưa tục bên Trung Quốc các người con gái sang giàu thường mặc quần màu đỏ. Vì vậy, hồng quần dùng để chỉ về nữ giới.

**Câu 15:** *Xin chàng chờ che cho thiếp thoát khỏi kiếp khó khăn vất vả này.*

**Câu 16:** *Thiếp nguyện gìn giữ tiết trong sạch để làm gương liệt nữ cho giới nữ nhi soi chung.*

**Chàng dẫu đặng thành thoi cảnh trí,  
Hộ dẫu con giữ kỹ nhơn luân.**

**Cảnh trí:** Hay trí cảnh 智境: Cảnh của bậc Thánh trí, tức cõi Thánh.

**Hộ dẫu con:** Gìn giữ và che chở cho con và dẫu.

**Nhơn luân** 人倫: Đạo luân thường của con người, hay nói cách khác, là phép cư xử của con người ở thế gian hợp với lẽ đạo đức.

**Câu 17:** *Dù cho chàng có được thành thoi, nhàn hạ nơi cõi Thánh.*

**Câu 18:** *Xin hãy phù hộ cho con và dẫu giữ vẹn được mối đạo nhơn luân.*

Trong cơn đau buồn của cuộc tử biệt sanh ly này, người quả phụ dù còn sống sót mà xem như đã chết rồi, thế mà còn nghĩ đến và mong muốn cho dẫu con giữ vẹn được mối đạo nhơn luân. Quả là người đàn bà hiền thực và đạo đức vậy!

**Chàng dẫu vinh hiển cảnh Thần,  
Gởi trong giấc mộng đặng gần cùng nhau.**



**Vinh hiển** 榮顯: Vẻ vang hiển hách.

**Cảnh Thần:** Hay Thần cảnh 神境, tức cõi giới Thần.

**Gửi trong giấc mộng:** Hiện vào trong giấc chiêm bao.

**Câu 19:** Cho dù chàng hiện giờ có vinh hiển nơi cõi Thần.

**Câu 20:** Nhưng cõi Âm dương xa cách, thiếp mong chàng hiện trong giấc mộng để đặng gần gũi nhau.

**Chàng dẫu hưởng Thiên Tào quyền phép,  
Đỡ đường trần chật hẹp thân cõi.**

**Thiên tào** 天曹: Như Thiên đình.

**Quyền phép:** Có phép thuật và quyền hành.

**Đỡ đường trần chật hẹp:** Giúp đỡ cho cuộc sống nơi cõi trần đầy khó khăn, vất vả.

**Thân cõi:** Dịch từ chữ cô thân 孤身: Tắm thân lẻ loi, cô độc.

**Câu 21:** Cho dù chàng có hưởng được quyền phép nơi cõi Thiêng Liêng.

**Câu 22:** Xin giúp đỡ cho mảnh thân cô độc của thiếp nơi cõi trần đầy những khó khăn vất vả này.

**Chàng dẫu cung Ngọc an ngôi,  
Xin thương thân thiếp nợ đời còn mang.**

**Cung Ngọc:** Hay Ngọc cung 玉宮: Chỉ cõi Tiên.

**An ngôi:** Yên trên ngôi vị.

**Nợ đời còn mang:** Còn đeo mang những món nợ nơi thế gian.

*Câu 23: Dù cho chàng đã được an ngôi vị nơi cung Ngọc.*

*Câu 24: Xin chàng thương cho tấm thân thiếp còn mang nhiều mối nợ đời.*

**Gởi hồn phách cho chàng định số,**

**Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.**

**Hồn phách** 魂魄: Linh hồn và thể phách.

**Cho chàng định số:** Cho chàng định đoạt số phận.

**Kiếp căn:** Hay căn kiếp 根劫: Cái gốc rễ của kiếp sống, tức là do cái nguyên nhân của đời trước, gọi là tiền nhân 前因 thì sẽ có kết quả đời sau, gọi là hậu quả 後果.

Trong Truyền Đăng Lục của nhà Phật nói: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thụ giả thị, dục tri lai sinh quả, kim sinh tác giả thị* 欲知前世因, 今生受者是; 欲知來生果, 今生作者是”: Muốn biết nguyên nhân đời trước ta thế nào, thì cứ xem hưởng thụ của ta đời nay; muốn biết sự kết quả đời sau thế nào, ta cứ xem việc ta làm đời nay đó.

Như vậy, kiếp căn là tất cả những hành vi thiện ác trong một hay nhiều kiếp sống trước tạo thành gốc rễ để báo ứng cho kiếp này hay kiếp sau. Nếu việc làm lành, gọi là thiện căn 善根 thì tạo phúc đức cho người làm hưởng, nếu việc làm hung dữ, gọi là ác căn 惡根 thì gây quả báo cho người làm phải trả.

**Dây oan:** Sợi dây oan nghiệt.

*Câu 25: Thiếp xin gởi linh hồn và thể phách cho chàng định dùm số phận.*

**Câu 26:** *Thiếp cũng xin gởi kiếp căn cho chàng nhờ cõi  
bỏ mối dây oan nghiệt.*

***Thiếp cam bao tóc thờ chàng,  
Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa!***

**Thiếp cam bao tóc:** Thiếp đành là bao kín mái tóc, để giữ lòng chung thủy đối với chàng (Xem điển tích ở câu 12 Kinh Hôn Phối).

**Đôi hàng lụy sa:** Hai hàng nước mắt rơi.

**Câu 27:** *Thiếp đành cam bao mái tóc lại để giữ lòng  
chung thủy thờ phụng chàng.*

**Câu 28:** *Với hai dòng nước mắt đầm đìa, thiếp xin  
rót chung rượu ly biệt dâng lên cho chàng.*

Trong phút cuối nơi đàn tể cho chồng, người quả phụ lòng sầu thảm vì mối tử biệt sinh ly giữa đôi vợ chồng, nên có tâm nguyện là sẵn sàng nhận chịu những đau thương mất mát và nhứt là hứa sẽ giữ lòng chung thủy, vẹn nghĩa tiết trinh để thờ chồng.

Đạo thờ chồng từ xưa đã được người đời khen tặng và triều đình ban cho tinh biểu, tức là ban biển khen cho những người trung, hiếu, tiết liệt để tỏ lòng kính mến mà làm gương cho mọi người đều biết.

Người tiết phụ ở làng Thạch Thán được vua ban cho một tấm biển vàng có bốn chữ: Khâm tứ tiết phụ 欽賜節婦 được sách *Kiến Văn Lục* chép lại như sau:

Bà tiết phụ đây là vợ Ông Cử nhân họ Nguyễn ở làng Thạch Thán. Lúc Ông Cử Nguyễn mất, bà mới mười chín tuổi, không có con và hai bên cha mẹ đều còn cả. Bà khốc

nói: “*Chết dễ lắm, chỉ nỗi hai bên cha mẹ sớm tối biết trông cậy vào ai thôi!*”. Rồi Bà thủ tiết, không cải giá, chăm nuôi bố mẹ chồng, bố mẹ mình hơn ba mươi năm, mọi việc phụng dưỡng khi sống, ma chay khi chết, thấy đều hợp lễ. Năm Bính Tuất đời vua Cảnh Hưng (1766) có chiếu chỉ nhà vua muốn ban biển khen cho những người hiếu tử, tiết phụ, Quan Phủ Huyện sở tại tâu rõ việc bà lên cho vua biết, bà đặc cách được đội ơn tinh biểu.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

### KINH TỤNG KHI VỢ QUI LIÊU

#### I.-KINH VĂN

#### KINH TỤNG KHI VỢ QUI LIÊU

Tưởng tơ tóc cùng nhau trọn đạo,  
Theo từng phu sửa áo nâng khăn.  
    Âm dương đôi nẻo chia phân,  
Túy sơn vân mộng mới gần đặng nhau.  
    Khi để bước phòng đào lạnh ngắt,  
    Mảnh tàn y đường nhắc nghi dung.  
    Thấy cơn tử biệt nào nùng,  
Hương thê tắt ngọn lạnh lòng tơ duyên.  
    Càng nhớ đến lời nguyên buổi trước,  
    Thẹn non sông chứa ngọt tình nồng.  
    Phụ phàng chi bấy Hóa công  
Lòng nào mà lại cắt lòng không đau.  
    Nói Tông Tổ biết bao nghĩa trọng,  
    Cơ nghiệp còn lưu mộng tang du.  
    Mập mờ nhãn nguyệt đêm thu,  
Kẻ còn người mất ai sâu hơn ai?  
    Vội nhắn khách Dạ đài có tưởng,  
    VẬY bóng hình để tưởng nơi nao?  
    Hay là lạc bước nguồn Đào,  
Để thương cho mặt anh hào đeo mang.

*Ngồi quanh quẽ đèn tàn một bóng,  
Chịu góa thân tuyết đóng song thu.  
Bước Tiên nàng đã ngao du,  
Đoái tình thương kẻ ôm cầu khóc duyên.*

*Hay nàng đặng nhập miền Cực Lạc,  
Đoái tưởng người chưa thoát trầm luân.  
Ngước trông níu ngọn phát trần,  
Chối Tiên quét sạch nợ nần oan gia.*

*Dâng mảnh tâm gọi là của lễ,  
Chén ly tình là lệ ái ân.  
Dầu chi cũng nghĩa chí thân,  
Khối tình còn có một lần đẩy thôi.*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

## II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài kinh *Tụng Khi Vợ Qui Liễu* do Bà Đoàn Thị Điểm, một Nữ sĩ Việt Nam, cũng là một vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngoài ra, vào năm 1933, Bà còn giáng cơ ban cho Đạo Cao Đài một tác phẩm rất có giá trị, đó là *Nữ Trung Tùng Phận*, một cuốn sách nhằm mục đích giáo hóa các nữ tín đồ Cao Đài trở nên người hiền đức, giữ vẹn đạo nhơn luân, theo đúng tôn chỉ Nho tông chuyển thế mà Đức Chí Tôn đã đề ra trong thời Hạ ngươn mạt Pháp.

Theo Bà, đạo vợ chồng là đầu mối của nhơn luân nên phải biết thương yêu nhau, ăn ở nhau có nghĩa thủy chung:

*Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,*

*Đạo Nhơn luân gây sống của đời,  
Dầu cho non nước đổi dời,  
Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.*

Ơn nghĩa của người phụ nữ với chồng con rất sâu nặng, là một giếng mối để kế thừa hương lửa Tổ tông, là khởi đọan của nên Nhơn luân đạo đức, nên trong bài *Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu*, bà viết:

*Nối hương lửa Nhơn luân đạo trọng.*

Hay trong bài *Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu* bà cũng viết:

*Nối Tông tổ biết bao nghĩa trọng  
Cơ nghiệp còn lưu mộng tang du.*

Trong bài thuyết đạo về *Bảo thủ thuần phong mỹ tục*, Đức Hộ Pháp cũng cho rằng: Đạo Nhơn luân khởi đọan do chồng vợ, có chồng vợ mới có cha con, có cha con mới có dân tộc lập thành quốc gia xã hội. *Nhiều gương xưa tích cũ được nêu lên để chính đốn đạo Nhơn luân, cốt yếu làm con người biết đạo vợ chồng là trọng, đặng sửa đường cho nhau để lập mình lên bực chí Thánh. Như thời xưa vợ chồng ông Châu Công, Ngài là Tế tướng đầu triều mà bà vợ vẫn lo canh củi làm ăn nuôi mẹ chồng, một vị mạng phụ phu Nhơn mà cư xử được như vậy thật đáng quý.*

Chính vì ơn “*tùng phu sửa tráp nâng khăn*” và ơn “*nối Tông tổ*” của người vợ quá cố, Bà Đoàn Thị Điểm mới giảng cơ ban cho bài *Kinh Tụng khi Vợ Qui Liễu* nhằm tỏ lòng tiếc thương và đau khổ của người chồng đã mất đi một vị hiền phụ.

### III.-CHÚ GIẢI

*Tường tơ tóc cùng nhau trọn đạo,  
Theo từng phu sửa áo nâng khăn.*

**Tơ tóc:** Do thành ngữ “*xe tơ kết tóc*”, chỉ duyên nợ kết nghĩa nên vợ chồng.

**Xe tơ:** Buộc sợi tơ vào chơn hai người kết nên vợ chồng.

Lấy tích Vi Cố đi chơi đêm gặp một ông già ngồi dưới bóng cây, có cầm một quyển sách nơi tay và có túi đựng chỉ đỏ. Vi Cố hỏi, thì Ông già ấy đáp: Ta là Nguyệt Lão, sổ này dùng để biên nhơn duyên của người đời, còn chỉ đỏ này để buộc chơn cho nên vợ nên chồng. Vi Cố mới hỏi nữa: Còn nhơn duyên của tôi có biên vô sổ này không? Liên đó Ông dở sổ ra xem, rồi nói: Sổ nhà người sau này lấy con gái mù ăn mày, đang ngồi xin ăn trước chợ đó. Vi Cố cho đó là nhục, bèn xách dao ra chợ chém đứa con nhỏ một lát dao, máu chảy đầm đề. Chàng tưởng con bé đã chết, bèn trốn đi ở xứ khác.

Nhưng duyên Trời đã định, chạy đâu cho khỏi. Sau Vi Cố tưởng rằng lấy được con quan, không dè chừng hỏi rõ lại thì cũng là con của mù ăn mày, trước kia nhờ ông quan tại triều, đi tuần vừa tới đó, gặp đứa bé do mù ăn mày bỏ, đem về nuôi làm con, sau gả cho Vi Cố.

Vi Cố mới biết rằng duyên vợ chồng, Nguyệt Lão đã xe tơ thì không làm sao trốn đâu cho khỏi đặng.

**Kết tóc:** Do chữ kết phát 結髮: Theo tục lệ đời nhà Hôn, trong đêm hợp cẩn, vợ chồng mới cưới thường kết tóc cho nhau. Do vậy, Ông Tô Thức viết hai câu: *Kết phát*



*vi phu phụ, ân nghĩa lưỡng bất nghi* 結髮為夫婦, 恩義兩不宜: Kết tóc làm chồng vợ, ơn nghĩa trọn đôi đường.

Trong truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:

*Duyên Đàng thuận nẻo gió đưa,  
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.*

**Trọn đạo:** Vẹn tròn đạo nghĩa.

**Tùng phu** 從夫: Theo chồng. Đây là một trong ba đạo của người phụ nữ thời xưa, gọi là đạo Tam tùng 三從.

Điều này được Đức Khổng Tử dạy như sau: Đàn bà thì nương dựa ở người, cho nên không có phép tự chuyên làm lấy một mình, mà có đạo tam tùng là: Còn ở nhà thì theo lệnh cha, có chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con (Phụ nhân phục ư nhân dã, thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tùng chi đạo: Tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử 婦人伏於人也, 是故無專制之義. 有三從之道: 在家從父, 出嫁從夫, 夫子從子).

**Sửa áo nâng khăn:** Chỉnh khăn áo cho chồng, ý nói người vợ có bốn phận lo lắng, săn sóc cho chồng.

Bốn phận người đàn bà xưa còn được gọi là cầm khăn lược, nâng thúng chổi (chấp cân trất, phụng cơ trừu 執巾櫛, 奉箕帚).

**Câu 1 và 2:** *Tường đến việc xe tơ kết tóc cùng nhau nên duyên chồng vợ thì phải sống theo chồng và lo lắng săn sóc cho chồng.*

*Âm dương đôi nẻo chia phân,  
Túy sơn vân mộng mới gần đặng nhau.*

**Âm Dương đôi nẻo:** Hai con đường Âm cảnh, Dương gian của người chết và kẻ còn sống.

**Chia phân:** Phân ly và chia cách nhau.

**Túy sơn vân mộng** 醉山雲夢: Là tên một bài phú của một Đẳng Thiêng Liêng không để danh (Vị tướng danh thị 未詳名氏) giáng cơ ban cho vào khoảng năm 1930. Nội dung bài phú kể lại của một vị quan vào tiết trung thu tháng tám, năm Long Đức thứ tư, thả thuyền tới chùa Non Nước dạo chơi:

*Năm Long Đức thứ tư,*

*Tiết trung thu tháng tám.*

Chàng khi ấy:

*Thôi chầu Thiên sứ,*

*Rảnh việc công sai.*

*Thình thình một chiếc thuyền lan, noi dòng Xích Bích,*

*Nhẹ nhẹ đôi con chèo quế, dục bèn Thương Lang.*

*Trải hang Nghê qua cửa Thân Phù,*

Dựa bãi Hạc tới chùa Non Nước.

Thấy cảnh non xanh nước biếc, khiến lòng chàng băng khuâng, mượn rượu để giải khuây, rồi ngủ quên dưới mái hiên chùa, liền mộng thấy một nàng con gái:

*Rõ rõ sen đưa gót ngọc,*

*Dịu dàng tay hé rèm châu.*

*Tóc lầu lầu mây sở mấy từng,*

*Quần dợn dợn sóng tương đôi lớp.*

*Mặt hoa ái ngại đường Hôn Tiên Nương tách dặm*

*xuống lầu Tây,*

*Máy liễn ủ ê tợ Đường Minh Phi đeo sấu ải Bắc.*

Chàng hỏi ra mới biết đó là người vợ hiền đã chung sống được năm năm vừa mới chết:

*Chừ lâu ta mới hỏi chừng,*

*Sau trước nàng bèn bày tỏ.*

*Thiếp hổ thân bồ liễu,*

*Ngày dựa cửa trâm anh.*

*Vàng ngọc âm từ chốn Thiên đình,*

*Xuống hạ giới làm con Tướng quốc.*

*Tơ đỏ nhờ tay Nguyệt Lão*

*Cửa vàng trộm sánh Lang quân.*

.....  
*Duyên mới vừa thỏ bạc ngang thêm,*

*Kẻ đã đặng năm năm ân ái,*

*Điểm phúc ứng dê xanh qua cửa,*

*Bỗng rẽ phân hai ngã Sâm thương.*

Trong giấc mộng nàng kể lẽ sự tình, rồi lạy từ tạ để trở về Tiên cảnh, chàng mới biết là:

*Động phủ hội tam sinh,*

*Huỳnh lương thành nhứt mộng.*

*Máy Trời đất không không có có,*

*Đạo vợ chồng ái ái ân ân.*

*Than ôi!*

*Mộng huyền bào ảnh đồ vi thị xuân,*

*Không sắc sắc không hà tu thậm giả.*

*Tuy là rē âm dương đôi ngã,*

*Cũng chẳng qua thành kính một lòng.*

*Tử như sanh, vong như tôn, lòng kính thành hữu  
cảm tắc thông*

*Sanh như ký, tử như qui, tâm ngưỡng vọng hữu cầu  
tắc ứng.*

*Bèn đem rượu cúc rót ba tuần,*

*Rắp mượn bút huê để nhứt luật.*

Tóm lại, “*Túy Sơn Vân Mộng*” là một bài phú kể lại nỗi niềm thương nhớ của người chồng đối với vợ hiền đã chết, mong cùng gặp gỡ nhau trong giấc chiêm bao.

*Câu 3: Hai đường Âm cảnh và Dương gian đã chia  
phân đôi vợ chồng*

*Câu 4: Nỗi niềm thương nhớ của người chồng đối với  
vợ hiền, chỉ còn có thể gặp gỡ nhau trong giấc mộng mà thôi.*

*Khi để bước phòng đào lạnh ngắt,*

*Mảnh tàn y đường nhắc nghi dung.*

**Phòng đào:** Hay Đào phòng 桃房: Phòng của người con gái. Đây chỉ phòng của người vợ.

Trong văn chương, người ta thường ví người con gái có nhan sắc là **Hoa đào** hay **Đào hoa** 桃花 do ở Lệ Tình tập 麗情集 có kể lại câu chuyện như sau:

Thôi Hộ 崔護 là một thi gia đời Đường, nhân ngày lễ thanh minh đi thăm mộ, ghé vào xin chén nước trà

của người con gái đang đứng dưới cửa ngõ bên cây đào. Người con gái mời chén trà và có ý nhìn Thôi Hộ bằng một vẻ hữu tình. Năm sau đi lễ thanh minh, lại ghé thì không thấy người con gái ấy. Thôi Hộ bèn đề vào gốc đào một bài thơ:

*Khứ niên kim nhật thử môn trung,*

去年今日此門中

*Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.*

人面桃花相映紅

*Nhân diện bất tri hà xứ khứ,*

人面不知何處去

*Đào hoa y cựu tiếu đông phong.*

桃花依舊笑東風

### Dịch

*Cửa này năm ngoái thấy bên trong,*

*Vẻ thắm đào tươi ánh má hồng.*

*Nay chẳng thấy người đâu đó tá?*

*Hoa đào còn cợt với gió đông.*

Qua năm thứ ba, Thôi Hộ đi thanh minh lại ghé lần nữa, cửa nhà đóng bên trong có tiếng khóc. Hỏi thăm mới được biết rằng người con gái ấy đã vì bài thơ của Hộ đề, mà đau tương tư, nay mới chết và chưa liệm. Hộ xin vào thăm, đến bên tử thi gọi to lên, người chết bèn sống lại.

Vì thế, người ta thường ví người con gái đẹp là Hoa đào hay Đào hoa.

**Lạnh ngắt:** Rất lạnh lẽo, không còn hơi ấm.

**Tàn y** 殘衣: Áo người chết còn để sót lại, ở đây chỉ áo người vợ đã chết.

Khi người vợ chết, người chồng thường thấy lại những kỷ vật của vợ mà khiến lòng thêm đau buồn, nhứt là nhìn lại tấm gương soi hay mảnh tàn y, vua Tự Đức thấy lại những kỷ vật mà khóc Bằng Phi với những câu rất thống thiết như sau:

*Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,*

*Xếp tàn y lại để dành hơi.*

**Nghi dung** 儀容: Dung mạo bề ngoài.

**Câu 5:** *Khi bước chân đến phòng của vợ lòng cảm thấy không khí vắng tanh, lạnh ngắt.*

**Câu 6:** *Nhìn mảnh áo còn sót lại dường như nhắc nhở đến bóng dáng và gương mặt của nàng.*

*Thấy cơn tử biệt nào nùng,*

*Hương thệ tắt ngọn lạnh lòng tơ duyên.*

**Tử biệt** 死別: Ly biệt nhau lúc chết.

**Nào nùng:** Sâu nào đón đau.

**Hương thệ:** Hay Hương thệ 香誓: Lời thề nguyện trước bàn hương án. Ngày xưa mỗi khi trai gái thề nguyện về nhân duyên hay phối ngẫu với nhau, thường bày hương lửa cúng kính để thề hẹn, cho nên gọi là *Hương thệ*.

**Hương thệ tắt ngọn:** Nhang thệ đã tắt, đây chỉ việc đôi vợ chồng có người đã chết.

**Câu 7:** *Cơn ly biệt của người còn kẻ mất thảm nào khôn cùng.*

**Câu 8:** *Lời thề xưa đã dứt (nhang đã tắt ngọn), nàng chết đi, duyên nợ cam chịu lạnh lùng.*

**Càng nhớ đến lời nguyện buổi trước,  
Thẹn non sông chưa ngọt tình nồng.**

**Lời nguyện buổi trước:** Lời thề nguyện lúc ban đầu, tức là lúc mới thương yêu nhau.

**Thẹn non sông:** Thẹn với núi và sông.

Thời xưa, trai gái yêu nhau thường “*thệ hải minh sơn*” 誓海盟山” nghĩa là thề non hẹn biển với nhau. Họ chỉ vào núi sông mà thề hẹn.

Lời thề hẹn đó của đôi vợ chồng đã gãy, vì người vợ đã ra đi vĩnh viễn, khiến cho phải thẹn mặt với núi sông.

**Chưa ngọt tình nồng:** Tình yêu nồng nàn chưa dứt.

**Câu 9:** *Càng nhớ đến những lời thề nguyện buổi trước.*

**Câu 10:** *Vì tình yêu thương hãy còn nồng nàn nên phải thẹn mặt với núi sông.*

**Phụ phàng chi bấy Hóa công?  
Lòng nào mà lại cắt lòng không đau.**

**Phụ phàng:** Làm cho đau khổ không chút xót thương.

**Chi bấy:** Tiếng xưa, cũng như nói chi lắm thế! hay chi nhiều thế!

**Hóa công** 化工: Thời xưa người ta cho rằng Trời là một ông thợ tạo ra thế giới vạn vật, nên gọi Trời là Thợ tạo, Tạo hóa, Tạo công.

**Câu 11:** *Phụ phàng chi lắm, Hóa công có hiểu thấu cho không.*

**Câu 12:** Lòng cắt lòng ví như người thương yêu chết đi, làm sao mà không đau đớn, xót xa.

**Nói Tông Tổ biết bao nghĩa trọng,  
Cơ nghiệp còn lưu mộng tang du.**

**Nói Tông tổ:** Nói dối Tổ tiên, phụng thờ Từ đường.

**Nghĩa trọng 義重:** Ân nghĩa rất nặng nề.

**Biết bao nghĩa trọng:** Biết bao nhiêu là nghĩa nặng nề.

**Cơ nghiệp 基業:** Cơ đồ sự nghiệp.

**Tang du 桑榆:** Sách Tàu xưa truyền rằng ở góc biển Tây có cây tang du, mặt trời đến đó thì lặn, nên người ta nói cảnh tượng người già gần chết thì nói “tang du vãn ảnh 桑榆晚影”.

**Lạc nhật tang du 落日桑榆:** Mặt trời lặn về phương tây (tang du là phương tây), ý chỉ cảnh của người già.

**Mộng tang du:** Mơ ước sống đến tuổi già.

**Câu 13:** Người vợ sinh con để kế thừa Tông tổ, thờ phụng Từ đường, ơn nghĩa đó biết bao nhiêu là nặng nề.

**Câu 14:** Sự nghiệp tạo lập ra còn lưu lại đây là có ý sống cùng nhau đến chuỗi ngày già.

**Mập mờ nhẵn nguyệt đêm thu,  
Kẻ còn người mất ai sầu hơn ai?**

**Mập mờ:** Ánh sáng trăng mờ mờ.

**Nhẵn nguyệt đêm thu:** Đêm thu nhẵn hời chị Hằng, chị Nguyệt.



*Câu 15:* Vào đêm thu, ánh trăng mập mờ soi chiếu, xin nhắn hỏi chị Hằng rằng:

*Câu 16:* Người còn sống và người mất đi, ai là người sâu nào hơn ai?

*Với nhắn khách Dạ đài có tướng,  
Vậy bóng hình để tướng nơi nao?*

**Dạ đài** 夜臺: Như tuyền đài 泉臺, âm đài 陰臺 đều là từ dùng để chỉ cõi Âm, tức Âm phủ.

**Khách Dạ đài** 夜臺客: Người khách ở chốn Âm phủ, chỉ người đã chết.

**Có tướng:** Có tướng nhớ đến.

**Tướng** 相: Hình tướng, hình dáng bên ngoài.

*Câu 17:* Người sống ở Dương gian nhắn với khách ở Âm cảnh, có còn tướng nhớ đến không?

*Câu 18:* Hình bóng của nàng hiện bây giờ hiển hiện ở nơi nào?

*Hay là lạc bước nguồn Đào,  
Để thương cho mặt anh hào đeo mang.*

**Lạc bước:** Bước đi lạc, đi lạc đường.

**Nguồn đào:** Do chữ Đào nguyên 桃源 hay Đào hoa nguyên 桃花源, chỉ cõi Tiên (Xem chú thích ở Kinh Khi Vẽ).

**Anh hào** 英豪: Tài giỏi và khí phách hơn người. Đây chỉ người đàn ông, tức người chồng.

**Đeo mang:** Đeo đẳng và mang lấy.

*Câu 19: Hay là nàng đã bước vào cõi Thiêng Liêng.*

*Câu 20: Để lại cho người phải chịu đeo mang nhiều nỗi niềm thương nhớ.*

*Ngồi quạnh quẽ đèn tàn một bóng,  
Chịu góa thân tuyết đóng song thu.*

**Quạnh quẽ:** Hiu quạnh vắng vẻ.

**Đèn tàn một bóng:** Một mình một bóng trước ngọn đèn sắp tàn.

Trong Cổ thi có câu:

*Thời văn tái nhận thanh tương hoán,*

時聞塞雁聲相喚

*Sa song chỉ hữu đặng tương bạn.*

紗窗只有燈相伴

Nghĩa là: Khi nghe chim nhận bay ngoài ải gọi nhau,

Là khi nơi song the chỉ có ngọn đèn tàn làm bạn mà thôi.

Đây là tả tình cảnh đêm khuya trước ngọn đèn tàn của người chồng một mình một bóng.

**Góa thân:** Thân góa bụa. Từ Hán Việt gọi người đàn ông vợ chết gọi là Quan 鰥, người đàn bà chồng chết ở vậy gọi là quả 寡.

**Tuyết đóng song thu:** Bên cửa sổ vào mùa thu, tuyết lạnh rơi và đóng thành băng.

*Câu 21: Một mình một bóng ngồi cô đơn quạnh quẽ bên chiếc đèn tàn leo lét.*

*Câu 22: Cam chịu cánh góa thân dưới cánh cửa sổ buồn rầu, tuyết rơi lạnh lẽo.*

*Bước Tiên nàng đã ngao du,  
Đoái tình thương kẻ ôm cầu khóc duyên.*

**Bước Tiên:** Bước vào cơi Tiên.

**Ngao du 遨遊:** Đi chơi hay đi dạo khắp nơi.

**Đoái tình:** Tưởng tình thương yêu.

**Ôm cầu:** Có hai cách hiểu về điển tích này, nếu ta hiểu:

\* Chữ cầu là cây cầu (kiểu 橋) thì lấy điển ôm trụ cầu, do tích như sau:

Vĩ Sinh là người nước Lỗ, hẹn với người tình gặp nhau ở dưới cầu. Đúng giờ, Sinh ra chỗ hẹn mà chờ đợi. Nước dưới sông càng lúc càng lớn, mà người tình vẫn không tới, Vĩ Sinh cứ ở dưới cầu, ôm vào trụ cầu mà đợi. Nước ngập thì chịu chết, chớ không chịu tránh chết, bỏ chỗ hẹn với người tình.

*Kẻ ôm cầu:* Chỉ người chồng giữ mối tình chung thủy.

\* Chữ Cầu là trái cầu hay tú cầu 繡球, tức quả cầu bằng gấm thêu, dùng để các nàng công chúa hoặc con các quan kén chồng.

Vua Vũ Đế nhà Hán, có Công chúa vừa tuổi lấy chồng, vua bèn truyền lệnh các vị vương tôn công tử xa gần, hay các anh hùng hào kiệt khắp mọi nơi biết và tập trung về để Công chúa tuyển lựa phu quân. Người nào nhận được quả tú cầu do Công chúa gieo xuống thì được nhà vua gả Công chúa cho và phong làm Phò mã.

*Kẻ ôm cầu chỉ người chông.*

**Khóc duyên:** Khóc cho mối duyên tình gãy đổ.

**Câu 23:** *Này bước chơn nàng đã dạo chơi nơi miền Tiên cảnh.*

**Câu 24:** *Nàng có đoái tình mà thương nhớ đến người chung thủy với mối duyên bẽ bàng.*

***Hay nàng dặng nhập miền Cực Lạc,  
Đoái tưởng người chưa thoát trầm luân.***

**Nhập miền:** Đi vào cõi.

**Cực Lạc** 極樂: Cõi Tây phương Cực Lạc hay Cực Lạc Thế giới còn gọi là Cực Lạc Quốc, An Lạc Quốc là cõi của Đức A Di Đà Phật.

**Trầm luân** 沉淪: Chìm đắm trong luân hồi biển khổ.

**Câu 25:** *Hay là nàng giờ đây dặng đi vào miền Cực Lạc.*

**Câu 26:** *Nàng có đoái tưởng đến người chông chưa thoát khỏi trầm luân nơi biển khổ.*

***Ngược trông níu ngọn phất trần,  
Chổi Tiên quét sạch nợ nân oan gia.***

**Phất trần** 拂塵: Như phất chủ 拂塵, là một bửu vật có pháp thuật rất huyền diệu của Thái Thượng Lão Quân.

Phất trần là một cây chổi Tiên dùng để quét bụi hồng trần, tức là khử sạch hết tất cả trước khí và phàm tánh của con người để đem con người trở về thiên tánh. Về mặt thiêng liêng, phất chủ được kết thành bởi những

điển khí của các vị Tiên, có năng lực rửa sạch, trau luyện Chơn thần trở nên trong sạch thanh khiết.

**Nợ nần oan gia:** Các món nợ nần và oan gia nghiệt chướng.

*Câu 27 và 28:* Ngược trông lên nàng nhờ nắm lấy cây phất trần, đó là một cây chổi Tiên dùng để quét sạch các món nợ nần và oan khiến nghiệt chướng ở cõi phàm trần.

**Dâng mảnh tâm gọi là của lễ,  
Chén ly tình là lệ ái ân.**

**Dâng mảnh tâm:** Dâng lên tấm lòng.

**Của lễ:** Lễ phẩm, tức là phẩm vật dùng làm lễ cúng tế.

**Ly tình** 離情: Mối tình ly biệt.

**Lệ ái ân** 愛恩淚: Giọt nước mắt khi tưởng nhớ đến lúc vợ chồng yêu thương nhau.

*Câu 29:* Tấm lòng thành xin dâng lên để làm lễ phẩm cúng tế nàng.

*Câu 30:* Chén rượu của mối tình biệt ly cũng là dòng nước mắt khóc than vì thương nhớ nàng.

**Dấu chi cũng nghĩa chí thân,  
Khối tình còn có một lần đẩy thôi.**

**Nghĩa chí thân** 義至親: Tình nghĩa rất thân thiết.

**Khối tình** 情塊: Tình yêu tha thiết giữa trai gái, khi chết đi, tình yêu cũng không tan, nên gọi là **khối tình**.

Truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:

*Nợ tình chưa trả cho ai,*

*Khối tình mang xuống thuyền dài chứa tan.*

Theo quyển “*Thành ngữ điển tích*” của Diên Hương thì từ *Khối tình* do điển tích sau đây:

Trong tình sử có kể lại một người con gái có tình với một người lái buôn. Anh này đi mãi không về, nàng ở nhà thương nhớ anh, đau tương tư rồi chết. Đem nàng đi táng thì thịt xương sau này đều chảy ra thành nước, duy còn lại một khối, đập không nát. Sau anh lái buôn về, ôm khối đó mà khóc, nước mắt chảy dính vào thì khối đó liền ra nước. Đó là *khối tình*.

Có sách cũng cho rằng *Khối tình* lấy từ điển tích trong truyện Trương Chi và My Nương.

Trong *Kiến Văn Lục* của Võ Nguyên Hanh (dịch giả Đàm Duy Tạo) có kể lại “*TRUYỆN TÌNH Ở THANH TRÌ*” giống như điển tích trên và truyện Trương Chi My Nương:

Nguyễn Sinh ở Thanh Trì, vẽ mặt tuấn tú khác thường, mồ côi cha từ thuở nhỏ. Lúc trẻ, Sinh có đi học, nhưng nhà nghèo, không theo học được đến cùng. Làng ở ven con sông nhỏ, nhà Sinh vốn vẫn làm nghề lái đò, nên Sinh cũng tập chèo chở. Bọn lái đò đều hát hay, Sinh nghe lóm mà bắt chước hát, chỉ vài tháng đã học hết khúc hay của họ. Những khi sớm gió mát, tối trăng trong, Sinh gõ mạn thuyền mà hát lên, ai nghe thấy cũng phải lắng tai.

Phú ông họ Trần, nhà ở trên bờ bên hữu sông, có cô gái chưa chồng, nghe tiếng Sinh hát thích lắm, mới đứng trông cửa sổ dòm trộm, thấy vẽ mặt tuấn tú của Sinh, nàng nhìn mãi không bỏ qua được. Một hôm nàng ngấm sai con ở đưa tặng Sinh một chiếc khăn vuông và giục cho

người đến làm mối.

Sinh bàn với mẹ. Mẹ nói: *“Nhà mình thì nghèo thế, nhà người ta thì giàu thế, cách nhau xa quá, ước mong cần thế nào được”*.

Sinh nói: *“Nhưng đó là tự ý cô ta muốn lấy con kia mà!”*

Mẹ mới sấm đờ chạm mặt và nhờ bà hàng xóm đi ướm trước với Phú ông, nhưng ông không gả. Bà kia cố nài và khen mãi dung mạo Sinh thật hiếm có. Phú ông giận nói: *“Cái anh chàng vừa chèo dò vừa hát luôn miệng ấy chứ gì! Tôi biết lắm rồi! Chỉ nỗi con tôi xấu xí què mùa lắm, không đáng lấy một người chồng bảnh bao như thế. Vậy xin bà về từ chối dùm cho!”*.

Bà kia ra về. Ông quát lên nói theo: *“Nhà người ta sang trọng thế này, con gái người ta nôn nà thế kia, khi nào lại có thằng rể lái đò! Sao con mẹ mỗi ngu quá thế”*.

Bà hàng xóm về kể rõ chuyện. Mẹ Sinh hổ thẹn, mắng con mãi. Sinh nói: *“Lão ấy khinh người, chẳng qua chỉ cậy nhiều tiền đó thôi. Ta đây thử bỏ cái nghề lái đò này, xem làm được giàu có không!”*. Rồi Sinh chào mẹ ra đi.

Cô gái thấy cha không bằng lòng, thất vọng lắm, nhân lúc nhà vắng, lấy ngấm hai trăm lạng vàng, sai người đưa tặng Sinh để làm lễ cưới. Khi được tin Sinh đã tức giận ra đi trước mặt rồi, không biết đâu mà tìm, nàng ngấm ngấm đau đớn tâm thần, dần dà thành bệnh, thân thể gầy yếu, trong bụng kết hòn lại như cục đá, thuốc thang chạy chữa mãi không khỏi, được một năm thì chết. Lúc sắp tắt ngấm, dặn lại cha rằng: Trong bụng con tất có vật gì lạ, sau khi con chết, nên hỏa táng mà xem nó thế nào”. Cha y lời, khi lửa tắt rồi, bới đống tro than, được một vật

to bằng cái đầu, đỏ tươi như phấn yện chi, không phải ngọc, không phải đá, trong sáng như gương, dùi nện, búa bổ đều không vỡ, trong có hình anh lái đò tựa mái chèo mà hát. Phú ông nghĩ nhớ lại việc trước, mới ngờ con gái vì tương tư chàng kia mà chết, nhưng hối không kịp nữa, bèn cắt khối ấy vào hộp gỗ mà để trên bàn thờ cô.

Hồi trước, lúc Sinh ra đi, trơ trọi một thân lên Cao Bằng, vào nương nhờ quan Trấn Tướng làm người giúp việc trong buồng giấy, vì hát hay, được ngài yêu quý. Được hơn một năm, khi túi đã hơi nhiều tiền, mới tùy vật giá lúc rẻ lúc đắt mà mua chứa hay bán ra để lấy lãi. Sau vài năm nữa, tích tụ được hơn ba trăm lạng vàng, bụng bảo dạ: Số vàng này đủ làm vui lòng cái lão tham tiền ấy rồi!”. Sinh bèn thu xếp về quê.

Về đến nhà, nghe nói cô gái đã chết rồi, Sinh mới sửa lễ sang viếng. Làm lễ xong, Ông mời ngồi, Sinh xin cho xem cục đá, Ông đem hộp giở ra cho coi, Sinh cầm xem mà khóc, nước mắt rơi vào cục đá, cục đá bỗng tan loãng ra, nhỏ xuống đầm đìa cả vạt áo Sinh, loang lổ hóa vết máu tươi. Sinh cảm tình nàng, thế không lấy ai nữa.

*Câu 31: Dầu sao vợ chồng chung sống và cư xử với nhau rất nên thân thiết.*

*Câu 32: Khối tình yêu thương của chàng đối với nàng chỉ còn lại một lần này nữa thôi.*



---

Đây là bản thảo “*Chú Giải Kinh Thế Đạo*” của *Hiền Tài Quách Văn Hòa*, chỉ lưu hành nội bộ.

Khi sửa chữa hoàn chỉnh, bản quyền sẽ được dâng lên  
cho Hội Thánh.

*Hiền Tài QUÁCH VĂN HÒA*

---

---

# CHÚ GIẢI KINH THẾ ĐẠO

Soạn Giả: **Hiền Tài** | QUÁCH VĂN HÒA